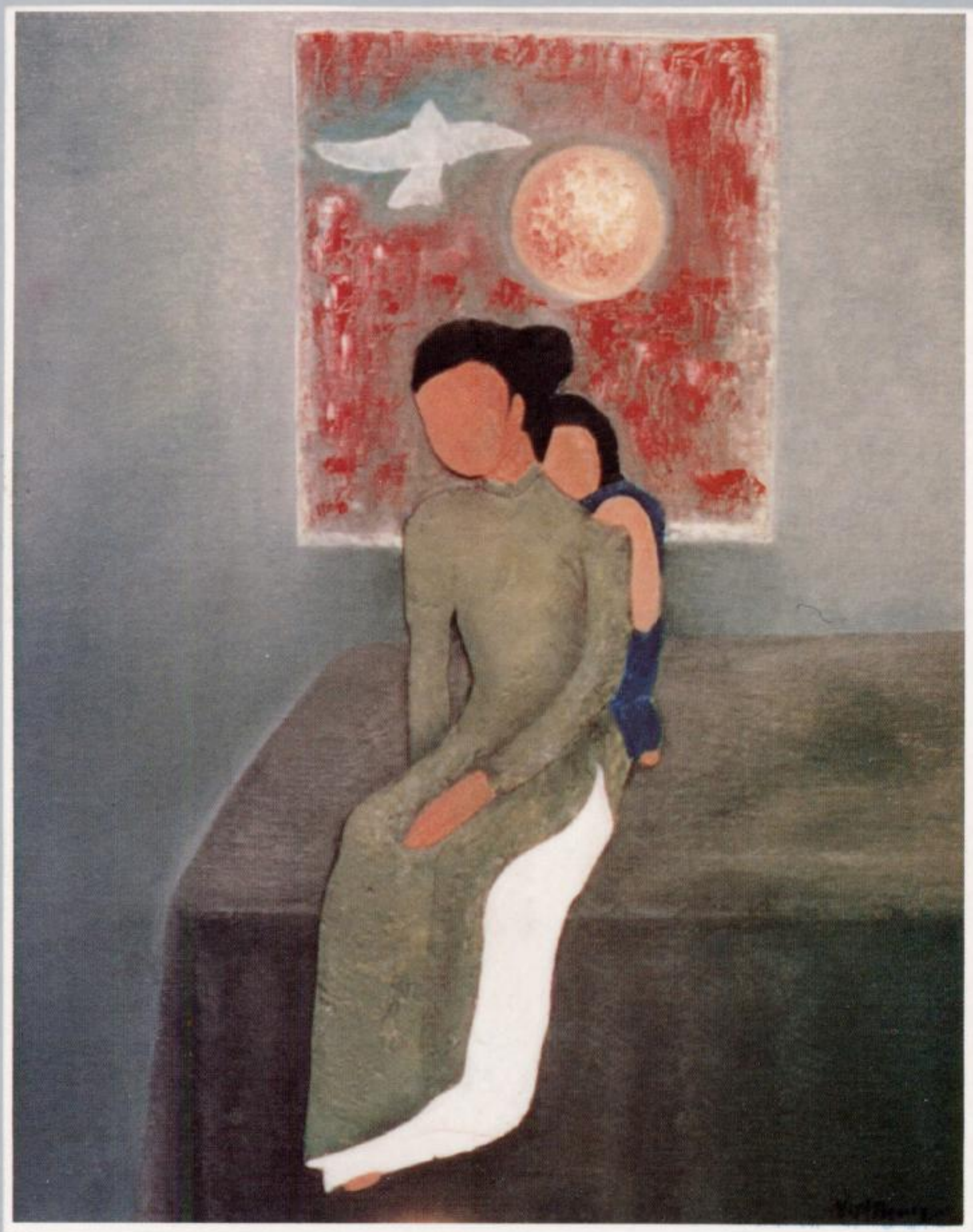


làng văn

136

Tháng 12.95



Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX, Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN TRẦN YÊN PHONG**
Nha-sĩ **GERALD RUDICK**
. Thẩm-mỹ, trám, giải-phẫu,
răng giả, rút gân, v.v.
. ĐẶC-BIỆT:
Trồng răng trong xương (Implant)
. **Khẩn-cấp: 7 ngày & đêm: 5 nha-sĩ trực**
ĐT: 342-4444 (24 giờ)
3546 Van Horne (góc Côtes des Neiges)

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN-ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
ĐT: (514) 849-1038

Nha-sĩ **ĐÌNH THÁI NHÂN**
Nha-sĩ **TRẦN THÙY TRANG**
Chirurgien Dentiste
Clinique Dentaire Đình & Trần
6075 chemin Chambly
St-Hubert, Qué. J3Y 3K6
ĐT: (514) 445-6466



BROSSARD
NHA-SĨ

Dr. **HOA T. NGO, D.M.D.**
CHIRURGIENNE DENTISTE

7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(đối-diện RÉNO DÉPÔT)

Tél: (514) 926-8000

ECOLE DE CONDUITE
V. THANH Inc.
 4781 Av. Van Horne, #207
Tél: (514) 737-2779
(ngoài giờ, gọi: 514-733-9624)
. Dạy giờ, dạy bao, dạy toàn-khóa. Bảo
đảm đến khi đậu. Thi lấy bằng chính
thức bằng tiếng Việt. Có lớp cho người
Hoa, Anh, Pháp... *Vũ Tảo kính mời.*

ALCO

INFORMATIQUE INC.
67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật-sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng-khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

LIÊN CHÂU PHOTO ENR
Chân dung - Đám cưới - Quảng cáo thương mại
3010 Sherbrooke, Lachine, Qc H8S 4G8
Tél: (514) 637-4514

ASIEBEC
REALTIES
Công-ty Địa- ốc
Mua nhà & Bán nhà
Cơ-sở thương mại
ĐÌNH VŨ
(Victor)
(514) 942-9970

CHUYÊN-VIÊN TÀI-CHÁNH &
BẢO-HIỂM NHÂN-MẠNG
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.A.C.
279 Place de la Poudrière
Verdun. Qc. H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tel: (514) 767-2874

CƠ-HỘI KIỂM TIỀN ĐỂ TỰ-CHỦ
Bạn muốn có một cơ-hội kiểm tiền tại nhà hoặc
apartment? Một phương-pháp thương-mại mới,
cần rất ít vốn, phát-triển tại Mỹ và Canada. Bạn có
thể khởi đầu part-time trong khi giữ công việc của
bạn đang làm. Lợi-tức dự-trù \$2000 - \$5000 mỗi
tháng. Chúng tôi có thể giúp bạn đạt được ý
nguyện. Muốn có thêm chi-tiết, xin liên-lạc:
Anh ĐĂNG, Phone: (514) 678-2936
Fax: (514) 678-0978

*Bạn đã đọc thi-tập đầu tay của Trương Chi
trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt đẹp*



Liên-lạc:
TRƯƠNG CHI
1750 Cr. Rousseau
Brossard, J4X 1S7
CANADA
Ấn-bản 1995
Canada: 10\$
Nơi khác: 10\$US

Vidéo Việt-Hoa
2170 Frontenac, Montréal - Tél: (514) 528-1473
Cho thuê phim Việt & Hoa - Bán sách
báo, băng nhạc, cassette, CD, v.v.

Phát-hành tháng 12.1995
hai băng thiển đầu-tiên của **NGUYỄN PHONG**
tạp-chí Làng Văn Canada thực-hiện và phát-hành



BÊN KIA CỬA TỬ
và
TỬ-THƯ TÂY-TẠNG

qua giọng đọc **NGUYỄN HƯƠNG & NGUYỄN HỮU NGHĨA**

giá mỗi cuốn 6 mỹ-kim (mua hai cuốn cùng lúc: 10 mỹ-kim)
Liên-lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

làng văn

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040) ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 12 - No 136 - December 1995

Bộ 12 - số 136 - tháng 12, 1995

TRONG SỐ NÀY:

Trước thềm Đại-hội Văn Bút VNHN, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	2
Tin vắn.....	6
Trong làng.....	9
Thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện tái định-cư tại Mỹ.....	10
Ngoài ngõ.....	12
Tin tị-nạn.....	13
Mũ chống hơi cay, sáng-chế của đồng-bào tị-nạn.....	17
Tin Việt-nam.....	19
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	22
Phù-tang tạp-lục, Vi-An.....	25
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhận Sơn.....	30
Trang trải, thơ Vạn Giã; Hẹn nỗi mảnh trăng thương, thơ Nguyễn Văn Cường.....	39
Liên-hợp-quốc và những vấn-đề..., Phạm Vũ Dũng.....	40
Nói chuyện với Nguyễn Chí Thiện, Sơn Tùng.....	42
Tại ngục vịnh Kiêu, Hoàng Hải Thủy.....	44
Tháng năm chim hót trên đồi, Hoàng Nga.....	49
Đứng nhìn tuyết đổ, thơ Cao Hoàng Nhân.....	51
Tình-yêu Giáng-sinh, thơ Đan Hà.....	53
Hoại-huyết, Nguyễn Việt.....	55
Đêm Giáng-sinh lưu-vong, thơ Nguyễn Như Sơn.....	57
Người mặt quỷ, Nguyễn Minh Khánh.....	59
Thơ Hồng Lê: Tình-si; Tình muộn.....	60
Ôn nhau, thơ Lộc Quy.....	63
Nói chuyện với trăng, thơ Trần Ngân Tiêu.....	65
Đám tiệc lên trời, Ngô Nguyễn Dũng.....	66
Trên ngọn sầu đông, thơ Tuệ Nga; Thơ phía góc, thơ Ông Thế Hùng, Quê-hương ngàn trùng, Nguyễn Khanh; Nhớ Trăng, B.H.T.....	68
Em, thơ Cung Vũ, nhạc Ngô Mạnh Thu.....	69
Cái nhà kho hồi ấy còn tốt lắm, Nguyễn Văn Thông.....	70
Thơ Nguyễn Nghĩa: Sắc đời, Chuyện đời, Ra đời.....	70
Xóm cũ: Quê tôi, Diên Khánh.....	70
Tiếng kêu của máu, Hoàng Hải Thủy.....	76
Cuộc đời vô-định, Tống Minh Long Quân.....	82
Buổi sáng ngồi nhớ Vinh-long, mùa thu, thơ P.C.C.Hằng.....	84
Mùa thu ở Mỹ, thơ Thanh Hữu Huyền.....	87
Hoa trôi trên sóng nước, Nguyễn Phong.....	89
Los, mùa thu mới, thơ Trần Văn Lệ.....	90
Mưa, thơ Phạm Tâm Phố.....	93
Bước vào ngưỡng cửa hy-vọng, Nguyễn Văn Thông (dịch).....	94
Độc-giả thắc mắc, Bút Chì.....	99
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	110
Nhắn tin tị-nạn.....	113

Bìa: Mẹ, tranh Việt Phương

TRUONG THI KIM ANH NORWAY

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồng Huy - Kiên Trung - Kha Huyền
Lãng Nhân - Lâm Hào Dũng - Lê Văn Lân
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Hưng - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhận Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Quang Ngọc - Phan Nguyễn Minh Minh
Tự Tĩnh - Thái Văn Kiểm - Tống Minh Long Quân
Tuệ Nga - Trần Văn Tích - Vi An - Văn Nương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý
Diệu Tân - Dương Kim - Đan Hà - Đặng Văn Nhâm
Đặng Thị Quế Phương - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Hà Huyền Chi
Hoàng Du Thụy - Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngân
Hứa Hoàn - Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Nam Chi Thương Nhân - Ngô Du Trung
Nguyễn Hương (Dallas) - Nguyễn Nghĩa
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Ngọc Ngân
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Việt - Phạm Hoàng Hộ - Phạm Thăng
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Quỳnh Hương - Sơn Tùng
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thúy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Vân - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
TT Mây Trên Ngàn - Vạn Giã - Vi Vi
Việt Chi Nguyễn Hữu Quang - Việt Phong
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đắc Vũ
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà
Đức: Ngô Việt Dũng
Na-uy: Dương Kim
Gia-nã-đại: Nguyễn Bá Đình (Montréal)
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương
Việt Phương (Texas) - Võ Thắng Tiết (Nam California)
Linh Phương (Florida) - Nguyễn Hùng (Bắc California)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)
Úc: Phạm Quang Ngọc
Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Đan-mạch: Đặng Văn Nhâm

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-có: Thanh Nam, Trần Cao
Linh, Tú-Vi Lang, Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tất Nhiên,
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 45 quan; Úc: 10\$; Bắc Âu: 40 krone;
Nhật: 900 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim
Thẻ-lệ mua báo: trang 109 / Giá quảng-cáo: trang 120

Đừng làm mất số này!
Cám ơn

Bên Thềm Đại-Hội Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại kỳ 5 tại California, Hoa-Kỳ (25, 26.11.1995)

Nguyễn Hữu Nghĩa

Trong thời-gian hai tháng gần đây, dư-luận cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại bắt đầu chú-tâm tới vụ tranh-luận trong Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại, tổ-chức quần-chúng cuối cùng và là tiếng nói duy-nhất của Việt-nam Cộng-hòa trên diễn-đàn quốc-tế hiện nay.

Lý-do tranh-luận qui vào vấn-đề ông Chủ-tịch ban Chấp-hành đương-nhiệm (Viên Linh) qua mặt Đại Hội-đồng, tự ý sửa đổi Điều-lệ để có quyền công-nhận 4 trung-tâm tân lập. Bốn trung-tâm này được lập ra trước ngày bầu-cử không lâu và ngay trên những vùng đất đã có Văn Bút hoạt-động.

Để quý độc-giả tiện theo dõi toàn bộ vấn-đề, chúng tôi xin tóm lược từ đầu...

Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại

Trong vòng 40 năm nay, người Việt đã quen-thuộc với danh xưng “Văn Bút”, tên Việt của tổ-chức “*PEN International*”, tổ-chức quốc-tế của những người cầm bút.

Tổ-chức này ra đời năm 1921 tại Luân-đôn, Anh-quốc, do nhà văn John Galsworthy thành-lập, dần-dà mở rộng địa-bàn hoạt-động ra khắp nơi trên thế-

giới. Chữ “PEN” viết tắt từ các danh-từ phân-loại văn-nhân, gồm *Poets* (thi-sĩ), *Playwrights* (kịch-tác-gia), *Editors* (chủ-bút, chủ-biên), *Essayists* (tiểu-luận-gia) và *Novelists* (tiểu-thuyết-gia).

Hội Văn Bút chủ-trương bảo-vệ quyền tự-do phát-biểu, dùng văn-chương để tạo sự hoà-hợp giữa các chủng-tộc, giai-cấp và quốc-gia.

Tại Việt-nam Cộng-hòa, Hội Văn Bút Việt-nam được thành-lập từ năm 1957, được Đại Hội-đồng Văn bút quốc-tế nhóm tại Đông-kinh năm 1957, công-nhận.

Sau khi Việt-nam Cộng-hòa bị Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa xâm-lăng, hội Văn Bút, cũng như tất cả các hội tư khác, bị giải-tán và cấm chỉ. Tuy-nhiên, trong số hàng trăm ngàn người di-tản năm 1975, có nhiều hội-viên Văn Bút kỳ-cự. Các hội-viên này tiếp-tục hoạt-động trong Văn Bút quốc-tế, với tính-cách Văn Bút Việt-nam lưu-vong, sau đó được Đại Hội-đồng Văn Bút quốc-tế thừa-nhận là thành-viên chính-thức, ngang hàng với các trung-tâm quốc-gia khác.

Các tên tuổi có công trong việc tiếp-tục sự sống cho Văn Bút Việt-nam sau 1975 là thi-sĩ Minh Đức Hoài

Trình, nhà văn Sĩ Trung cùng các ông Trần Tam Tiệp, Nguyễn Văn Hảo, Phạm Ngọc Huyền, Trần Thanh Hiệp, Từ Nguyên...

Về sau, trước con số người Việt tại hải-ngoại càng ngày càng đông, lên đến 1 triệu rồi 2 triệu người, ông Trần Thanh Hiệp chủ-trương mở rộng sinh-hoạt Văn Bút sang các châu khác, đặc-biệt là Bắc Mỹ. Đại hội liên-trung-tâm đầu-tiên nhóm tại Montréal, Gia-nã-đại, chính-thức-hóa danh xưng “Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại.”

Từ đó, cứ hai năm một lần, cơ-quan tối-cao của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại là Đại Hội-đồng, nhóm họp, kiểm-điểm công-tác, hoạch-định chương-trình hoạt-động và bầu ra một ban Chấp-hành để thi-hành các nghị-quyết.

Từ đó đến nay, Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại đã có 8 trung-tâm chính-thức hoạt-động và hiện có 4 trung-tâm mới đang chờ Đại Hội-đồng duyệt xét.⁽¹⁾

Các trung-tâm chính-thức là: Âu-châu, Sydney (Úc-đại-lợi), Québec (Gia-nã-đại), Ontario (Gia-nã-đại), Miền Đông Hoa-kỳ, Miền Nam Hoa-kỳ, Bắc California (Hoa-kỳ) và Tây Nam Hoa-kỳ.

Các trung-tâm mới thành-lập, chưa được Đại Hội-đồng công-nhận là Đồng Bắc Âu-châu (trùng-lập trên giới-hạn địa-lý hoạt-động của Trung-tâm Âu-châu), Louisiana, Florida và Georgia (tất cả ba tiểu-bang này đều thuộc vùng Nam Hoa-kỳ, trùng-lập trên giới-hạn địa-lý của Trung-tâm Nam Hoa-kỳ).

Nguyên-tắc hoạt-động của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại có tính-cách “liên trung-tâm”, tương-tự như nguyên-tắc của Liên-hợp-quốc. Các Trung-tâm thành-viên có Điều-lệ và Nội-qui riêng để điều-hành và tự-trị⁽²⁾, nhưng phải thi-hành các quyết-định của Đại Hội-đồng và cộng-tác với ban Chấp-hành Trung-ương để thực-hiện các chương-trình hoạt-động do Đại Hội-đồng đề ra.

Đại Hội-đồng là cơ-quan tối-cao của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại, là một cơ-quan không thường-trực, ba năm họp một lần, gồm 5 đại-biểu của

mỗi Trung-tâm và ban Chấp-hành đương-nhiệm (5 người).

Đại Hội-đồng có nhiệm-vụ duyệt-xét công-tác của ban Chấp-hành, bầu ban Chấp-hành, thảo-luận và biểu-quyết về đường lối cùng chương-trình hoạt-động, tu-chính Điều-lệ, Nội-qui, thừa-nhận hay khai-trừ một Trung-tâm thành-viên, bất-tín-nhiệm ban Chấp-hành và giải-tán Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại. ⁽³⁾

Ban Chấp-hành gồm Chủ-tịch, hai Phó Chủ-tịch, một Tổng Thư-ký và một Thủ-quy. Chủ-tịch và đệ nhất Phó Chủ-tịch do Đại Hội-đồng bầu ra, và ba chức-vụ còn lại do liên-danh đắc-cử mời. Nhiệm-vụ của ban Chấp-hành là thi-hành các quyết-định của Đại Hội-đồng, thông-báo danh-sách ứng-cử và triệu-tập Đại Hội-đồng vào các tháng cuối nhiệm-kỳ. ⁽⁴⁾

Các ông Nguyễn Ngọc Ngạn, Trang Châu và Viên Linh đã lần lượt được bầu vào nhiệm-vụ Chủ-tịch ban Chấp-hành trung-ương. Hiện-tại là

thời-điểm nhóm Đại Hội-đồng Văn Bút Việt-nam kỳ 5 để bầu ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1995-1998, Khóa họp nhóm tại miền Nam California vào hai ngày 25 và 26 tháng 11 năm 1995.

Hai liên danh tranh-cử

Đây là lần đầu-tiên trong lịch-sử Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại, có hai liên danh ra tranh-cử. Theo Điều-lệ, mỗi liên danh có một ứng-cử-viên chức Chủ-tịch và một ứng-cử-viên chức Phó Chủ-tịch. Liên-danh đắc-cử sau đó mới công-bố toàn bộ danh-sách ban chấp-hành năm người, gồm hai người được bầu và ba người được liên danh đắc-cử chọn là Phó Chủ-tịch thứ hai, Tổng Thư-ký và Thủ-quy.

Trước đây, sau khi thăm dò thấy hễ thấy liên danh đầu-tiên ra ứng-cử có vẻ tin-tưởng được và có đủ khả-năng làm việc thì thôi, không ai ra ứng-cử nữa.

Cho tới kỳ bầu hai năm trước đây, 1993 tại San Jose, liên-danh duy-nhất do ông Viên Linh đứng đầu đã thất cử. Trước lời khẩn-khoản của đương sự xin cho bầu lại, Đại Hội-đồng dễ-dãi chấp-thuận và ông Viên Linh đã may mắn kiếm thêm được một phiếu để lên làm chủ-tịch.

Sau khi đắc-cử không về-vang, ông Viên Linh tuyên-bố “chỉ làm một nhiệm-kỳ rồi sẽ ngẩng mặt đi ra.” Tuy-nhiên năm nay ông đổi ý, không ngẩng mặt, và ra tranh-cử thêm một nhiệm-kỳ nữa. Kỳ này, ông Viên Linh không mời hai ông Phó Chủ-tịch đương-nhiệm (Nguyễn Văn Sâm và Phạm Cao Dương) ra tranh-cử, mà thay bằng ông Nguyễn Thạch Kiên.

Như vậy, trong khóa họp kỳ này có hai liên-danh ra tranh-cử:

- Liên-danh 1: Viên Linh (ứng-cử Chủ-tịch Ban Chấp-hành), Nguyễn Thạch Kiên (Phó Chủ-tịch).

- Liên-danh 2: Sơn Tùng (ứng-cử Chủ-tịch Ban Chấp-hành), Tuệ Nga (Phó Chủ-tịch).

Liên-danh 1: Viên Linh, Nguyễn Thạch Kiên

Nhà văn Viên Linh, 57 tuổi, Chủ-tịch Ban Chấp-hành mãn-nhiệm. Ông chủ-trương tạp-chí *Thời-tập* tại Sài-gòn trước 1975 và tục-bản được vài số tại hải-ngoại. Ông có nhiều truyện dài xuất-bản tại Việt-nam trước 1975 như *Cảnh-tượng đêm nay*, *Cuối cùng em đã đến*, *Chiều hôm gió cuốn*, *Cuối trời hôn-mê*, v.v. và tập thơ *Thủy mộ quan* in tại hải-ngoại.

Cùng ứng-cử trong liên-danh Viên Linh là nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, 69 tuổi, đương kim Chủ-tịch Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ. Ông là tác-giả các cuốn *Hương-lan* (1947, tập truyện), *Màu hoa phượng* (1959, tiểu-thuyết), *Mái tóc huyền* (1970, tiểu-thuyết), *Bão* (1972, truyện dài), v.v.

Liên-danh 2: Sơn Tùng, Tuệ Nga

Nhà văn Sơn Tùng, 60 tuổi, đương kim Chủ-tịch Trung-tâm Miền Đông Hoa-kỳ. Ông xuất thân luật-sư tại Việt-nam, trước 1975 từng viết cho các báo *Tiến-tuyến*, *Văn-nghệ tiền-phong*, dưới bút-hiệu Đoàn Ngọc. Tại hải-ngoại, ông từng là Tổng Thư-ký tòa-soạn của tạp-chí *Văn-nghệ tiền-phong* và hiện là Phụ-tá Chủ-nhiệm tạp-chí *Thế-giới ngày nay*. Về tác-phẩm, ông đã in các cuốn *Trùng-phạt* (1990, truyện ngắn), *Vết thương* (1991, truyện ngắn), *Bầy thú nhỏ* (1994, truyện dài).

Cùng ứng-cử trong liên-danh Sơn Tùng là thi-sĩ Tuệ Nga, 59 tuổi, thuộc thi-đàn Quỳnh Dao (Sài-gòn). Bà đã in các cuốn *Suối* (1974, thơ), *Giải Văn-học Nghệ-thuật toàn quốc*, *Suối trăm tư* (1982, thơ), *Mây Hương* (1987, thơ), *Chiều phố mây* (1991, thơ), *Hoa sương* (1994, thơ), *Hoa đài dâng hương* (1995, thơ).

Chủ-tịch đương-nhiệm vượt quyền Đại Hội-đồng, sửa-đổi Điều-lệ

Trước ngày bầu-cử không lâu, ông Viên Linh - một trong hai ứng-cử-viên, nhân danh Chủ-tịch Ban Chấp-hành đương-nhiệm, công-bố danh-sách 4 Trung-tâm tân-lập, xác-định rằng 4 Trung-tâm này có đầy-đủ quyền bầu-cử và ứng-cử, trong khi theo bản Điều-lệ, quyền này nằm trong tay Đại Hội-đồng, không phải ban Chấp-hành.

Sự vượt quyền của Chủ-tịch đương-nhiệm Viên Linh khiến nhiều Trung-tâm và một số vị cố-vấn ban Chấp-hành lên tiếng yêu-cầu ông ta sửa sai.

Tuy nhiên, các sự lên tiếng này không được đáp-ứng nghiêm-chỉnh. Thay vì nhận lỗi, ông Viên Linh đã cố-tình cung-cấp tin-tức sai-lạc khiến một trong bốn vị Chủ-tịch của 4 Trung-tâm tân-lập đã liên-tiếp phổ-biến hai bài báo, lăng-mạ những người chủ-trương bảo-vệ Điều-lệ với nhiều lời-lẽ chưa hề nghe thấy trong sinh-

hoạt Văn Bút, như “đi chàng-hàng”, “lén-lút hẹn nhau đến đây (tức buổi họp Văn Bút) để thỏa-mãn ái-ân”, “đạo-đức giả”, “ngụy trí-thức”, “ngựa non háu đá”, “nhân-cách bán-thủ”, “hoang dâm vô-độ”, “bốc hốt phụ-nữ có chồng”, “lừa thầy”, “phản chủ”, “bợ đĩa”, “hèn-hạ”, “phản-trắc”, “ma đầu”, “không hơn gì hai con vật”, “xanh vỏ đỏ lòng”, “đám cầm bút bán-thủ”, “lòng dạ ti-tiện”, “kiểu lơ xe dò lục-tĩnh”, “háo danh, háms chức”, “tay sai chỉ-điểm cho công-an CS Bắc Việt”, “bọn hủi”, “chưa thấy phân đã há sẵn miệng,” v.v.

Chúng tôi thấy không cần phải phê-bình bài viết này. Số dụng-ngữ đặc-thù trên đây tự nó đã đánh giá đúng mức giá-trị của toàn bài. Điều cần nhấn mạnh, Văn Bút là một tổ-chức văn-hóa, ông Viên Linh lạm quyền để nhận đơn-vị mới, tự tay phổ-biến các bài miệt-thị, chính ông phải chịu trách-nhiệm hoàn-toàn về sự xúc-phạm danh-dự và uy-tín chung của cả tổ-chức, do những người này gây ra.

Riêng ông Chủ-tịch Viên Linh, chỉ trong hai năm hoạt-động, ông đã phạm quá nhiều lầm-lỗi. Chúng tôi chỉ liệt-kê những lỗi lớn sau đây:

1) Ngăn-trở Đại-hội Văn-hóa dân-tộc nhân ngày Quốc hận 30 tháng 4 (1995) do Trung-tâm Văn Bút Bắc Cali tổ-chức. Liên-lạc với các thành-viên Ban Chấp-hành của Trung-tâm Bắc California, xúi bẩy lật-đổ Chủ-tịch Phạm Quang Trình, gây mâu-thuân và xáo-trộn nội-bộ của trung-tâm thành viên (vi-phạm điều 9, chương III bản Điều-lệ về tính-cách tự-trị của trung-tâm thành viên).

2) Trên đài RFI (Pháp), ông Viên Linh tỏ ý chấp-nhận ngòai chung với phái-đoàn của cộng-sản Hà-nội tại Đại hội Văn Bút thế-giới nhóm ở Tiệp-khắc năm 1994 (vi-phạm lời mở đầu của bản Điều-lệ về lập-trường quốc-gia dân-tộc của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại; vi-phạm Nghị-quyết của Đại Hội-đồng Văn Bút kỳ 4).

3) Ông Viên Linh cho phép thành-phần thân Cộng (Đỗ Khiêm) hiện-diện trong phái-đoàn Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại tại Tiệp-khắc năm 1994 (vi-

phạm lời mở đầu của bản Điều-lệ về lập-trường quốc-gia dân-tộc của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại).

4) Ông Viên Linh để cho báo của giáo-phái Thanh Hải đăng ảnh ông Viên Linh đang đọc thơ tặng “sư-phụ”, và đổi tên “Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại” thành “Văn Bút Âu-lạc” mà không hề có một lời yêu-cầu đính-chánh (vi-phạm điều 25 chương VI về Tu-chính Điều-lệ).

5) Ông Viên Linh đã trễ-nãi khi trình Dự-thảo Nghị-quyết lên án Hà-nội đàn-áp trí-thức văn-nghệ-sĩ tại Đại hội Văn Bút quốc-tế năm 1994. May nhờ Văn Bút Ba-lan và Văn Bút Gia-nã-đại đưa ra kịp thời, nếu không, vấn-đề đàn-áp văn-nghệ-sĩ tại Việt-nam đã bị xếp xó!

Đây là một trong những lý-do khiến khả-năng làm việc và cả lập-trường chính-trị của nhà văn Viên Linh bị đặt dấu hỏi.

6) Ông Viên Linh tự ý loại bỏ Trung-tâm Sydney (Úc), bằng cách công-bố rằng Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại chỉ có 7 Trung-tâm (vi-phạm tiết 5 điều 13 chương IV về việc khai-trù một Trung-tâm thành viên).⁽⁵⁾

7) Sau đó ông Viên Linh lại tự ý công-nhận 4 Trung-tâm tân-lập, bằng cách in vào danh-sách Đại-hội kỳ 5, coi như Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại gồm có 12 Trung-tâm chính-thức, mặc dù 4 Trung-tâm mới chưa hề được Đại Hội-đồng công-nhận theo đúng Điều-lệ (vi-phạm tiết 5 điều 13 chương IV và tiết “b” điều 8 chương III, về việc thừa-nhận một trung-tâm thành-viên).

8) Ông Viên Linh không đi dự Đại hội Văn Bút thế-giới tổ-chức tại Úc-đại-lợi vào tháng 10 vừa qua. Ông cũng không cử bất cứ một người nào trong số 17 người thuộc Ban Chấp-hành Trung-ương (kể cả các Ủy ban), mà phú mặc cho Trung-tâm Sydney đảm-đương. (Sydney là một Trung-tâm mà ông gọi là “vừa tái-lập” và chưa hề tham-dự bất cứ một kỳ họp Đại Hội-đồng nào kể từ khi Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại thành-lập). Nếu có một biến-cố lớn xảy ra trong kỳ Đại-hội ấy và anh em bên Úc không đối-phó nổi, liệu tương-lai Văn Bút Việt-nam

sẽ ra sao?

9) Cung-cấp tin-tức sai-lạc và phổ-biến các bài báo miệt-thị toàn-thể hội-viên Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại (vi-phạm tiết 1 điều 2 chương I của bản Điều-lệ về tạo sinh diện tốt đẹp của nền văn-hóa Việt-nam, và tiết 4 điều 1 chương I về sự tương-thân tương-trợ văn-nghệ-sĩ).

10) Ngoài các lỗi trên đây, sự vi-phạm trầm-trọng nhất của ông Viên Linh là cạo sửa Điều-lệ.

Ông Viên Linh đã tự ý thêm vào ba chữ “và sinh-hoạt” ở tiết (a) điều 8 và bôi bỏ ba chữ “Đại Hội-đồng” ở tiết (b) điều 8, sửa lại thành “Ban Chấp-hành” trong chương III bản Điều-lệ Văn Bút, với mục-đích vượt quyền Đại Hội-đồng để công-nhận 4 Trung-tâm tân lập (vi-phạm điều 25 chương VI và tiết 1 điều 17 chương IV về việc Tu-chính bản Điều-lệ).

Trong cơ-cấu tổ-chức của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại không có Hội-đồng Kỷ-luật, cũng không có ban Thanh-kiểm hay ban Giám-sát để yêu-cầu Chủ-tịch ban Chấp-hành đương-nhiệm phải nhận lỗi, sửa lỗi. Muốn giải-nhiệm ban Chấp-hành, phải chờ Đại Hội-đồng họp và biểu-quyết.

Tuy-nhiên ở mỗi con người đều có một tòa án lương-tâm và ở mỗi văn nhân còn chịu sự phán-đoán của tri-thức.

Người viết bài này nhiệt-thành tin-tưởng rằng hai chức-năng ấy hãy còn tồn-tại nơi ông Viên Linh, giúp ông đồng-dặc nhận lỗi và từ chức Chủ-tịch Ban Chấp-hành đương-nhiệm trước khi Đại Hội-đồng nhóm họp. Quyền điều-hành Đại-hội Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại kỳ 5 đương-nhiên sẽ chuyển sang Phó Chủ-tịch (nhà văn Nguyễn Văn Sâm hoặc GS Phạm Cao Dương).

Có vậy, ông Viên Linh mới có thể “ngắt mặt đi ra” khi chấm-dứt nhiệm-kỳ vào tháng 11 năm 1995 này, như ông đã tuyên-bố tại Đại-hội Văn Bút hai năm trước đây tại San Jose.

Về các Trung-tâm tân-lập

Theo lẽ thường, một tổ-chức càng

manh khi càng có nhiều hội-viên tích-cực góp phần xây-dựng. Việc Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại có thêm bốn Trung-tâm, là một điều đáng mừng. Thêm một điều mà không ai có thể phủ-nhận, là trong bốn Trung-tâm tân-lập không thiếu những người tài đức, gia-nhập Văn Bút nhằm mục-đích cao-đẹp là bảo-vệ tổ-chức, không phải để góp phiếu cho một cá-nhân.

Tuy-nhiên muốn bảo-vệ, xây-dựng một tổ-chức, trước hết phải tôn-trọng và bảo-vệ những nguyên-tắc hoạt-động của tổ-chức, mà bản Điều-lệ chính là cái xương sống để từ đó thành-lập các cơ-cấu phụ-thuộc.

Điều-lệ qui-định minh-bạch rằng, các Trung-tâm tân-lập phải chờ Đại Hội-đồng (không phải *ban Chấp-hành*) công-nhận. Ông Viên Linh đã làm sai nguyên-tắc, vượt quyền Đại Hội-đồng, vội-vã công-nhận các Trung-tâm mới khiến các văn-hữu này bị đưa vào cảnh lỡ-làng, và có người vì không hiểu rõ, đã qui-trách cho liên-danh tranh-cử.

Để bảo-toàn giá-trị của mình, các Trung-tâm tân-lập nên kiên-nhẫn chờ được công-nhận một cách hợp-lệ, sau khi việc cạo-sửa của ông Chủ-tịch Viên Linh đã bị phát-giác.

Thêm một điểm khó-khăn nữa, cả bốn Trung-tâm mới trùng-lập trên giới-hạn địa-lý hoạt-động của hai Trung-tâm hiện-hữu (là Âu-châu và Nam

Hoa-kỳ). Trước đây đã có Trung-tâm "San Jose" xin gia-nhập và đã bị Đại Hội-đồng khước-bác vì trùng-lập lãnh-thổ với Trung-tâm Bắc California.

Điều tốt-đẹp nhất có thể làm để chấp-nhận bốn Trung-tâm tân-lập tại miền Nam Hoa-kỳ và Âu-châu, là thay vì đòi "độc-lập" ngay, bốn Trung-tâm nên gia-nhập vào làm thành-viên chính-thức của hai Trung-tâm hiện-hữu. Sau đó hai Trung-tâm hùng mạnh này họp Đại hội, thảo-luận, quyết-định phân-chia lại khu-vực và yêu-cầu ban Chấp-hành trung-ương cùng ban Chấp-hành các Trung-tâm đồng ý "bỏ phiếu" bằng thư để công-nhận.

Theo cách này, Trung-tâm Nam Hoa-kỳ sau này sẽ phân ra làm bốn Trung-tâm mới, là Texas, Louisiana, Georgia và Florida chẳng hạn. Và cũng như thế, Trung-tâm Âu-châu sau này sẽ phân ra thành các Trung-tâm Bắc Âu, Tây Âu và Đông Âu chẳng hạn.

Đây là một điểm gợi ý để giải-quyết thỏa-đáng vấn-đề trong tinh-thần thực-tế, tương-nhượng và thân-hữu. Người viết bài này, với tư-cách một đại-biểu trong Đại Hội-đồng, sẽ cố-gắng hết sức để vận-động một hay nhiều Trung-tâm bảo-trợ để đưa vào nghị-trình. Làm được vậy sẽ tránh tình-trạng chia-rẽ, dẫm chân và tạo thành tiền-lệ không tốt, gây trở-ngại cho sinh-hoạt của tổ-chức sau này.

*
* *
*

Tôi viết những dòng này vào thời-điểm hai tuần-lễ trước ngày Đại-hội-đồng Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại nhóm họp tại quận Cam, tiểu-bang California, Hoa-kỳ. Đây là một phiên họp lịch-sử, quyết-định vận-mệnh của tổ-chức, tiếng nói duy nhất của người Việt không cộng-sản trên diễn-đàn quốc-tế.

Mong rằng những ý-kiến thô-thiển này nếu không giúp soi sáng thêm được góc cạnh nào của sự việc, cũng không đến nỗi làm cho vấn-đề rối thêm giữa "trận giặc" văn-thư, bản tin và tiểu-luận đang tràn-ngập trên các phương-tiện truyền-thông ở hải-ngoại.

Điều quan-trọng hơn cả, Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại không phải là một đoàn hát hay một hội banh để tiêu-khiển mà là một tổ-chức có tính-cách văn-hóa và nhân-quyền. Mỗi hội-viên đều có sứ-mạng đóng-góp công sức trong giai-đoạn lịch-sử này.

Ngọn gió dân-chủ tự-do tập-trung từ Đông Âu vào cuối thế-kỷ 20 chưa làm sụp-đổ chế-độ độc-tài đảng-trị tại quê nhà. Gánh nặng nước non càng đè nặng trên vai của mỗi người cầm bút. Chúng ta không có quyền lơ-là với nhiệm-vụ, và không có quyền cho phép bất cứ một cá-nhân, phe nhóm nào làm suy-yếu sức mạnh đoàn-kết của tập-thể.

Các Trung-tâm Văn Bút đang chính-thức hoạt-động:

- 1- Trung tâm Miền Đông (Hoa-kỳ).
Chủ-tịch: Nhà văn Sơn Tùng
- 2- Trung-tâm Miền Nam (Hoa-kỳ).
Chủ-tịch: Nhà văn Trần Hồng Văn
- 3- Trung-tâm Tây Nam (Hoa-kỳ).
Chủ-tịch: Nhà văn Nguyễn Thạch Kiên
- 4- Trung-tâm Bắc California (Hoa-kỳ)
Chủ-tịch: Nhà văn Phạm Quang Trình
- 5- Trung-tâm Ontario (Gia-nã-đại)
Chủ-tịch: Nhà văn Trà Lũ
- 6- Trung-tâm Québec (Gia-nã-đại)
Chủ-tịch: Nhà văn Trang Châu
- 7- Trung-tâm Âu-châu
Chủ-tịch: Nhà văn Phạm Việt Tuyền
- 8- Trung-tâm Sydney (Úc-đại-lợi).
Chủ-tịch: Nhà thơ Gia Hiếu

Chú-thích:

(1) Theo Điều-lệ mới nhất do Ban Chấp-hành 1993-1995 công-bố, chương IV (Tổ-chức và Điều-hành), điều 13, tiết 5: "Đại-hội-đồng có nhiệm-vụ thừa-nhận hay khai-trừ một Trung-tâm thành-viên."

(2) Điều-lệ, chương III (Trung-tâm), điều 9.

(3) Điều-lệ, chương IV (Tổ-chức và điều-hành), điều 13.

(4) Điều-lệ, chương IV IV (Tổ-chức và điều-hành), điều 18 tiết (b) và điều 20.

(5) Sau đó vì có sự can-thiệp của các Trung-tâm Ontario, Miền Đông, Bắc Cali và Âu-châu, ông Viên Linh phải tiếp-tục công-nhận và làm việc với Trung-tâm Sydney.

tin vắn

Kiên Trung phụ-trách



Gia-nã-đại còn nguyên-vẹn

Quốc gia Gia nã đại vẫn còn toàn vẹn sau cuộc trưng cầu dân ý tại tỉnh Quebec ngày 30.9.1995. Phe chủ-trương “ở lại” (chủ-trương Quebec vẫn là một tỉnh nằm trong quốc-gia Gia nã đại) đã thắng phe “ly-khai” (chủ trương Quebec độc-lập, tách khỏi Gia nã đại), với một tỉ số khít khao 50.6% chống 49.4%, số sai-biệt khoảng 50.000 phiếu.

Thủ hiến Jacques Parizeau vỡ mộng làm Tổng thống Quebec, phát biểu: “Chúng ta bị đánh bại. Đúng thế! Nhưng bằng tiền-bạc và phiếu của đám dân thiểu-số.”

Nhận-xét này thực ra không sai, vì tư-bản thế-giới không muốn Québec ly-khai, sẵn-sàng rút tiền ra để khỏi bị thua lỗ. Mặt khác, hầu hết dân thiểu-số đều bỏ phiếu chống lại chủ-trương tách khỏi quốc-gia giàu mạnh Gia-nã-đại.

Tuy-nhiên ở địa-vị thủ-hiến (đứng đầu một tỉnh ở Gia-nã-đại), ông Parizeau tuyên-bố như vậy là kỳ-thị, và bị cả nước sỉ-vả. Không đây 24 giờ sau khi thua trận và phát ngôn bừa-bãi, Parizeau đã từ-chức.

Dân biểu Bouchard, lãnh-tụ đối-lập tại Hạ-viện Gia-nã-đại, đồng-thời là khuôn mặt thứ hai trong giới lãnh-đạo phe ly-khai Québec, được mời thay Parizeau làm thủ-hiến Québec. Ông này không nhận lời, vì bị ...vợ cấm. Bị các phóng-viên hỏi nà, ông Bouchard ấp-úng tuyên-bố “để cân nhắc xem ...gia đình và chính trị cái nào nặng hơn”.

Riêng dân Gia-nã-đại thở phào vì tạm trút được nỗi lo âu trước những

hậu quả đen tối về mặt kinh tế sẽ đến một khi Quebec ly khai.

Québec là tỉnh rộng nhất trong 10 tỉnh của Gia-nã-đại, diện-tích hơn 1,54 triệu cây số vuông, dân số khoảng 7 triệu người, khoảng 85% gốc Pháp (so với lãnh-địa Northwest của Gia-nã-đại ở Bắc-cực, rộng 3,42 triệu cây số vuông thì Québec rộng vào hàng nhì).

Tỉnh rộng thứ nhì là Ontario, hơn 1,06 triệu cây số vuông dân-số khoảng 10 triệu.

Toàn-quốc Gia-nã-đại rộng 9,97 triệu cây số vuông, khoảng 28 triệu dân.

Khủng-bố Do thái bắn chết lãnh-tụ Do thái

Thủ tướng Do Thái, ông Yitzhak Rabin, đã bị thảm-sát ngày 4.11.95 sau khi tham dự một cuộc biểu-dương vì hoà bình. Kẻ sát nhân là một sinh viên cực hữu, cũng Do-thái, tên Yigal Amir, 25 tuổi.

Nhân dân các nước trên thế giới đã cùng cả quốc gia Do Thái thương tiếc một vĩ nhân của thời đại. Tang lễ Thủ tướng Rabin được cử hành ngày thứ hai 6.11, với sự tham dự của hàng trăm vị nguyên thủ của gần 100 quốc gia trên thế giới. Trong tang lễ của ông, có cả những kẻ cựu thù như vua Hussein của Jordan, Tổng thống Murabak của Syria. Chủ tịch Arafat của Palestine không dám sang Tel Aviv dự lễ tang vì sợ gây thêm bất ổn cho Do Thái, tuy nhiên sau đó ông đã đến thăm và chia buồn với tang quyến.

Vụ ám sát Thủ tướng Rabin cho

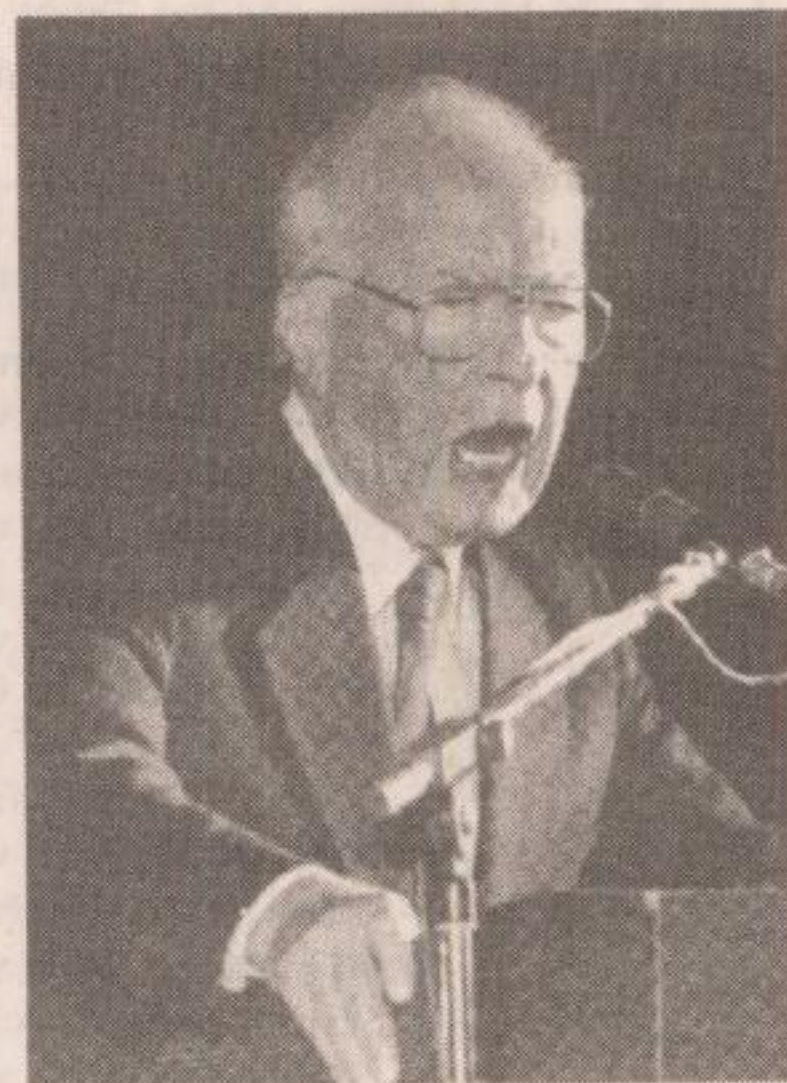
thấy hình ảnh một đất nước mà mọi người dân ở đó chỉ có một ý chí nay đã không còn nữa. Sự phân hoá, bất đồng trước đây tuy có nhưng giờ đây đã lên đến mức phải dùng các biện pháp bạo lực để đấu tranh với nhau.

Thủ lãnh phe hữu đảng Likud, mặc dầu lên án hành động sát nhân vẫn không tỏ thái độ hoà hoãn và vẫn khẳng định chống đối chủ trương làm hoà với phe Ả rập. Cơ quan an ninh Do Thái đã tăng cường các cuộc bố ráp và bắt giữ nhiều phần tử cực hữu thuộc loại nguy-hiểm.

Tên sát nhân, những đồng loã và những phần tử cực hữu ở Do Thái cho rằng triệt hạ được Rabin đồng nghĩa với việc phá được tiến trình hoà bình giữa Do Thái và Palestine - một hành động dẫn tới hoà bình với cả phe Ả Rập. Tuy nhiên những diễn biến mới tại Do Thái sau cái chết của Thủ tướng Rabin đã xác nhận công trình xây dựng hoà bình sẽ tiếp tục.

Lên thay quyền Thủ tướng, Ngoại trưởng Shimon Peres tuyên bố sẽ tiếp nối các công việc dở dang trên đường đến hoà bình. Ngay sau đó, Do Thái tiếp tục rút quân đội khỏi một số vùng ở Palestine.

Thủ tướng Rabin đã dành hơn nửa đời người để chiến đấu cho sự thành lập và sống còn của quốc gia Do



Thủ-tướng Rabin, khoảng nửa giờ trước khi bị bắn chết

Thái. Ông tham gia du kích quân trong tổ chức vũ trang bí mật Haganah (tiền thân của quân đội Do Thái) từ năm tốt nghiệp trung học. Chức vụ cao nhất trong quân đội của ông là Tham mưu trưởng quân đội Do Thái. Với Do-thái, ông vừa là người hùng chiến-tranh vừa là vĩ-nhân hòa-bình.

Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, ông đã quyết định bắt tay làm hoà với kẻ thù truyền kiếp của dân tộc đang bị Do-thái đàn-áp, chiếm đất.

Việc thay đổi đường lối của Rabin bị phe quốc gia cực đoan phản đối nhưng Rabin là một người thực tế. Ông biết rõ rằng trong tình hình mới của thế giới, việc chuyển hướng từ chiến tranh sang hoà bình là biện pháp tốt nhất cho Do Thái, khi trả bớt đất-đai cho Palestine.

Thủ-tướng Gia-nã-dại bị giết hụt

Chỉ vài ngày sau khi Thủ-tướng Do-thái bị bắn chết, Thủ-tướng Jean Chretien của Gia-nã-dại đã bị một công dân phe "ly-khai" của tỉnh Québec giết hụt.

Vào lúc rạng sáng, ông Tây này đã cầm lưỡi lê, đập vỡ kính cửa sau, đột-nhập tư dinh Thủ-tướng, sục-sạo đi tìm phòng ngủ của ông. May nhờ bà vợ sẽ thức, nghe tiếng động liền tỉnh giấc, rời khỏi phòng đi kiểm-soát khắp nhà. Chạm trán hung-thủ, bà nhanh tay đóng ập cửa, khóa lại và rút nhanh về phòng. Hai vợ chồng già khóa cửa, thủ thế. Thủ-tướng Chretien cầm một một món thủ-công da đỏ bằng đá, làm vũ-khí, đứng chẹn sau cửa. Bà vợ dùng máy truyền tin gọi hai nhân-viên cảnh-sát hoàng gia (RCMP) gác trước dinh. Hai ông này... ngủ mê không trả lời. Bà liền gọi số cảnh-sát đô-thành 911 và khoảng 7 phút sau các ông này đến, bắt gọn hung-thủ lúc đó đang đứng ngay trước phòng ngủ, cách ông Thủ-tướng một cánh cửa.

Theo cuộc điều-tra, hung-thủ là một công-dân Québec theo chủ-trương ly-khai, đã bỏ sở làm ở

Longueuil, để mò về thủ-đô Ottawa cách đó 200 cây số, ngay sau khi phe ly-khai bị dân-chúng Québec dùng lá phiếu đánh bại.

Thủ-tướng Jean Chretien ngay sau đó đã bay sang Do-thái dự tang-lễ cố Thủ-tướng Rabin theo đúng chương-trình đã định. Ông qui-trách cho phe ly-khai Québec về vụ mưu sát.

Nhắc lại, trong cuộc vận động tách ra, ông Lucien Bouchard đã gọi Thủ-tướng Chretien (cũng người Québec) là "tên phản bội Quebec" "kẻ bán linh hồn cho kẻ thù".

Thế giới lên án Nigeria

Bất chấp lời kêu gọi của thế giới và thông điệp của nguyên thủ 52 quốc gia trong khối Liên hiệp Anh xin ân xá, chính quyền quân phiệt Nigeria đã hành quyết 9 thành viên của phong trào đấu tranh cho quyền của các dân tộc thiểu số ngày 10.11.95.

Trong số những người bị treo cổ có nhà văn Ken Saro-Wiwa. Ông Saro-Wiwa, là ứng viên giải Nobel Văn chương cũng là người tranh đấu bảo vệ môi sinh hàng đầu của Phi châu, được Thụy điển trao giải Right Livelihood Award năm 1994, được giải Goldman Prize của Hoa Kỳ năm 1995.

Hồi năm 1994, dân tộc thiểu số Ogoni (khoảng 500 ngàn người) phản đối công ty dầu hoả Royal Dutch Shell hối lộ viên chức chính phủ, khai thác dầu bừa bãi phá hoại môi trường sinh sống của họ.

Một cuộc đụng chạm xảy ra, 4 viên chức chính phủ người Ogoni thiệt mạng. Chính phủ Abacha bắt giữ các lãnh tụ của Phong trào Dành Quyền Sống Còn cho các Dân tộc Ogoni đem xử kín, tuyên án tử hình.

Nigeria rơi vào tay quân phiệt sau cuộc đảo chánh năm 1993. Chính quyền của tướng Sani Abacha đã lạm dụng tiền của từ túi đầu vĩ đại của Nigeria cho các tướng lãnh, sĩ quan trong lúc để cho tệ tham nhũng, hối lộ, làm ăn bất chính, buôn bán ma túy hoành hành khắp nước.

Sau vụ hành quyết, các nước lên

án Nigeria mãnh liệt. Nam Phi đòi trục xuất Nigeria khỏi khối Liên hiệp Anh (Commonweath), TT Hoa Kỳ Bill Clinton triệu hồi đại sứ về nước và ra lệnh phong tỏa việc buôn bán vũ khí với Nigeria. Con trai nhà văn Saro-Wawi kêu gọi thế giới tẩy chay dầu hỏa Nigeria và công ty Shell Hoà lan.

Âu châu: hoà đàm Bosnia tiến thêm một bước

Trong lúc truyền hình thế giới phát đi những hình ảnh của thành phố Serajevo trên đường hồi sinh, cuộc thương thuyết giữa ba phe Serb, Croat và Bosnia ở căn cứ Không quân Hoa Kỳ Wright-Patterson (Ohio) nhúc nhích từng bước.

Ngày 10 tháng 11, hai phe Croat và Bosnia đã ký với nhau được một thoả hiệp, "thắng lợi" đầu tiên đạt được trong các cuộc cãi cọ.

Ngày 12, phe Serb đồng ý giao trả vùng Đông Slavonia cho Croatia (đồng nghĩa với việc từ bỏ tham vọng thành lập khu vực Serb tự trị ở đây).

Có tin rằng hai tay trùm phe Serb Bosnia là Radovan Karadzic và tướng Ratko Mladic (đã bị tòa án chiến tranh Liên Hiệp Quốc truy tố về tội tiến hành thanh tẩy chủng tộc) sẽ từ bỏ quyền lực nếu Tổng thống Serbia Slobodan Milosevic cam kết sẽ không giao họ cho tòa án quốc tế.

Yeltsin còn tại chức được bao lâu?

Tương lai hậu vận của Boris Yeltsin, vị tổng thống dân cử đầu tiên của nước Nga có vẻ không khả quan. Trong lần xuất hiện đầu tiên trước ống kính truyền hình, tám ngày sau khi nhập viện, dân Nga và khán giả thế giới thấy hình ảnh một Yeltsin xanh xao, bệnh hoạn. Sức khoẻ có thể khá hơn, nhưng Tổng thống Nga coi bộ e ngại bị xuống giá, mất quyền lực. Trong đoạn băng hình, lúc Thủ tướng Viktor Chernomyrdin đến thăm và đề nghị sẽ gánh bớt trách nhiệm thường nhật cho Yeltsin trong lúc

Tổng thống nằm bệnh viện, phát ngôn viên của Yeltsin đã vội vã cướp lời "không hề có chuyện chuyển giao quyền lực".

Yeltsin sẽ phải nằm lại bệnh viện đến cuối tháng 11, và gần đây, các bộ trưởng Quốc phòng, Ngoại giao, Nội vụ và Nội an đã bắt đầu báo cáo trực tiếp với Thủ tướng.

Bầu lại tổng-thống Ba-lan: Lech Walesa vào vòng II

Đầu tháng 11, vòng loại cuộc đua vào chức vụ Tổng thống Ba lan đã khai diễn. Ứng cử viên Alexander Kwasniewski, cựu cộng sản, đã có số phiếu cao hơn đương kim Tổng thống Walesa 2%.

Tuy thế người ta nhận định rằng trong cuộc đấu phiếu ngày 19.11, Lech Walesa vẫn có thể thắng. Ông có cơ may giành được số phiếu của các ứng cử viên chống cộng đã bị loại. Hơn nữa, dân Ba lan đang e ngại rằng nếu để cho Kwasniewski nắm chức vụ Tổng thống, phe cộng sản cũ sẽ độc diễn.

Hiện nay Liên minh Dân chủ Tả phái của Kwasniewski đang chiếm đa số trong quốc hội. Lech Walesa có khả năng kiểm chế các phần tử cộng sản, củng cố hay tiến bộ, và đã chứng tỏ khả năng này bằng cách hành xử quyền hạn của tổng thống ghi trong hiến pháp lâm thời của Ba lan trong thời gian qua.

Chính phủ của phe tả mặc dầu đang được điểm nhờ kinh tế phát triển nhưng cũng bắt đầu gặp những tai

tiếng như phe đảng, lạm dụng quyền thế để trục lợi - những trò cũ của cộng sản.

Mặt khác, Kwasniewski không được tin tưởng lắm về khả năng đối ngoại, nếu làm Tổng thống, sẽ tạo bất lợi cho sự hội nhập của Ba lan vào cộng đồng thế giới.

Pháp cải tổ chính phủ

Chưa đầy sáu tháng sau ngày nhậm chức, Tổng thống Pháp Jacques Chirac đã phải cải tổ nội các.

Ông thắng tay loại 13 bộ trưởng, nhưng giữ nguyên Thủ tướng Alain Juppé, dù rằng ông Thủ tướng này không được dân Pháp thương yêu cho mấy. Thủ tướng Alain Juppé đã khuyên Tổng thống rằng trong thời gian sắp tới, nước Pháp cần một chính quyền gọn hơn, mạnh hơn, đại diện cho nhiều khuynh hướng chính trị hơn.

Kết quả là chính phủ Pháp đang từ con số khủng khiếp 42 bộ trưởng rút xuống còn 32. Các vị bộ trưởng các bộ quan trọng như Tài chính, Quốc phòng, Ngoại giao, Tư pháp, Nội vụ, Văn hoá và Giáo dục ngồi nguyên ghế không bị thay.

Vừa thay đổi nội các, Chirac vừa thay đổi chủ trương kinh tế. Ông thôi chú trọng đến lãnh vực tạo công ăn việc làm và chống đói nghèo để xoay qua giải quyết giảm các thâm thủng trong ngân sách để bảo đảm Pháp có đủ điều kiện tham gia vào công cuộc thống nhất kinh tế và tiền tệ của Âu châu năm 99. Chính sách này y khuôn

chính quyền Balladur trước đây!

Tướng da đen Powell không ứng-cử tổng-thống Mỹ

Tướng hời hợt Colin Powell đã chính thức công bố ông sẽ không ra ứng cử Tổng thống vì ông chưa nghe thấy "ơn kêu gọi" của đời sống chính trị.

Tướng Colin Powell, người da đen có chức vụ cao nhất trong quân đội Hoa Kỳ, được coi như ứng cử viên sáng giá nhất trong cuộc đua vào toà Bạch ốc năm 1996. Báo chí và dân chúng Mỹ coi ông là người có đầy đủ mọi đức tính và khả năng trở thành vị Tổng thống da màu đầu tiên của Hoa Kỳ.

Việc Colin không ra tranh cử làm buồn lòng một số không nhỏ dân Mỹ, nhưng cũng làm vui nhiều người. Vui nhất là các tay đua trong cuộc đua vào toà nhà trắng. Ứng cử viên Bob Dole (Cộng-hòa) thở phào. Colin cũng là đảng viên Cộng Hoà, nếu ông quyết định tranh cử, Bob Dole sẽ mất hy vọng được đề cử. Thế nhưng theo báo chí Hoa Kỳ, người vui nhất chính là đương kim Tổng thống Bill Clinton. Nếu Colin ra tranh-cử, ông tướng này sẽ hốt hết phiếu da đen mà đảng Dân-chủ luôn luôn tranh-thủ được nhiều nhất.

Nhật giải-tán giáo-phái Aum

Giáo phái Aum Shinrikyo của đạo mù Shoko Asahara sẽ bị giải tán.

Toà án Tokyo đã ra lệnh rút giấy phép công nhận tư cách tôn giáo của tổ chức Aum Shinrikyo sau khi xác định quyết cơ sở này đã sản xuất chất độc sarin được dùng trong cuộc khủng bố ở ga xe điện ngầm tháng 3.95.

Quyết định của toà án dọn đường cho việc thanh lý tài sản của "đạo Aum". Theo ước tính, trị giá tài sản của giáo phái có thể lên tới một tỉ đô-la. Tiền thu được từ thanh lý sẽ bị chính phủ tịch thu hay dùng để giải quyết những vụ kiện cáo liên quan đến đạo Aum.





trong làng

Thi sĩ, nhà giáo Xuân Tước được ghi tên vào *Who's Who 1995*

Giáo sư, thi sĩ Xuân Tước trong năm 1995 đã nhận được nhiều danh dự tại Hoa Kỳ và Anh quốc.

- Tháng 7.95, ông được đăng tiểu sử vào *Dictionary of International Biography* in lần 24 ở Cambridge, Anh quốc. Cùng với danh dự này, ông còn nhận được bằng tuyên dương những thành tích đóng góp vào các lãnh vực giáo dục và thi ca.

- Tháng 9.95, American Biographical Institute (Học viện Tiểu sử) ghi tiểu sử vào tập *"Five Thousand Personalities of the World"*.

- Tháng 10.95, American Biographical Institute thông báo Học viện sẽ chọn đăng tiểu sử của ông vào tập *"Who's Who of the Year 1995"*.

Xuân Tước hiện là chủ tịch Hội Trao đổi Văn Hoá Việt Mỹ Colorado. Ông đã nhận nhiều giải thưởng, danh dự về thi ca tại Hoa Kỳ.

Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại hợp Đại Hội-đồng

Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại sẽ hợp Đại Hội-đồng kỳ 5 vào hai ngày

25 và 26.11.1995.

Địa-điểm nhóm họp là Hội-trưởng Trung-tâm Việt Y Võ-đạo Bảo Truyền, số 14221, Suite C, Euclid St., Garden Grove, tiểu-bang California.

Đại hội-đồng Văn Bút sẽ bầu lại ban chấp-hành nhiệm-kỳ 1993-1996.

Theo chương-trình do ban tổ-chức (nhà văn Viên Linh) hoạch-định, tân ban chấp-hành sẽ ra mắt công-chúng tại Vũ-trường Đêm Màu Hồng, số 14241 đường Euclid lúc 5 giờ chiều Chủ-nhật, 26.11.1995.

Sinh hoạt Văn Bút Miền Đông Hoa-kỳ

Chiều chủ nhật 5.11.95, Trung tâm Văn Bút Miền Đông Hoa-kỳ đã tổ chức buổi sinh hoạt mang tên "Sinh hoạt Văn Học Mùa Thu" tại hội trường đại học Luật khoa George Mason (thành phố Arlington, Virginia).

Trong buổi sinh hoạt, nhà văn Lê Văn Lân trình bày khám phá của ông về *"Ba làng Việt tộc được phát hiện trong lãnh thổ Trung Cộng"*.

Bài nói chuyện của Lê Văn Lân là kết quả công trình nghiên cứu của ông về nguồn gốc của ba làng vừa kể, lồng trong những diễn tiến lịch sử Hoa Việt với những cuộc tranh chấp biên giới, hải đảo.

Buổi sinh hoạt còn giới thiệu đặc san *Văn Học Miền Đông*, do Trung tâm Văn Bút Miền Đông phát hành, chứa đựng bài vở của 30 nhà văn nhà thơ VN định cư tại miền Đông Hoa Kỳ.

Văn Bút Ontario hợp Đại hội lưỡng niên

Văn Bút Việt-nam/Ontario sẽ họp đại-hội-đồng lưỡng niên lúc 2 giờ chiều Chủ-nhật 3.12.1995 tại trụ-sở Hội Người Việt, số 1364 Dundas St. West, Toronto.

Đại hội sẽ nghe Ban Chấp-hành mãn-nhiệm báo-cáo công-tác, thảo-luận và biểu-quyết chương-trình hoạt-động cho hai năm kế tiếp và bầu Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1996-1998.

Trung-tâm Ontario là một trong những Trung-tâm có đông-đảo hội-viên nhất (trên 50 người), với những tên quen như Trà Lũ Trần Trung Lương, Tự Tĩnh Nguyễn Nhật Tân, Việt Chi Nguyễn Hữu Quang, Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Ngọc Ngạn, Phan Ni Tấn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Hương, Nguyễn Việt, Lê Kim Ngân, Hoàng Xuân Thảo, v.v. Trung-tâm còn có một số hội-viên viễn cư như Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Vinh (ở Na-uy), Lê Kim Sơn (ở BC).

Phong-Trào Hưng Ca VN hợp Đại-hội tại Nam California

Phong-Trào Hưng Ca Việt-Nam nhóm Đại-hội Hưng Ca thế-giới kỳ 5 lúc 9 giờ sáng ngày Chủ-nhật 26.11 tại trụ-sở Hội Cao-niên Á-Mỹ, số 9880 Bolsa Ave., Westminster, tiểu-bang California.

Đại-hội sẽ nghe Ban Chấp-hành tường-trình hoạt-động trong hai năm vừa qua, thảo-luận rút ưu, khuyết-điểm, bàn về tình-hình và nhu-cầu công-tác trong hai năm kế, biểu-quyết chương-trình hoạt-động và bầu Ban Chấp-hành trung-tương nhiệm-kỳ 1995-1997.

Trưởng ban tổ-chức Đại hội kỳ 5 là nhạc-sĩ Hưng Ca Việt Dzũng, điện-thoại 714-839-6517, điện-thư 714-839-2607.

Phong-trào Hưng Ca Việt-nam đã bắt đầu chính-thức hoạt-động từ năm 1985 tại Texas, Hoa-kỳ, qui-tụ các ca-nhạc-sĩ và nhà văn, nhà báo yêu lý-tưởng tự-do, chủ-trương dùng văn-nghệ để phục-vụ nhân-sinh và tổ-quốc.

Phong-trào đã bành-trướng trên toàn quốc Hoa-kỳ, sang Gia-nã-đại, Pháp, Hòa-lan, Bắc Âu, Đông Âu, Nhật-bản và Úc-đại-lợi. Phần lớn các trưởng trong Phong-trào hiện là thành-viên hoạt-động cộng-đồng và điều-khiển các cơ-quan truyền-thông có tầm ảnh-hưởng lớn tại hải-ngoại, gồm cả truyền thanh, truyền hình, báo-chí và xuất-bản.

Thi-Sĩ Nguyễn Chí Thiện Tái Định-Cư tại Hoa-kỳ

(tin tổng-hợp)

Nhà thơ bất khuất Nguyễn Chí Thiện đã đến Hoa Kỳ ngày 1.11.1995, sau hơn nửa đời làm thơ "chống tội ác" trong đó có 27 năm bị tù.

Cuối cùng, tác giả tập thơ *Tiếng vọng từ đáy vực* (tên khác là *Hoa địa-ngục*) đã được sang Hoa Kỳ theo diện H.O.

Nguyễn Chí Thiện đến được Hoa Kỳ nhờ sự vận động của Đại tá hồi hưu Mỹ gốc Nhật Noburu Masuoka (thành phố Mottfett Field, bắc California) cùng sự tranh đấu của nhiều cơ quan nhân quyền, tổ chức và cá-nhân ở hải ngoại.

Sau khi được thân hữu và đại diện một số tổ chức nhân quyền tiếp đón tại phi trường Dulles, San Francisco, nhà thơ đã về trú ngụ tại nhà của thân nhân ở Herndon, tiểu-bang Virginia.

Trong lá thư gửi đồng bào hải ngoại phổ biến ngày 7.11.95, để cảm ơn việc đã góp phần giúp ông đến được Hoa Kỳ, nhà thơ bất khuất viết:

"Tôi biết rất rõ việc tôi ra tù năm 1991 và việc tôi sang Hoa-kỳ chủ yếu là nhờ sự đấu tranh vận động không ngừng nghỉ của các bạn cũng như của các bạn ngoại quốc..."

Tôi khao khát được rời khỏi VN, cũng như các bạn, không phải vì sợ hãi tập đoàn Mafia Việt Cộng, mà vì tình yêu tự do... Đối với những người cầm bút có liêm sỉ, tự do ngôn luận là không khí, không thể thiếu.

Nguyễn Chí Thiện, sau khi cảm ơn đồng bào hải ngoại và nêu lý do ông đi Mỹ, đã nói lên quan điểm của ông về vấn đề nóng-bỏng tại hải

ngoại trong thời điểm hiện tại, đó là chuyện "hoà hợp hoà giải". Ông viết:

"Làm sao có thể hoà hợp, hòa giải được với những kẻ trời không dung, đất không tha, những kẻ đã bắn giết, tù đầy hàng triệu đồng bào, những kẻ làm tay sai cho Nga Tàu đẩy cả dân tộc xuống đầm lầy lạc hậu, phá hoại luân thường đạo lý, những kẻ coi :

Nhân quyền là chuyện hão

Nhân phẩm thời coi khinh

Nhân tâm không cần tính

Luôn mồm nói nhân đạo!...

Hồi còn ở trong nước, tôi cùng nhiều bạn rất phiền muộn khi nghe qua đài những nhân vật hô hào hoà hợp hoà giải với cộng sản để tái thiết tổ quốc!

Chúng tôi nghĩ có thể những người đó thực lòng, có thiện chí, nhưng ở xa, không hiểu rõ bản chất cộng sản. Nếu họ về nước sống, họ sẽ thay đổi quan điểm.

Lục Du đời Tống có câu: "Thính tri bất như kiến tri, kiến tri bất như cư tri" nghĩa là nghe mà biết không bằng nhìn mà biết, nhìn mà biết không bằng sống mà biết. Nếu vị nào cho rằng tôi vì thù hận mà nói quá lời, xin mời hãy về định cư ở VN. Du lịch vài tháng chưa biết mấy đâu!...

Thưa các bạn, tôi không thù hận ai cả, trừ những kẻ đã gây những tội ác tày trời với dân tộc... vì lợi ích tối cao của đất nước, chúng ta có thể dẫn lòng bỏ qua, bỏ qua chứ không quên!

Nếu những kẻ đang cười đầu cười cổ nhân dân, bịt mắt khóa miệng nhân dân, chịu tụt xuống ngòi ngang hàng

với nhân dân để bàn việc xây dựng đất nước. Nghĩa là phải chấp nhận đa nguyên, đa đảng, tự do, thực lòng hối cải. Nhưng điều này chỉ có thể xảy ra khi nội bộ đảng tiến quyền phân hóa tan rã, nhân dân sẽ chớp lấy thời cơ vùng lên. Hiện tại sự phân hoá này đã khá sâu rộng. Nhân dân đã chán ghét chế độ cực quyền tới cao độ:

Đảng đã thành thơ, thành vè, khôi hài, phỉ báng,

Thành truyện tiểu lâm cười giễu trong dân,

Khi trò chuyện nếu anh ca ngợi đảng,

Đời sẽ nhìn anh như một gã bị tâm thần!...

Nhiệm vụ của chúng ta là bằng mọi cách thúc đẩy thật nhanh sự phân hoá đó. "

Sau khi kể lại chuyện ông liều chết đưa tập thơ vào sứ quán Anh ở Hà Nội và cái giá ông phải trả là chuỗi ngày tù dài đặc sau đó, Nguyễn Chí Thiện kết luận:

"Các bạn thân mến,

Tôi muốn việc rời nước của tôi không làm một ai lầm tưởng là đảng đã cởi mở.

Đừng bao giờ nói tới chuyện lương tâm, nhân đạo với cộng sản! Chúng chỉ hành động theo tính toán lạnh lùng tàn nhẫn.

Năm 1991 chúng thả tôi vì bị choáng váng cực độ trước sự tan rã của Liên Xô, vì sức ép của thế giới, vì cần đầu tư viện trợ.

Năm 1979, khi tôi bị bắt chúng nói thẳng vào mặt tôi là giết ngay quá nhân đạo! Phải cho chết dần chết mòn! Ra tù chúng theo tôi từng bước, đe dọa những người tiếp xúc với tôi. Nay chúng để tôi đi vì cần Hoa Kỳ ban cho (qui-chế) Tối Huệ Quốc, cần đánh lừa những người thật thà là chúng đã mở rộng về mặt chính trị, vì để tôi trong nước nguy hại hơn.

Chúng biết chắc chắn là ra nước ngoài chúng sẽ bị tôi vạch mặt thêm. Nhưng ngày nay cái mặt của chúng đã quá lộ rồi, sợ gì một tiếng nói cách xa cả nửa vòng trái đất!"

Những lời tâm-huyết của Nguyễn Chí Thiện đã làm thành-phần "hoà-hợp hoà giải", chủ-trương "hợp-tác

với cộng-sản để ... cứu nước" phải gục mặt.

Trước Quốc hội Hoa kỳ, tác giả "Hoa địa ngục" nói về địa ngục

Ngày 8.11.95, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã ra điều trần trước Quốc Hội Hoa Kỳ về thực trạng nhân quyền ở VN.

Bản điều trần ngắn gọn này là một cáo trạng của một nhân chứng đã thấy và đã chịu đựng những đàn áp nhân quyền từ năm 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975 ở cả hai miền. Sau đây là một số chi tiết trong bản điều trần, cũng là những câu trả lời của nhà thơ cho những thắc mắc chung quanh "công cuộc đổi mới của Việt Nam":

- Về kinh tế, (Hà-nội) cho phép người dân được buôn bán lật vặt, mở cửa đón đô-la. Nhờ những đồng đô-la này, đảng có thể tăng lương gấp hai, gấp ba lần cho quân đội, công an, cấp nhà đất cho họ, dùng họ kìm kẹp nhân dân...

- Tham nhũng khắp nơi, khắp cấp bậc. Một số nhỏ làm giàu lên, đa phần là các gia đình đảng viên cao cấp. Số đông vẫn sống trong nghèo khổ.

- Cái gọi là cởi trói cho văn hóa, văn nghệ: Văn hóa, văn nghệ là linh hồn dân tộc. Ai cho phép đảng trói lại? Chuyện cởi trói thực ra chỉ là nói lỏng đôi chút trong vài năm (1987-91). Đảng luôn nắm độc quyền báo chí, in ấn, xuất bản.

- Về vấn đề cải tổ chính trị: Không hề có! Quốc hội là của đảng, Công đoàn là của đảng, các cấp chính quyền là của đảng, tất cả là của đảng.

- Phật, Chúa cũng phải là của đảng! Đảng tìm mọi cách quản lý tôn giáo. Các linh mục, sư sãi nào phản ứng là vào tù. Chùa chiền phải có ảnh, tượng Hồ Chí Minh. Công an đội lốt nhà sư nhan nhản. Công giáo phải xin phép đảng khi tấn phong các linh mục, giám mục, khi tuyển các giáo sư giảng dạy trong các chủng viện. ...

- Bất cứ người nào, đảng viên hoặc không, đề cập tới đa nguyên, đa đảng, dân chủ, tự do, đụng tới chủ nghĩa

Mác, tới Hồ, tới đảng là vào tù. Đó là trường hợp các ông Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Hộ, Nguyễn Đình Huy và nhiều người khác không thể kể ra hết được!"

Nguyễn Chí Thiện khẳng định: "Tôi hiểu rất rõ rằng không một sức ép nào của thế giới có thể buộc những người lãnh đạo VN hiện nay chấp nhận đa nguyên, đa đảng, dân chủ, tự do. .. Điều này chỉ có thể xảy ra khi nội bộ đảng phân hoá, tan rã..."

Nhưng trước mắt tôi nghĩ Hoa Kỳ và thế giới có thể dùng ảnh hưởng về mọi mặt để cứu những tù nhân lương tâm đương bị dày dãi man rợ trong lao ngục ô nhục. Nếu không tính mạng họ sẽ lâm nguy. Đa phần tuổi đã cao, sức đã yếu.

Tôi khẩn thiết kêu gọi tất cả lương tri của nhân loại kiên quyết bằng mọi cách buộc cộng sản phải trả tự do cho tất cả những tù nhân lương tâm, nhanh chóng và vô điều kiện."

Cùng trong bản điều trần trước Quốc Hội Hoa Kỳ, Nguyễn Chí Thiện đã đưa ra một nhận xét thú vị về cuốn sách mới đây của cựu Bộ trưởng Quốc Phòng Hoa-kỳ Robert McNamara.

Ông nói:

"Ông McNamara khi viết cuốn sách xuất bản gần đây là không hiểu gì về Việt Nam, về dân tộc Việt Nam. Bộ óc điện tử này còn xúc phạm tới những người Mỹ đã chiến đấu, đã hy

sinh cho tự do dân chủ của VN, của thế giới và của cả nước Mỹ.

Ông ta không hiểu rằng thế giới tự do đã toàn thắng khi hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ, rằng sự sụp đổ này một phần cũng là nhờ ở những cuộc chiến Việt Nam, Triều Tiên, A-phủ-hãn, đã làm tiêu hao sinh lực của cộng sản, khoét sâu thêm những điểm yếu của chúng. Sự hy sinh máu và tiền của Hoa Kỳ là tất yếu."

Thơ Nguyễn chí Thiện được phổ nhạc

Tiến sĩ Guenter Mattisch, một nhạc sĩ người Áo đã phổ nhạc một số bài thơ của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện.

Mười bốn bài thơ được chọn phổ nhạc trước đó đã được tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi dịch qua Đức văn trong tập "Echo aus dem Abgrund" và Edition Fischer xuất bản năm 1988 và tái bản năm 1993. .

Các bài thơ phổ nhạc đã được trình tấu tại nhạc viện thành phố Klagenfurt (Áo) đêm 20.10.95 (hợp ca 4 giọng, 4 kèn saxo phụ họa). Cuối tháng 11, tiến sĩ Mattisch sẽ cho phát hành đĩa gọn (CD) các bản nhạc vừa kể.

Độc giả Làng Văn muốn biết thêm chi tiết về đĩa nhạc, xin liên lạc:

Dr. Guenter Mattisch
Dr. Alfred Leopoldgasse 9
Austria
(Fax. 0463 241604)



Nguyễn Chí Thiện chụp cùng gia đình người chị tại Hà-nội sau khi ra tù (ảnh Trần Nhu, 1991)

ngoài ngõ



Kiên Trung phụ-trách

Chống hội thảo “Bể dàu” và “rối nước” tại Cali

Người Việt quốc gia tại California (Hoa kỳ) trong ba ngày liên tiếp đã phá hoại chương trình quảng cáo của VC ngụy trang dưới hình thức “hội thảo” và trình diễn “văn nghệ dân tộc” do nhóm Vũ Đức Vương, Chung Hoàng Chương và một số doanh nhân Hoa-kỳ mời giới.

Ngày 11.10, khoảng 200 đồng bào, thanh niên sinh viên, cựu tù chính trị đã tụ tập về khuôn viên đại học San Francisco biểu tình chống cuộc hội thảo mang tên “Bể Dàu” đi kèm trình diễn “Rối Nước”.

Cuộc biểu tình có sự hỗ trợ của Ủy ban Bảo Vệ Chính Nghĩa Quốc Gia Bắc California, Cộng Đồng VN Hải Ngoại...

Tại đây, Thượng toạ Thích Trí Lãng, người bị khủng bố sau vụ TT Thích Quảng Độ ở VN phải trốn sang Thái Lan và mới được định cư ở Mỹ, đã cùng TT Thích Giác Lượng mạnh mẽ tố cáo các hoạt động đàn áp nhân quyền của CSVN.

Kết quả cuộc hội thảo chỉ còn có khoảng 20 người tham dự, phần lớn là sinh-viên trong lớp của Chung Hoàng Chương.

Ngày 14.10, cuộc biểu tình thứ hai phá vỡ cuộc trình diễn của đoàn rối nước Thăng Long (VC) tổ chức tại

Bến Cầu Đá 45 (San Francisco). Hội trường một ngàn chỗ chỉ có vài chục người, phần lớn có vé mời, đến dự.

Cuộc biểu tình thứ ba diễn ra tại Civic Auditorium (Santa Cruz). Hai xuất trình diễn của văn công VC tại đây chỉ qui-tụ được tổng cộng 100 khách.

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị góp ý với đài Á châu tự do

Ông Đào Văn Bình, Chủ-tịch Tổng hội Cựu Tù Nhân Chính Trị VN tại Hoa Kỳ đã gửi văn thư góp ý về phần chương trình cho Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do ngay khi được tin TT Hoa Kỳ Bill Clinton bổ nhiệm Hội Đồng Điều Hành đài.

Trong văn thư đề ngày 18.10 gửi Hội-đồng Điều hành Đài, Tổng hội Cựu Tù Nhân Chính Trị đề nghị Đài Á Châu Tự Do nên có những tiết mục phổ biến các hoạt động đấu tranh cho nhân quyền của chính giới Hoa Kỳ, các tổ chức Nhân quyền quốc tế, các hội cựu chiến binh, gia đình POW/MIA.

Đài cũng nên có những mục giải thích lịch sử VN cận đại để giúp người Việt trong nước, vốn bị bạo quyền đầu độc từ lâu nay, hiểu biết về cuộc đấu tranh cho độc lập tự do dân chủ của người Việt chân chính. Chương trình của Đài nên gồm cả những bài nói lên sinh hoạt chính trị dân chủ của thế giới, giới thiệu các tác phẩm văn học có nội dung nhân bản. Đặc biệt, Tổng Hội đề nghị Đài mời phong trào Hưng Ca cộng tác thực-hiện chương-trình nhạc chủ đề cho đài.

Tổng Hội Cựu Tù-nhân chính-trị đề nghị đài gửi các băng thu những chương trình phát thanh đầu tiên cho các đài phát thanh Việt ngữ các địa phương để phổ biến rộng rãi trong cộng đồng VN.

Đài phát thanh Á Châu Tự Do sẽ phát sóng mỗi ngày hai giờ hướng về Việt Nam. Việc quốc hội Hoa-kỳ thông qua dự án thành lập và cấp ngân khoản hoạt động là một thắng lợi của cuộc vận động của người Việt

tại Hoa Kỳ.

Âu châu: Ngày cộng đồng Việt Nam tại Pháp

Các tổ chức Hội Thanh Niên VN Tị Nạn, Gia Đình Phật Tử, Phong Trào Tự Do Dân Chủ, Hội Ái Hữu Bắc Paris, Hội Ái Hữu Nam Paris, Mặt trận QGTNGPVN, Phân hội Hội Chuyên Gia VN tại Pháp và Hội Thanh Thiếu Niên VN tại Paris đã phối hợp tổ chức “Ngày Cộng Đồng VN” (11.11 và 12.11. 95).

Địa điểm tổ chức là Halle Georges Carpentier (81 bd Massena 75013 Paris).

Ngày Cộng Đồng VN có mục đích giới thiệu tất cả các sinh hoạt đa dạng của người Việt đến với đồng bào và người Pháp. Sinh hoạt trong Ngày Cộng Đồng VN gồm hội chợ, triển lãm, thể thao, văn nghệ (chuyên nghiệp và tài tử).

Đức Giáo hoàng Paul II tiếp Cựu hoàng Bảo Đại

Báo *Giáo Xứ Paris* (số tháng 10. 95) thông tin, Đức Giáo hoàng Paul II đã tiếp kiến Cựu hoàng Bảo Đại ngày 24.6.95 tại phòng khách điện Vatican.

Trước đó, cựu hoàng đã được dự một thánh lễ do Đức Giáo-hoàng và 16 giám mục Ba tây đồng tế trong nhà nguyện riêng.

Trong buổi tiếp cựu hoàng và phu nhân, Đức Thánh Cha nói: “Trong thánh lễ, tôi đã cầu nguyện cho Việt Nam và cho quý vị”.

Cựu hoàng Bảo Đại đã rửa tội và gia nhập Giáo hội Thiên chúa giáo hai tháng trước lễ tôn phong hiển thánh cho 117 thánh tử đạo Việt Nam năm 1988.

Theo học giả Thái Văn Kiểm, đến Bảo Đại đã có ba hoàng đế nhà Nguyễn gia nhập Thiên chúa giáo. Vua Khải Định rửa tội trước khi lìa trần năm 1925, vua Thành Thái được ông Ngô Đình Diệm thu xếp cho rửa tội trước khi tạ thế năm 1954.

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách



Tị nạn VN bị Thái-lan buộc hồi hương về... Miên

Nhiều tị nạn Việt Nam hiện đã trở thành tù nhân của Sở Di Trú Thái Lan. Hầu hết những nạn nhân này đều thuộc thành phần đúng định nghĩa của luật pháp quốc tế về tị nạn. Tuy thế, họ đã bị đưa đẩy từ trại này qua trại khác, do sự ngớ ngẩn, tắc trách của chính quyền Thái lan, Cao ủy Tị nạn và cuối cùng trở thành tù nhân của Sở Di Trú Thái Lan.

Từ trại tù I.D.C. ở Vọng-các, các nạn nhân kể trên đã gửi cho *Làng Vãn* một thư kêu cứu. Lá thư mất ba tháng để đi từ Vọng-các đến Toronto. *Làng Vãn* hy vọng sự vận động can thiệp của toà soạn và đồng bào hải ngoại còn kịp thời.

Lá thư viết từ phòng 4 I.D.C., do ông Đặng Văn Viễn ký tên, khẩn thiết kêu gọi toà báo và đồng hương vận động với các cơ quan quốc tế can thiệp cho 13 người, trong đó có một phụ nữ và 6 trẻ em, bị giam giữ tại IDC được ...trở về trại tị nạn.

Thành phần các tù nhân phòng 4 gồm tị nạn chính trị, tôn giáo, vượt trại cải tạo của CS những người bị CS truy nã vì âm mưu lật đổ chính quyền.

Lá thư kèm theo chi tiết lý lịch của hai người tù phòng 4 với lý do phong bì không đủ chỗ để gửi hết các hồ sơ.

1. Ông Đặng Văn Viễn: số thẻ tù IDC 2108, cựu quân nhân QLVNCH, đơn vị cuối cùng là Tiểu đoàn 6, đại đội 3 Thủy Quân Lục Chiến, sau khi bị thương trong trận tái chiếm Quảng

Trị được giải ngũ năm 1974 với mức độ tàn phế 60%.

Sau năm 75, ông bị đưa đi kinh tế mới ở Tây Ninh, khi Miên Cộng đánh VN năm 77, gia đình ông chạy về Sài Gòn, lại bị đưa tiếp lên vùng Kinh-tế mới Tân Châu, Tây Ninh. Đầu năm 94, ông bị VC truy nã vì tham gia Mặt trận Thống nhất Đông Dương của Lê Quốc Túy và Mai Văn Hạnh, đồng thời bị phát giác trước đây ông đã được Mỹ huấn luyện biệt kích. Ông Viễn trốn thoát được qua Vọng-các, Thái-lan. Tại đây, ông đã trình diện toà Đại sứ Hoa Kỳ và Cao ủy LHQ. Các nơi này cho biết nếu muốn vào trại tị nạn, ông phải ra tòa về tội nhập cư trái phép trước đã, hết hạn phạt nhập cư trái phép sẽ được đưa sang trại tị nạn (!). Khi ông Viễn đồng ý, Cao Ủy đưa ông đến Sở Di trú Thái. Ở IDC, ông bị phạt giam 70 ngày, thế nhưng đã gần một năm, ông vẫn còn bị giữ ở đây.

2. Ông Phạm Tường Vũ và gia đình: số thẻ tù IDC 0356, trước năm 75 ông làm thông dịch viên tiếng Khmer cho phòng Cam bốt sự vụ của cơ quan DEPCORDS của Hoa Kỳ tại vùng IV chiến thuật (Cần Thơ), nhờ thông thạo tiếng Khmer vì đã sinh sống tại Cam bốt một thời gian.

Năm 1975, ông Vũ không khai quan hệ với người Mỹ để trốn cải tạo, sau đó tham gia một tổ chức phục quốc.

Năm 78, ông bị VC bắn trọng thương, ông trốn bệnh viện Châu đốc trước khi vết thương lành và sang

được Cam bốt.

Ông Vũ vượt biển sang đến Thái lan tháng 12.89, nhập trại Panat, chuyển sang trại Sikiew, được thanh lọc tháng 4.91. Bộ Nội Vụ Thái không cho biết kết quả thanh lọc của gia đình ông Vũ vì cho rằng ông là người Cam bốt, sau đó, chuyển ông và gia đình ông ghi tên hồi hương về Cam bốt. Khi không chịu ghi tên, ông bị buộc vào thành phần chống đối và chuyển sang giam giữ tại trại tù IDC từ tháng 12.94.

Ông Vũ có đầy đủ giấy tờ, do thân nhân từ VN gửi sang chứng minh là người Việt. Hồi tháng 5.95, nhân viên sứ quán Hoa Kỳ tại Banagakok đã phỏng vấn ông Vũ, xác nhận quá trình làm việc với người Mỹ ở Cần Thơ, và báo cáo cho Cao Ủy. Đến nay, ông và gia đình vẫn còn nằm trong trại giam sở Di Trú và bị ép ...hồi hương về Cao-miên.

Theo lá thư kêu cứu, ở các phòng giam khác của IDC Thái lan còn hơn 20 người Việt bị giam trong các trường hợp tương tự.

Thuyền nhân ở Siliew cũng kêu cứu

Cũng tại Thái lan, gần một ngàn tị nạn Việt trại Sikiew đã lên tiếng kêu cứu vì bị khủng bố. Đây là số người bị giam giữ trong khu biệt giam A về "tội" chống đối không chịu làm "thẻ đỏ" theo lệnh của chính quyền Thái và Cao Ủy.

Đồng bào không chịu làm thẻ vì sợ đây là bước mở đầu của việc cưỡng bức hồi hương.

Họ bị biệt giam từ tháng 3.95 và liên tục bị tên Lâm Joe, trưởng ban an ninh người Thái cho đàn em đánh đập khủng bố thường xuyên. Tên Lâm Joe đã man tới mức cho đàn em đánh cả người mang thai và bệnh nhân trong bệnh viện. Tên hung thần khủng bố này đã bị sa thải hồi năm 1989 sau khi bị tổ chức Luật Gia Cho Nhân Quyền tố cáo hành hung người tị nạn. Chẳng lâu sau, hắn lại được chính quyền Thái thuê làm trưởng ban an ninh trại Sikiew.

Một số tay chân của Lâm Joe là người Việt thuộc thành phần bất hảo. Lá thư tố cáo của thuyền nhân trại Sikiew kể đích danh Lâm Joe, Nguyễn Tấn Phòng (PST 7318), Trần Việt Tử, Trần Văn Ngọc, Văn Phú Đường (PST 6831), Phạm Văn Hợp (PST 478) ... và yêu cầu truy tố bọn chúng.

Thư của thuyền nhân Sikiew gửi cho thân nhân cho biết những biện pháp bóp nghẹt đời sống của Cao Ủy Tị-nạn nhằm đẩy thuyền nhân đến chỗ phải hồi hương đã có hiệu quả.

Một số người đã đánh mất suy nghĩ và lương tri để tranh giành, cướp đoạt, hãm hại người khác để hưởng thêm một chút cho mình. Sức ép của Cao Ủy và chính quyền trại hiện đang ở mức nặng nề, đồn tị nạn đến mức không còn cách nào hơn là phải liều lĩnh bùng phát một cuộc biểu tình.

Hoả hoạn tại Palawan và những nỗ lực cứu trợ

Cuộc sống đầy đau khổ của tị nạn Việt tại trại Palawan, Phi luật tân, đã thêm khốn khổ với vụ cháy tối 13 tháng 10.

Nguyên nhân cháy có lẽ do bất cẩn để đèn dầu đổ vào vách tranh, tuy nhiên có thể nói trách nhiệm vụ hỏa hoạn thuộc về chính quyền trại với lệnh cúp điện và nước ban đêm. Chính vì cúp điện, thuyền nhân mới phải dùng đèn dầu và vì cất nước nên lửa đã thiêu rụi hai khu trại. Xe chữa lửa đã có mặt nhanh chóng ngay sau lúc lửa bốc cháy nhưng nói là ...không có nước để chữa!

Hỏa hoạn thiêu hủy 174 chòi tranh của 1.129 người ở hai khu trại 5 và 6, đưa họ vào cảnh màn trời chiếu đất.

Trận hỏa hoạn xảy ra giữa lúc Cao Ủy và chính phủ Phi đang đe dọa cưỡng bức 300 người hồi hương, do đó trong trại, và cả thân nhân ở ngoại quốc, đang xôn xao với tin đồn chính quyền vào trại bắt biệt giam 100 người chờ ngày đưa lên máy bay buộc hồi hương và dân tị nạn đốt trại để chống đối.

Bản tin của Ủy ban Cứu Người Vượt Biển phủ nhận các tin đồn vừa kể và ghi nhận:

1. Nhân viên Cao ủy TN LHQ tên Bernard Quah đã từ Manila đến quan sát khu trại và cho biết Cao Ủy sẽ không xây dựng lại các khu trại đã cháy vì sớm muộn cũng sẽ đóng cửa trại. Cao Ủy cũng chẳng nhắc nhở gì đến việc cứu trợ các nạn nhân. Chẳng những thế, ông Quah còn ngăn chặn không cho Hồng Thập tự Phi vào trại.

2. Nhiều hội đoàn đã tích cực vận động với các dân biểu Hoa Kỳ, Bộ Ngoại Giao Mỹ và chính phủ Phi để ngăn chặn cưỡng bức hồi hương và yêu cầu trợ giúp các nạn nhân. Tổng thống Phi đã quyết định ngân khoản khoảng 20 ngàn mỹ kim để cứu trợ.

3. Các cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ, Gia nã đại, Úc và nhiều nước đang vận động quyền góp để cứu trợ. Một số đã chuyển được ít nhiều tiền sang cho trại.

4. Ủy ban Cứu Người Vượt Biển kêu gọi những thân nhân của các nạn nhân hỏa hoạn nhanh chóng trợ giúp tài chánh cho thân nhân. Hiện ý đồ của Cao ủy là giữ cho thuyền nhân ở trong tình trạng khổ sở về đời sống hồng lung lạc họ, thúc ép hồi hương.

5. Ủy ban Cứu Người Vượt Biển hiện đang vận động với giáo hội Thiên chúa giáo Phi luật tân cứu trợ và bênh vực thuyền nhân, đồng thời thuyết phục chính phủ Phi cho đi định cư những người có nước nhận. Xin các hội đoàn và cá nhân tiếp tay với Ủy ban trong nỗ lực này.

Quý vị có thể liên lạc với Ủy ban để nhận mẫu thư thỉnh nguyện gửi Tổng thống Ramos của Phi luật tân.

Nam Dương biến tất cả người tị nạn thành tù

Ngày 2.10.95, sau hơn một năm bị giam giữ, hơn một trăm người Việt tị nạn bị bắt vì tình nghi là lãnh đạo cuộc đấu tranh chống hồi hương (tháng 7.95) đã được Hồng Thập Tự Quốc Tế thăm viếng.

Số "tù tị nạn" vừa kể có Đại đức Thích Như Thanh, Quảng Phúc,

Chánh Trí, nhiều cựu quân nhân QLVNCH, bị bắt giam tại trại tù Lembaga Pemasyakaratan (đảo Tanjung Pinang) từ ngày lính Nam Dương đánh dẹp cuộc biểu tình ở Galang.

Trước cuộc thăm viếng của Hồng Thập Tự Quốc tế, Nam Dương đã cải thiện một phần những điều kiện sinh sống trong trại tù. Các tù nhân cũng được thay phiên nhau về đảo Galang thăm thân nhân mỗi người ba ngày.

Tin của tị nạn Galang gửi cho *Làng Vãn* báo động, cảnh sát Nam Dương lại gia tăng áp lực đối với thuyền nhân ở Galang để ép hồi hương. Thuyền nhân bị ép buộc chụp hình làm thẻ căn cước mới, trong trại gọi là "thẻ xanh".

Người không có thẻ bị cảnh sát áp dụng những hình phạt dã man như bắt ngâm dưới cống rãnh, bắt bò, chạy cho đến khi ngất xỉu.

Tị nạn tin rằng việc làm thẻ ID mới là trò bịp lừa gạt chấp nhận hồi hương.

Cảnh sát Nam Dương đã trở thành những hung thần của người tị nạn. Ngoài việc hành hung người không mang thẻ căn cước mới, lính Nam Dương sục sạo phá hủy các hoa màu thuyền nhân trồng quanh nhà để cải thiện bữa ăn.

Cao ủy và chính quyền P3V thực hiện hàng ngày việc tuyên truyền cổ động hồi hương, buộc người tị nạn phải đi nghe.

Đầu tháng 10.95, viên đại tá trưởng trại thông báo sẽ đóng cửa trại vào tháng 12 tới.

Hiện đồng-bào tị nạn tại Nam-dương bị chia thành 3 nhóm, bị giam giữ riêng:

Hai nhóm tại Galang 1, gồm:

- Nhóm đã ghi tên hồi hương, đã gặp phái đoàn VC nhưng sau lại không chịu về, khoảng trên 300 người.

- Nhóm đã ghi tên hồi hương nhưng chưa gặp phái đoàn (khoảng 700 người).

Ở Galang II có khoảng 4000 người không chịu ghi tên hồi hương, bị cô-lập khổ-sở.

Hương cảng tiếp tục trục xuất thuyền nhân

Trong tháng 10.95 những chuyến bay chở thuyền nhân về Việt Nam đã được chính quyền Hương Cảng và CSVN tiếp tục cấu kết thực hiện.

Ngày 24 tháng 10.95, 63 thuyền nhân đã được đưa về VN. Trong số 87 người của chuyến bay ngày 17.10, một thuyền nhân đã bị công an Hà Nội bắt ngay khi về đến trung tâm tiếp nhận.

Theo thoả thuận giữa hai bên, nhà cầm quyền Hương cảng sẽ trao danh sách thuyền nhân bị trả về cho VC "duyet xét" trước và VC đã cam kết với Cao Ủy sẽ không trừng trị tội vượt biên. Tuy nhiên phía VC cho biết thuyền nhân nói trên- tên Trần Lý Thắng- là hình phạm bị tù ở Hải Phòng đã trốn tù trước khi vượt biên. VC cũng giả vờ "phản đối" phía Hương Cảng đã dùng võ lực để lôi kéo thuyền nhân bị trả về xuống máy bay.

Cũng tại Hương Cảng, một tị nạn đã thoát cảnh cưỡng bức hồi hương nhờ sự can thiệp của LAVAS. Cô Lê Thị Thanh Xuân (trại High Island) đã đến Hoa Kỳ tháng 9.95. Cô Thanh Xuân được gia đình ở Hoa Kỳ bảo lãnh nhưng Lãnh sự Hoa-kỳ trước đây không chịu cứu xét hồ sơ. Sau khi LAVAS yêu cầu toà án ra lệnh cho Bộ Ngoại Giao xét hồ sơ, cô Thanh Xuân đã được phái đoàn Mỹ phỏng vấn và chấp nhận cho đi đoàn tụ.

Hội Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ ủng hộ thuyền nhân

American Legion, tổ chức Cựu Chiến Binh lớn nhất Mỹ quốc (ba triệu hội viên) đã thông qua nghị quyết kêu gọi chính phủ Hoa-kỳ thực hiện một cuộc tái xét công bằng cho các hồ sơ tị nạn Việt và Mèo.

Bản nghị quyết, được thông qua tại đại hội toàn quốc trung tuần tháng 10.95, khẳng định Hoa-kỳ không thể bỏ rơi những người đã từng sát cánh chiến đấu với Hoa-kỳ trong cuộc chiến bảo vệ tự do ở Đông Nam Á.

Nghị quyết cũng cực lực chống đối đề nghị của Bộ Ngoại Giao Mỹ về việc buộc thuyền nhân hồi hương để được tái xét ở Việt Nam (giải pháp Track II cũ).

Cũng liên quan đến vấn đề cựu quân nhân và Hoa Kỳ, Văn Phòng Di Dân của Hoa-kỳ tại Vọng-các đã quyết định nhận thêm hồ sơ của các người Việt đã tham gia các toán biệt kích, bị Bắc Việt bắt cầm tù và hiện nay đang sinh sống tại VN.

Cho đến nay đã có khoảng 35 cựu biệt kích quân và gần 100 người trong gia đình họ được chấp nhận hồ sơ tị nạn và cho nhập cảnh Hoa-kỳ với tư cách tị nạn. Số người này đã được phỏng vấn ở VN. Theo ông Sedwick Tourison, một chuyên viên về vấn đề biệt kích Mỹ tại VN, hiện còn khoảng 200 cựu biệt kích sống tại VN.

Ông Tourison kêu gọi cộng đồng Việt và các cựu trưởng toán biệt kích Mỹ giúp truy tìm những người này và thân nhân của họ để giúp đỡ lập hồ sơ.

Giải pháp Track II?

Trong những ngày cuối cùng của "mùa tị nạn", các nước tạm dung, Cao ủy Tị nạn, các tổ chức và cá nhân đấu tranh cho thuyền nhân và ngay bản thân những người tị nạn đã không thể đồng ý với nhau về những giải pháp phe này hay phe kia đưa ra để giải quyết.

Trong các phe phái vừa kể, những tổ chức và cá nhân tranh đấu cho tị nạn và người tị nạn là những kẻ yếu thế nhất. Do đó, bất cứ một giải pháp nào được đưa ra cũng là một tia hy vọng đối với họ.

Giải pháp Track II được bàn đến ở Quốc Hội Hoa Kỳ gần đây là một trong những đề tài được quan tâm và tranh cãi nhiều. Cao Ủy Tị-nạn LHQ phổ biến tin về Track II, chính quyền Thái Lan cũng đã có thông tư về Track II cho thuyền nhân ở Sikiew.

Gần đây, đài phát thanh BBC và báo chí Việt ngữ hải ngoại, các hội đoàn, tổ chức đã đưa ra nhiều nhận định về đề tài này. *Làng Văn* tóm lược

sau đây một số chi-tiết và nhận định về Track II.

Track II là một giải pháp do Bộ Ngoại Giao Hoa-kỳ đưa ra sau khi điều khoản 2104 của dự luật H.R. 1561 được Hạ Viện Mỹ thông qua (điều khoản này liên quan đến việc sử dụng ngân sách bộ Ngoại Giao Hoa-kỳ cho những công việc có liên quan đến thuyền nhân như nhận nhập cư thêm một số tị nạn, đồng thời không cho phép sử dụng ngân khoản tài trợ của Mỹ vào các chương trình hồi hương (xin xem *Tin Tị Nạn* các số trước).

Track II như thế được sự quan tâm của những người lo lắng cho thuyền nhân, và cho những người tị nạn đang tuyệt vọng. Thế nhưng trong những thông tin được phổ biến mới đây, người ta lại thấy một số cá nhân và tổ chức có nhiều phân tích trái ngược nhau về nội dung và ý nghĩa của Track II.

Theo BS Nguyễn Ngọc Kỳ ở Nam California, người đã liên-tiếp nỗ-lực vận-dộng cho thuyền-nhân trong 8 năm qua, trong những bài viết đăng trên một số báo chí Việt, Track II không phải là "phúc" mà sẽ là "họa" cho tị nạn vì giải pháp này quy định:

- Tất cả thuyền nhân đều được quyền xin tái xét với điều kiện phải xin tự nguyện hồi hương.

- Việc tái xét sẽ được thực hiện tại Việt Nam.

Ông Kỳ phân tích:

1. Track II chủ trương tái cứu xét tại VN trong lúc H.R 1561 cấm sử dụng tài trợ của Hoa-kỳ vào mục đích hồi hương, ngụ ý việc tái cứu xét phải thực hiện ở các quốc gia tạm dung.

2. Track II chủ trương thuyền nhân phải được tái cứu xét với điều kiện *phải xin tự nguyện hồi hương*.

H.R. 1561 không có điều kiện này.

3. Track II chủ trương chấp nhận tái cứu xét toàn bộ tất cả thuyền nhân (dĩ nhiên phải xin tự nguyện hồi hương trước).

H.R. 1561 không đề cập tới việc tái cứu xét toàn bộ thuyền nhân.

Từ những phân tích này, ông Kỳ

nhận xét: “Có lẽ chủ ý của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ là nhử mồi “tự nguyện” trở về Việt Nam để được tái cứu xét đi Hoa Kỳ” nhằm hai mục đích:

- Cứu một số thuyền nhân đã bị thanh lọc sai trái bất công (vì áp lực của H.R. 1561).

- “Dọn sạch” tất cả các trại tị nạn đúng kỳ hạn đã được Cao-ủy Tị-nạn tái xác quyết tại hội nghị Kuala Lumpur tháng 2.95.

Bộ Ngoại-giao Hoa-kỳ đang nỗ lực hoàn tất Track II để giải quyết toàn bộ vấn đề thuyền nhân.

Về phương diện kỹ thuật, Track II là một “tuyệt chiêu”. Nhất cử lưỡng tiện.

Trong lúc đó, trong Thông cáo ngày 24.9.95, Ủy ban Cứu Người Vượt Biển xác định mục tiêu tranh đấu đòi hỏi tái cứu xét hồ sơ tị nạn của toàn bộ đồng bào ở các trại tị nạn một cách công bằng. Cuộc tranh đấu này dựa trên một nhận định gốc: “do thanh lọc bất công, một số lượng đáng kể thuyền nhân (ước lượng nhiều ngàn người) đã bị mất quyền tị nạn một cách oan uổng”. Ủy ban cũng đưa ra ba nguyên tắc căn bản của cuộc tranh đấu:

1. Ngưng cưỡng bách hồi hương.
2. Tái cứu xét toàn bộ
3. Cứu xét theo thành phần tị nạn đương nhiên.

Ủy ban nhận xét “điều khoản 2140 của dự luật H.R.1561 dựa vào nhận định gốc và ba nguyên tắc căn bản kể trên.” (điều này ngược với điểm phân tích 3 của BS Nguyễn Ngọc Kỳ).

Theo Ủy ban Cứu người Vượt biển, Track II đang được thảo luận là giải pháp Track II “mới”, “đồng ý với nhận định gốc và ba nguyên tắc căn bản kể trên, và như thế rất gần với điều khoản 2104 của dự luật 1561 và mục tiêu của chúng ta.”

Tuy thế, Ủy ban xác định “Cho đến nay chúng tôi vẫn chỉ chính thức ủng hộ cho một giải pháp duy nhất được nêu lên trong điều khoản 2104 của dự luật 1561. Tuy nhiên chúng tôi không loại trừ bất kỳ một giải pháp nào khác, kể cả giải pháp Track II

mới của bộ Ngoại Giao Mỹ, vì tin rằng mọi cánh cửa cần được mở rộng để cứu giúp càng nhiều thuyền nhân càng tốt.”

Hoạt động của LAVAS năm 95-96

Tổ chức trợ giúp pháp lý cho người tị nạn LAVAS trong Thư Ngỏ gửi Cộng đồng Việt Nam mới đây đã thông báo những ưu tiên hoạt động của LAVAS trong năm 95-96 như sau:

1. Định cư những trường hợp đã bị xét xử lầm lẫn mà đối tượng là những người gần như chắc chắn sẽ bị đàn áp nếu về VN. (đang lập hồ sơ tất cả những trường hợp sai lầm mà LAVAS biết được).

2. Đoàn tụ thân nhân những gia đình đã bị phân tách trong tiến trình thanh lọc, hoặc hội đủ điều kiện để xin cấp chiếu khán di dân vào Mỹ, Gia nã đại hoặc Úc.

3. Trợ giúp pháp lý những thuyền nhân đã đến trại tị nạn sau tháng 2.94, do đó chưa được thanh lọc.

4. Phối hợp với những nhóm tranh đấu cho quyền tị nạn khác, đưa ra những vụ kiện thích ứng nhân danh những thuyền nhân đã bị rút thanh lọc một cách oan uổng.

5. Định cư những thuyền nhân sống tại Phi luật tân quá lâu, dù đã được nhận là tị nạn, song không được nước nào nhận định cư.

Theo LAVAS, các ưu tiên hoạt động này được đề ra sau khi LAVAS đúc kết những thành quả của quá trình đấu tranh:

a. về mặt pháp lý cho người tị nạn ở các nước tạm dung (phát hiện các trường hợp bị thanh lọc bất công, giúp lập hồ sơ và cố vấn kháng cáo)

b. các cuộc vận động, các vụ kiện do tổ chức khởi xướng tại Hoa Kỳ (kiện Bộ Ngoại Giao kỳ thị và phạm luật vì đã từ chối không xét các hồ sơ nhập cảnh của người tị nạn).

Qua kết quả các hoạt động, LAVAS khẳng định Cộng đồng VN có thể vận động một thể chế có quyền lực tại Hoa-kỳ chống lại những thế

lực đã có trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp về những bất công trong thanh lọc.

Sau khi đưa ra nhận xét Cao ủy sẽ rút trách nhiệm đối với thuyền nhân khi Kế hoạch Toàn Diện chấm dứt, vấn đề dung dưỡng hay cưỡng bức hồi hương tị nạn sẽ nằm trong tay các quốc gia tạm dung, LAVAS - qua kế hoạch công tác đã đề ra - phải sẵn sàng để giúp đỡ thuyền nhân một cơ hội chót.

Công tác này nặng về mặt pháp lý cần đến nhiều luật sư, và cần luật sư tại các nước tạm dung, do đó, tổ chức ước tính sẽ cần đến khoảng 100 ngàn mỹ kim cho chi phí năm 95-96.

Ngân khoản cần thiết này có thể có được, bằng sự đóng góp yểm trợ của cộng đồng Việt, như các thành viên của cộng đồng đã làm và cung cấp cho LAVAS trong thời gian qua. (Ngân sách LAVAS tháng 1 đến cuối tháng 9.95 là thu 221.636 mỹ kim, chi 164.477 mỹ kim. Các cá nhân và hội đoàn cần có báo cáo tài chánh chi tiết xin liên lạc LAVAS).

Thư ngỏ cũng đưa ra chi tiết về con số thuyền nhân và kết quả thanh lọc (tính đến cuối tháng 6.96) tại các trại tị nạn:

Hương cảng: 22,782 (rớt thanh lọc 21.204)

Nam dương: 4.856 (4.818 rớt)

Mã lai: 4.650 (4.530 rớt)

Thái lan: 5.336 (5.147 rớt)

Phi luật tân: 2.751 (2.573 rớt)

Nhật: 165 (161 rớt)

Tân-gia-ba: 99 (97 rớt)

Áo-môn: 9 (0 rớt).

góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(ĐỘC-GIẢ GÓP TEM,
TÒA-SOẠN TẶNG BÁO)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quý thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình “độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo”, chi-tiết như sau:

- Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 20 mỹ-kim (28 gia-kim).

- Tiền tem để gửi báo máy bay (10 ngày tới): 40 mỹ-kim (55 gia-kim).

DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ VÀ THÂN-HỮU LÀNG VĂN GÓP TEM GỬI BÁO NĂM 1995:

Họa-sĩ Trần Đình Thụy (Scarborough): 1 năm báo; Cô Trần Thị Mỹ Châu (Montréal): 9 kỳ báo; Ông Phan Long Yên (CA): 1 năm báo, 2 số mỗi kỳ; Hươu Cao Cổ (1 năm báo, 2 số mỗi kỳ); Bà Huỳnh Thúy Phương (Scarborough): 1 năm báo; Ông Lê Đình Hoà (MB): 1 năm báo, 7 tờ mỗi kỳ; ông Hoàng Giao (AB): 1 năm báo; K. Phương (Thụy-sĩ): 1 năm báo; ÔB Nguyễn Văn Thông: 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Nguyễn Văn (MN): 1 năm báo; Nguyễn Thu Không (CA): 1 năm báo; Thi-sĩ Trương Chi (Montréal): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Vũ Nghi (BC): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Ngọc Hân (Texas): 1 năm báo, 3 tờ mỗi kỳ; Nha-sĩ Lương Bá Lê (Montréal): 1 năm báo, 5 tờ mỗi kỳ; Lâm Hưng và hai bé An Như (California): 1 năm báo; Nguyễn Minh Khánh (Toronto), 2 tờ mỗi kỳ trong một năm;

CÁC ĐỊA-CHỈ NGƯỜI TỊ-NẠN VÀ THÂN-NHÂN CẦN BIẾT:

Địa-chỉ Ủy ban báo nguy giúp người vượt biển:

Boat People SOS
P.O. Box 2652
Merrifield, VA 22116, USA

Địa-chỉ Cơ-quan trợ giúp về pháp-luật cho người Việt tị-nạn:

LAVAS
P.O. Box 2606
Merrifield, VA 22116, USA

President William Clinton
The White House
Washington, D.C. 20510
USA

kinh-nghiệm tị-nạn:

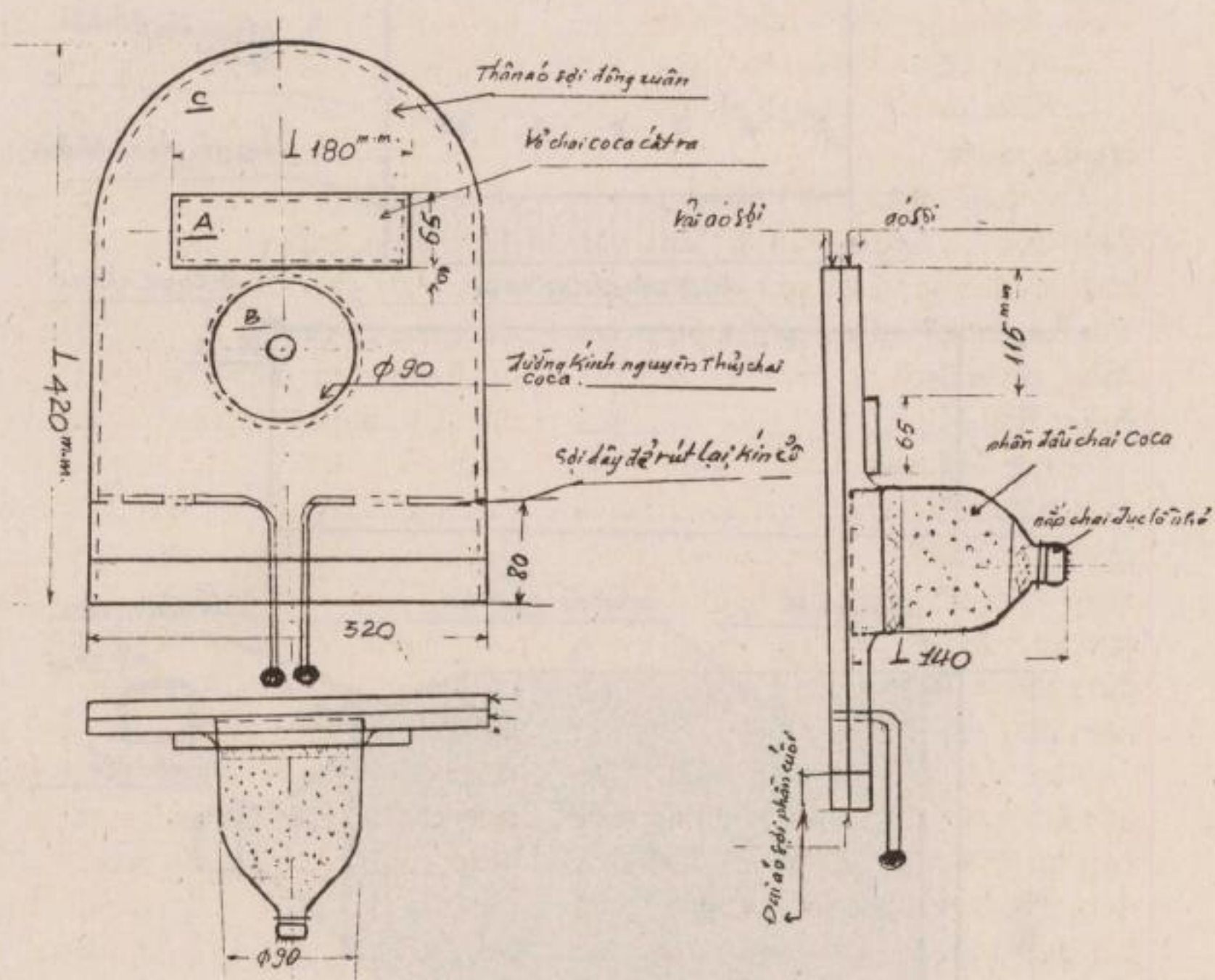
Mũ Chống Hơi Cay, Sáng-Chế của Đồng-Bào Tị-Nạn tại Hương-Cảng

Trong hoàn cảnh khó khăn, phải đối đầu với hơi cay, dùi cui gần như hàng ngày, những người tị nạn tại Hương Cảng đã có nhiều sáng kiến để tự vệ, để sống còn và để tiếp tục tranh đấu để khỏi bị trả về địa-ngục Việt-nam.

Một trong những sáng chế của tị nạn Việt ở trại giam Whitehead là chiếc mũ chống hơi cay. Mũ được

làm từ áo thun và vỏ chai coca (loại 1 lít bằng nhựa trong) và những phương tiện dễ tìm. Tuy thô thiển, chiếc mũ chống hơi cay có đầy đủ công dụng và đặc tính của một mặt nạ chống hơi ngạt.

Tác giả sáng chế đã gửi "qui trình công nghệ" của chiếc mũ chống hơi cay về toà soạn theo yêu cầu. Làng Văn phổ biến cách thực hiện để giúp



Bản vẽ 1: Qui-trình công-nghệ chế-tạo mũ chống hơi cay (kích-thước: tính bằng mm)

thuyền nhận các nơi khác một dụng cụ chắc chắn là hữu ích trong thời điểm này.

1. Vật liệu cần thiết:

a. để làm mũ:

- áo dệt bằng sợi dày (loại áo thun, do trại phát, đồng-bào tị nạn tại Hương Cảng quen gọi theo tên ở miền Bắc VN là áo đông xuân).

- chai coca (loại lớn 1 lít, bằng nhựa trong)

- kim, chỉ,

b. để thay hoá chất chống hơi cay:

- than củi đập vụn (làm chất lọc hơi cay).

- giấm chua (làm bằng ruột bánh mì ngâm nước đường), tỏi.

2. Cách làm: (xem bản vẽ 1, 2 và ảnh chụp).

- cắt áo theo hình vẽ (phía trên bản vẽ 02, phần mang ký hiệu C-C) lấy cả hai thân trước và sau, khâu ở mặt trái rồi lộn lại, dùi lỗ luồn dây theo hình.

- cắt vỏ chai coca (chú ý theo đúng kích thước, giữ tất cả các phần vỏ chai cắt ra). Phần cắt ra ở bên dưới thân chai mang ký hiệu A-A (cắt từ thân chai) sẽ được dùng làm "kính mặt nạ". Dùi lỗ quanh các cạnh miếng "kính" để may vào mũ. Nên khâu trước vào vải rồi hãy cắt lỗ cho dễ làm.

- Phần còn lại (phần trên của vỏ chai) mang ký hiệu B-B trong bản vẽ sẽ được dùng làm "mồm thở" dài 140mm. Dùi lỗ nhỏ li ti để lấy không khí vào. Dùi lỗ nhỏ phía dưới (chỗ

cắt) khâu vào phần mũ. Nắp chai cũng dùi lỗ.

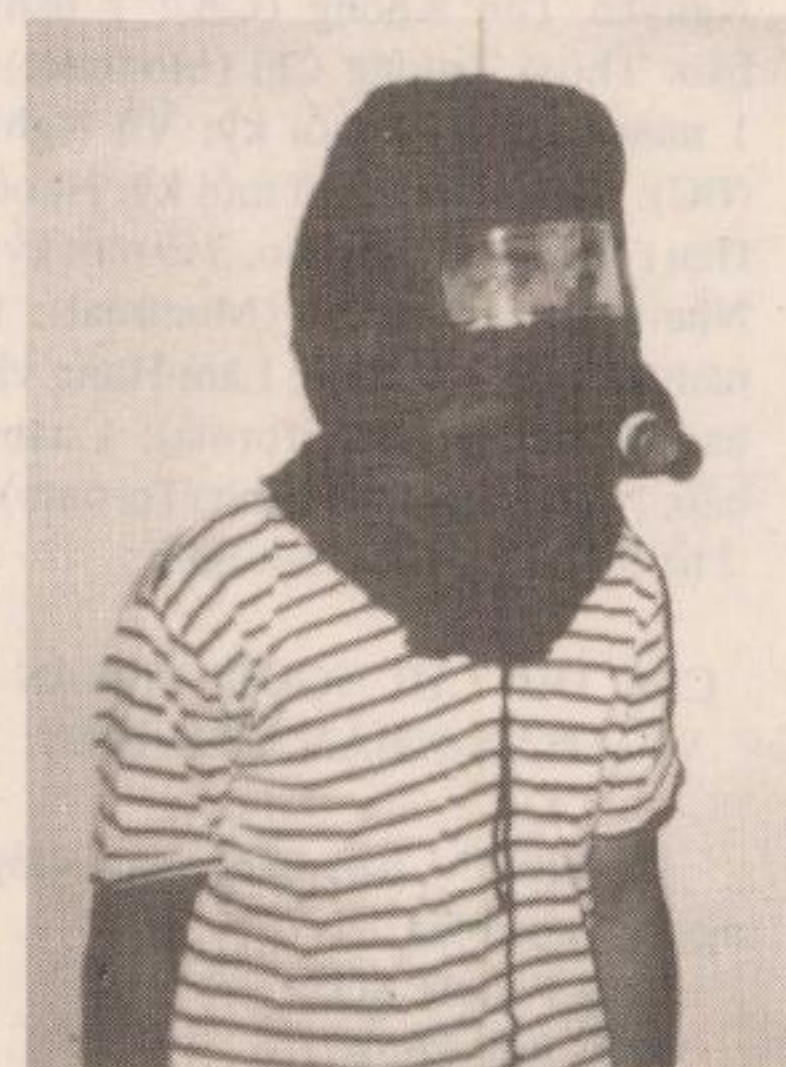
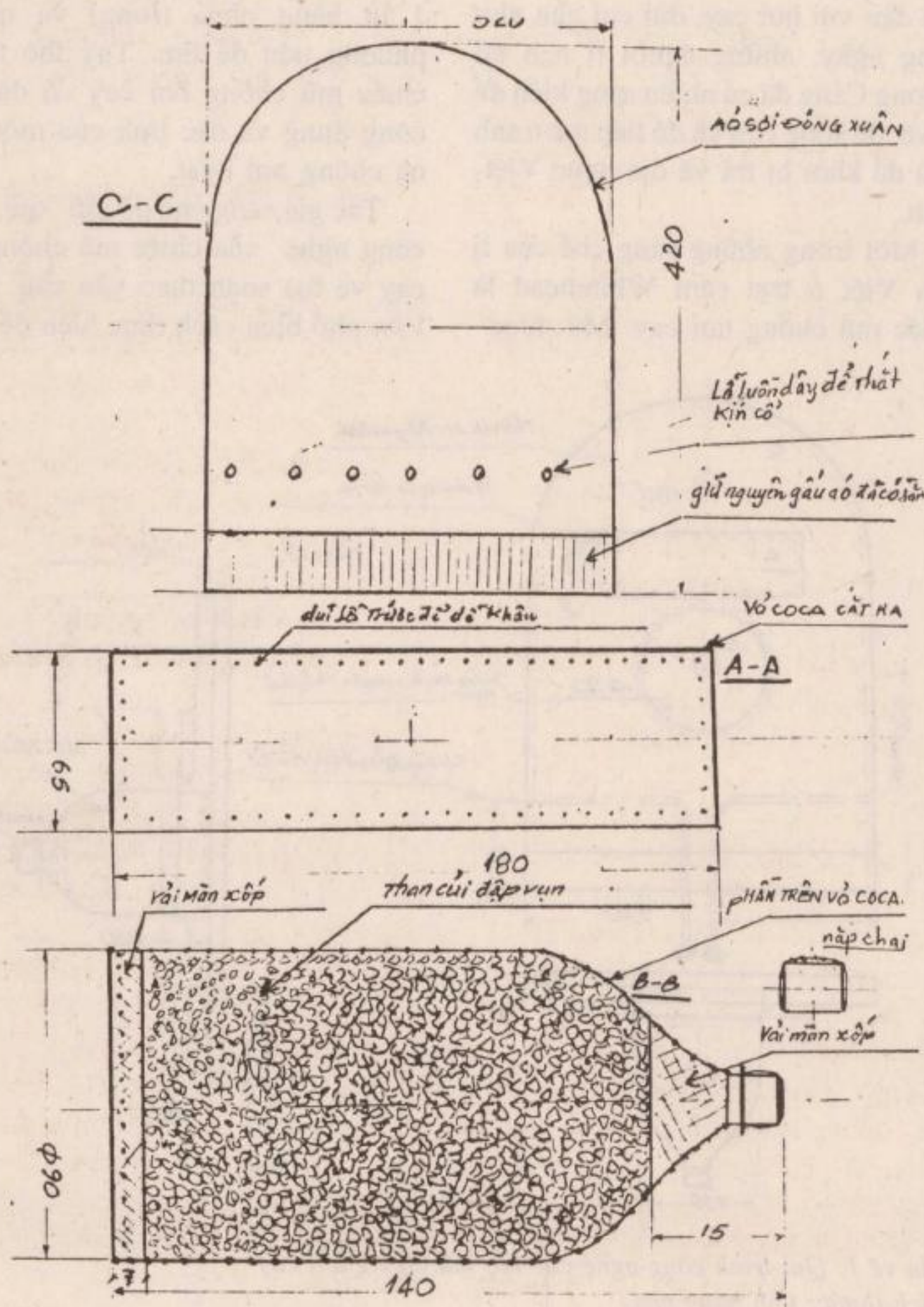
- Độn than củi đập nhỏ vào phần "mồm thở", chú ý không độn chặt lắm. Đây là bộ phận lọc hơi cay. Ở hai đầu - gần nắp chai và đáy "mồm thở" lấy vải màn (mùng) mỏng để lót.

3. Sử dụng:

Trước khi sử dụng, lấy nước giấm chua đổ vào lớp vải ở đáy mồm thở và ở gần nắp chai. Chú ý giữ cho phần than vụn không bị ướt.

Sáng chế mũ chống hơi cay được hoan nghênh nhiệt liệt ở Hương Cảng. Tác giả cho biết chai coca là món hàng bán chạy nhất "căng tin" trại và đi đến đâu người ta cũng thấy người tị nạn may mũ.

Phía cảnh-sát Hương-cảng, sau khi đã bắn hàng ngàn trái cay vào một vị-trí nhỏ hẹp, đã phải sửng-sốt khi thấy người tị-nạn vẫn hiên-ngang chống trả các đợt tấn-công một cách dũng-mãnh.



Hình chụp: một chiếc mũ chống hơi cay sau khi hoàn-tất. Phần kính che mắt lấy nhựa trong từ phần dưới chai coca. Phần mồm thở chứa đầy than củi giã nhuyễn trộn giấm và tỏi. Phần vải lấy từ áo đông xuân rất dày, đủ sức ngăn hơi cay xuyên thấu qua.

Hình vẽ: Đổ giấm hòa tỏi vào cho âm-âm phần đầu và cuối mồm thở (không nên đổ ướt dầm, sẽ giảm hiệu-lực của than, dùng lọc khí độc).



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ trách

Ngư-lôi Nga xuất-hiện tại Sài-gòn

Nhân-viên cảng Sài-gòn đã khám-phá một trái ngư-lôi dài gần 8 mét, nặng 3 tấn trên tàu Ivan Kurechenko, trọng tải 4.758 tấn, đậu trên sông Sài-gòn.

Chiếc tàu này do Hải-quân Nga bán cho công-ty Young Distributions của Nam Hàn để lấy sắt vụn. Công-ty Nam Hàn cho kéo tàu từ Vladivostok (Nga) sang cảng Sài-gòn, giao cho công-nhân Việt-nam phá ra lấy sắt.

Trái ngư-lôi sau đó bị trục ra khỏi tàu, tìm cách hủy đi.

Nhà nước tăng thuế: dân dẹp chợ

Thành Hồ lại ra lệnh tăng thuế chợ lên gấp rưỡi so với mức thuế năm 1994.

Tiền thuế thu của chợ vải Soái Kinh Lâm từ 22,5 tỉ đồng tiền Hồ, tăng vọt lên 34,3 tỉ (152%).

Thuế chợ Kim Biên từ 5,2 tỉ vọt lên 8,1 tỉ (156%).

Thuế chợ Bình-tây từ 18 tỉ vọt lên 27 tỉ (150%).

Đây là cách nhà nước CSVN siết lại "cơ-chế thị-trường", điều-hành

thị-trường "tư-bản" theo lối cộng-sản.

Thuế lên gấp rưỡi thì hàng-hóa phải tăng giá gấp đôi. Do đó tình-trạng ế-ảm xảy ra liên-tục. Mức thu-nhập tụt xuống ở mức từ 30 đến 40% so với mọi năm. Trong tháng qua, lại thêm 760 tiểu-thương ở các chợ sang sạp và 220 tiểu-thương treo sạp, chuyển sang buôn hàng xách, cầm tay bán rong trên đường phố để tránh thuế.

Thỏa-hiệp hàng-không Mỹ-VC tiếp-tục bế-tắc

Các cuộc thương-thảo để tiến-tới một thỏa-hiệp về hàng-không giữa Mỹ và VC tiếp-tục bế-tắc.

Các buổi họp giữa Lê Ngọc Hoàn, Thứ-trưởng Giao-thông VC, bay sang Mỹ gặp Federico Pena, Bộ-trưởng Giao-thông Mỹ hồi tháng 9.95 không mang lại bất cứ một kết-quả nào.

Ngày 6.11, Bộ-trưởng Pena của Mỹ bay sang Việt-nam để bàn tiếp. Vẫn bế-tắc.

Ông Pat Murphy, Thứ-trưởng Giao-thông Mỹ cho biết, lý-do của sự bế-tắc là Hà-nội đòi tất cả các hãng hàng-không của Mỹ phải "liên-doanh" với Hãng-không VC. Trong khi đó, các hãng máy bay của Mỹ

cương-quyết hoạt-động độc-lập. Giữa các công-ty Mỹ với nhau, có uy-tín nghề-nghiệp cao, còn không thể làm ăn chung, làm sao họ có thể "liên-doanh" với kẻ cướp!

Ngưng cấp giấy phép thành-lập công-ty

Nhà nước CSVN đã bất thần ra lệnh ngưng cấp giấy phép thành-lập công-ty và mở văn-phòng tư-vấn luật-pháp. Đồng-thời lệ-phí cấp giấy phép và gia-hạn giấy phép cho các văn-phòng luật-sư ngoại-quốc tại Việt-nam đã bị tăng giá lên gấp đôi.

Theo giá biểu mới, lệ phí xin mở văn-phòng cho công-ty ngoại-quốc: 5.000 mỹ-kim; lệ-phí gia-hạn giấy phép: 3.000 mỹ-kim. Đổi tên công-ty hoặc bổ-sung danh-sách luật-sư: 500 mỹ-kim. Thay-đổi nội-dung hoạt-động, lãnh-vực ngành nghề: 1.000 mỹ-kim.

Ngoại-trưởng Phi sang Hà-nội

Ngoại trưởng Phi-luật-tân, ông Rodolfo Severino bay sang Hà-nội vào ngày 30.11 để thương-thảo về vấn-đề chủ-quyền trên một số đảo ở Trường-sa.

Cuộc thương-thảo kéo dài 3 ngày. Phía CSVN do Thứ trưởng Ngoại-giao Vũ Khoan cầm đầu.

Đình-công tại Công-ty giày Hiệp Hưng

Khoảng 50 công-nhân Công-ty giày Hiệp-Hưng đã đình công toàn diện hôm 8 tháng 10 để phản-đối ban giám-đốc người Đài-loan đã ngược-đãi công-nhân và vô cớ sa-thải 10% nhân-viên.

Hiện nay công-nhân phải làm việc 6 ngày một tuần, ba ngày làm 9 tiếng và ba ngày làm 11 tiếng. Thỉnh-thoảng ban giám-đốc còn đột-ngột tăng giờ, bắt công-nhân nhịn đói làm việc. Công-nhân Việt-nam đã nhiều lần ngấm-ngấm phản-đối nhưng không hiệu-quả; nay là đợt biểu-tình đầu tiên.

Bia Con Cọp rót ra con đế

Dân Sài-gòn đồn rùm về vụ thực-khách ở nhà hàng Hoàng Thiên rót ra một con đế trong lon bia hiệu Tiger, tức con cọp.

Nhà hàng nộp đơn khiếu-nại. Hãng bia nhất-định cãi, và Phòng Khiếu-nại Tiêu-dùng của nhà nước ra quyết-định “tạm ngưng giải-quyết.” Đám mồm nhà nước xong, hãng bia bịt mồm luôn báo-chí thành Hồ, cũng do nhà nước quản-lý.

Tuy-nhiên, trong xã-hội cộng-sản, chỉ hối-lộ hai ngành kinh-tế và báo-chí thôi chưa đủ. Hãng bia Tiger đã bị Sở Thông-tin Văn-hóa thành Hồ phạt 10 triệu đồng.

Nguyên do, hãng này mời 20 nhà báo tới lầu 1 đại khách-sạn Metropole gọi là để “họp báo”, nhưng thực-tế là đớp hít trọng-thể.

Họp kiểu này mà quên không mời Sở Thông-tin Văn-hóa, tất nhiên sinh chuyện lớn. Sở Văn-hóa sai nhân-viên tới đòi xuất-trình giấy phép họp báo. Công-ty có xin giấy phép đâu mà trình! Thế là buổi tiệc bị giải-tán và hãng bia bị phạt 10 triệu.

Đây cũng là lần đầu-tiên một công-ty liên-doanh với ngoại-kiều, bị phạt về tội họp báo không giấy phép.

Hạn-chế sinh-đẻ: mỗi nhà hai con

CSVN noi gương Trung Cộng, bắt đầu áp-dụng lệnh cấm đẻ: mỗi nhà chỉ được phép sinh tối-đa hai con mà thôi.

Lệnh này bắt đầu áp-dụng tại các vùng quê miền Bắc và thôn bản xa-xôi. Hình-phạt sơ-khởi là phạt 1 triệu đồng tiền Hồ và ngưng cấp đất canh-tác. Phụ-nữ vi-phạm sẽ được “xóm làng” giáo-dục và khuyên-bảo cho đến khi nào chịu “tự nguyện” xin cắt buồng trứng.

Bão lụt tại Quảng-bình

Trận bão lụt bắt đầu từ 26.10 tại Quảng-bình, với sức gió 105 cây số giờ, làm 22 người chết, tàn-phá 30%

nhà cửa dân-chúng, phá hỏng 60% mùa màng, đe điều. Tổng cộng có 4.000 mẫu ruộng và hoa màu bị úng thủy, 7.000 tấn lúa bị lên mọng.

Tính từ đầu năm đến nay, có 75 người chết vì bão lụt tại Quảng-bình và 140 người tại miền Tây Nam-phần.

Hàng giả, hàng lậu

Báo VC tiết-lộ, hệ-thống buôn lậu thuốc lá từ miền tây về Sài-gòn với hàng trăm xe gắn máy mỗi ngày, vẫn không cung-cấp đủ nhu-cầu cho giới tiêu-thụ. Cùng lúc, hàng hóa điện-tử do tàu bè ngoại-quốc mang vào Sài-gòn càng lúc càng nhiều.

Mặt khác, hàng giả tiếp-tục tràn-ngập thị-trường, từ kem đánh răng Haimei (Quảng-châu giả), đến thuốc trị mụn, phụ-tùng xe gắn máy, xe đạp, thức ăn đóng hộp, sữa đậu nành, quần jean hiệu Out-line và Levis giả, băng keo, bình thủy điện Miyatawa giả, v.v.

Dân buôn lậu: 20 năm tù; đảng-viên buôn lậu: cảnh-cáo

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng-ngãi đã nhóm liên-tiếp trong hai tháng để xử 14 trong 29 vụ án buôn lậu.

Bản án nặng nhất dành cho dân-chúng phạm-pháp là 20 năm tù. Bản án nặng nhất dành cho cán-bộ buôn lậu là khai-trừ khỏi đảng, hoặc bị cảnh-cáo.

Dưới chế-độ cộng-sản luôn luôn có hai hệ-thống pháp-luật, một dành cho dân-chúng và một dành cho đảng-viên.

Xe đồ xuống ruộng: 8 chết

Một chiếc xe đồ chạy từ Hà-tĩnh vào Quảng bình đã lao xuống ruộng hôm 11.10, khiến 8 người chết, 25 người bị thương. Các nguyên-nhân chính là vượt tốc-độ, chở quá nhiều khách và chất trên mui quá nhiều hàng-hóa.

Nguyên-nhân chính là công-an ăn của dút, không kiểm soát đúng mức

khi chủ hãng xe đồ cho mang xe tới khám an-toàn, khiến mỗi chiếc xe đồ tại Việt-nam trở thành một thứ quan-tài lưu-động.

Voi Nghệ-an giết người

Vì nạn phá rừng, thú dữ không nơi sinh sống đã tràn xuống đồng-bằng thường-xuyên. Tại Nghệ-an hôm 29.10, một đàn voi 3 con đã tấn-công đồng-bào làm việc tại Hợp-tác-xã Pa-Xe, quật chết 2 người, đuổi đánh hàng chục người khác.

Nạn trộm gỗ trầm

Phong-trào buôn lậu gỗ trầm càng ngày càng mạnh tại tỉnh Hoàng Liên Sơn (tức Yên-bái, Lào Cai, Sơn-la và Lai-châu hợp lại).

Loại trầm hương này thuộc họ cây thông, rất thơm, chôn dưới đất hàng trăm năm không mục, không bị mối mọt. Giá gỗ từ rừng xuống phố chênh-lệch quá xa, trở thành nguồn lợi to-tát, kích-thích giới đi buôn.

Giá 1 thước khối trầm hương như sau:

- Tại huyện Văn Chấn (Yên Bái): 100 mỹ-kim.
- Tại thị-xã Yên-bái (cách Văn Chấn 80 cây số): 5 triệu.
- Tại Vĩnh-phú: 1.000 mỹ-kim.
- Tại Hải-phòng, và Quảng-ninh: 2.000 mỹ-kim.

Ngoài trầm, loại gỗ mun cũng rất đắt giá, khiến dân-chúng nhiều vùng đổ xô lên núi tìm gỗ, còm đùm còm nắm có khi đi hàng tháng chưa về.

Vào ban đêm, đường Yên-bái, Lào Cai nườm-nượp người qua lại. Gỗ trầm rất thơm, được dân chúng dùng phân trâu bò nhồi đất sét phết lên nhiều lớp rồi giấu dưới các loại tre nứa, gỗ tạp khi qua trạm kiểm-soát.

Dân đi rừng có tổ-chức, làm ăn dưới tay các ông chủ lớn còn mở-ra nhiều con đường mòn băng thẳng sang biên giới Trung Cộng để chuyển gỗ đi, với từng chặng ngắn từ 2 đến 5 cây số, có hệ-thống giao-liên, tiếp-vận, các tổ báo-động, ban giao-tế và các toán đánh tháo.

Gia-nã-dại trục-xuất người Việt phạm-pháp

Chính-phủ Gia-nã-dại đã thành-công trong việc thuyết-phục nhà nước CSVN nhận lại những người tị-nạn và di-dân phạm-pháp.

Đã có 7 phạm-nhân Việt-nam bị tống-xuất về Việt-nam. Danh-sách tống-xuất bao gồm 50 người, sẽ bị dẫn-độ về nước trước cuối năm nay.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu-điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Lãnh-sự-quán Cambodge 43 Phùng Khắc Khoan, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Lãnh-sự-quán Malaysia 53 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3 TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán Cuba 43 Phùng Khắc Khoan, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Lãnh-sự-quán Poland 2 Trần Cao Văn, Q.1 TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán Pháp-quốc 27 Ng. T Minh Khai, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Lãnh-sự-quán Russia 40 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3 TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán Trung-hoa 35 Nguyễn Trung Trực, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Lãnh-sự-quán Thailand 141 Nguyễn Huệ, Q.1 TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán Germany 126 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3 TP/HCM, Vietnam	United Nations Development Plant Phùng Khắc Khoan, Q.1 TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán Hungary 22 Phùng Khắc Khoan, Q.1 TP/HCM, Vietnam	UNICEF 1 Đồng Khởi, Q.1 TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán India 49 Trần Quốc Thảo, Q.3 TP/HCM, Vietnam	UNHCR 257 Hoàng Văn Thụ, Q. Tân-bình TP/HCM, Vietnam
Lãnh-sự-quán Laos 181 Hai Bà Trưng, Q.3 TP/HCM, Vietnam	

International Red Cross Society 79 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3 TP/HCM, Vietnam	Air France 112 Đồng Khởi, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Aeroflot 4B Lê Lợi, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Air Laos Sân bay Tân Sơn Nhất Phòng 6-7 TP/HCM, Vietnam	Cathay Pacific 49 Lê Thánh Tôn, Q.1 TP/HCM, Vietnam	China Airline 116 Nguyễn Huệ, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Eva Airline 191 Nam-kỳ khởi-nghĩa, Q.3 TP/HCM, Vietnam	Garuda 104 Nguyễn Huệ, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Korea Airlines Phòng 376, K/S Rex 141 Nguyễn Huệ, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Kampuchia Airlines 343 Lê Văn Sĩ, Q. Tân-bình TP/HCM, Vietnam	Lufthansa 132 Đồng-khởi, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Malaysia Airlines 65 Lê Thánh Tôn, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Qantas 120 Cách-mạng tháng 8, Q.3 TP/HCM, Vietnam	Singapore Airlines 6 Lê Lợi, Q.1 TP/HCM, Vietnam
---	---	---	--	---	---	--	--	--	---	--	--	---	--

Võ Trần Chí 86 Lê Thánh Tôn, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Sở Ngoại-vụ 6 Thái Văn Lung, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Sở Kinh-tế Đối-ngoại 1 Nam-kỳ khởi-nghĩa TP/HCM, Vietnam	Sở Công-an 286 Trần Hưng Đạo, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Sở Văn-hóa Thông-tin 164 Đồng-khởi, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Cửa hàng mua bán sách cũ 181 Calmette TP/HCM, Vietnam	Cửa hàng sách cũ 142B Võ Thị Sáu, Q.3 TP/HCM, Vietnam	Sách Tổng-hợp 40 Ngô Đức Kế TP/HCM, Vietnam	Quầy sách báo 231 Nguyễn Văn Cừ Q.5, TP/HCM, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Algeria 13 Phan Chu Trinh Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Afghanistan 11 khu Vạn Phúc Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Australia 66 Lý Thường Kiệt Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Bulgaria 2F khu Vạn-phúc Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Belgium D1 khu Vạn phúc Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Cambodia 71A Trần Hưng Đạo Hà-nội, Vietnam
--	--	--	---	---	---	---	---	--	---	---	---	--	---	--

Southern Airlines 52B Phạm Hồng Thái, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Thai Airways 116 Nguyễn Huệ, Q.1 TP/HCM, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán France 49 Bà Triệu Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Germany 29 Trần Phú Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Hungary 43 Điện biên phủ Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán India 58 Trần Hưng Đạo Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Indonesia 50 Ngô Quyền Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Iran 54 Trần phú Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Iraq 66 Trần Hưng Đạo Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Italy 9 Lê Phụng Hiểu Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Japan E3 khu Trung-tự Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Laos 22 Trần Bình Trọng Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Malaysia A3 khu Vạn phúc Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán North Korea 25 Cao Bá Quát Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Palestine Khu Trung tự Hà-nội, Vietnam
---	--	--	---	--	--	--	--	---	---	---	---	--	--	--

Tổng Lãnh sự quán Philippines E1 khu Trung tự Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Rumania 5 Lê Hồng Phong Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Russia 58 Trần Phúc Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Sweden khu Vạn phúc đường số 2, 358 Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Switzerland 77B Kim mã Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Thailand E1 khu Trung tự Hà-nội, Vietnam	Tổng Lãnh sự quán Yugoslavia 27B Trần Hưng Đạo Hà-nội, Vietnam	Bộ Công-nghiệp nặng 54 Hai Bà Trưng Hà-nội, Vietnam	Bộ Công-nghiệp nhẹ 7 Tràng Thi Hà-nội, Vietnam	Trần Hồng Quân Bộ Giáo-dục & Đào-tạo 46 Đại Cồ Việt Hà-nội, Vietnam	Bùi Danh Lưu Bộ Giao-thông Bưu-điện 80 Trần Hưng Đạo Hà-nội, Vietnam	Công-ty Việt Quang 232 Trần Hưng Đạo Q1, TP/HCM, Vietnam	Dịch-vụ Vi Tính 49 Võ Thị Sáu Q3, TP/HCM, Vietnam	Datamini Shop 55 Pasteur Q1, TP/HCM, Vietnam
---	---	---	--	--	--	--	---	--	--	---	--	---	--

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

Đau đầu vì đồng tính luyến ái

Thời xa xưa, những người đồng tính luyến ái thường lẩn tránh những cặp mắt người đời vì nếp sống chẳng giống ai của họ. Ngày nay, thời buổi khác thì quan niệm cũng khác, họ hiện ngang ra mặt với đời và đôi khi còn rầm rộ xuống đường căng to biểu ngữ đòi hỏi này kia kia nọ.

Mới đây, ở đất Gô-Loa, sau khi hai tỉnh Montpellier và Saint-Nazaire đi tiên phong thì 6 ngài thị trưởng cấp quận của Ba Lê thuộc đảng Xã hội và Phong trào Công dân Pháp tỏ ý sẵn sàng cấp chứng chỉ chung sống cho những cặp đồng tính luyến ái. Thế là một cuộc đòi co nổ ra giữa toà Thị chính Ba-lê và 6 quận. Từ vấn đề mang tính xã hội, chuyện cấp hay không cấp chứng chỉ kia lan sang lãnh vực luật pháp và chính trị.

Lập luận tán thành thì cho rằng họ quyết định như thế là dựa trên nguyên tắc "tôn trọng quyền bình đẳng và không kỳ thị giới tính". Thế nhưng đó chỉ là thủ thuật của các ngài quận trưởng địa phương chứ thực sự họ không có quyền. Quyền về hộ tịch của các quận thủ đô nằm trong tay ông Đô trưởng Ba-lê.

Lý do để các ngài quận trưởng cương ẩu, tự lên dây cót cho phép mình biểu diễn màn "cấp chứng chỉ chung sống" cho bất cứ ai muốn xin và hứa đích thân quan quận sẽ ký tên



cùng đóng dấu quận đường, chỉ để nhằm mục đích kiếm phiếu.

Thấy số cử tri thuộc phe đồng tính luyến ái có mỗi gia tăng nên quý vị dân cử làm đủ mọi cách để hốt phiếu dù phải hành động kỳ cục đến đâu chẳng nữa. Chính khách ở đâu cũng thế, miệng nói vì dân vì nước nhưng thực ra chỉ vì quyền lợi của chính họ.

Nỗi khổ của loài ngựa cái

Để chữa bệnh cho các bà trong thời kỳ mãn kinh, người ta đã lấy nước tiểu của ngựa cái có thai đưa vào một hỗn hợp được liệu. Nghe qua thấy giản dị nhưng thực tế là cả một cực hình cho loài ngựa cái!

Chi nhánh Aequalis ở Pháp thuộc hiệp hội Peta của Hoa Kỳ cho biết: "Ở Mỹ có 17 và ở Canada có 461 nông trại phục vụ cho phòng bào chế Wyeth-Ayerst. Trung bình mỗi nông trại có trên 100 con ngựa." Như vậy là có hàng chục triệu con ngựa cái bị hành xác vì nhu cầu chế biến Premarin, một thứ thuốc chữa trị các

tác hại của thời kỳ mãn kinh. Trong 11 tháng bụng mang dạ chửa, ngựa cái bị nhốt mất 7 tháng. Ngựa ở trong bóng tối rất dễ bị ốm đau, suy yếu cần phải nằm, thế là người ta dùng thanh sắt hay chĩa ba đánh đập chúng tàn tệ, nếu không chết thì cũng sẩy thai. Muốn có được nước tiểu cô đọng gây chất Oestrogène, người ta chỉ cho ngựa uống có 22 lít nước một ngày, khoảng 1/3 lượng nước cần thiết. Đến mùa xuân thì ngựa con ra đời, nhưng số phận ngựa con cũng chẳng hơn gì. Một vài con đực được giữ lại để làm giống và một số ngựa cái được giữ lại để cung cấp nước tiểu. Những con còn lại, đến tháng 9 người ta đưa vào lò thịt.

Làm thân trâu ngựa đã khổ, riêng phận ngựa cái dùng để chế thuốc còn đau đớn muôn lần hơn. Kiếp sau chẳng biết phải đầu thai ra giống gì đây ?

Sò trần hải đầu

Khoảng vài tháng nay, người Pháp vùng Địa Trung Hải vừa tuyển dụng được một đạo quân biên phòng chống ô nhiễm đại dương khá hữu hiệu, có khả năng kỹ thuật sinh học cao mà đòi hỏi ít phí tổn: Đó là loài trai, sò (moules).

Trong vòng 20 năm nay, loài nhuyễn thể này đã được sử dụng để đo lường phẩm chất nước ở nhiều vùng biển nước Pháp. Muốn ăn các vi sinh vật, nhất là những thực vật nổi (Phytoplankton), loài trai, sò phải lọc một lượng nước khá lớn. Do đó những chất bẩn sẽ bị vướng lại ở lớp mang tấm (Lamellibranches) của nó. Lợi dụng khả năng này của loài trai sò, theo chuyên viên Yves Hénocque của trạm IFREMER (Viện Nghiên Cứu Khai thác Biển), người ta sẽ đem các giỏ sò dính vào các phao dìm ở những vùng biển không có giống này, cách bờ từ 500 thước đến 2 cây số, khoảng độ 4 tháng. Sau đó, người ta thu hồi các giỏ sò nói trên, đem thịt của chúng ra phân chất. Từ những chất tìm thấy trong thịt loài này, người ta sẽ đo được tỉ lệ ô nhiễm trong nước

biển.

Chinh phục đáy biển

Con người đã đi vòng quanh trái đất, đã đặt chân lên mặt trăng và tiếp tục tiến trình chinh phục không gian. Còn lại một bí hiểm khác của thiên nhiên. Đó là lòng đại dương sâu thẳm.

Là biên giới cuối cùng của hành tinh chúng ta, là khoảng rộng mênh mông sau cùng chưa được khám phá, biển và đại dương chiếm gần 71% diện tích địa cầu (81% ở Nam bán cầu và 61% ở Bắc bán cầu). Trong số 361 triệu cây số vuông biển và đại dương này, hơn một nửa sâu dưới 4000 thước nước.

Muốn thám hiểm những “đại lục chất lỏng” đó, người ta phải hiểu rõ các qui luật sinh sống của nó. Trong tinh thần này, Pháp đã đi tiên phong. Viện Nghiên cứu Khai thác Biển (IFREMER) của Pháp sáng chế ra một loại thiết bị độc lập hoạt động ngầm dưới nước tên là Sirène (Nữ nhân ngư) có thể lặn sâu đến 6000 thước và dự trù cho hoạt động thử vào năm 1997.

Nữ Nhân Ngư được trang bị một hệ thống điều khiển hoàn toàn tự động, có thể di chuyển độc lập dưới nước và liên lạc với bên trên hoặc với các phao tiếp vận bằng âm thanh. Nhiệm vụ đầu tiên của các thiết bị này là đặt ở đáy đại dương các phòng thí nghiệm làm các trạm quan sát thường trực. Đến một lúc nào đó, các Nữ Nhân Ngư này sẽ có khả năng di chuyển và định vị thật chính xác trong vòng một vài phân, một độ chính xác rất cần thiết để ráp nối những trạm đáy biển tương lai.

Truyện chính trị giả tưởng: đam mê mới ở Nga

Còn 9 tháng nữa là đến ngày bầu cử tổng thống Nga. Một quyển truyện trinh thám thuộc loại chính trị giả tưởng của Léo Goursky, “*Giết ngài tổng thống*”, vừa xuất bản làm chấn động dư luận Mạc Tư Khoa. Trong tác phẩm này, tác giả hư cấu là

Vladimir Jirinovsky (quốc gia cực đoan) đắc cử tổng thống Nga khi Mạc Tư Khoa đang trong tình trạng hỗn loạn, thực phẩm thiếu thốn, chiến xa đầy đường. Vladimir hứa hẹn dưới triều đại ông, Vodka và thực phẩm sẽ được phân phát miễn phí. Ông ta dự định bắt các thành viên nhóm G7 đang họp tại Mạc Tư Khoa làm con tin, nhưng những người thuộc phe Dân Chủ muốn ám sát ông. Trong khi đó, Boris Eltsine run sợ khiếp đảm, trốn tại nhà nghỉ mát, chờ chiếu khán đi lưu vong ở Pháp...

Loại truyện chính trị trinh thám này đang được quần chúng Nga say mê và bán rất chạy trong thời buổi nhiều nhượng, bấp bênh của nước Nga. Trung bình cứ mỗi tuần là có một tựa sách mới ra đời và bán từ 20 đến 25 ngàn quyển.

Trong số các tác giả loại truyện này, nổi bật nhất là Léo Goursky. Không những ông tìm “y-si-phi-ly thuần” ở nền chính trị nước Nga mà còn ở các diễn viên chính của nền chính trị đó nữa, dĩ nhiên là tên thật của họ phải được sửa đổi. Nhờ Léo, độc giả có thể biết những điều thầm kín của giới cầm quyền sau các bức tường của điện Cẩm Linh.

Điều kỳ lạ là người ta không biết Léo Goursky là ai cả. Qua điện thoại, nhân vật này tự xưng là một luật gia sinh năm 1953, “chưa bao giờ gia nhập Đảng cộng sản”. Ông ta xác nhận sinh sống ở Hoa Kỳ nhưng không nói được một chữ tiếng Anh! Người thì cho rằng Léo thuộc giới thân cận cấp lãnh đạo; kẻ bảo Léo là cựu nhân viên KGB. Loại sách này thành công có lẽ vì cho đến thập niên 80, truyện trinh thám kiểu Mỹ không hề có mặt ở Nga. Nhưng Léo thì tự biện hộ rằng ông không viết để hốt bạc mà để cảnh cáo vì “bọn Phát-xít và bọn cộng sản có thể nắm quyền trở lại”.

Chuyện ...chó má

Nuôi chó là một đam mê của đông đảo người Pháp vì theo họ, chó là một người bạn trung tín. Thế nhưng cũng

vì vậy mà nạn mất chó rất ư là phổ biến ở đất nước Tây Lang Sa. Trên tổng số khoảng 7 triệu chó, hàng năm ở đây có lối 60 nghìn con biến mất một cách bí mật. Không bao giờ tìm thấy được xác chó mất tích. Đường dây chó lậu này là một “áp-phe” vận dụng những khoản tiền đáng kể. Theo Hội Bảo Vệ Thú Vật (SPA) thì đường dây nói trên là nguồn lợi tội lỗi quan trọng sau thị trường cần sa ma túy và ô-tô mất cắp.

Chó được nhập lậu từ các nước Đông Âu cũ, cung cấp cho những phòng thí nghiệm trong lãnh vực nghiên cứu y-khoa, sưu tầm quân sự, thử nghiệm mỹ phẩm,... Hoặc giả người ta nhập chó để lấy giống bán lại những nhà buôn thú vật, cung cấp cho những người nuôi thú lén lút hay tập luyện để bán giá cao dưới dạng chó săn. Một vài giống chó, như chó hướng dẫn người mù có thể lên đến 60.000 quan (gần 12.000 Mỹ kim).

Động lòng trước nỗi khổ của những người chủ mất chó, trước niềm đau của những con chó và bức tức trước cảnh ám muội dã man của những kẻ kiếm lợi bất chính, bà Brigitte Piquetpellforce quyết tâm bỏ nghề điều khiển trò múa rối để cầm đầu ban bài trừ những hành động mờ ám liên quan đến chó trong hội SPA. Với 20 năm kinh nghiệm, bà vừa cho xuất bản quyển *Tru la cùng với chó* (Hurler avec les chiens), trong đó bà kể lại một số chuyện khá đau thương. Phần lớn các chuyện trong sách đều là những câu chuyện “hết ý” có thật, xảy ra hàng ngày, ở Pháp cũng như ở những nơi khác.

Hình như bà Brigitte chưa thu thập đủ kiện về chó ở nước CHXHCN Việt Nam. Nếu quả như vậy thì quyển sách của bà cần phải thêm một vài chương nữa. Hẹn bà ở lần tái bản vậy.

Nghề giữ chó ở Ba Lê

Trong một chuyến dạo chơi Central Park ở Nữ Ước, Florence Boé đã “phát huy sáng kiến” giải quyết tình trạng thất nghiệp của cô. Đó là thành lập một công ty giữ chó

(Dogsitting) cho nhà giàu: Dịch Vụ Bốn Chân.

Hôm ấy, lang thang trong Central Park, Florence thấy một người mang một sợi dây nịt gắn với 10 dây dẫn chó. Thế là 10 con chó cứ đi theo nhân vật đó. Trở về Pháp, sau mấy tháng thất nghiệp Florence bèn nhớ lại cảnh đó và tiến hành ngay nghề Dogsitting. Hiện nay có khoảng 300 chủ chó sử dụng Dịch Vụ Bốn Chân này. Yêu cầu của khách hàng thường là hàng ngày đưa chó dạo chơi trong một giờ, hoặc giữ chó ở nhà hay đưa đến một gia đình khác. Phần lớn nhân viên công ty này là người trẻ (80% tuổi từ 35 đến 45), năng động, cư ngụ trong vùng Boulogne, Neuilly hay quận XVI, và thương yêu súc vật. Họ được trả lương như những người vú em: 30 quan một giờ. Trụ sở công ty đặt tại Neuilly, một khu vực sang trọng ngoại ô Ba Lê.

Gia phả của “Người Con Đất Bronx”*

Viên tướng Mỹ hồi hưu, Colin

Powell, bỗng nhiên không câu mà được! Ông Harold Brooks-Baker, một chuyên viên uy tín về hoàng gia Anh, vừa xác nhận là viên tướng cựu Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ có họ hàng xa xôi với Nữ Hoàng Anh, Elizabeth II. Dĩ nhiên là có gia phả làm bằng.

Số là trong hành trình đi tìm tài liệu về những nhân vật có khả năng ra tranh cử chức vụ tổng thống Hoa Kỳ năm 1996, ông Harold Brooks-Baker đương nhiên cũng tìm hiểu về tướng Colin Powell. Theo kết quả nghiên cứu của ông thì Sally, bà sơ của Colin Powell là một người da đen, quê ở đảo Jamaïque, làm công cho tướng Eyre Coote (1762-1824), thống đốc của đảo này vào năm 1805. Chắc là bà này phải có sắc đẹp nên ngài thống đốc mới xiêu lòng vào một đêm nọ và hành động tình dục sai quấy đã làm cho ngài thống đốc bị loại khỏi hàng ngũ tướng lãnh năm 1815. Kết quả của vụ tình ái lãng nhãng này là một cô gái ra đời vào năm 1807 mà hậu duệ của cô đã trưởng thành trong các ghê-tô đen ở

Nữ Ước.

Thế là “Người Con Đất Bronx” có thể tự hào mình thuộc loại con giòng cháu giòng. Ông Harold Brooks-Baker tuyên bố: “Ông ta có nhiều hy vọng trở thành tổng thống Hiệp Chúng Quốc lắm đó. Trong hai ứng cử viên, người nào có phả hệ gần hoàng gia nhất thường chiếm được chức vụ tối thượng.” Nhà nghiên cứu chuyên ngành gia phả còn kể ra những thí dụ điển hình như Richard Nixon là hậu duệ vua Edouard I của Anh quốc và nhiều người khác nữa trong đó có Ronald Reagan, George Bush, George Washington hay Thomas Jefferson.

(*) Tựa quyển hồi ký của tướng Mỹ Colin Powell

Vui buồn trời Âu

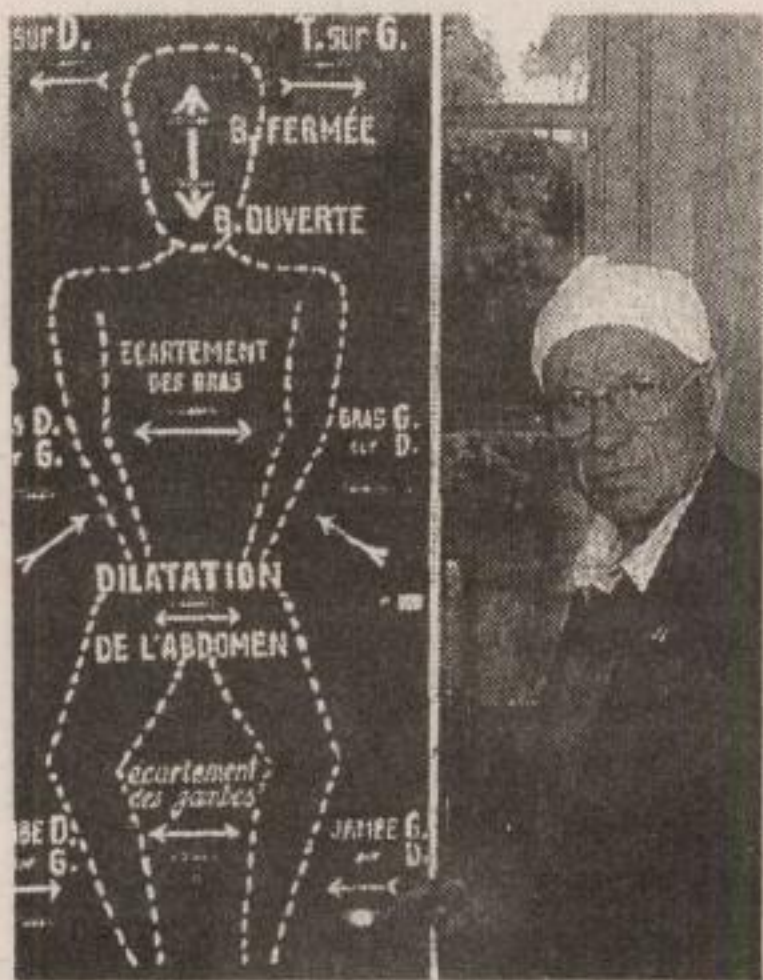
• Một bà người Áo, ghen tức vì người tình thất nghiệp nhỏ hơn bà 32 tuổi cứ tăng tịu với một phụ nữ khác, nhất quyết cho gã trai kia về châu



Ảnh lạ trời Âu: Hàng năm mỗi độ đông về, hàng đoàn tuần-lộc hiền-lành rời phương Bắc giá băng lần về phương Nam tìm chút cỏ non và trở thành mồi ngon cho những tay thợ săn tàn-bạo ở Liên-sô cũ.

Diêm Vương. Thuốc ngủ pha vào thức ăn không ăn thua gì, bà pha thuốc trừ sâu vào nước uống cũng chẳng có ép-phê! Bực mình, bà lấy chai rượu vang và chảo nện vô đầu kẻ phụ tình hơn 40 phút mà hấn vẫn không chết. Nản lòng, bà dùng dây thun xiết cổ chàng rồi cắt mạch máu đi theo. Không thành công, bà lấy dâyăng-ten truyền hình thắt cổ nhưng dây cũng bị đứt. Trời chưa cho chết!

• Rất may mắn khỏi bị chôn sống sau một tai nạn mô-tô ngày còn trẻ, ông Angel Hays, người tỉnh Charente (Pháp), vừa hoàn thành một cái hòm điện tử để cho một người hấp hối nhưng chưa chết dứt khoát khỏi bị đem chôn. Một hệ thống điện cực nối liền các bộ phận quan trọng của người ngất ngư với một màn ảnh có đèn chớp và còi báo động để nói hộ người sắp bị tẩm liệm rằng: “Ta chưa chết!” Nhưng vấn đề là ai sẽ câu các điện cực kia khi các người sống cứ nhất định đem chôn?



Angels Hays và chiếc hòm điện-tử

• Vua Harald V của Na-Uy, một cây hút thuốc lá, và nữ hoàng Sonja sẽ không cho mời thuốc lá trong các cuộc tiếp tân hoàng gia tại Oslo và ít nhất sẽ có một phòng ăn “cấm hút thuốc” trong các dạ tiệc cung đình. Hành động như vậy, hoàng thượng và hoàng hậu muốn tỏ thiện chí tuân hành luật lệ quốc gia.

phù-tang tạp-lục

Nhân Mùa Nobel, Nhìn Lại Một... Niên:

Ô-ê, Con Sông Mùa Lũ

Vi An

Họ tên người Nhật được viết xuôi giống như kiểu Việt Nam, theo thứ tự họ trước và tên sau. Tuy viết bằng Hán tự nhưng nhờ không chịu nạn đô hộ trực tiếp của Tàu, họ con cháu Thái Dương Thần Nữ hơi khác họ Tàu, nghe không quen mấy với người Việt bằng những tên Tàu đã buộc phải tiếp xúc hàng vài... nghìn năm nay, từ... Mã Viện, Thoát Hoan, Tôn Sĩ Nghị cho đến Trương Bội Linh, Huỳnh Thu Sanh, Lưu Tuyết Huê.v.v... Lật thử một tờ quảng cáo phim bộ Hồng Kông, bạn sẽ thấy Lê, Lý, Trần, Ngô... đủ mặt. Họ tên Nhật quen nhất với bạn có lẽ là... Sương Điền Bảo Châu, tài tử phim đầm đá; ngay tên các nhà văn tên tuổi Nhật kê dưới đây e bạn cũng khó nhận ra: Tam Đảo Do Kỷ Phu, Giới Xuyên Long Chi Giới, Xuyên Đoan Khang Thành... đọc sao nghe lạ hoắc. Bạn hỏi: Mấy... thằng cha đó là ai vậy? Đà, là tác giả của *Kim Cốc Tự Kinkakuji*, Mishima Yukio; tác giả *La Sinh Môn Rashomon*, Akutagawa Ryunosuke; và nhà văn đoạt Nobel văn chương 1968 Kawabata Yasunari, tác giả *Ngàn cánh hạc*.

Họ tên kép như trên cũng chưa dài bằng vài cái tên kỳ đặc của Việt tộc đâu bạn, xin nêu thử một ví dụ: Công Tăng Tăng Tôn Nữ thị Huỳnh Hồ Ngọc Lệ Thu. Phần đông người Việt tên họ không được... lòng thông như

vậy, do đó khi gặp tên Việt Nam, người Nhật cho rằng họ tên của chúng ta đọc lên nghe sao... cộc lốc: Sơn = Sôn, Khánh = Kan, Lê = Rê, Lan = Ran... rõ ràng không “êm tai, ngọt ngào” bằng những Eimi, Akina, Miê, Riê... của họ. Mỗi khi “tóm” được một cái tên có thể chuyển ra đa âm được, dân Nhật thích lắm: ông Nguyễn = Gư-ên San (san: ông, bà); bà Nghia - Gi-a San. Còn có đôi tên Việt Nam khi lọt vào cái mồm Nhật sẽ trở thành khôi hài, kỳ cục đối với họ: Ý Như = I Nư (tức con cây); Chín = Chin (họ sẽ thêm vào thành “chín chín” tức là con... chim, “thằng nhỏ”; Vũ Tạ = Bư Tạ (con heo).

Chắc bạn hiền muốn biết tên bạn chuyển ra tiếng Nhật đọc lên nghe có... đã không? Vâng, đã lắm, rất đã. Xin tạm ghi một số tên văn nhân có mặt trên tờ *Làng Văn* đang quý bạn thưởng lãm:

Cung Vũ: Kưngư Bư
 Nguyên Hương: Gưên Huưn Gư
 Nguyễn Ngọc Ngạn: Gưên Gộcư Gan
 Ngô Nguyên Dũng: Gô Gưên Jưngư
 Phan Các Chiêu Hằng: Fưan Kakkư Chiêu Hangư
 Hoàng Nga: Hôangư Ga
 Võ Phiến: Bô Fiên
 Trần Văn Tích: Tôran Ban Tichchi
 Kha Huyền: Ka Hiên

Lê Văn Lan: Rê Ban Ran
Trần Văn Lệ: Tôran Ban Rê
Vi Vi: Bi Bi;
Và tương tự, Vi An: Bi-An.

Nhà văn Sơn Tùng, một người viết có giọng văn thẳng thắn và lập trường chống cộng dứt khoát, tương lai nếu đến xứ Phù Tang, ghé thăm Văn Bút Nhật, sẽ được văn giới Nhật gọi là “Sôn-Tùn gư san”

Dò kỹ trong bảng danh sách trang 1 tờ *Làng Văn (Rangur Ban)*, chỉ có mỗi cái tên của ông Ba Bui là không biến dạng mấy nếu đọc theo âm Nhật, còn nguyên vẹn tới 99%, chỉ thêm mỗi cái râu trên chữ u mà thôi: Ba Bui.

Trong tiếng Nhật, âm v (vê, vờ) không có. Hễ gặp chữ v, họ đọc là b tuốt luốt. Nước Việt Nam biến thành “Bi-ết tô Na-mư” hay gọn hơn “Bê-tô Namu”. Tương tự, âm l cũng không có nên trở thành âm r như là lá la = rà rá ra; *love* = rabư. Đã có đôi người chê dân Nhật... ngọng, đó chỉ tại thói quen, tập quán ngôn ngữ. Người ngoại quốc khi nói tiếng Nhật cũng bị họ chê ngược lại là ngọng lúc phát âm không nổi chữ Tsu, một âm đặc thù của dân tộc họ mà âm giọng lưng lơ giữa “trư” và “sư”; hoặc Hyò, Kyò, Gyò.... những chữ cực kỳ khó phát âm.

Theo phép lịch sự, dân Nhật thường gọi nhau bằng họ, trừ thiếu nữ chưa chồng, trẻ con và đôi trường hợp quá thân mật được phép gọi bằng tên. Nhà văn đoạt giải Nobel văn chương 1994 được đồng hương của ông gọi là Oe San (ông Ô-ê), tên đầy đủ: Oe Kenzaburo. Họ của ông là Oe tức Đại Giang, tên ông là Kenzaburo tức Kiện Tam Lang. Đại Giang, con sông lớn Oe nước chảy rất xiết, trong khi đem phù sa tưới bón cho vườn văn học Nhật, dòng nước mùa lũ thường xoáy mạnh vào những thành trì bảo thủ, đây thành kiến của xã hội Nhật như lối giáo dục cứng nhắc; nền luân lý đạo đức cổ hủ, hẹp hòi; chủ nghĩa tôn quân, quân phiệt, tài phiệt... Trên đường xuôi ra biển lớn, lớp sóng cả của con sông Oe bủa âm âm vào những vách núi tưởng như vững chắc

tự bao đời gồm chiến tranh phi nhân, chủ nghĩa quốc gia cực đoan, nếp sống văn minh vật chất thời đại nguyên tử... của nước Nhật. Dòng sông lớn ấy là dòng sông nổi loạn, đời ông Oe là đời của một nhà văn phản kháng, ông chống đối tùm lum đủ thứ. Như mới rồi, cuối tháng 9.95, ông Oe tẩy chay một hội nghị văn hoá do bộ Giáo dục Pháp tổ chức ở Aix en Provence để phản đối Tổng thống Pháp Chirac cho thử bom nguyên tử tại đất thuộc địa Mururoa, nam Thái Bình Dương. Oe chỉ không phản kháng cái giải Nobel Văn chương (Nhật kêu là giải Văn học Nobel), tức không phản kháng... 1 triệu đô-la Mỹ tiền thưởng.

Giải Nobel bao quát nhiều lãnh vực, do nhà cự phú Alfred Nobel nhờ Hàn Lâm Viện Thụy Điển đặt ra từ 1901 để khuyến khích nhân tài thế giới trên đường phục vụ hoà bình. Các ông Hàn dù giỏi đến đâu cũng chẳng phải là thánh. Mang thất tình lục dục, mang phàm tâm nơi người, không chắc các ông ấy không chịu áp lực, không nhận của dút, không thiên vị, không đi đêm này nọ khi duyệt xét những ứng viên. Bạn đọc hẳn còn nhớ vụ Lê Đức Thọ được cử phân nửa giải Nobel Hoà bình với Kissinger? Nhưng bạn hiền ơi, “đời không có xu đời chán bỏ bu, đâu còn là đời”, người ta thấy ông Oe lãng xăng như gà mắc đẻ, hết đi vô nhận điện thoại, nhận phắc-kư-sư (fax) từ văn hữu muôn phương chúc mừng, rồi lại đi ra đứng dựa cổng gỗ trước nhà ông ở phố Setagaya, Tokyo, trả lời rừng phóng viên vào ngày được tin... trúng số độc đắc ấy. Oe tâm sự với các nhà báo, miệng cười chum chim: “Nhà văn Nhật... nghèo lắm, lãnh được 1 triệu đô tui sẽ làm chi hả? Tui sẽ mua vô số sách về đọc cho đã. À à, gia đình tui sẽ có tiền đi du lịch đây đó nữa. Tui sẽ khỏi phải viết lách, được thong dong nghỉ một thời gian dài cho phê cái thân già”.

Trường hợp bạn là một trong những nhà văn Việt Nam lưu lạc, nghe ông Oe than nghèo, chắc sẽ nghĩ đến phận mình mà tủi. Mèn ơi, nhà

văn lớn của cường quốc kinh tế Nhật, kẻ đã có tới 150 tác phẩm được in, hơn 80 cuốn đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, mỗi cuốn in vài trăm ngàn bản vậy mà “nghèo, nhà bán bánh xèo”? Văn sĩ Việt Nam, ngay cả trước 75, sách cũng chỉ in vài ba ngàn cuốn. Ra hải ngoại, nhiều văn, thi nhân phải nỗ lực ngày cày, đêm viết, thất lưng buộc bụng tom góp tí tiền cho đứa con tinh thần của mình góp mặt với đời. Tội nhất là đôi cây viết mới, rần cạy cựa in đâm trăm cuốn sách đầu tay đang... ấn chứng văn nghiệp, đâu đã đề giá khiêm tốn, sách bày ở quầy văn theo thời gian bám bụi, bán lại rai... 10 niên không hết, tình cảnh chẳng khác chi người thơ Tản Đà năm xưa:

*Bao nhiêu củi nước mới thành văn
Được bán ra văn chết mấy lần,
Ông chủ nhà in in đã dất,
Lại ông hàng sách mấy mươi phân!
Mười phân gửi bán lấy tiền sau
Bán hết thu tiền đợi cũng lâu
Lắm lúc túng tiền đem bán rẻ,
Trừ đầu trừ cuối nghĩ càng đau!*

Thiệt ra, đúng như lời ông Dương Thượng Ngã đã ghi nhận trong cuốn *Văn Xả 3*, không phải nhà in tính đất, nhà phát hành hay nhà sách lấy lời nhiều. Không phải tại anh cũng không phải tại em, chỉ tại độc giả Việt Nam hơi ít lại kén sách, không chịu bỏ tiền ra mua mà chỉ thích mượn. Một số người trong lớp trẻ (lớp độc giả đối tượng của mọi cây viết) từng lớn lên nơi cố xứ VN dưới thời CS cai trị, không hề có thói quen đọc sách báo bởi họ nghĩ là toàn tuyên truyền nhồi sọ như sách báo nhà nước. Ra nước ngoài, mang sẵn tập quán không coi, không đọc, không rờ đó, họ không hề mua sách. Lớp độc giả ngày xưa ưa xem sách, nay tuổi tác chồng chất, phần thì phải đi làm kiếm cơm, phần thì mất yếu dật, cầm đến sách báo, lật vài trang thấy chữ nhoè hẳn đi đâm ra... sợ sách. Biện pháp thêm thất là ra băng sách, đĩa sách nhưng e rằng đọc bằng mắt và đọc bằng miệng là hai việc tốn thời gian khác xa nhau. Chỉ lướt mắt qua năm bảy giây là người đọc nhanh đã đọc xong

một trang sách trong khi nếu nghe qua giọng người đẹp nào đó thỏ thẻ, đợi nàng đọc hết một trang chắc độc giả, à không, thính giả đã ru hồn vào cõi mộng rồi.

Xin trở lại với Oe, như quý bạn đều đã rõ, 9 giờ tối ngày 13 tháng 10.1994 giờ Nhật Bản (1 giờ trưa Thụy Điển), Hàn lâm viện Thụy Điển công bố giải Nobel Văn chương 94 lọt vào tay văn sĩ Nhật Oe với lời khen tặng: “Đã sáng tạo ra một thế giới tưởng tượng, kết hợp được cuộc sống thực tại với thần thoại thành một bức tranh phản ánh hiện trạng khó khăn, gay go của nhân loại”.

Ông Oe Đại Giang là người Nhật thứ tám đoạt giải Nobel và là người thứ nhì nhận giải này trong lãnh vực văn học sau nhà văn Kawabata 1968. Chỉ ít phút sau khi tin vui bay đến, trước cổng nhà ông văn sĩ may mắn này đã đông đen nhà báo tìm đến săn tin. Những lời phát ngôn đầu tiên của Oe nghe chừng hóm hỉnh pha chút khiêm hạ: “Mới nghe tin trúng giải, tui cứ ngỡ chuyện đùa, những độc giả của tui dư biết tác phẩm tui viết còn nhiều khuyết điểm mà. Dà, tui cũng dzui lắm chứ! Bà má tui ưa rầy tui suốt cả chục năm nay; được tin, bà mới chịu mở miệng ra khen mấy câu làm tui cảm động quá xá!”

Oe Kezaburo sinh năm 1935, là



Oe Kezaburo

con thứ ba trong một gia đình 7 anh em thuộc làng Ose nhỏ bé ở tỉnh Ehime miền nam Nhật. Gia đình Oe khá danh giá, có cội gốc Samurai. Lên 6, cuộc chiến Thái Bình Dương bùng nổ; lên 9, cha và bà nội qua đời; tuổi thơ Oe được dỗ giấc bằng những chuyện thần thoại do mẹ kể. Ông chỉ biết thế giới bên ngoài lũy tre làng qua vài cuốn sách in và qua đám máy bay đồng minh tới ném bom trên đất Nhật. Sau Thế chiến, Oe theo học bậc trung học tại thị xã Matsuyama cùng tỉnh nhà. Tại đây, ông cùng một số bạn hữu lập... thi văn đoàn để “mần thơ”, viết tiểu luận. Năng khiếu văn chương nơi Oe thừa thiếu thời đã bộc lộ rất dư dả. Bạn văn xưa của ông cho biết: ý thơ, lời thơ Oe rất lạ, vượt hẳn ngôn từ một học sinh trung học, một số tiểu luận Oe viết về kịch Hamlet của Shakespeare thật xuất sắc. Mê đọc sách, Oe có mặt đều ở thư viện trường. Một lần Oe đọc lén truyện trong giờ học bị thầy giáo tóm được, phạt đuổi ra đứng cửa sổ. Lúc Oe thành danh rồi, trong một buổi họp mặt cựu giáo chức và học sinh, ông thầy nọ tỏ ý hối tiếc vì đã lỡ quá tay với... một văn tài! Học giỏi nhưng về thể dục thể thao thì Oe lại rất ẹt! Kể cũng không lạ bởi văn nhân xưa nay ít người chuộng thể thao, làm biếng tập thể dục. Oe lớn khôn giữa bối cảnh xã hội hỗn mang, khủng hoảng hậu chiến. Chứng kiến sự đầu hàng nhục nhã của quân đội Hoàng gia Nhật qua lời Thiên Hoàng; chứng kiến cảnh quân đội Mỹ tới tiếp quản đất nước; nhìn thấy xã hội Phù Tang cổ điển thay đổi, biến dạng nhanh chóng với những giá trị cổ truyền bị đào thải, Oe mang tâm trạng bất mãn, nghi ngờ cuộc đời.

Rời làng quê lên Đông Kinh theo học văn chương Pháp tại Đại học Tokyo, Oe khởi nghiệp viết văn đăng báo. Ông khoái chủ thuyết hiện sinh của Jean Paul Sartre đến mức đã trình luận án ra trường về Sartre năm 1959. Được tán thưởng với truyện ngắn đầu tay đăng trên tạp chí sinh viên 1957, truyện *Kimyo na Shigoto*, Một nghề lạ đời kể lại những suy tư hoang mang

của một sinh viên nghèo vừa đi học vừa làm thêm nghề giết chó trong phòng thí nghiệm, rồi truyện *Warera no ji dai*, Thời đại của bọn mình diễn tả tâm trạng đối diện với hư vô, với “hố thăm tư tưởng” của lớp trẻ. Năm sau, 1958, còn đang là sinh viên, Oe nổi danh với truyện ngắn đoạt giải Akutagawa rất giá trị, truyện *Shiiku*, Nuôi thú thuật chuyện một cậu bé Nhật nuôi một phi công Mỹ bị bắn rơi trên đất làng cậu như nuôi... thú.

Vào thời gian này, Oe tham gia tích cực nhóm trí thức cánh tả, là làng phản đối Hiệp định An ninh Mỹ Nhật ký năm 1951 cũng như lớn tiếng chống đối việc Nhật tái lập lực lượng quân sự (đội quân tự vệ). Cùng năm 1958, Oe cho in cuốn tiểu thuyết đầu tay *Memushiri Kouchi* mà theo các nhà phê bình văn học thì cuốn này (khoảng gần 200 trang) không được sâu sắc, kém nét “suy tư” hơn những cuốn Oe viết ra sau khi để thăng con khờ. Truyện đầu tay của ông chỉ phôi bày những nỗi bất mãn, tủi hận đắng cay pha với chút vui thú hiếm hoi của thời niên thiếu sống ở làng quê hẻo lánh chịu đựng chiến tranh đau khổ, cộng với ảnh hưởng truyện thiếu nhi Tây phương nói về những mất mát, thua lỗ của trẻ nhỏ thời chiến (*Peter Pan*, *Lord of the Flies* chẳng hạn). Dung ngữ của Oe thời trẻ rất hiện thực, sống sượng đến mức gây ón óc cho độc giả. Những điều kể trong truyện thật tàn tệ, nhớp nhúa... nước tiểu, phân người, xác người, xác thú và những hành vi gớm ghiếc của cả người lớn lẫn trẻ nhỏ khi đối diện với đói kém, bệnh dịch, chiến tranh, cái chết: Một đám thiếu niên bị liệt vào thành phần hư hỏng, bị đưa tới một ngôi làng xa xôi hẻo lánh miền núi để cải huấn. Lúc đó đang Thế chiến 2, nước Nhật trong thời kỳ độc tài quân phiệt. Xảy ra bệnh dịch, dân làng di tản bỏ mặc lũ trẻ nhỏ. Do bản năng sinh tồn, chúng mò vào nhà dân làng, tạo dựng nên một cõi riêng của chúng. Bên cạnh những hành vi đồng tính luyến ái, bè hội đồng gồm tằm ít thấy nơi các truyện bình thường viết về “tuổi ngọc”, tuổi thiếu nhi, vẫn có

đôi nét ngây thơ trong cái “thiên đường thiện ác bất minh” ấy: Đôi đứa trẻ biết thương hại, nuôi ăn những người mắc bệnh dịch bị bỏ rơi lại trong làng; những trò chơi vui lành mạnh như trò ném tuyết, trượt băng, săn bắn... Nhưng rồi bệnh dịch qua đi, dân làng trở về, tức giận thấy nhà mình bị lũ trẻ chiếm cứ, gạo thóc bị “ăn cắp” (lũ trẻ trong truyện chỉ lấy gạo, khoai rất ít. Chúng ăn để sống, không phải vì tham). Họ lừa lũ thiếu niên trên vào một căn nhà kho rồi trừng trị đích đáng. Tựa đề của truyện tương đối khó dịch, cần phải căn cứ theo cái giọng... Việt cộng của lão khóm trưởng trong truyện, lúc đọc bản “cáo trạng” trước khi xử tội nhỏ: “Nghe kỹ đây, lũ khốn kiếp kia! Những thành phần phản động, hư đốn như bọn mày cần phải bị trừng trị đích đáng, cần phải bị thủ tiêu ngay từ nhỏ. Chúng ông biết trừ sâu bọ ngay từ khi còn trứng nước, chúng ông là nhà nông, chúng ông diều sấu ngay khi chúng còn non!” Máy chữ *Memushiri* ở đây, Oe đã dùng theo lối nói của nông dân có nghĩa là “trừ sâu non” (Oe từng sống ở miền quê nên văn ông bị lầm người cho là “quê mùa”). Nếu dịch sát, tựa Việt ngữ sẽ là: Diệt sâu con, giết lúc còn bé. Thiết nghĩ cái tựa phóng dịch của nhà văn núi Nạn Tuy Hoà Nguyễn Nạn Sơn văn chương hơn, thích hợp hơn: *Đầu xanh đã tội*.

Năm 1960, ở tuổi 25, Oe lấy vợ. Vợ ông là Yukar, con gái nhà văn khá nổi tiếng Itami Mansaku. Tháng 6 năm đó, theo chân nhóm nhà văn, nhà báo thiên tả, Oe đến Bắc Kinh thăm “bác” Mao, kẻ khi ấy đương hỗ trợ cho công cuộc chống Hiệp ước An ninh Mỹ Nhật của họ. Trong một hồi ký, Oe kể lại: “Bọn tôi vào ngồi trước mặt Mao Trạch Đông nơi phòng làm việc sau khi đã phải đi qua một đại sảnh nhân dân vĩ đại. Mao nói tới nói lui có chừng đó câu mà tôi - đầu không phải là một độc giả ái mộ - cũng dư biết chúng được trích dẫn, lặp lại từ những cuốn sách của Mao. Ngồi kế bên Mao là Chu Ân Lai, mặt không hướng về phía bọn tôi mà

hướng về Mao, kẻ vừa thuyết vừa phì phèo thuốc lá liên tục. Mỗi lần Mao ngưng miệng, vói tay lấy thêm thuốc từ cái hộp thuốc lá hiệu Con Gấu Tàu thì họ Chu lại ý tứ khê đẩy hộp thuốc ra xa. Từ Đông Kinh đến, bọn tôi là những thực khách ngây thơ ngồi dự tiệc trước một bàn ăn đầy ngập thức ăn, không hề biết rằng năm đó ở Tàu đương xảy ra nạn đói tệ hại vì mất mùa, thất thu, trận đói nặng nề nhất kể từ khi khởi đầu Cách Mạng Vô Sản ở Tàu.

“Hồi đầu năm ấy, tôi cũng có dịp ghi nhận những câu hỏi của nhiều nhà trí thức Đại Hàn ở thủ đô Hán Thành đặt ra cho một nhà văn Nhật như tôi vào một dịp hội nghị thảo luận văn học: Dân tộc Đại Hàn chúng tôi hân hoan trước vụ thả hai quả bom nguyên tử xuống đất Nhật để chấm dứt nạn Phát-xít, nạn bị Nhật đô hộ. Chúng tôi không thể hiểu tại sao ông lại chỉ trích việc thả bom. Nếu quý ông không chịu lắng nghe những lời than khóc của những nạn nhân, phụ nữ Đại Hàn bị cưỡng bức “hộ lý” cho lính Nhật thì làm sao quý ông có thể nói về tiếng kêu rên của những nạn nhân bị bom nguyên tử?...”

Cho tới 1963, Oe đã trình làng nhiều tác phẩm trong đó các nhân vật trẻ có đời sống thác loạn, lao vào tình dục, thích triết lý văn vợ theo kiểu Sartre, xem cuộc đời phi lý buồn nôn bên cạnh các ý tưởng phản kháng chính phủ, phản đối Hiệp ước Mỹ Nhật, đòi xét lại chế độ tôn quân, đòi những kẻ có trách nhiệm trả lời cho thế hệ trẻ đang bị khủng hoảng, buộc họ phải nhận lỗi trước lịch sử vì đã gây ra chiến tranh đổ nát...

Con sông lớn Oe len lách qua những bờ sỏi đá, lao xuống vực sâu tạo thành ngọn thác tung bọt trắng xóa mờ mịt không gian trước khi phóng mình chuyển dòng tìm ra biển lớn vào thời điểm 1963, năm đánh dấu một sự kiện trọng đại xảy ra cho cuộc đời, văn nghiệp ông. Đứa con trai đầu lòng của ông, Hikari, sinh ra với một cục bướu nơi não phải giải phẫu lấy ra khiến hệ thần kinh bị hư hại, trở thành một đứa khờ. Bác sĩ đã

khuyên ông nên để cho đứa bé chết, nhưng Oe nhất định cứu và nuôi con. Hẳn ông đã phải trải qua cơn khổ não phiền muộn, dằn vặt giữa ước muốn giải thoát bằng cách hủy hoại; và lương tâm, tinh thần trách nhiệm của người cha trước sự ra đời của thằng con tật nguyền.

Một năm sau biến cố trên, cuốn *Kojin te kina tai ken, Niềm riêng* được xuất bản. Cuốn này gần như tự truyện: Nhân vật chính sầu đời do đứa con đầu đẻ ra bị hư não, bèn lao vào rượu chè tìm quên, tìm an ủi nơi một tình nhân mới. Bị đuổi sở, anh ta lâm cảnh khó khăn, tính chuyện để đứa bé chết cho rồi nhưng lương tâm người cha trỗi dậy, vượt thắng, giúp anh ta có đủ nghị lực tìm việc làm mới, chấp nhận nuôi dưỡng đứa con tật nguyền. Cốt truyện cảm động và đầy nhân tính này khiến Oe đoạt được giải văn học Shincho của Nhật. Sách mau chóng được dịch ra nhiều thứ tiếng giúp Oe vang danh trên văn đàn quốc tế. Tìm ra mục đích phấn đấu của đời mình, nhận ra con đường phải đi, Oe thừa thắng xông lên viết thêm *Hiroshima Noto, Ghi ở Quảng đảo* nhân chuyến ghé thăm, tiếp xúc với các nạn nhân bị ảnh hưởng phóng xạ nguyên tử cùng một loạt sách kêu gọi hoà bình khác. Một số truyện ông viết sau này thường giàn dựng trên liên hệ giữa người cha và các đứa con khờ, thiếu thông minh do bệnh tật, hoặc những nỗ lực hội nhập dòng đời của những đứa trẻ bị khuyết tật ở não bộ. Trong những tác phẩm mới ấy, Oe gửi gắm tình nhân loại, tình thương đến những kẻ bất hạnh, đóng góp thiết thực hơn vào việc xây dựng, làm đẹp cuộc đời hơn là những la làng phản kháng thời tuổi trẻ năm xưa.

Đầu tháng 12.94, Oe cùng vợ và đứa con đầu Hikari đến Stockholm ngập tuyết mùa đông để nhận giải. Oe có vẻ không mấy quen với không khí thượng lưu quý phái. Người ta thấy ông lụng thụng trong bộ đại lễ đuôi tôm, lúng túng bước ra cúi đầu nhận phần thưởng từ tay quốc vương Thụy Điển Carl XVI Gustaf. Phải, bề gì ông cũng là nhà văn phản kháng,

chống chủ nghĩa tôn quân!

Gia đình Oe đã không quên viếng tư thất của văn sĩ Thụy Điển Selma Lagerlof, tác giả *Những cuộc phiêu lưu kỳ thú của bé Nils*, một truyện hay dành cho thiếu nhi mà Oe từng đọc say sưa và giúp ông có hứng khởi tham cứu văn chương cổ Nhật Bản như *Genji Mono gatari*, *Truyện Hoàng tử Nguyên Thị*, một danh tác thế kỷ 10 mà mọi người dân Nhật đều ngưỡng mộ tựa *Truyện Kiều* ở Việt Nam.

Bài diễn văn Oe đọc trước Viện Hàn Lâm Thụy Điển bằng tiếng Anh, *Japan, the Ambiguous and Myself - Xứ Phù Tang, sự (học đòi) tối tăm mù quáng và bản thân tôi*, có đoạn: “Xứ Phù Tang đã tân thời hoá bằng cách cố gắng học đòi, bắt chước Tây phương. Tuy vậy nó vẫn đang nằm ở châu Á và giữ khá vững nền văn học cổ truyền. Chính sự (học đòi) tối tăm mù quáng này đã dẫn dắt nước Nhật vào vị trí một kẻ xâm lược ở Á châu. Dẫu có cố theo đòi đến mấy đi nữa, nền văn hoá thời đại ở Nhật vẫn còn tồn tại đến muôn đời đôi điều khác biệt với Tây phương, bởi các nét đặc thù, đặc Tây phương chỉ có người Âu Tây mới thấu hiểu nổi. Trên con đường theo gót văn minh vật chất phương tây đó, người Nhật đã tạo thêm hố ngăn cách giữa mình và các dân tộc lân bang Đông phương khác”.

Bài đọc của Oe đã gây ngạc nhiên thú vị cho quý cụ Hàn Lâm Viện Stockholm. Nó tương phản với bài văn hoa hoè hoa sỏi của Kawabata 26 năm về trước, nhan đề: *Nhật Bản với nét đẹp và bản thân tôi*. Nhà văn “phản kháng” quả có khác người!

Qua các đoạn phim tài liệu chiếu cho dân Nhật xem về cuộc sống của gia đình Oe, người ta thấy ông rất thương con. Ông theo sát thành con khờ để động viên, khuyến khích nào bộ nó làm việc mỗi lúc mặt con đỏ ra, gãi đầu gãi tai vì không tìm được lời, ý diễn tả. Trong cảnh vợ chồng Oe dẫn con đi dạo chơi trên cánh đồng rộng lớn ở miệt Hokkaido, Bắc Nhật, ông hỏi con:

- Gió rì rào trên đồng cỏ nghe giống cái chi hờ con?

Cậu khờ nghệt mặt ra với cổ tật gãi đầu gãi mũi. Oe móm:

- Giống âm nhạc, giống khúc nhạc đồng quê phải không con?

Cậu khờ cười toe, mắt sáng lên:

- Ủ, ờ... âm nhạc, giống nghe nhạc.

Lúc viếng Stockholm, cậu khờ Hikari đã 31 tuổi, đeo kính cận nom hết như bố. Nhờ cần mẫn học hỏi và được cha mẹ khuyến khích, cậu đã biết sáng tác và ký âm các đoạn nhạc. Cậu đàn được trên dương cầm những dip đầu óc tỉnh táo. Nói cho cùng, chính cậu đã góp phần không nhỏ vào chuyện đoạt giải Nobel Văn chương của bố cậu.

Là nhà văn nổi danh khá sớm, nhưng sách của ông Oe không thuộc vào loại *best seller* ở Nhật. Dĩ nhiên với 125 triệu dân có đời sống sung túc khá giả và rất ham đọc sách báo, sách Oe vẫn tiêu thụ được theo mức in bình thường khoảng từ vài chục ngàn đến cả trăm ngàn bản mỗi quyển. Chỉ sau ngày đoạt giải Nobel, các nhà xuất bản mới nhận được hàng loạt đơn đặt hàng từ các đại lý đặt mua thêm sách Oe. Đối với độc giả bình dân Nhật, văn Oe lòng thông, khó hiểu, đọc nhúc đầu, đã thế lại “phản kháng” um sùm, điều “Hoà nhân” rất ky.

Có trên 86 truyện dài, ngắn của Oe được dịch ra ngoại ngữ trong đó nhiều cuốn do chính tay Oe tự dịch, nhưng trên thư mục ấn phẩm do Văn Bút Nhật Bản công bố, truyện Oe xếp sau các tác phẩm được chuyển dịch của Kawabata (đứng đầu bảng với 309 tác phẩm chuyển ngữ), rồi đến Endo Shushaku, nhà văn Công giáo Nhật rất nổi tiếng với văn phong trí thức; kế là Mishima Yukio (1925-1970), Abe Kobo (1923-1993), và Tanizaki Junichiro (1886-1965)... Chính bản thân Oe cũng từng phải lên tiếng khâm phục lớp văn nhân trước ông như Abe Kobo, Ibusé Masuji, Oka Shohei, những người mà ông cho là “rất xứng đáng được tặng giải Nobel Văn học”.

Vì giải Nobel Văn chương năm nay, 10.95, được trao cho nhà thơ Ái Nhĩ Lan, ông Seamus Heaney, một người thơ ưa lang thang tìm văn trên

các sườn đồi Hy Lạp, nên truyện dịch của Oe sẽ không bị cạnh tranh mấy trên thị trường chữ nghĩa ngoại quốc. Sách ông vẫn còn... đầy được và đầy mạnh nữa là khác!

Với văn nghiệp khá dềnh dàng: 150 tiểu thuyết dài, ngắn; 200 tiểu luận; hơn 100 buổi nói chuyện được in thành sách và 80 cuốn viết chung với văn hữu; cộng thêm... 1 triệu đô Mỹ tiền thắng giải đem lại, nhà văn Đại Giang Kiện Tam Lang đã đầy đủ điều kiện ắt có và đủ để tuyên bố sẽ gác bút, dắt cậu khờ (Oe còn đưa con trai thứ 25 tuổi, ông yên trí lớn chuyện “nối dõi” rồi) đi ngao du tiểu ngao giang hồ sau khi hoàn tất bộ trường thiên tiểu thuyết “để đời” gồm 3 tập tên *Moeagaru Midori no Ki - Cây xanh bốc lửa* mang nội dung phản kháng những hành vi làm ô nhiễm môi sinh của loài người văn minh.

Một số các danh tác xứ Phù Tang của những cây viết tên tuổi Nhật cùng một truyện ngắn tiêu biểu của Oe sẽ được tuyển dịch và in trong cuốn *Những truyện ngắn hay nhất Nhật Bản* do nhà xuất bản Làng Văn ấn hành vào mùa xuân 96. ●

GIÁ BÁO DÀI HẠN LÀNG VĂN 1996

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

. Báo gửi trong Gia-nã-đại:

máy bay: 75\$ / đường bộ: 55\$

. Hoa-kỳ:

máy bay: 75 mỹ-kim (105 GK)

đường bộ: 55 mỹ-kim (75 GK)

. Các nước khác:

máy bay: 85 mỹ-kim (120GK)

đường thủy: 55 mỹ-kim (75 GK)

GIÁ BÁN LẺ

Gia-nã-đại: 5 gia-kim - Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim

Pháp: 50 quan - Úc: 10 úc kim

Bắc Âu: 45 kronas - Nhật: 1000 yen

các nước khác: 8 mỹ-kim

GHI-CHÚ:

Độc-giả bắt đầu mua dài hạn,
hoặc tái hạn sớm

trước ngày 31.12.1995

vẫn được hưởng giá cũ (trang 109);
tái hạn tối-đa 5 năm

tin văn xứ người

Nguyễn Nhân Sơn

Văn học và chính trị

Đây là một biến cố văn học, mà cũng là một biến cố chính trị, vừa xảy ra tại Đức. Đầu mối là một cuốn sách mới xuất bản của nhà văn Đức Günter Grass.

Günter Grass sinh năm 1927, thuộc Văn Đoàn 47*, có tư tưởng khuynh tả. Grass viết tiểu thuyết, viết kịch, làm thơ. Nhưng ông không chỉ cầm bút. Ông còn là nhà xuất bản, và nhà điêu khắc nữa. Riêng về văn học, tính số lượng, thì Grass viết không nhiều lắm. Nhưng trong số sách đã xuất bản của ông, có nhiều cuốn hay. Cuốn *Chiếc Trống* (1959) có thể kể là một danh tác. Văn của ông súc tích, mạnh mẽ; sức tưởng tượng của ông dồi dào, sinh động. Nhiều nhà phê bình văn học đã không ngần ngại xếp ông vào lớp nhà văn hàng đầu của Đức sau Thế Chiến 2.

Nhưng vấn đề của Günter Grass đối với lịch sử của xứ sở ông, không phải là vấn đề tài năng, mà là tư tưởng: Thời Hitler cai trị Đức, ông chống chủ nghĩa phát xít. Thời Cộng

sản không chế nửa phần xứ sở ông, ông không có hành động chống đối. Nhưng sau khi bức tường ngăn đôi xứ sở đổ xuống, ông lại tỏ ý luyến tiếc cảnh chia đôi ngày trước. Ý ông rõ ràng, chớ không úp mở gì cả: Đông Đức cứ sống riêng như trước, thì hay hơn.

Ý tưởng đó được trình bày trong cuốn *Ein Weites Feld* (Chuyện dài) của Grass, mới xuất bản hồi tháng 8.

Nói cho thật công bằng, không phải trong giới văn học hiện thời của Đức, ai cũng phản đối những gì Grass trình bày trong cuốn sách. Nhưng rất nhiều người phản đối, và lời phản đối nào cũng có trọng lượng. Hầu hết các tạp chí văn học có uy tín của Đức đều lên tiếng chê trách. Hầu hết những cây bút phê bình văn học, và cả chính trị nữa, đều lên tiếng chỉ trích. Có người chỉ trích thật nặng nề. Có người, như Marcel Reich-Ranicki, một phê bình gia được văn học giới Đức gọi là "ông vua phê bình", còn công nhiên tỏ thái độ giận dữ đối với tác giả, bằng cách xé nát cuốn sách, để chụp hình đăng báo. Marcel Reich-Ranicki nói thẳng: "*Grass chẳng hiểu gì cả mới nhận định như thế... Ông ta chỉ thích làm cho người ta chú ý*".

Có thể nói phản ứng của văn học Đức đối với một tác phẩm khuynh cộng thật mạnh mẽ. Điều này cũng dễ hiểu. Văn học giới có sứ mạng hướng dẫn công luận, không thể khoan tay



đứng nhìn, ai muốn nói sao cũng mặc. Ở trong một nước tự do dân chủ, một nhà văn có quyền tự do phát biểu tư tưởng của mình. Nhưng những ai không đồng ý với nhà văn ấy, cũng có một quyền tự do ngang bằng, để phản đối. Lương tri văn học, và lương tri của xã hội, hội lại, sẽ phán định.

Cho đến nay, chủ nghĩa cộng sản đã gần như hoàn toàn sụp đổ trên khắp thế giới. Mà không phải sụp đổ vì lẽ hưng thế thường tình, mà sụp đổ vì nhân loại ngoảnh mặt, thù ghét. Trong khi đó, Günter Grass lại muốn biện minh cho nó. Trong khi nước Đức đã thống nhất trong dân chủ, thì Günter Grass lại muốn dựng lại bức tường Bá-linh. Kể ra, ông cũng can đảm, và làm được việc khác thường. Và về một mặt nào đó, ông thành công: Cũng đã có người xưng tụng cuốn sách của ông là kiệt tác; và nhà xuất bản đã tung ra trên 100 ngàn ấn bản cho đợt in đầu.

Nhưng chẳng lẽ chỉ vì thế mà Günter Grass cam tâm đi ngược lại trào lưu hướng thiện của nhân loại, và của chính nhân dân Đức của ông? Ở phương Đông, ngày xưa người ta quý sự "thành nhân" hơn cái "thành công". Đáng tiếc, Günter Grass không đồng ý như thế.

Giải Goncourt

Giải Goncourt là một giải thưởng

(*) Văn Đoàn 47 do Hans Werner Richter và A. Andersch thành lập tại Munich (Đức), năm 1947. Văn đoàn này dùng giải thưởng khuyến khích các nhà văn trẻ. Ngoài 2 thành viên sáng lập, văn đoàn còn gồm I. Aichinger, I. Bachmann, H. Böll, G. Eich, H. M. Enzenberger, U. Johnson, và G. Grass.

văn chương quan trọng của Pháp, được thành lập theo di chúc của Edmond de Goncourt.

Edmond de Goncourt (1822-1896) là sử gia kiêm nhà văn Pháp. Ông đã cùng em là Jules de Goncourt (1830-1870), trọn đời không lập gia đình, dùng toàn bộ di sản của thân mẫu vào những hoạt động văn học. Hai anh em ông cũng đã viết được khá nhiều sách, phần nhiều là tiểu thuyết tả chân.

Tài sản của Edmond de Goncourt để lại cho văn học không nhiều như của Alfred Nobel, nhưng sáng kiến và thiện chí của ông đã nuôi được giải Goncourt gần trọn một thế kỷ. Và có lẽ sẽ là mãi mãi. Ông qua đời năm 1896, Hội văn hữu Goncourt (*Académie Goncourt*) được chính thức thành lập năm 1902, với 10 hội viên, trong đó có 8 người do chính Goncourt chỉ định lúc sinh thời. Về sau, khi nào có hội viên mãn phần, số còn lại sẽ bầu người thay thế. Trừ những trường hợp đặc biệt, hội viên Goncourt giữ tư cách trọn đời. Nhiệm vụ của Hội văn là dùng giải thưởng, khuyến khích những tài năng trên văn đàn, đặc biệt chú trọng vào tiểu thuyết. Giải đầu tiên phát vào năm 1903.

Năm nay (1995), Hội văn Goncourt khuyết 2 thành viên vì Emmanuel Roblès và Jean Cayrol qua đời. Theo truyền thống, ngày 5.9 mới đây, văn hội đã họp nhau tại nhà hàng Drouant (Paris), để làm lễ tiếp nhận 2 hội viên thay thế là Didier Decoin và Françoise Chandernagor.

Nhân dịp này, ký giả Bruno Corty của tờ *Le Figaro Littéraire* có phỏng vấn 2 hội viên mới, về trách vụ hội viên, về cách chấm giải, về ảnh hưởng của nhà xuất bản đối với sự đánh giá tác phẩm. Corty hỏi riêng từng người, nhưng câu hỏi thì giống nhau. Tôi gom lại, cho dễ so sánh.

Hỏi: Xin cho biết nhiệm vụ của hội viên Goncourt.

Decoin (nam): Nhiệm vụ đôi: Đọc và ăn uống. Tôi đến họp, để ăn uống và để thích thú để nghe những người

khác nói. Những người khác ấy, hoặc tôi biết rõ, hoặc tôi chỉ biết sơ sơ. Chúng tôi hỏi nhau: Bạn đọc cuốn này chưa, cuốn kia chưa? Những cuốn mà rồi ai cũng đọc. Người này khen, người kia chê. Nhưng cuối cùng, chúng tôi cũng sẽ đồng ý với nhau. Chúng tôi nhận xét văn chương, và chúng tôi ăn uống...

(Mấy hàng trên có khiến các bạn nhớ lại câu thơ "*Xáo lộn văn chương với chả cá*" trong bài *Gửi Trương Tửu* của Nguyễn Vỹ không? Nói cho vui vậy thôi, chứ các ông các bà nhà văn hội viên Goncourt, tuy luôn luôn họp chấm giải tại nhà hàng Drouant, ăn uống no say rồi mới làm việc, nhưng họ vẫn làm việc tỉnh táo, không xáo lộn văn chương với đồ ăn. Và lại, Decoin cũng có ý nói đùa).

Chandernagor (nữ): Đây là một vinh dự lớn, và là một trách nhiệm nặng nề. Chúng tôi phải đọc cả trăm cuốn tiểu thuyết trong chỉ vài tháng. Không đủ thì giờ để nhận định kỹ. Phải chỉ thời gian đọc có thể phân đều cho cả năm.

Hỏi: Có cần đưa ra một qui chế cho việc tuyển chọn không?

Decoin: Tôi nghĩ là đã có qui chế rồi. Cá nhân tôi cũng đã hưởng qui chế ấy, khi tôi được giải Goncourt năm 1977. Thật ra, các giám khảo thường quyết định độc lập hơn người ta tưởng. Họ có thể chọn một tác phẩm của một nhà xuất bản không thân cận với họ. Tất nhiên, khi hoàn tất một cuốn sách đặc ý, nhà văn nào cũng muốn giao cho một nhà xuất bản lớn, có uy tín. Nhưng như thế, không có nghĩa là những cuốn do những nhà khác xuất bản, thì nhất thiết không hay.

Tuy nhiên, trong thực tế, một tác giả nào đó được một trong 3 nhà xuất bản mạnh như *Gallimard*, *Grasset*, hoặc *Le Seuil*, quảng cáo và "che chở" cho, thì vẫn thuận lợi hơn.

Chandernagor: Giải Goncourt là một cuộc thi tuyển. Mọi thí sinh đều bình đẳng. Riêng với tôi, tôi đọc những cuốn sách được giao thật kỹ. Không bao giờ, chỉ mới đọc vài chục

trang đầu, đã vội nhận xét. Có những cuốn mở đầu thật hay, nhưng kết thúc chẳng ra gì. Tôi để ý mọi khía cạnh: Cách dựng chuyện, diễn biến, lời văn... Có những giám khảo thích chọn những cuốn ngắn, để khỏi mất công đọc. Nhưng tôi không làm vậy. Bản thân, tôi cũng là một tác giả hay viết dài.

Nhưng trong việc chấm giải văn chương, có vấn đề này: Người giám khảo cũng nhận thấy cuốn sách hay, nhưng lại không thích. Vậy, chọn cuốn ấy, hay không chọn? Biết vậy, nên trong khi làm nhiệm vụ, tôi hết sức cố gắng khách quan, để không nhận định sai về những tác phẩm mà người viết không làm tôi xúc động.

Hỏi: Sách của những nhà xuất bản nhỏ có bất lợi gì trong giải Goncourt không?

Decoin: Nhỏ hay lớn chỉ khác nhau về số lượng sách, chứ đâu có khác nhau về phẩm chất? Và mọi vật tiến hóa mà.

Chandernagor: Cái đó tùy theo giai đoạn. Trong 30 năm gần đây, nhà xuất bản lớn như *Grasset* chỉ được một giải; trong khi nhà xuất bản nhỏ như *Julliard* lại liên tiếp 3 năm được giải. Đó là chưa tính đến tỉ lệ: Số sách của nhà *Grasset* trong 3 thập niên kia, hẳn phải gấp mười lần của nhà *Julliard*. Vậy, chính tác giả quyết định giá trị tác phẩm, chứ không phải nhà xuất bản. Và lại, trong khi đọc sách, ta chỉ nhớ tên nhà văn.

*

* *

Chandernagor không nói rõ, nhưng cũng hé cho người đọc thấy rằng đã có thời kỳ, ban chấm giải Goncourt chịu áp lực tinh thần của những nhà xuất bản lớn.

Còn năm nay (1995), thì như thế nào? Năm nay, có 17 cuốn của 17 tác giả được sơ tuyển để tranh giải. Điểm riêng về mặt nhà xuất bản, thì kết quả như sau: *Grasset*: 5; *Le Seuil*: 4; *Gallimard*: 2; *Mercure de France*, *Abin Michel*, *Denöel*, *Fayard*, *POL*, *Edition de Minuit*, mỗi nhà được một cuốn.

Nhìn chung, ảnh hưởng của các nhà xuất bản mạnh, trên giải Goncourt, vẫn chưa hết.

Thức khuya chưa chắc đã biết đêm dài

Nhà xuất bản *The New Press* mới cho ra một cuốn sách của Studs Terkel, đề chính là *Coming of Age*, đề giải thích nội dung là *The Story of Our Century by Those Who've Lived It*. Cái đề phụ đã khiến cuốn sách được mọi người lưu ý.

Cứ xét theo chủ đề, người Mỹ xếp tác phẩm này vào loại “nonfiction”. Nhưng để các bạn có một khái niệm chung về loại sách có nội dung tương tự như cuốn sách đang bàn, tôi xin tạm dùng từ “tập ý” để gọi. Về sau, gặp loại sách này, tôi cũng sẽ gọi như vậy. Và tôi xin dịch nhan sách ra: “Lão lai” và “Những người của thế kỷ 20 nói về thế kỷ 20”.

Mới nghe thì có vẻ “dữ dội”, nhưng xin nói trước là cũng không có gì ghê gớm đâu. Các bạn cứ nghĩ là chúng ta sắp bước vào một phòng triển lãm hội họa không chủ đề, những bức tranh không nhất thiết là tác phẩm thời danh. Cái đáng xem là cái đa dạng, cái tạp sắc.

Tác giả Terkel nay đã ngoài 80 tuổi, nhưng chỉ mới có sách xuất bản từ 1974. Sách của ông là tổng hợp những lần phỏng vấn ông đã hướng dẫn thực hiện cho một chương trình truyền thanh của Chicago. Cuốn *Coming of Age* tập hợp ý kiến của 70 vị “lão lai”, cả nam lẫn nữ, trẻ nhất cũng đã ngoài 70 tuổi, nhận định về xã hội, về thời đại, về mọi việc xung quanh họ, và... về họ.

Đây là một bức tranh ghép, vậy xin mời các bạn nhìn vào một số mảng nổi nhất, trước khi nhìn toàn cảnh.

Khi được hỏi về những điều “còn nhớ”, cụ ông Genora Johnson Dollinger, 80 tuổi, chỉ kể lại vụ đình công chống phân biệt của công ty General Motor ở Flint, tiểu bang Michigan, vào năm 1937. Và còn

đậm nét trong ký ức chỉ là những cái đầu chảy máu, những luồng hơi cay, và những tay khùng bố đờ đẫn ở công ty thuê để trấn áp công nhân.

Cụ bà Hazel Wolf, 95 tuổi, kể kỹ hơn: Lớn lên thành một đoàn viên của nghiệp đoàn; thành đảng viên cộng sản năm 1930; thời McCarthy (thập niên 1950), bị bắt giam một ngày vì dính líu đến âm mưu lật đổ chính phủ; về sau, làm thư ký cho một văn phòng luật sư; sống sung túc trong 30 năm, nhờ chế độ an sinh và trợ cấp xã hội. Và “bây giờ, tôi vẫn còn đủ hơi sức để làm khó mấy ông chính trị về những vấn đề như lao động, môi trường, phụ nữ”. Về sinh hoạt thường nhật, cụ chỉ cho người phỏng vấn thấy một cái lều vải nhỏ, một chiếc túi ngủ, và một tấm nệm, rồi nói: “Khi nào thích, tôi lại đi vào rừng”.

Cụ bà Alice McGrath, 80 tuổi, nguyên là một nữ cán sự lao động, khoe rằng trong buổi tiệc sinh nhật thứ 75 của cụ, có mặt nhiều nhân vật quan trọng như chủ ngân hàng, những nhà hoạt động xã hội cấp tiến, nhiều bè bạn cũ... Và, điều quan trọng đáng ghi nhớ là: “Báo chí đã khen tôi là tuyệt vời”.

Nhưng người phỏng vấn cũng nhắm vào những nhân vật có địa vị xã hội cao hơn, có khi là những người nổi tiếng: Nhà kinh tế học John Kenneth Galbraith, 85 tuổi; nhạc công nhạc Jazz Milt Hinton, 83 tuổi; nữ minh tinh Uta Hagen, 75 tuổi; thủ lĩnh liên đoàn bóng chày Marvin Miller, 72 tuổi. Tất cả đều có kể lại những gì “đáng nhớ” của thời thơ ấu, về học đường, về những khúc quanh trong cuộc sống, về những ràng buộc giữa họ với cộng đồng. Họ có những nhận định về các thời kỳ xã hội đã qua và hiện tại, về vấn đề đời sống kỹ thuật, về y tế, và những tiện ích hiện thời. Họ cũng phát biểu cảm tưởng về thế hệ ngày mai, về cuộc chạy đua của văn minh vật chất, về những tín ngưỡng... Đặc biệt, có người còn nói rõ là họ muốn người đời nghĩ về họ như thế nào, sau khi họ đã qua đời.

Theo Rebecca Pepper Sinkler,

cựu bình bút của tờ *The New York Times Book Review*, thì trong cuốn *Coming of Age*, không được bao nhiêu câu trả lời thú vị, nguyên nhân là vì bản thân những câu hỏi đã không có khả năng “mồi” ra những chuyện độc đáo. Những câu hỏi là một bản “vấn đề lục”, trong khi cuộc sống vốn muôn màu. Đi vào đời của từng con người, vấn đề càng trở nên phức tạp. Có những đứa trẻ nghèo, nhưng sung sướng. Có những người sinh ra trong nhung lụa, nhưng thời thơ ấu lại là những chuỗi ngày đau thương. Còn văn minh vật chất và kỹ thuật hiện đại ư? Có người ghê sợ chúng, nhưng có người vẫn gần gũi chúng. Không ai giống ai. Câu hỏi phải khác nhau, câu trả lời phải khác nhau.

Tóm lại, Sinkler chê cách phỏng vấn của Terkel. Nhưng cuối cùng, cô cũng có nêu ra một số trường hợp mà cô cho là đáng nêu. Từ đó, tôi lược kể ra đây 2 trường hợp, cái trước do chính Terkel thực hiện, cái sau do Terkel trích dẫn từ trong báo Anh:

Cụ bà Bessie Doenges, 93 tuổi, trước kia là biên tập viên của một tuần báo của Manhattan. Hiện nay, cụ sống khỏe mạnh, nhưng có một chuyện làm khổ cụ. Cứ hễ mặt trời lặn là mắt cụ cứ muốn sụp xuống. Cụ cố gắng để không ngủ gật, và trì hoãn lúc vào giường. Cụ nói: “Ngày tháng của tôi đâu còn bao nhiêu nữa, mà bắt tôi đi ngủ sớm? Mỗi ngày, tôi ngủ đến 13, 14 tiếng. Tôi nào có muốn như vậy. Bây giờ chỉ còn giấc ngủ bầu bạn với tôi. Tôi muốn đuổi nó đi, nhưng nó cứ đến. Tôi đành phải chấp nhận, chớ còn biết làm sao hơn.”

Cụ ông George Jameson, 102 tuổi, thì coi phần đời còn lại là để hưởng thụ. Trừ bữa điểm tâm, 3 bữa trưa, xế, và chiều, bữa nào cũng phải có rượu cho cụ. Khi vào giường, cụ cần cụ bà xoa vuốt nệm nịu gì đó một hồi, thì mới ngủ được. (Không thấy nói cụ bà bao nhiêu tuổi). Ngoài ra, trên bàn ngủ luôn luôn phải có sẵn rượu và sữa, để cụ uống mỗi khi thức giấc.

*

* * *

Đấy, 70 cuộc phỏng vấn do Studs Terkel thực hiện và kể lại trong gần 500 trang của cuốn *Những người của Thế kỷ 20 kể chuyện Thế kỷ 20*, đại khái là như vậy. Không có gì đáng phải không, các bạn? Phải, chẳng có gì đáng cả. Nếu chúng ta chờ đợi những câu trả lời của những người được phỏng vấn, để hiểu thêm về Thế kỷ 20 của dân Mỹ, thì chắc chắn sẽ thất vọng. Nhưng tôi nhìn thấy một điều lợi ích không nhỏ mà cuốn sách có thể đem lại cho người đọc:

Người viết đã ngoài 80. Nhân vật của ông, ai cũng trên 70. Có người ngoài 100 tuổi. Trong số họ, cũng có người than thở, cũng có người phàn nàn. Nhưng tất cả đều đang sống, đang cố gắng sống cho trọn nghĩa làm người (có thể là theo ý họ). Và điều quan trọng là họ kỳ vọng ở con cháu, nhưng không lệ thuộc vào con cháu. Điều này là tấm gương sáng cho những người Việt cao niên ở hải ngoại, những người mang tâm tình xưa, nhưng lại phải sống trong những hoàn cảnh thật mới.

Nhưng dù sao, tôi cũng đồng ý với nhà phê bình là trong cuốn sách “tập ý” của Studs Terkel, ít người nói lên được cái đáng nói về thế kỷ 20, nên đã đặt tựa cho phần này là “Thức khuya chưa chắc biết đêm dài”. Có nhiều người thức khuya, nhưng không phải ai cũng có cái tâm sự của Trần Tế Xương khi nhìn ngọn đèn đầu leo lét, và nghe tiếng trống cầm canh: *Một ngọn đèn xanh, trống điểm thùng.*

Cũng một Bồ Tùng Linh

Françis Lacassin là một nhà văn Pháp đang có sách bán chạy. Nét đặc biệt của ông là sự say mê sâu sắc trong văn học. Trong những năm gần đây, ông ra sức tìm tòi trong kho tàng văn thơ của thế giới, nhất là của Pháp, những gì liên hệ đến “ma quỷ”. Ông gom lại, đối chiếu, nhận định, và công bố cho mọi người biết. Tất cả một lời, theo ông, ma quỷ là “cái có thật”, chứ không phải là “cái tưởng tượng”.

Chủ đề của Lacassin ngày nay

cũng là chủ đề của Bồ Tùng Linh trước kia. Nhưng Bồ Tùng Linh tưởng tượng mà viết, còn Lacassin kể lại những gì đã nghe. Bồ Tùng Linh không tin vào những điều ông viết, nhưng Lacassin tin, và cố thuyết phục mọi người tin theo mình.

Sau đây, tôi tóm tắt bài phỏng vấn Lacassin do tờ *Le Figaro Littéraire* thực hiện:

Hỏi: Ông đã cho xuất bản đến ba, bốn cuốn sách nói về ma cà rồng. Người ta nghĩ ông bị chủ đề này ám ảnh. Có đúng như thế không?

Đáp: Từ ngày còn nhỏ, tôi đã mê nghe những chuyện về ma cà rồng, ma sói, và yêu tinh. Khởi thủy là thế này: Bà ngoại tôi có một bà bạn, nguyên làm nghề đi kể chuyện đạo trong làng xóm. Khi bà cụ này về già, không hành nghề nữa, thì thường đến nhà, kể chuyện cho tôi và những đứa trẻ láng giềng nghe. Bà cụ không biết đọc. Những chuyện bà kể phần nhiều là những chuyện thần thánh yêu ma bà đã nghe người khác kể. Chuyện bà cụ kể không nhiều, tôi nghe đi nghe lại đến thuộc lòng. Từ cái nhân đó, lớn lên, rồi viết văn, tôi có cái khuynh hướng thích viết về những gì khác thường, khó giải thích. Về sau, tôi lại khám phá ra rằng các nhà văn lớn ngày xưa, vị nào cũng dành một phần sâu kín của tâm hồn họ cho những cái dị thường. Như Guy de Maupassant (*) là bậc thầy của tiểu thuyết tả chân, cũng viết những chuyện dị thường. Anatole France (*) và Alphonse Daudet (*) cũng vậy. Riêng Prosper Mérimée (*) kể chuyện ma cà rồng trong tập truyện *Lokis* (1869).

Hỏi: Tại sao những tác phẩm đề cập đến những chuyện dị thường xưa nay không được người ta đọc một cách nghiêm chỉnh?

Đáp: Vì những người “thông minh” vẫn coi thường những chuyện

mà họ không thể nào biến thành khả luận. Và cũng do nỗi sợ vô thức xưa nay của con người đối với những chuyện đó. Thiên hạ không muốn đánh thức người chết dậy.

Hỏi: Trong 13 chuyện mà ông chọn cho cuốn Vampires, có đến 8 chuyện được viết trong thế kỷ 19. Xin cho biết hồi đó người ta đã đón nhận những chuyện ấy như thế nào.

Đáp: Đã được ân cần đón tiếp. Người đương thời tin có ma quỷ, và cái dị thường là một phần của cuộc sống thường nhật của họ. Ngày nay, đầu óc duy lý phủ nhận tất cả những gì “không giải thích được”. Tâm hồn của người Pháp chúng ta không có chỗ cho những chuyện phi thường, cho những chuyện phiêu lưu. Trong khi đó, người Anh, người Bắc Âu lại phổ biến những chuyện huyền thoại, những chuyện dân gian. Những người duy lý, các vị giáo sư đại học, những học đường thể tục, đâu có chịu để yên cho loại văn chương siêu nhiên phát triển.

Hỏi: Thái độ của Giáo Hội Thiên Chúa đối với những chuyện ma cà rồng như thế nào?

Đáp: Thiên Chúa Giáo không tiên liệu chuyện ma cà rồng trong thần học của họ. Họ coi đó là chuyện quỷ. Nhưng ma cà rồng không phải là quỷ, bởi vì nó sinh ra từ con người, do một người đàn ông và một người đàn bà phối hợp tạo ra. Nó không phải là một loài “hiện về”, vì nó không chết. Vậy thì, nó là cái gì? Nó là một loài sống, và nhất định không chịu chết. Trên chuyến tàu thần học của Giáo Hội Thiên Chúa, nó là một hành khách đi lậu.

Cứu cánh của nghệ thuật là hòa bình

Đây là lời của nhà thơ người Ái Nhĩ-Lan Seamus Heaney, người đoạt giải Nobel Văn học năm nay, 1995. (Trước Heaney, Ái-Nhĩ-Lan đã 2 lần được giải này: Nhà thơ William

(*) Đều là nhà văn Pháp: Maupassant (1850-1893), France (1844-1924), Daudet (1840-1897), Mérimée (1803-1870).

Butler Yeats năm 1923, rồi nhà văn George Bernard Shaw năm 1925).

Trong những năm gần đây, trong giới văn học, những người tỏ ra “hiếu biết tình thế” thường nói với nhau rằng, sớm muộn gì Seamus Heaney cũng trúng giải Nobel. Dự đoán này quả nhiên đúng.

Nhưng những dự đoán tương tự, không phải lúc nào cũng đúng. Trong quá khứ, cũng đã có những dự đoán, ban đầu kể như rất chắc chắn, nhưng cuối cùng thì hỏng. Điển hình nhất là trường hợp của các nhà văn Vladimir Nabokov (Mỹ gốc Nga, 1899-1977), Jorge Luis Borges (Á-Căn-Đinh, 1899-1986), và Graham Greene (Anh, 1904-1991).

Riêng lần này, sự lựa chọn của Hàn Lâm Viện Thụy Điển phù hợp với nhận định chung của mọi người. Và hình như ban chấm giải cũng muốn đưa vào giải thưởng văn học một ý nghĩa “địa lý-chính trị”, nên cuộc hòa đàm đang diễn ra ở Bắc Ái-Nhĩ-Lan gây được ảnh hưởng đối với quyết định của họ. Một trong những lý do mà Heaney được chọn là: Ông là người Ái-Nhĩ-Lan theo Công giáo, nhưng đã không thỏa hiệp với những hành động bạo lực của những người đồng hương, đồng đạo. (Giải văn học nhưng có hơi hướng của giải hòa bình).

Seamus Heaney sinh năm 1939, tại Castledawson, Derry, Ái-Nhĩ-Lan. Nơi sinh của nhà thơ là một vùng quê hẻo lánh, đầy đầm lầy. Điều này có ảnh hưởng sâu xa trong thơ ca của ông.

Về mặt phát triển tài năng, sau khi Heaney có 5 tập thơ xuất bản, các nhà phê bình đã xếp ông đứng liền sau William Butler Yeats. Họ có ý cho rằng, từ ngày Yeats qua đời đến nay, Ái-Nhĩ-Lan không sản xuất ra được một thi tài nào vĩ đại bằng Heaney.

Văn nghiệp của Heaney gần như chỉ gồm có thơ. Thơ của ông ra đều đặn, cứ 3, 4 năm một tập: *Death of a Naturalist* (1966), *Door into the Dark* (1969), *Wintering Out* (1972), *North* (1975), *Field Work* (1979), *Station Island* (1984).

Xuất thân từ một gia đình sống ở miền quê, nhưng ngôn ngữ thơ của Heaney là một thứ ngôn ngữ tinh tế, điêu luyện, đầy ẩn dụ. Trong khi đó, tú thơ vẫn hồn nhiên, hơi thơ vẫn đầy âm điệu.

Heaney sinh ra trong một gia đình Công Giáo, đông con. Cha mẹ ông có một nông trại nhỏ, nằm sát cạnh một vùng đồng ruộng thuộc một địa chủ Tin Lành. Hồi trẻ, đã có lần ông nói: “Tôi được đặt vào một chỗ thật tiêu biểu: Một bên là ảnh hưởng của nước Anh, một bên là ảnh hưởng của quê cha đất tổ. Một bên là lãnh địa của địa chủ, một bên là đầm lầy. Đất của địa chủ có tường thành vây kín, còn đầm lầy thì đầy lùm bụi, trẻ con không chơi được”. Có lẽ, khuynh hướng hòa bình trong thơ của Heaney có nguồn gốc ở đây. Và cũng có lẽ, ông nói về những chuyện phân tranh tại quê hương ông, mà làm cho mọi người cảm động được, là bởi nơi sinh trưởng đã phú cho ông cái khả năng ấy, từ buổi ban đầu.

Nhưng không phải Heaney sinh ra chỉ để làm thơ. Sau khi tốt nghiệp tại Đại học Queen ở Belfast, ông đi dạy học. Khi thơ của ông được nhiều người khen ngợi, thì ông cũng được nhiều trường mời phụ trách môn văn chương. Từ 1989, ông là giáo sư thi ca tại Đại học Oxford, và giáo sư khoa tu từ và hùng biện tại Đại học Harvard. Và bất kỳ ở đâu, tại giảng đường cũng như ở quán rượu, ông đều được người ta ngưỡng mộ.

Nhưng những người đồng hương đồng đạo của ông ở Bắc Ái-Nhĩ-Lan trách ông không dấn thân đủ vào cuộc tranh đấu cho quê hương. Rồi đến năm 1972, khi ông dọn đến Dublin (thủ đô Cộng Hòa Ái-Nhĩ-Lan), ông lại càng bị họ chỉ trích dữ. Ông mặc kệ, cứ đi theo con đường của ông: Dùng thi ca cảm hóa những kẻ đang nuôi thù hận. Trong bài thơ *Casualty* (Tai Họa), bằng một giọng cảm động, ông kể lại chuyện một người bạn Công Giáo, đã không nghe lời cảnh cáo, đến một quán rượu của người Tin Lành, rồi chết vì bom nổ ở đây:

Anh đã đi, vì anh say bí tử...

Anh đã chết vì anh có tội,

Là không theo phe đồng chủng của anh!

Sức mạnh trong thơ của Heaney bắt nguồn từ thái độ của một người Công Giáo hoài nghi. Ông giải thích thái độ đó như sau: “Ngôn ngữ và tình cảm trong thơ của tôi khát khao những biên giới mênh mông của tôn giáo. Khi đó, không còn thiên đường, không còn kiếp sau, không còn Thượng Đế của riêng người này kẻ khác nữa”.

Có thể có nhiều người không đồng ý với Heaney về những điều ông tin và những điều ông không tin. Cũng như ngày xưa, và trước đây, người ta đã không đồng ý với Dante (1) và T. S. Eliot (2). Nhưng chắc là ai cũng phải công nhận giá trị thi ca, và thiện chí hòa bình của ông. Trước hết, là hội đồng chấm giải Nobel Văn Học năm nay.

Cái chết lạ lùng của đế quốc Cộng sản

Đây là cuốn sách mới xuất bản của David Pryce-Jones. Nhan đề tiếng Anh là *The Strange Death of the Soviet Empire*.

Tác giả là một nhà báo người Anh, đã có một số công trình nghiên cứu chính trị đáng tin cậy. Để viết cuốn sách đang bàn, tác giả không chỉ ngồi nhà thu góp thông tin và nhận định qua sách báo, mà đã bỏ công đi khắp vùng Liên-xô cũ, và cả Đông Âu, để phỏng vấn nhiều giáo sư đại học, một số chính khách không còn nắm quyền, và những lãnh tụ đối lập.

Cuốn sách ra đời được ít lâu, thì giáo sư Orlando Figes, dạy sử tại Đại học Cambridge, cho đăng trên tờ *The New York Times Book Review* một bài phê bình, chê nhiều hơn khen.

(1) Dante (1265-1321) thi hào Ý, tác giả *La Divine Comédie* (Thần Khúc).

(2) T.S. Eliot (1888-1965) nhà thơ kiêm kịch tác gia Anh, giải Nobel Văn Học 1948.

Giáo sư Figes là người có thẩm quyền về những vấn đề của Liên-xô cũ, vì đây là phạm vi chuyên cứu của ông trong ngành sử học. Nhưng để trả lời câu hỏi: "Tại sao Liên-xô sụp đổ nhanh chóng như vậy?", ông không có nhận định gì quan trọng khác biệt với tác giả cuốn sách. Tóm lại, những điều nhà phê bình không đồng ý với cuốn sách chỉ là tiểu tiết.

Ai đã từng để tâm theo dõi những chặng đường sụp đổ của chế độ cộng sản ở Liên-xô cũ, cũng đều ngạc nhiên về một điều: Các lãnh tụ của Điện Cẩm-linh không dùng bạo lực để ngăn chặn sự sụp đổ của họ. Họ gần như để mặc những sự việc xảy ra theo cái xu thế tự nhiên của chúng. Khác với cách đối phó với những biến động xảy ra năm 1956, và năm 1968, họ đã không dám nghe theo bọn cuồng tín. Giả sử họ đi theo con đường sức mạnh, như đám lãnh tụ Trung Quốc trong vụ Thiên-An-Môn, thì không biết chính quyền của họ còn thoi thóp được bao lâu nữa, nhưng chắc chắn sự thể hồi ấy phải khác.

Ngay trong cuộc chính biến tại Mạc-Tư-Khoa tháng 8.1991, cũng có

những chuyện "nhu nhược" đến ngạc nhiên. Những kẻ chủ mưu gần như không có ý chí hành động. Họ tổ chức họp báo để công bố cho "quốc dân đồng bào" của họ, và quốc tế, biết chủ trương đường lối của họ, mà người đại diện đọc bản tuyên bố "tình trạng đất nước lâm nguy" là Gennadi Yanayev, lại vừa đọc vừa run. (Có người nói ông ta đang say rượu). Trong khi đó, bên phe chống lại họ, chỉ gồm mấy ngàn người hầu hết là trí thức chứ không phải quân nhân có vũ khí. Thế mà họ run sợ, không dám dùng vũ lực, mặc dù họ có vũ lực trong tay.

Họ sợ cái thế tất thắng của ý chí chống cộng của dân Nga, và của thế giới.

Trong cuốn sách, có nhiều chỗ tác giả nhận xét rất tinh tường. Tác giả nói: "Thật ra, các lãnh tụ cộng sản cũng mơ hồ về cái chủ nghĩa của họ. Họ không nắm vững nguyên nhân tại sao guồng máy chế độ của họ chạy được. Cho nên khi nó trục trặc, họ không biết cách nào sửa cho nó chạy. Những chuyện cải cách của Mikhail Gorbachev chỉ là những sự chấp vá, gặp đâu thì sửa đó, chẳng có cái nào

lâu dài. Chính bản thân, ông ta cũng không biết rồi sự việc sẽ dẫn tới đâu. Theo nhận định của một cố vấn của ông ta, thì Gorbachev cũng giống như ông Kha-Luân-Bố, khi xong việc thì mới biết được việc của mình làm là cái gì".

(Tôi xin thêm cho rõ: Trong khi lên đêngh trên Đại-Tây-Dương, Kha-Luân-Bố chỉ nghĩ đến chuyện sang nước Ấn-Độ, nhưng kết quả bất ngờ của sự "bất tri nhi đạt" của ông, đã đem lại cho nhân loại miền Tân-Thế-Giới. Còn Gorbachev, thì trong khi ra sức cứu vãn chế độ cộng sản tại Liên xô, vẫn biết là đang làm một chuyện vô vọng. Nhưng vì quyền lợi, vì tự ái, vì "đã trót phóng lao", ông ta phải gắng, cho đến khi trở lực lớn hơn sức mình. Xin tạm gọi đó là "tận lực nhi vong").

Cuốn sách cũng dẫn ra lời thú nhận của một lãnh tụ công sản Latvia (một nước nhỏ, thành phần của Liên-xô cũ, trên bờ biển Ban-tích), khi Liên-xô tan rã: "*Chúng tôi hiểu là chúng tôi thua cuộc, và phải rút lui. Vấn đề là rút lui như thế nào đây*".

Lời nói dẫn trên có thể được coi là thành thật. Người cộng sản không dùng bạo lực, không phải vì bản chất hiếu hòa, mà chính vì sợ những phản động lực. Họ không muốn chết theo chủ nghĩa của họ.

Cuối cùng, David Pryce-Jones có những nhận xét thật đích đáng: "Nhưng phải nói rằng lý do chính để các lãnh tụ Điện Cẩm-Linh không dùng bạo lực dập tắt những phong trào, những biến cố chính trị dẫn tới sự sụp đổ của Liên-Xô, là: chính họ, họ cũng không tin vào chủ nghĩa cộng sản. Họ không còn thấy nó xứng đáng để họ hết lòng bảo vệ. Cái mầm tự hủy nội tại đã biến đảng cộng sản thành một cái vỏ ốc, và sự phân hóa nội bộ đã đưa chế độ đến tan rã, khi gặp sức mạnh của dân chủ tự do".

Người đàn bà nhiều tội

Hồi còn sống, có lần đề cập đến nhà văn nữ Agatha Christie, thủ



tướng Churchill đã nói đùa: “Bà ta là người phụ nữ dính líu nhiều đến tội ác hơn hết, kể từ ngày Lucrece Borgia qua đời”. Lucrece Borgia (1480-1519) là người đàn bà đã dính líu đến nhiều âm mưu chính trị lúc đương thời ở Ý. Còn Agatha Christie thì viết tiểu thuyết về tội ác.

Mới đây, tạp chí *Quid* có công bố một bản so sánh số lượng ấn bản đã được phát hành của một số tác giả. Xếp liền sau Thánh-Kinh của Thiên Chúa Giáo (gần 3 tỉ), là những cuốn sách của Mao Trạch Đông (hơn 2 tỉ). Tiếp theo là tiểu thuyết trinh thám của Agatha Christie (2 tỉ)*. Theo theo sau nữa, là Staline, Barbara Cartland, George Simenon, Lénine, Erle Stanley Gardner, và Frédéric Dard, xếp theo thứ tự từ nhiều đến ít.

Một điều lạ cần nêu trước hết là có 3 người, không phải là nhà văn, nhưng lại có rất nhiều sách phát hành là Mao Trạch Đông, Staline và Lénine. Nói là lạ, nhưng dễ hiểu. Ngày xưa, khi còn làm tể tướng nhà Tần, sách của lái buôn Lã Bất Vi cũng có thể lực lớn lắm.

Trong danh sách, ngoài Christie, còn 4 nhà văn: Còn sống là Cartland và Dard (Bút hiệu là San-Antonio). Hai người kia đã qua đời. Tất cả đều có viết truyện trinh thám, hoặc chỉ chuyên viết loại này. Như Gardner đã viết trên 200 cuốn, toàn tiểu thuyết trinh thám, và đã có đến nửa triệu cuốn lưu hành khắp thế giới.

Bây giờ, xin nói đến tác giả chính mà Churchill đã đề cập.

Agatha Christie (1890-1976) là người Anh, lúc nhỏ không được đi học, chỉ ở nhà học với mẹ. Trong Thế Chiến I, bà làm y tá, và cũng bắt đầu viết tiểu thuyết trinh thám từ hồi đó.

Về cuộc sống tình cảm, Christie đã có 2 đời chồng: Lần đầu, với đại tá Archibald Christie, đến năm 1928 ly dị; lần sau, với nhà khảo cổ Max Mallowan. Christie là tên của người chồng trước. Khuê danh của bà là Mary Clarissa Miller. Dẫn ra những điều này, để thử tìm hiểu khả năng viết truyện trinh thám của bà có liên hệ gì với nghề nghiệp của hai người

chồng hay không. Người chồng trước là quân nhân, người chồng sau là một nhà khảo cổ. Nhưng xét kỹ, Christie đã không lợi dụng gì được ở nghề nghiệp của 2 ông chồng trong khi tạo ra những câu chuyện hình sự rất ly kỳ.

Thật ra, ngoài truyện trinh thám, Christie cũng có viết sách khác, và cũng thành công. Bà đã viết được những vở kịch thật hay, như vở *The Mousetrap* (Bẫy Chuột) ra đời năm 1952, đã đạt kỷ lục quốc tế về số lần công diễn: 8.862 lần, trong 21 năm liên tục, tại hí viện Ambassadors, Luân-Đôn. Bà cũng có viết một cuốn tiểu thuyết tình cảm, cuốn *Absent in the Spring* (Vắng mặt mùa xuân), xuất bản năm 1944, nhưng lại ký là Mary Westmacott.

Về tiểu thuyết trinh thám, có lẽ Christie chỉ thua Gardner về số lượng tác phẩm. Gardner có trên 200 cuốn, nhưng Christie chỉ viết được không đến một nửa số đó (Có tài liệu ghi 90 cuốn, nhưng cũng có tài liệu chỉ kê 70. Chỗ sai biệt này có lẽ là vì có những cuốn chỉ đăng báo, chớ chưa in thành sách). Nhưng về số ấn bản đã bán ra, thì Gardner chỉ được hơn 300 triệu cuốn, mà Christie có đến 2.000 triệu cuốn. Gấp 7 lần.

Để so sánh, các nhà nghiên cứu thường đem đặt Agatha Christie bên cạnh hai nhà văn khác, cũng là người Anh, cũng chuyên viết tiểu thuyết trinh thám, già hơn là Conan Doyle (1859-1930), và trẻ hơn là Ian Fleming (1908-1964). Hai người này không viết được nhiều như Agatha Christie, nhưng cũng được các độc giả thích loại truyện gây hồi hộp trên khắp thế giới ái mộ. Cả ba đều thành danh nhờ tạo ra được những “thám tử bất hủ”: Conan Doyle tạo ra thám tử tư Sherlock Homes; Ian Fleming tạo ra điệp viên James Bond (bí danh 007); còn Agatha Christie thì Hercule Poirot và cô Marple.

Không biết họ có bắt chước nhau không. Nhưng hình như thời tiền chiến, ở Việt Nam, mấy nhà văn có viết truyện trinh thám như Thế Lữ, Phạm Cao Củng, thì có bắt chước lối

“nuôi thám tử” của họ. Thế Lữ nuôi Lê Phong, Phạm Cao Củng nuôi Kỳ Phát. Nhưng hai ông này viết không được mấy, nên thám tử của họ sống không lâu.

Nói chung, ai cũng phải phục Agatha Christie về cách dựng chuyện. Kết cục luôn luôn là bất ngờ, ngoài dự đoán của người đọc, kể cả người đọc nhiều tưởng tượng. Kẻ giết người ban đầu cứ tưởng là nhân vật này, nhân vật kia, nhưng cuối cùng lại chính là... người kể chuyện cho tác giả nghe. Có khi hung thủ lại chính là nạn nhân... Có khi tất cả nhân vật đều là hung thủ... Ôi thôi, thiên hình vạn trạng!

Người ta không biết tác giả lấy cảm hứng ở đâu, dựa vào kinh nghiệm nào, mà nghĩ ra được hàng ngàn tình tiết lắt léo ly kỳ đến như thế. Conan Doyle là bác sĩ, đã từng sang Phi Châu chiến đấu; Ian Fleming đã từng là phóng viên chiến tranh, và nhân viên tình báo. Nhưng Agatha Christie chỉ làm việc với chiếc máy chữ trong thư phòng. Những lần bà đi theo người chồng sau, sang vùng Trung Cận Đông, không ghi dấu vết gì trong tiểu thuyết trinh thám của bà.

*

* *

Những số liệu này trích từ tạp chí *Quid*. Người viết không biết chúng có xác tín đến mức nào. Nhưng nghe đến “tỉ” (1.000 triệu), thì cũng phát ớn. Riêng phần Agatha Christie, tự điển bách khoa *Britannica* nói tất cả sách của bà đã bán ra, có đến hơn 100 triệu cuốn.

Đạo của bạn, đạo của tôi

Tại thủ đô Ba-Lê, có một tu viện Hồi giáo. Vị Giáo Trưởng điều khiển tu viện này là Si Hamza Boubakeur, mới vừa qua đời tháng 2 năm nay. Si Hamza Boubakeur đã dành trọn đời cho việc nghiên cứu, dịch và chú giải kinh *Coran*.

Lần đầu, ông đã dịch kinh *Coran* ra tiếng Pháp, do nhà Fayard xuất bản năm 1972. Đến năm 1978, bản dịch

ấy được ông tu chỉnh thật kỹ, để in kèm với bản chữ Ả-Rập. Tuy vậy, ông cũng chưa vừa ý, vẫn mãi miết nghiên cứu để đưa ra một bản dịch thật hoàn hảo. Nhưng ông chưa kịp cho xuất bản bản dịch mới, thì đã ngã bệnh rồi qua đời. Con ông lên kế vị giáo trưởng, và giao bản dịch cho nhà Maisonneuve et Larose, là nhà xuất bản chuyên về những vấn đề Ả-Rập. Một lần nữa, quyển Thánh Kinh của đạo Hồi bằng tiếng Pháp, lại tới tay các nhà nghiên cứu, và những tín đồ Hồi Giáo chỉ đọc được tiếng Pháp.

Kinh *Coran*, theo tín ngưỡng truyền thống của Hồi Giáo, là lời của Thượng Đế truyền cho Giáo chủ Mahomet (570-632), qua trung gian của thiên sứ Gabriel. Hồi Mahomet còn sinh tiền, những lời này chỉ được ghi chép một phần trên những tấm xương và da thú. Sau khi ông qua đời, các đệ tử mới gom góp tất cả những lời ông đã truyền giảng, thành một bộ sách duy nhất, được gọi là kinh *Coran* cho đến ngày nay.

Ban đầu, kinh này được viết bằng những mẫu tự cổ rất khó đọc, nên đã có những cách đọc khác nhau. Văn bản xưa nhất còn giữ nguyên vẹn cho đến bây giờ, được viết từ thế kỷ thứ 7. Về sau, kinh được viết lại bằng chữ Ả-Rập, nhưng có rất nhiều dị bản. Năm 1923, đại hội Hồi Giáo họp tại Cairo (Ai-Cập), đã làm công việc chuẩn hóa toàn bộ quyển kinh. Công việc giống như “hiệu đính” văn bản một tác phẩm cổ. Nhưng kết quả đạt được chỉ là chính thức loại trừ bớt những điều khác biệt trong các bản viết bằng tiếng Ả-Rập, chứ không làm cho nội dung dễ hiểu hơn.

Về hình thức, kinh *Coran* gồm 114 chương, 6.219 câu. Nội dung là những bài truyền giáo, những luật lệ, những nghi thức thờ cúng, những lời khuyên, và những ngụ ngôn. Theo các nhà nghiên cứu ngoài Hồi Giáo, kinh *Coran* không chỉ là tác phẩm tôn giáo và luật pháp của xã hội Hồi Giáo, mà còn là tác phẩm văn học đầu tiên của thế giới Ả-Rập.

Văn học Tây Phương bắt đầu nghiên cứu kinh *Coran* từ thế kỷ 19.

Nhưng từ trước đến nay, nghiên cứu kinh này thật sâu và có hệ thống hơn hết, vẫn là những nhà thần học Hồi Giáo. Có thể kể Muhammad Abduh (1849-1905) người Ai-Cập, và Abub Kalam Azad (1888-1959) người Ấn-Độ.

Còn dịch ra tiếng Pháp, trước đây đã có 3 bản: của R. Blachère năm 1947; của M. Hamidullah năm 1959; của D. Masson năm 1967.

Bây giờ, đến bản cuối đời của Si Hamza Boubakeur.

Khi tác phẩm phát hành, ký giả Elie Maréchal viết bài phê bình trên báo, lấy tựa là “Ánh sáng của Kinh *Coran*”, trong bài có những nhận xét thật chí lý. Người phê bình không đi vào chi tiết, không nhận xét dịch đúng dịch sai, mà chỉ nêu cao tinh thần trung thực, chân chính của dịch giả, đồng thời là một giáo sĩ đạo Hồi.

Maréchal dẫn: Dịch giả viết trong bài tựa bản dịch đầu tiên: “*Hồi Giáo tôn trọng các nhà bác học, muốn cho khoa học được ưa chuộng, và chống lại sự ngu dốt... Tôi cố gắng làm cho mọi người hiểu đúng Hồi Giáo, và hết sức khách quan phát huy giá trị tinh thần của thông điệp mà Hồi Giáo truyền cho thế giới*”.

Đi vào phạm vi nghiên cứu kinh *Coran*, dịch giả khuyên các nhà nghiên cứu là học giả Hồi Giáo, trước hết nên đọc thật kỹ kinh *Torah*(*) và kinh *Phúc-Âm*, cùng tất cả những sách phụ đính, rồi đối chiếu các bản dịch với những bản gốc bằng tiếng Hi-Lạp và La-Tinh. Còn với những học giả không phải Hồi Giáo, ông không dám khuyên gì cả. Nhưng công trình dịch thuật của ông đã mở sẵn con đường cho họ. Qua những chú giải uyên bác, ông đã giúp cho mọi người tìm được cách tiếp cận vấn đề, hiểu được thần học và luật pháp theo kinh *Coran*.

Dịch giả cũng chỉ ra cho mọi người thấy có nhiều cách hiểu lời văn

trong kinh *Coran*, kể cả những cách hiểu thật duy lý. Ông cũng không coi thường những cách giải thích thần bí, những cách hiểu theo khuynh hướng ly giáo, cũng như dị giáo. Ông tận dụng những kiến thức khoa học, những quan niệm triết lý và chính trị hiện đại, để thuyết phục. Với tinh thần một tín đồ Hồi Giáo ngoan đạo, ông hoàn tất một công trình cho nền văn minh nhân loại.

Ở đâu có khối thì có người Tàu

Trong cuốn sách mới xuất bản, nhà văn Sterling Seagrave đưa ra những số liệu đáng suy nghĩ: Hiện nay, có 55 triệu người Trung Hoa sống ngoài đất nước của họ, và họ có trong tay khoảng 2.000 tỉ Mỹ-kim tiền lưu động.

Tựa cuốn sách là *Lords of the Rim*, tựa phụ là *The Invisible Empire of the Overseas Chinese* (Những Vị Phiên Vương, Đế quốc vô hình của những người Trung Hoa hải ngoại). Chỉ cần căn cứ vào cách đặt nhan đề cho tác phẩm, cũng đã thấy tác giả nhận định “tình hình” như thế nào: Vừa phục vừa sợ.

Seagrave đang sống ở Âu Châu. Trước tác phẩm đang bàn, ông đã viết khá nhiều về Trung Quốc. Đáng kể nhất là 2 cuốn *Dragon Lady* (Long phu nhân) và *The Soong Dynasty* (Triều đại nhà Tống). Gần đây, ông tập trung nghiên cứu giai đoạn lịch sử từ Sơ Thanh đến thời kỳ Dân quốc, và cho tới bây giờ. Ông muốn cung cấp cho các độc giả Tây Phương một cái nhìn bao quát về khối dân số đông nhất thế giới. Và sử gia cứ xoáy vào một vấn đề mà theo ông là “cốt lõi”: Xưa nay, tại Trung Quốc, những người cầm quyền không muốn cho dân giàu.

Để chứng minh cho luận thuyết của mình, Seagrave dẫn phản chứng (Có lẽ ông không dẫn được “thuận chứng” chăng?). Ông nhấn mạnh: Khi lãnh tụ Đặng Tiểu Bình tuyên bố “làm giàu là vinh quang”, thì họ Đặng

(*) Kinh *Torah* là phần đầu của *Cựu Ước*, gồm 5 cuốn: Sáng-Thế-Ký, Xuất-Hành, Lê-Vi, Dân-Số, và Phục-Truyền.

chỉ là người thứ hai trong lịch sử Trung Quốc, mở đường cho tư bản. Cơ may lần thứ nhất cho tư bản đã xảy ra trong thế kỷ 15, dưới triều nhà Minh (tác giả nhắc đến vụ thái giám Trịnh Hòa đi giao thương với quốc ngoại). Ý của tác giả muốn nói rằng, từ xưa đến nay, trong lịch sử Trung Quốc, chỉ có 2 lần nhà cai trị muốn làm giàu, là vào thời nhà Minh và hiện nay. Ngoài ra, họ chỉ nghĩ đến quyền bính, và không muốn cho dân trở thành những người giàu có. Vì thế, những người dân Trung Quốc, ai muốn làm giàu lớn, đều phải ra nước ngoài. Lý do hiện nay trên toàn thế giới có đến 55 triệu Hoa kiều là ở đó.

Sau khi cuốn *Lords of the Rim* ra đời, có khá nhiều bài báo ở Âu Châu cũng như ở Bắc Mỹ, lên tiếng phê bình. Có nhiều bài đặt nặng vấn đề ở giá trị số liệu và những nhận định thực dụng của cuốn sách. Lý do cũng dễ hiểu: Đến năm 1997, Hương Cảng sẽ được giao trả lại cho Trung Quốc, sẽ có thêm một số người Hoa nữa, đi nơi khác định cư. Nhận định của cuốn sách là lời chào mừng bất đắc dĩ, mà cũng là một lời báo trước cho dân những vùng sẽ đón tiếp các bạn làm ăn mới, có thể rất tinh khôn và nhiều vốn liếng.

Nhưng xét kỹ, những nhận định của Sterling Seagrave, chỉ đúng về kết quả mà không đúng về nguyên nhân; chỉ có thể đúng về hiện trạng, nhưng chắc chắn sai về cứ liệu lịch sử.

Người Trung Hoa hiện có mặt ở nước ngoài rất nhiều. Điều đó đúng. Nhưng không phải chỉ vì nhà cầm quyền nước họ không cho họ làm giàu. Thử hỏi những người Minh Hương, rời bỏ Trung Quốc khoảng đầu nhà Thanh, cũng chỉ vì muốn đi nơi khác để làm giàu sao? Vả lại, chính sách “phú chi, thứ chi” là đường lối chính trị chung của các triều đại Trung Quốc mà? Các vua quan của nước Tàu ngày xưa không thể có tầm nhìn của một nhà kinh tế tài chánh hiện đại; họ không quan niệm được những cách làm ăn của một chế độ đại tư bản; nhưng họ

không hề cấm dân làm giàu. Doanh nghiệp và thương mại vẫn được các triều đại chú trọng khuyến khích, và những người hoạt động trong những ngành này không hề bị xã hội khinh bỉ. Bản “tứ dân: sĩ nông công thương” theo cách hiểu thường tục, là một bản xếp hạng. Nhưng chính truyền theo sách vở, thì xã hội xưa vẫn biết thương gia có trách nhiệm “lưu thông tài hóa”, một phần vụ không thể thiếu được.

Nhưng đáng tiếc, tác giả lại bằng vào những điều quá sức đơn giản để hiểu xã hội Trung Quốc. Tác giả nói: *Khổng giáo đã xếp các thương nhân ngang hàng với thành phần cận bã của xã hội. Các vua chúa muốn dành độc quyền buôn bán cho mình, đã ngăn cấm xuất ngoại và thương mại. Kết quả, các thương nhân biến thành hải khấu và buôn lậu*”.

Khổng học có chủ trương coi trọng nhân nghĩa hơn lợi lộc, nhưng không hề coi thương nhân là cận bã. Có nhiều triều vua Trung Quốc đặt chức quan để điều hành sự sản xuất, và vận chuyển nhu yếu phẩm (như muối chẳng hạn) trong xã hội. Nhưng đó là vì nhu cầu điều hòa phân phối, chứ không phải là chủ trương không muốn cho dân làm giàu.

Rải rác trong tác phẩm, còn rất nhiều chỗ sai lầm, nhiều khi khá nghiêm trọng.

Trước hết là chuyện thái giám Trịnh Hòa. Cứ theo sử Trung Quốc, thì Trịnh Hòa là một viên nội quan duy nhất trong lịch sử, đã làm nhiệm vụ sứ thần. Ông làm thái giám, nhưng không chỉ ở trong hậu cung để hầu vua, mà còn cầm đầu sứ bộ đi ra ngoại quốc, để “tuyên dương uy đức của thiên triều” và ký những hiệp ước giao thương. Ông đã thực hiện 7 chuyến hải hành xa hàng vạn dặm, đến thăm trên 30 nước khác nhau, trải dài theo duyên hải, bắt đầu từ Việt-Nam, Chiêm-Thành, cho đến những xứ tận Trung Đông, và ven bờ phía đông của Phi Châu. Tới đâu, ông cũng cho người tìm hiểu về phong tục, văn hóa, nhân vật, địa lý, để ghi thành tài liệu phúc trình (*). Thành

tích ngoại giao của ông thật hiển hách, có thể nói là quán tuyệt cổ kim.

Nhưng riêng với Việt-Nam lúc bấy giờ, thì Trịnh Hòa không thành công. Lý do là vì quân nhà Minh vừa bị quân ta đánh bại, hiềm khích vẫn còn quá mới, hai bên dù có muốn làm hòa, cũng không buôn bán gì được.

Sau khi dẫn chuyện Trịnh Hòa để chứng minh rằng ý muốn làm giàu đã một lần có trong đầu óc của các nhà cai trị Trung Quốc thời nhà Minh, tác giả nhắc về Trịnh Hòa như sau: *Tôn danh của ông ta là “Tam Bảo” (ba của quý), có lẽ người ta muốn ám chỉ đến việc ông ta mất hạ bộ*.

Ồi, một lần nữa tai hại!

Theo *Minh Sử*, Trịnh Hòa (1371-1435) gốc người Vân-Nam, thuộc Hồi tộc, nguyên họ Mã, sau đổi ra họ Trịnh. Lúc còn trẻ, ông theo Yên-Vương Lệ, lập được nhiều chiến công. Khi Yên-Vương lên ngôi (vua Thành Tổ, hiệu Vĩnh Lạc), ông được gọi về kinh làm nội quan, rồi được phong Tổng quản Thái giám. Khi về già, ông được người đời tôn xưng là “Tam Bảo Thái Giám”, có ý nhắc đến việc đời ông trải thờ 3 vua: Vĩnh-Lạc (1403-1425), Hồng-Hi (1425-1426), và Tuyên-Đức (1426-1436). Chữ “bảo” đây là “bảo vệ”, chứ không phải là “báu quý”.

Người đời coi trọng Trịnh Hòa cũng phải. Là thái giám, nhưng ông không ỷ vào chỗ được vua sủng ái mà giết hại người trung lương, như bọn Thập Thường Thị đời vua Linh-Đế nhà Hậu Hán, hay gần hơn, như Ngụy

(*) Theo *Minh Sử*, mỗi lần xuất ngoại, đoàn chiến thuyền của Trịnh Hòa gồm tới sáu, bảy chục chiếc. Số binh tướng lên đến hàng vạn. Trong thành phần sứ bộ, ngoài các viên thông ngôn, còn có nhiều tay khoa bảng. Trong số này, có mấy người còn lưu lại tác phẩm văn học, nhân những chuyến đi: Cung-Trần viết *Tây Dương Phiên Quốc Chí* (Truyện về những nước phiên phía biển Tây); Mã-Quan viết *Doanh Nhai Thắng Lãm* (Ngắm xem cảnh đẹp ven bờ biển); Phí-Tín viết *Tinh Tra Thắng Lãm* (Ban đêm đi thuyền ngắm cảnh).

Trung Hiền, cũng đời nhà Minh, sau ông 200 năm. Trái lại, ông còn lập được công lớn đối với sự phồn thịnh của đất nước.

Tối đây, chúng ta có thể nêu một nghi vấn: Tác giả không đọc được sách chữ Tàu. Ông chỉ căn cứ vào những tài liệu bằng tiếng Anh, tiếng Pháp chẳng?

(Nghi vấn nêu trên gợi cho tôi nhớ lại một chuyện cũ: Trước 1975, tại miền Nam, có một nhà viết sử (sử Việt Nam) bị mấy đồng nghiệp chê trách rằng viết sử nước nhà mà chỉ căn cứ vào sử liệu của Pháp (vì không thông Hán tự), thì không thể nào chính xác được).

Ngoài ra, hình như tác giả có thiên kiến đối với Tưởng Giới Thạch và Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Không biết căn cứ vào đâu, ông bảo rằng Tưởng xuất thân thảo khấu, và trong khi cầm quyền, đã bán vũ khí do Mỹ viện trợ để giữ nước, cho quân đội Nhật. Và vì Tưởng đã bóc lột quá đáng những nhà công kỹ nghệ và chủ ngân hàng, nên khi Cộng sản sắp chiếm Trung Quốc, họ bỏ chạy là chạy trốn họ Tưởng, chứ không phải chạy trốn họ Mao. Tác giả dẫn chứng rằng họ đã không chạy theo họ Tưởng qua Đài Loan, mà chạy tới Hồng-Kông.

Tác giả nói không đúng sự thật. Năm 1949, tuy có một số doanh gia tai mắt của Trung Quốc lục địa chạy đến Hương Cảng thật, nhưng số chạy theo chính phủ Dân Quốc ra Đài Loan vẫn nhiều hơn. Và lại, sao tác giả không luận đến chỗ doanh gia là những người làm ăn, Hương Cảng gần và dễ kiếm tiền hơn, thì họ ghé. Còn nếu bảo rằng họ chạy là chạy trốn họ Tưởng, chứ không phải họ Mao, thì sao phải đợi khi họ Mao đến, thì mới chạy? Nói như thế là nghịch lý, và cũng một phần nào chứng tỏ tác giả chưa có kinh nghiệm thực tế với Cộng sản.

*

* *

Nhưng về hiện trạng những cộng đồng của người Tàu ở hải ngoại càng ngày càng trở nên giàu mạnh, thì tác

giả nhận xét đúng. Ông nhận thấy họ đã có kinh nghiệm thu mình lại, có khi trở nên vô hình, có thể gián tiếp chi phối chính trường địa phương, mà vẫn bảo vệ tài sản riêng, không để cho nhà cai trị nào động đến.

Sự giàu có và ảnh hưởng của họ cũng đã có lần gây sự nghi ngờ cho nhà cầm quyền sở tại. Như năm 1910, tại Thái-Lan, khi nền kinh tế quốc gia sắp rơi vào sự khống chế của Hoa Kiều, vua Rama VI đã tức giận gọi họ là bọn "Do Thái của Đông Phương".

Sau vụ Thiên-An-Môn, mọi người trở nên e sợ sự kiểm soát của Bắc-Kinh đối với Hương Cảng sau năm 1997. Những ai có máu mặt tìm cách cao bay xa chạy. Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại là hai nơi họ nhắm tới. Chỉ tính riêng năm 1991, doanh số thương mại của Hoa Kiều tại tỉnh British Columbia (Gia-Nã-Đại) đã lên đến 1.460 triệu Mỹ-kim. Các nhà tài

chánh dự đoán rằng trong một tương lai gần, Hoa Kiều sẽ biến Vancouver thành một trung tâm tài chánh quốc tế, như họ đã làm đối với Hồng-Kông và Tân-Gia-Ba. Nhưng doanh gia Hoa Kiều tới đâu, thì hướng mã (băng đảng) đồng chủng của họ cũng theo gót.

Tác giả kết luận: Trước đây một thế kỷ, cũng có những người Tàu di cư đến Gia-Nã-Đại. Hồi ấy, họ là những người nghèo khó, sẵn sàng chấp nhận những công việc làm cực nhọc nhất. Nhưng trong những lần di cư gần đây, họ là những chuyên viên biết nói nhiều thứ tiếng, ăn mặc bảnh bao, và có trình độ học vấn cao hơn dân địa phương. Những người da trắng nào ngày xưa đã từng phàn nàn về chuyện có những láng giềng da vàng sống thấp kém, thì nay hãy chuẩn bị mà sống theo tiêu chuẩn cao của những Hoa-Kiều tân nhập. ●



trang trái

Về qua phố cũ một mình
dang tay nứa gọi
cuộc tình xa xưa
Phố buồn,
trời đã nghiêng mưa
nhân duyên đột ứt
trộn mùa yêu đương.
Ngây thơ
vào giữa tình trường
Cám ơn,
xin nhận vết thương ngọt ngào
Khi về
mộng đã hư hao
trả em nguyên vẹn
lời chào bình yên.

vạn giả

hẹn nối

mảnh trăng thương

Cứ hẹn trong lòng về thăm lại
Mái nhà xưa cũ ngọt ngào hương
Có trăng theo bước em vào ngõ
Dẫn lối anh qua ngã hồng vườn.
Những lần trăng ngủ trên xác lá
Anh mượn hồn trăng gối yêu thương
Kéo trăng em đắp lên lồng ngực
Anh giấu niềm vui vào nụ hôn.
Từ ấy trăng mùa qua cửa ngõ
Đi tìm dấu cũ mỗi đêm sương
Vương trong trăng cũ vườn xưa ấy
Ta còn hẹn nối mảnh trăng thương.

nguyễn văn cường

Liên-Hợp-Quốc và Những Vấn-Đề Ngoài Tâm Kiểm-Soát

Phạm Vũ Dũng

1995, năm đánh dấu 50 năm thành lập Liên Hợp Quốc (LHQ). Nửa thế kỷ trôi qua, người ta bắt đầu nhìn lại hiệu năng và giá trị của tổ chức này. Mới đây, một ký giả của tạp chí có số tuổi xấp xỉ với tuổi của LHQ, tờ *Reader's Digest*, ông Dale Van Atta qua việc phỏng vấn nhiều nhân viên tổ chức này cũng như qua việc tham khảo hàng ngàn trang tài liệu của LHQ, bắt đầu phanh phui những bê bối động trời từ lâu vẫn được giấu kín. Từ đó, vấn đề được đặt ra là: Nên cải tổ guồng máy LHQ hay là khai tử nó.

Đứng đầu danh sách những viên chức tai to mặt lớn dính líu tới các vụ tai tiếng là ông Aly Teymour, con của một cận thần vị vua Ai Cập cuối cùng, vua Farouk. Đối với công chúng, Aly Teymour có vẻ như một viên chức ngoại giao đứng đắn đại diện LHQ. Tờ *New York Times* nhận định: Khi Aly Teymour bước trên hành lang LHQ trong bộ quần áo truyền thống màu sẫm, ông đã gây được một ấn tượng rất mạnh. Nhưng thực tế đời tư, Aly đã bị cáo buộc về tội sách nhiễu tình dục các cộng sự viên phái nam trẻ đẹp. Đến năm 1992, khi nội vụ đổ bể và bị đưa lên mặt báo, tờ *London Times* phỏng vấn ông Tổng thư ký LHQ Boutros Boutros Ghali thì được trả lời: LHQ sẽ không có hành động nào đối với việc làm sai trái của Aly. Động trời

hơn nữa là chính ông Boutros Boutros Ghali còn chỉ định Aly làm phụ tá cho ông ta với số lương 120 ngàn đô-la cộng phụ cấp. Mãi đến khi bị chính những nhà ngoại giao Ả Rập lẫn không Ả Rập phản đối, ông Boutros mới chịu chia tay Aly, nhưng vẫn cử Aly đại diện LHQ đến dự một hội nghị quốc tế tại Copenhagen, Đan Mạch. Hiện nay thì Aly Teymour đang phây phây "về vườn" với đầy đủ trợ cấp hậu hĩ.

Aly Teymour không phải là trường hợp hiếm hoi duy nhất. Một trường hợp bê bối khác đã xảy ra tại Ethiopia. Trong khi nhân viên LHQ đang tận lực cứu đói ở xứ này thì Đại hội đồng LHQ chấp thuận một ngân khoản 73.5 triệu đô-la để xây một... trung tâm hội nghị tại Addis Ababa, thủ đô Ethiopia. Đã 11 năm qua đi mà mãi đến nay cái trung tâm khổng lồ đó vẫn chưa hoàn tất và chi phí đã lên tới 107 triệu đô rồi! Nếu hoàn tất, nó cũng sẽ chỉ là một... cái chùa Bà Đanh vì chẳng có ma nào chịu xách Samsonite đi họp ở cái xứ khỉ ho cò gáy đó cả.

Chưa hết, ông Mostafa Tolba, Giám đốc Chương trình Môi sinh LHQ (The United Nations Environment Program, UNEP), cơ sở đặt tại Nairobi, thủ đô nước Kenya, đã đều đều húp nước béo từ nồi súp LHQ hàng 17 năm nay mà chẳng làm nên cơm cháo gì! Vậy mà khi về hưu

năm 1992, tiền lương của Tolba đã lên bằng tiền lương của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, cỡ 143 ngàn đô-la. Cuối nhiệm kỳ của Tolba, báo cáo của LHQ cho biết những vấn đề liên quan đến môi sinh do UNEP đề ra đã được giải quyết, nhưng một nhân viên khác lại cho rằng có một số việc mà Tolba nhúng tay vào càng làm tình hình bi đát hơn. Ngoài tiền lương, Tolba còn ẵm nhẹ 50 ngàn đô phụ cấp mỗi năm. Và cũng giống như các đảng VC bên nhà, tự đặt ra giải thưởng để giám khảo cũng là thí sinh, tự chấm giải và phát thưởng cho mình, Tolba đã sáng tạo ra một giải thưởng gọi là Giải Môi Sinh. Người đoạt giải năm 1993 là ai? Xin thưa, chính bố Tolba, đỡ nhẹ 200 ngàn mỹ kim giải thưởng.

LHQ cũng đâu chịu thua. Tổ chức này cứ tự điều chỉnh thang lương để cạnh tranh với những mức lương cao nhất của thành phố New York. Với đại bản doanh là một toà building cao 39 tầng lấp kiếng xanh lục nhìn ra sông East River của New York, giờ đây LHQ đang điều khiển hàng trăm văn phòng, tổ chức, ủy ban, cao ủy... phân bố rải rác trên toàn thế giới. Năm 1945, khi mới bắt đầu, tổ chức này chỉ có 1500 nhân viên với một ngân sách khiêm tốn là 250 triệu đô-la. Ngày nay con số ấy đã lên đến 53.000 nhân viên và ngân khoản trôm trôm 10 tỉ một năm, trong đó Hoa kỳ gánh vác hơn 25%, Canada 3%. Mới đây nhất, Đài Loan đã... dự khi sẽ đóng góp 1 tỉ mỹ kim một năm nếu LHQ "xỉnh xái" cho Đài Loan trở lại. Dĩ nhiên là dù có thêm nhỏ rãi cái bánh hấp dẫn, LHQ cũng khó thuyết phục con kỳ đà Trung cộng chấp nhận tên "phản động" giàu sự đáng ghét nọ.

Làm cho LHQ rất sướng. Hầu như nhân viên nào cũng được hưởng các phụ cấp hàng năm như sau: 1270 đô cho mỗi đứa con chưa quá 18 tuổi; 12.675 đô cho con của nhân viên từng sự tại ngoại quốc và đang theo học một trường tư hay đại học; được nghỉ hưu ở tuổi 55 và được hưởng tiền hưu trí cao hơn một phần tư so với một

viên chức dân sự Mỹ. Nhiều nước, trong đó có Canada, miễn thuế cho nhân viên LHQ. Điều đó có nghĩa là mức lương 72 ngàn một năm miễn thuế sẽ tương đương với 120 ngàn một năm chịu thuế.

Mỗi năm hàng núi giấy tờ gồm hàng tỉ trang giấy được ấn loát từ nhà in của LHQ nằm dưới thảm cỏ phía bắc của trụ sở. Nhà in này có kích thước khổng lồ, bằng một sân bóng bầu dục. Cơ quan cố vấn quản trị nổi tiếng Mc Kinsey & Co. báo cáo rằng năm 1992, công nhân nhà in LHQ lấy ngày nghỉ bệnh gấp năm lần hơn, nghỉ hè gấp hai lần hơn, nghỉ cà phê cà pháo hai lần hơn so với công nhân các nhà in khác của Mỹ. Lương hướng thì lãnh 40% cao hơn, mà làm việc thì như cái củ... cái. Mc Kinsey & Co. đề nghị giải tán cái của nợ đó, nhưng LHQ vẫn nín thin.

Thầy chạy hơn cả có lẽ là Ủy ban Quân sự và Ủy ban Phi Thuộc địa của LHQ. Ủy ban Quân sự LHQ họp vào ngày thứ sáu của tuần thứ hai mỗi tháng tại một tầng hầm thuộc phòng Bí Thư. Nhiệm vụ của Ủy ban này trong 50 năm qua ra sao? Rất đơn giản và rất... ăn tiền. Các đảng gặp mặt nhau, mở cặp-táp, lấy sổ tay ghi chép lời viên Chủ tịch Ủy ban thông báo ngày giờ họp lần tới. Chấm hết. Còn Ủy ban Phi Thuộc địa thành lập từ năm 1961 đến nay chỉ còn lại có 17 thuộc địa, và những thuộc địa này chẳng hề phàn nàn khiêu nại gì cả, nhưng Ủy ban vẫn được duy trì với ngân khoản nửa triệu đô-la hàng năm. Tháng 7 vừa rồi, Cuba và Ba Tư đại diện LHQ trong Ủy ban những người Puerto Rico đòi độc lập đối với Hoa Kỳ vì Hoa Kỳ hiện đang được LHQ ủy quyền quản trị đất nước này. Dĩ nhiên hồ sơ giấy má đọc trong hội nghị để chửi cha Mỹ là do LHQ đòi thợ với 25% chi phí do Mỹ gánh vác.

Một vấn đề rất nhức nhối khác mà dân Việt ta đã từng nếm qua, chịu chung với nhiều dân tộc nhược tiểu khác, đó là cái Cao ủy về người tị nạn UNHCR (United Nations High Commissioner for Refugees). Được thành lập năm 1951, cơ quan này

đóng tại Geneva, thủ đô Thụy Sĩ, đã hai lần nhận được giải Nobel Hoà Bình nhờ những đóng góp thuở xa xưa. Cơ quan hiện có 5000 nhân viên và một ngân khoản vĩ đại 1.2 tỉ đô-la. Nói cho công bằng thì các đảng này cũng đã từng cứu giúp được nhiều sinh mạng, nhưng dần dần do quản trị lỏng lẻo, tồi tệ; cộng với nạn tham nhũng, đục khoét, giờ đây cái quá khứ hào hiệp đó chỉ còn trong kỷ niệm. Các viên chức Cao ủy Tị nạn bị tố cáo đã đích thân tống tình, tống tiền, hay làm ngơ cho những con thú người ở các trại tị nạn Thái, Mã, Nam Dương, Phi... cưỡng hiếp, đánh đập, dày xéo người Việt tị nạn chúng ta.

Trở lại với Phi châu, tháng giêng năm 1991, nhu yếu phẩm, thực phẩm cứu đói cho Somalia đã bị tuôn ra ngoài chợ trời, trong khi mỗi ngày có 50 người chết đói ở trại tị nạn Dolo miền nam Ethiopia. Tồi tệ hơn nữa, ở trại Liboi miền bắc Kenya, người ta chết khát chỉ vì sự bất đồng giữa các viên chức văn phòng Cao ủy Tị nạn Nairobi và nhà thầu Đức. Một cái giếng nước chỉ mất khoảng hai ngày để đào và đặt ống bơm thế nhưng nhà thầu và Cao ủy cứ cãi nhau tháng này qua tháng khác, để mặc người Phi chết như rạ!

Một khuôn mặt nhám nhúa khác là Shinga Vele Lukika, người Zaire, cũng làm cho UNHCR 17 năm, đại diện LHQ ở Uganda. Trong suốt thời gian làm việc, y đã thuổng sơ sơ 2 triệu mỹ kim tiền thực phẩm cứu trợ và dụng cụ, 670 ngàn mỹ kim trị giá các loại xe cộ. Với thành tích đó, y chỉ bị Cao ủy Tị nạn triệu hồi về Geneva ngồi chơi xơi nước và tiếp tục lãnh lương đều chi. Viên quyền Cao ủy người Mỹ, ông Arthur E Dewey, thấy ngứa mắt quá, bèn đề nghị sa thải Lukika. Nhưng Tổng thư ký LHQ lúc ấy là Javier Perez de Cuella người Paraguay, lại chỉ thị UNHCR bổ nhiệm Lukika đến Djibouti năm 1989. Chỉ hai năm sau, cờ đến tay Lukika lần nữa khi những cuộc nội chiến ở Ethiopia và Somalia đẩy hàng triệu người đến các trại tị nạn. Con kên kên Lukika đã bỏ túi thêm được

gần 1 triệu mỹ kim nữa. Dù bị buộc từ chức năm 1991, Lukika vẫn lãnh tiền trợ cấp hưu bổng và không bị truy tố hay bồi thường một xu teng nào.

Một sự phí phạm tiền của nữa là sự công kênh quá sức của guồng máy LHQ. Đồng tiền của người lao động khắp bốn phương trời cứ thi nhau chui vào cái túi LHQ sâu hun hút. Chương trình Phát triển LHQ UNDP (The United Nations Development Program) có ngân khoản chừng 1 tỉ đô-la dành cho các nước thứ ba nhưng trong đó 7000 viên chức mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao đã xơi tái hết 200 triệu rồi. Một nhân viên đen thùi lùi người Mali biến thủ hết 560 ngàn, trong khi một người Kenya khác bợ nhẹ 368 ngàn. Cũng cùng một mô thức như vậy, Tổ chức Phát triển Kỹ nghệ LHQ (The United Nations Industrial Development Organization UNIDO) phải trả lương cho 900 nhân viên mà nhiệm vụ... cao cả của họ là giúp đỡ các nước thứ ba phát triển kinh tế, kỹ nghệ. Bản doanh của Tổ chức này đóng tại Vienna, thủ đô nước Áo.

Chỉ hai cơ quan thuộc LHQ tạm được coi là có hoạt động hữu hiệu, đó là Tổ chức Y tế Thế giới WHO (The World Health Organization) và Tổ chức Nhi đồng UNICEF (The United Nations International Children's Fund). UNICEF đoạt giải Nobel năm 1965 và WHO năm 1977 nhờ thành tích chỉ với 100 triệu mỹ kim trong 10 năm đã tận diệt được bệnh đậu mùa trên toàn thế giới. Nhưng chỉ tới đó rồi thôi. WHO nhận được ngân khoản lớn nhất, khoảng 2 tỉ, từ LHQ, nhưng theo báo cáo của một nhóm giáo sư thuộc Đại học George Mason thì WHO đã chi tiêu cho chính mình phân nửa số tài khoản đó. Phòng ngừa và chương trình kiểm soát dịch bệnh chỉ chiếm 34% ngân khoản. Riêng bệnh sốt rét, một tai họa triền miên đối với những nước nghèo nhiệt đới thì chỉ được dành ra có 1% để giúp đỡ. Năm 1992, trong lúc màn ảnh truyền về cho thấy nữ minh tinh của thập niên 50, 60 Audrey Hepburn,

đại sứ đặc biệt của UNICEF, đang âm thầm bồi dưỡng trẻ em Somalia đói khổ thì những viên chức UNICEF thoải mái ngồi trong những biệt thự khang trang có máy lạnh, tiền thuê nhà lên đến 5.000 đô một tháng, và kinh nghiệm cứu trợ duy nhất mà họ gặt hái được ở Somalia là những buổi đi tắm biển.

Sự việc đã đến thế thì không muốn cải tổ cũng không được. Cựu Phó Tổng thư ký LHQ, Sir Brian Urquhan, người Anh, cho rằng cấu trúc hiện nay của toà nhà LHQ đã quá cũ nát, lỗi thời. Bà Jean Kirkpatrick, cựu Đại sứ Mỹ tại LHQ thì nhận xét: Tình trạng lãng phí, trục lợi lan tràn, bộ máy cồng kềnh, quản lý tồi tệ. Năm 1993, vị Phó Tổng thư ký LHQ người Mỹ, ông Dick Thornburgh, cựu Thống đốc tiểu bang Pennsylvania, khởi đầu sự cải tổ bằng cách đòi đóng cửa cái nhà in ăn hại đắt nát đã nói ở phần trên qua một bài chỉ trích hết sức gay gắt. Nhưng chưa tới đâu thì ông đã rời khỏi chức vụ. Ông Joseph Connor kế nhiệm cũng hy vọng thay đổi được LHQ bằng cách thay đổi lề lối làm việc, đánh giá lại cơ cấu huấn luyện nhân viên quản trị và điều hành, tái thiết kế lần ranh quyền lực. Cũng giống như các vị tiền nhiệm, lịch sử LHQ ghi nhận việc làm dang dở của ông.

Năm vừa qua, Đại sứ Hoa kỳ tại LHQ, bà Madeleine Albright, điều trần trước Đại hội đồng như sau: "Tôi không thể biện hộ gì được với những người đóng thuế của nước tôi về những mưu toan cá nhân, những mặc cả về tiền trợ cấp, sự thiếu trách nhiệm, sự phung phí cũng như sự thờ ơ đối với công việc đang xảy ra đây rầy quanh đây".

Lời phát biểu của bà Albright nhắm đúng mục tiêu, nhưng họ vẫn bình chân như vại. Tiến sĩ Keith Martin, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Canada, cảnh cáo: "Tổ chức LHQ đã phồng to quá cỡ, phá sản và sa lầy trong sự thiếu quyết đoán, không hữu hiệu và phung phí. Nếu không chịu thay đổi thì LHQ sẽ không thể tồn tại". ●

Nói Chuyện với Nguyễn Chí Thiện: Dũng-Sĩ và Thanh Gươm Trên Mặt Trận Văn-Hóa (*)

Sơn Tùng

- . Nếu hiểu rõ thực-chất của cộng-sản, không ai có thể nói chuyện hòa-hợp hòa-giải hay giao-lưu với họ được.
- . Ở trong nước không ai muốn nghe đài RFI (chương-trình Việt-ngữ của đài phát-thanh quốc-gia Pháp, nằm trong tay cánh thiên-tả và Việt-kiều đoàn-kết tại Paris).
- . Cộng-sản vẫn tiếp-tục gây tác-hại cho đất nước thì trách-nhiệm của người cầm bút ở hải-ngoại là vẫn phải chống cộng, phải nói thay đồng-bào trong nước, viết thay cho những người cầm bút không được viết ở trong nước.

Nghe tin nhà thơ Nguyễn Chí Thiện sắp sang Mỹ, tôi vừa mừng lại vừa mang một nỗi buồn khó tả. Cũng như nhiều người ở hải ngoại quý trọng ông, tôi e ngại tên tuổi ông sẽ bị "cháy" tiêu khi rời khỏi Việt Nam, nơi ông đã bị dày ải gần suốt cuộc đời.

Nhiều nhà văn, nhà thơ cũng bị dày ải hành hạ hàng chục năm trong và ngoài các trại cải tạo ở Việt Nam, nhưng khi ra vùng trời tự do, họ không bay bổng lên được. Họ rơi

vào bóng tối hun hút.

Có mặt trong số vài ba người ra đón Nguyễn Chí Thiện tại phi trường Dulles - Washington tối 1.11.1995, nỗi buồn của tôi càng mênh mông hơn. Nguyễn Chí Thiện đặt chân lên đất tự do mà ông hằng mong ước với cái nhìn dè dặt, bước đi như chạy trốn trong sự rào đón của thân nhân.

Sau đó, tin Nguyễn Chí Thiện tới Virginia được truyền nhanh như điện khắp thế giới. Nghe nói đã có một cơn "bão điện thoại" từ khắp nơi tràn vào nơi ông cư ngụ ở Herdon, và đã có những phe nhóm "giành giật" cái vinh dự được thù tiếp ông.

Rồi Nguyễn Chí Thiện ra điều trần trước Tiểu ban Nhân quyền Hạ viện Mỹ, và ngày 11.11.95, Hội Báo Chí tổ chức tiếp tân, giới thiệu ông với giới cầm bút và các hội đoàn vùng

(*) Bài viết của nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Văn Bút Miền Đông Hoa-kỳ, tóm-lược nội-dung ba giờ nói chuyện trực-tiếp với thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện tại Virginia, Hoa-kỳ hôm 14.11.1995. Tựa lớn và các tựa nhỏ của tòa-soạn.

Hoa Thịnh Đốn.

Tôi tới với sự dè dặt và chuẩn bị tư tưởng để không phải thất vọng.

Nhưng, tôi đã không thất vọng. Nguyễn Chí Thiện mà tôi thấy tại đây khác hẳn với hình ảnh Nguyễn Chí Thiện tại phi trường mười ngày trước. Đây chính là Nguyễn Chí Thiện của *Hoa địa ngục*.

Ngày hôm sau tôi gọi điện thoại xin gặp riêng ông để “trao đổi”. Nguyễn Chí Thiện sốt sắng nhận lời.

Tôi nghĩ làm một buổi để tới thăm ông. Một ngày giữa thu mưa gió mù mịt và lạnh căm căm. Anh chị Nghiêu Minh cũng nghĩ làm một buổi để cùng đi, với tấm lòng dành cho tác giả *Hoa địa ngục*.

Chúng tôi đã ngồi chuyện trò, trao đổi với Nguyễn Chí Thiện trong ba tiếng đồng hồ. Ông không hề ngập ngừng, tránh né hay rào đón khi nói về những vấn đề dễ “bắt lửa”.

Về những nhà văn, nhà thơ cự tu cái tạo khi sang đến phần đất tự do lại viết lách mập mờ hay cổ xúy hoà hợp, hoà giải, giao lưu; ông Nguyễn Chí Thiện cho rằng vì thực sự họ cũng chưa hiểu rõ cộng sản. Nếu hiểu rõ thực chất của cộng sản thì không ai có thể nói chuyện hoà hợp hoà giải, giao lưu với cộng sản được.

Nguyễn Chí Thiện có nhận định rất rõ rệt và thẳng thắn về tạp chí *Hợp lưu* và những người chủ trương giao lưu văn hoá ở hải ngoại.

Ông nói:

“Ngay cái tên Hợp Lưu cũng đã sai, không đúng với thực tế. Hợp lưu là tất cả mọi dòng tư tưởng đều hoà hợp lại để cùng tuôn chảy. Đảng này cộng sản chỉ chấp nhận có một dòng văn học duy nhất, không ai được quyền viết khác, nói khác. Hợp lưu là mọi sách báo ở ngoài nước đều được phổ biến ở trong nước, và ngược lại. Đảng này sách báo ở trong nước tha hồ đem ra ngoài nước, nhưng chính tờ Hợp lưu hô hào giao lưu văn hoá lại bị cấm lưu hành trong nước.”

...“Muốn hợp lưu thì phải hợp lưu ở trong nước trước. Ngay ở trong nước cũng chỉ có một dòng duy nhất thì làm sao có hợp lưu với ngoài nước?”

(Nguyễn Chí Thiện)

Những tác phẩm gọi là phản kháng lúc ấy (hải-ngoại gọi là “phong-trào văn-chương phản-kháng”) có dám đả chủ nghĩa Mác Lê hay Hồ Chí Minh câu nào đâu mà gọi là phản kháng?
(Nguyễn Chí Thiện)

“Ngay cái tên Hợp Lưu cũng đã sai, không đúng với thực tế. Hợp lưu là tất cả mọi dòng tư tưởng đều hoà hợp lại để cùng tuôn chảy. Đảng này cộng sản chỉ chấp nhận có một dòng văn học duy nhất, không ai được quyền viết khác, nói khác.

Hợp lưu là mọi sách báo ở ngoài nước đều được phổ biến ở trong nước, và ngược lại. Đảng này sách báo ở trong nước tha hồ đem ra ngoài nước, nhưng chính tờ *Hợp lưu* hô hào giao lưu văn hoá lại bị cấm lưu hành trong nước.

Tôi được đọc tờ *Hợp lưu* do chính anh Nguyễn Huy Thiệp cho mượn mà cũng phải giấu giếm, lén lút. Muốn hợp lưu thì phải hợp lưu ở trong nước trước.

Ngay ở trong nước cũng chỉ có một dòng duy nhất thì làm sao có hợp lưu với ngoài nước? Sự hợp lưu ngay từ thời phong kiến bị cho là hà khắc cũng đã có sự hợp lưu, đó là tam giáo cửu nguyên, nhưng nay thì chỉ có một dòng duy nhất. Anh muốn hợp lưu thì anh phải biến thân và nhảy vào dòng của đảng”.

Nhận định về cái gọi là “văn chương phản kháng” vào cuối thập niên 80 ở trong nước, Nguyễn Chí Thiện nói

“Trước khi nói có sự phản kháng hay không có phản kháng, tôi xin nói về cái gọi là ‘cởi trói’. ‘Cởi trói’ là chữ của cộng sản chứ không phải của tôi. Ai cho đảng cái quyền được trói?

Văn chương nghệ thuật là linh hồn của văn hoá dân tộc, là văn hiến ngàn năm. Tự do sáng tác chưa chắc đã hay mà còn trói nó lại thì còn làm ăn, sáng tác gì được! Thành ra chính họ đã tự nhận văn học của họ là văn học bị trói, không có giá trị gì cả. Phải nói thẳng như vậy.

Bây giờ xin nói đến ‘cởi trói’ thì chỉ là bất chúc đường lối Glasnot do Liên xô đưa ra vào năm 1986, tức là nói lỏng một chút.

Những tác phẩm gọi là phản kháng lúc ấy có dám đả chủ nghĩa Mác Lê hay Hồ Chí Minh câu nào đâu mà gọi là phản kháng? Cũng không có nhà văn nào dám lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa đánh chiếm miền Nam theo lệnh của Tàu và của Nga”.

Về luận điệu “hoà hợp hoà giải”, xóa bỏ hận thù của một số người ở hải ngoại, mà điển hình là bà Thụy Khuê ở đài RFI của Pháp, Nguyễn Chí Thiện nói rằng ở trong nước không ai muốn nghe.

Riêng bà Thụy Khuê, sự vô tư và lịch sự tối thiểu của một phóng viên cũng không có. Thí dụ như một lần phỏng vấn nhà văn Duy Lam, bà đã truy kích ông này và gay gắt hỏi dồn: “Vậy thì thù cộng sản suốt đời à? Thù cả nước Việt Nam à?”

Người nghe đài ở trong nước nói với nhau mời Thụy Khuê về ở trong nước vài năm xem bà ta còn muốn

hoà hợp hoà giải với cộng sản hay không?"

Về vấn đề xóa bỏ hận thù, Nguyễn Chí Thiện nói điều kiện cần thiết để xóa bỏ hận thù là cộng sản phải chấm dứt đàn áp, gây thêm đau khổ cho nhân dân và phải thực hiện dân chủ. Không thể xóa bỏ hận thù nếu vẫn còn tiếp tục đàn áp, khủng bố, tước đoạt nhân quyền của người dân.

Nguyễn Chí Thiện không đồng ý với những người cho rằng văn chương chống cộng là văn chương "bế tắc".

Cộng sản vẫn tiếp tục gây tác hại cho đất nước thì trách nhiệm của người cầm bút ở hải ngoại là vẫn phải chống cộng, phải nói thay đồng bào trong nước, viết thay cho những người cầm bút không được viết ở trong nước.

Cuộc chiến Việt Nam vẫn còn là đề tài để nhà văn viết ra những tác phẩm giá trị.

Thành thực mà nói, viết về tình yêu và những chuyện trong đời sống bình thường thì dễ viết hơn, nhưng nó chỉ thích hợp vào lúc đất nước thanh bình và tự do.

Ai thích viết về những đề tài tình yêu thì cứ viết, nhưng đó cũng là những đề tài rất xưa cũ mà sao không gọi là "bế tắc", nhưng hễ vạch ra tội ác của cộng sản trong lúc cộng sản còn sờ sờ ra đó thì lại gọi là "bế tắc"? Nếu có bế tắc thì là bế tắc của chính những người tránh né trách nhiệm của mình. Họ đã bỏ phí sự tự do rất quý của nhà văn. Phải sống ở Việt Nam mới biết tự do quý như thế nào.

Nguyễn Chí Thiện nói rằng, chẳng những chỉ viết ra những gì người trong nước không thể viết, các nhà văn ở hải ngoại còn nên tìm cách đưa

những tác phẩm của mình vào trong nước, như in thật nhỏ để dễ đem.

Ông thấy dự án lập đài phát thanh Á châu Tự do rất hay vì đó là một vũ khí truyền thông rất lợi hại. Các đài phát thanh BBC, VOA là những đài khách quan, không phải là tiếng nói của những người đấu tranh cho tự do. Ông tỏ ý tiếc là không còn bắt được đài Tiếng nói Tự do từ Mạc Tư Khoa.

Ông cho biết ảnh hưởng của đài ấy vào năm 92, 93 ở Việt Nam rất mạnh. Ai cũng bắt nghe và chính ông cũng bắt nghe mỗi đêm. Vì vậy mà cộng sản Việt Nam đã áp lực mạnh mẽ với chính phủ Nga để bắt đóng cửa đài này, kể cả liên kết với việc trả nợ.

Ông cho rằng hệ thống truyền thông điện tử Internet mà có người gọi là "xa lộ vô hình" sẽ đưa mọi tin tức về Việt Nam là không đúng lắm, vì Internet không phổ biến trong xã hội Việt Nam, đại chúng ít biết đến.

Vấn đề thời sự liên quan đến Văn bút Việt nam Hải ngoại, Nguyễn Chí Thiện cười những người cho rằng có thể ngồi chung với một phái đoàn nhà văn trong nước (mà ông gọi là bồi bút) trong Văn bút Quốc tế, nói là "để có đối-tượng đấu-tranh."

Ông nói, muốn đấu tranh thì cứ việc đấu tranh và nhắm thẳng vào trong nước, việc gì phải nói qua bọn "bồi bút"?

Hai mươi bảy năm trong ngục tù cộng sản, sức khỏe Nguyễn Chí Thiện đã suy yếu nhiều, nhưng tinh thần ông vẫn bất khuất như lúc viết *Hoa địa ngục*. Ba giờ nói chuyện với ông, tôi nhận rõ điều đó.

Nguyễn Chí Thiện xứng đáng là một dũng-sĩ, và thơ ông là một thanh gươm báu.

Ai thích viết về những đề tài tình yêu thì cứ viết, nhưng đó cũng là những đề tài rất xưa cũ mà sao không gọi là "bế tắc", nhưng hễ vạch ra tội ác của cộng sản trong lúc cộng sản còn sờ sờ ra đó thì lại gọi là "bế tắc"? Nếu có bế tắc thì là bế tắc của chính những người tránh né trách nhiệm của mình.

(Nguyễn Chí Thiện)

Em tắt lửa lòng

Việc làm vô lý nhất của Vương Thúy Kiều - ta cứ giả vờ coi như Vương Thúy Kiều là người phụ nữ có thật, sống thật ở đời này - là việc nàng cứ năm lần bảy lượt nằng nặc đòi đi tu.

Người đàn bà nào cũng có thể đi tu được, nhưng riêng Thúy Kiều thì không. Không được vì nàng nói và làm không giống nhau. Không những nàng chỉ nói và làm không giống nhau mà thôi, những gì nàng nói, những gì nàng làm còn đối chọi nhau kịch liệt nữa.

Trong thời gian bánh xe lạng tử đưa Kiều lưu lạc giang hồ, nàng nghĩ, nàng mơ màng đến chuyện tu hành, cắt đứt những dây tình làm cho nàng đau khổ thì cũng coi là tạm được đi. Nhưng khi đã trở về đời, đã sống chung một nhà, một phòng ngủ với Kim Trọng Tàu Vết, đã cho Kim Trọng làm lễ tơ hồng, đã vô đến giường động phòng, nàng vưỡn còn bày đặt: "Thôi đừng... Để em tu..." thì thật rơm và lỗ bịch.

Tại ngục Chí Hoà năm 1988 thành Hồ tôi mần liên tiếp năm sáu bài thơ vịnh phản đối việc Kiều tuyên bố tu hành. Kính mời bạn đọc và xét những lý do tôi đưa ra để quyết đoán em Vương Thúy Kiều không thể tu hành được và nêu rõ chuyện em đòi khoá cửa phòng ngủ để tu là chuyện khôi hài:

CÁI CHUYỆN TU HÀNH KHÓ LẮM... EM ƠI

*Đã đem mình bỏ am mây
Tuổi này giả với cỏ cây cũng vừa
Mùi thiền đã bén muối dưa
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sòng
Sự đời đã tắt lửa lòng
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi?
Dở dang nào có hay gì,
Đã tu tu trót qua thì thôi...*

*Nghe em anh những bồi hồi
Chân tu để được mấy người như em.
Em tu em chẳng ăn nem
Lấy ai ăn chả cho anh đỡ thèm, em ơi!*

Tại Ngục Vịnh Kiều

Hoàng Hải Thủy

Em tu sao má em tươi,
Em tu sao miệng em cười quá xinh?
Sự đời em leo lét lửa tình
Nhưng than còn đỏ, cô mình chớ lo
Có lo thì em lo quả phúc em to
Bến Mê quan cấm, con dò em mắc neo.
Muốn đưa em sang sông nhưng anh lại
vụng tay chèo
Để thuyền em cạ gió, lộn lèo anh hổ
ngươi
Cái chuyện tu hành nó khó lắm, em ơi
Giỡ cho anh nói một lời đã nao
Cái số em là số hoa đào
Em gỡ ra nó lại buộc vào như chơi.
Đào hoa em mới ba mươi
Am mây nào chứa những người đào hoa.
Em ngắm cái mình em trong ngọc, trắng
ngà
Cỏ cây nào chịu em mà em tu!

Em đòi em khép phòng thu
Đàn cò ai kéo, đàn cù ai quay?
Nợ tình ai trả, ai vay?
Ái ân ai có ngần này chưa thôi?
Em tu, ai ngược, ai xuôi?
Với ai ai lại nói lời nước non?
Em tu ai phấn, ai son?
Ai lia ngó ý lòng còn vương tơ?
Em tu ai rượu, ai cờ?
Ai xem hoa nở, ai chờ trăng lên?
Em tu ai lạc Đào Nguyên?
Đầu non, cửa động Ngọc Tuyền ai chơi?
Em tu ai khóc, ai cười?
Thang lan ai tắm, ai người thơm ngậy?
Tóc thề ai chấm ngang vai?
Âm công ai nặng thêm vài đồng cân?

Trăm nghìn ai gửi tình quân?
Tơ duyên ai ngăn những gần một gang?
Trình em đáng giá ngàn vàng
Của chung ai chịu cho nàng đem tu!
Hẹp gì em chẳng hé phòng thu?
Mắc gì cứ phải như tu mới là?
Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra cánh biếc
Em đi ở chùa, anh tiếc lắm thay!

Ngàn vàng chẳng chịu trao tay
Tu làm chi cực lòng này lắm thân?
Mây em trắng vẫn in ngần
Phấn thừa, hương cũ bội phần xót xa.
Em tu ai cỡi cà sa?
Trạc Tuyền ai đổi tên ra Thúy Kiều?

Có yêu em nói rằng yêu
Chẳng yêu em nói một điều rằng không!
Em cho làm lễ tơ hồng
Em cho hoa chúc, động phòng sánh đôi
Em cho dúi dặt chén mời
Em cho duyên mới bén mùi tình xưa
Sắp cho em lại ốm ờ"
- Giỡ ra cho thiếp, bi giờ thiếp tu!

Nặng hanh em biết vào thu
Gió may em biết sương mù sa mưa
Hong nhan em biết từ xưa
Cái điều tình ái có chừa ai đâu?
Chữ tình ai tạc cho sâu?
Chữ tu ai kẻ nét sâu đến xương?
Em tu em khép âm dương
Em quên ai nhịp đoạn trường gió bay?



Nhưng em đã quyết lòng tu thì anh tính
thế này
Cho em tu đủ cả ngày lẫn đêm
Cho em tu trong ám, ngoài êm
Em tu đạo hạnh em thêm mượt mà
Thứ nhất là em tu nhà
Thứ nhì em tu chợ, thứ ba em tu chùa
Đưa nào em muối chẳng chua?
Tu nhà cùng với tu chùa đồng môn
Phật tại tâm, bất tại Côn Lôn
Tu đâu em sạch tâm hồn thì thôi.
Em muốn tu thì em trả hết nợ đời
Nợ duyên, nợ kiếp, nợ người, nợ ta.
Nợ phong tình, nợ tài hoa
Nợ đi, nợ ở, nợ ra, nợ vào.
Em muốn tu thì em trả hết nợ hoa đào
Tu mà quit nợ, Phật nào chứng cho!

Ấu ơ... ví dầu quả phúc em to
Bến Mê vua cấm, con dò em đứt neo.
Thuyền Từ em trên biển giắc còn lắm
còn leo
Tu sao em khỏi lộn lèo thì tu...!

**Thương thay
giọt nước cành dương**

Thúy Kiều đi tu, xuống tóc, qui y Tam Bảo, tụng kinh, gõ mõ, chép kinh dâng hoàng chứ không phải là tu kiểu phùng tuồng, cải lương, tu hú...

Nàng tu hành ở Quan Âm Các trong vườn nhà Thúc Kỳ Tâm ở Vô Tích:

*Sân Quan Âm Các vườn ta
Có cây trăm thức, có hoa bốn mùa
Có cỏ thụ, có sơn hồ
Cho nàng ra đó giữ chùa, tụng kinh.*

Đó là lời Hoạn Thư, vợ Thúc Kỳ Tâm, tuyên bố về việc em Hoa Nô mặt ử màu chau đệ đơn xin được đi tu. Muốn tu thì cho tu. Hoạn Thư quả thật là người đàn bà ở ăn thì nết cũng hay, nói lời ràng buộc thì tay cũng già, y thị quyết định liên tù tì tút tít. Và thế là Thúy Kiều cây tiên lâu Ngưng Bích, vương tôn công tử chết một chết mê, người xuất sắc trong tất cả bốn món ăn chơi cầm, kỳ, thi, hoạ kiêm thạc sĩ đại học bảy chữ, tám nghề trong một ngày đẹp trời:

*Tàng tàng trời mới bình minh
Hương hoa, ngũ cúng sấm sanh lễ thường*

*Đưa nàng đến trước Phật đường
Tam qui ngũ giới cho nàng xuất gia
Áo xanh đổi lấy cà sa
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền.*

Trạc Tuyền. Tuyền là suối. Còn Trạc nghĩa là gì đây?

Tự Điển Thiều Chửu: Trạc, bộ Thủy có hai nghĩa: 1. rửa, giặt; 2. sáng sủa, mập mập. Núi trọc không cây cũng gọi là "trạc".

Trạc Tuyền của chúng ta chắc chắn phải là Suối Giặt, Suối Rửa Lông Mây. Nhất định Trạc Tuyền không có dính dáng xa gần đến cái gọi là núi trọc không có cây cỏ. Ni cô Trạc Tuyền tu hành ở Quan Âm Các mất sáng, môi hồng, miệng đa tình - chỉ có mái tóc nhung mềm thơm ngát hương tiên là ni cô tạm thời không có. Nhưng theo thông lệ của tự nhiên và thiên nhiên thì cái gì đang mướt mà mà cắt xén nó đi thì khi nó mọc lại

nó xanh um hung hãn lắm. Mái tóc của ni cô Trạc Tuyền cũng vậy. Năm ấy ni cô mới ngoài hai mươi cái xuân xanh.

Ni cô ra khỏi Vườn Thúy năm ni cô mười tám tuổi. Hai ba niên chi đó ni cô ăn cơm trọ ở cư xá đại học Tú Bà - hiệu trưởng Mã Giám Sinh, giám thị thầy Sở Khanh - ni cô gặp Thúc Kỳ Tâm. Ni cô sống ân ái mặn nồng, thả dạn, đến nơi đến chốn với Thúc Kỳ Tâm trong khoảng hơn một niên. Thúc Kỳ Tâm đến ngày phải về Vô Tích nộp thuế công dân với Hoạn Thư vợ lớn. Thế rồi ni cô bị bọn Khuyển Ưng Khuyển Phệ bắt cóc đem về Vô Tích. Ni cô bị Hoạn Thư hành bất làm nô tì. Sau cùng Hoạn Thư cũng thả cho ni cô ra chùa tu. Đến chùa ta thấy:

*Nâu sông từ trở màu thiên
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu*

Thông số có vẻ mơ hồ: "Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu" là bao nhiêu thời gian? Đã mấy mùa thu trắng soi trên mái chùa hương phấn ấy? Chắc dzậy. Cứ cho là dzậy đi thì ta đi đến thực tế là kỹ nữ Thúy Kiều, nay là ni cô Trạc Tuyền, đã ăn chay, tụng kinh, gõ mõ, thấp đèn, đốt

nhang, chép kinh ở Quan Âm Các chùa ta đến ít nhất là ba năm trời...

Ba năm trời nàng ở chùa mà thiếu chủ Thúc Kỳ Tâm hào hoa phong nhã đa tình không sao lần mò vượt tường chùa vào thăm ni cô được một lần! Tôi thường cay cú kết tội những anh cai tù cộng sản ác ôn nhưng thực ra nếu so với Hoạn Thư, mấy anh đường như cũng có thể được giảm khinh đôi phần.

Nhưng ở đây tôi không muốn nói đến tính tàn ác dã man của những người đàn bà ghen tuông trên cái cõi đời này. Tôi không muốn bênh vực Hoạn Thư, tôi lại càng không muốn chạy tội cho chế độ lao tù cộng sản. Tôi chỉ muốn nhắc bạn đọc thân mến nhớ đến chi tiết: Ni cô Trạc Tuyền đã tu hành ở Quan Âm Các chùa ta một khoảng thời gian ít nhất là ba niên.

Đây là những gì chúng ta được biết về thời gian ba niên lá bối, phướn mây của ni cô Trạc Tuyền:

*Nàng từ lánh gót vườn hoa
Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng
Nhân duyên đâu lại còn mong
Khỏi điều thẹn phận, tui hồng thì thôi.
Phật tiền thăm lếp, sâu vùi
Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương.*



*Khéo thay giọt nước cành dương
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
Thiện tai! Thiện tai!
Lành thay! Lành thay!
Nam Mô Ngã Phật Đại Từ Đại Bi
Đại Giác!*

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát!
Đạo pháp nhiệm màu đã đến với
ni cô Trạc Tuyên. Nàng đã tự cắt đứt
được những cái gọi là “tình là dây
oan” làm cho nàng đau khổ. Nàng
chẳng còn tha thiết gì với cái gọi là
tình yêu nhân thế, nàng đã chôn vùi,
đã lãng quên những sầu thảm của
nàng...

Giọt nước từ cành dương liễu của
Quan Thế Âm Bồ Tát đã tưới tắt
ngúm lửa lòng của Thúy Kiều Trạc
Tuyên. Tưới tắt dứt khoát, trọn vẹn,
tắt đến không còn gì có thể tắt hơn
được nữa. Khéo thay! Hay thay!
Tuyệt vời thay! Giọt nước Cành
Dương của Phật Bà chữa bệnh ái tình
hữu hiệu kinh người...

Người đọc Kiều đa số ngây thơ,
đến đây thường tin chắc là như thế
Thúy Kiều đã thoát kiếp đoạn trường.
Nàng đã thành ni cô và tu hành tốt.
Ni cô đã lạnh lẽo đứng đưng lưng lơ
con cá vàng với cuộc tình. Lửa lòng
ni cô đã tắt từ lâu, nay trong lòng ni
cô chỉ còn năm bảy đống tro tàn lạnh
ngát...

Nhưng... Cũng lạ kỳ thay... Cái lò
lửa lòng đã bị nước Cành Dương tưới
tắt ngấm từ bao giờ ấy nó lại bùng lên
một cách khủng khiếp ngay khi ni cô
vừa nhìn thấy Thúc Kỳ Tâm mất
trước mắt sau lấm lét lên vào chùa.
Lửa lòng của ni cô nó không tái bốc
ở đâu xa xôi, nó phùng lên ở ngay
trước bàn thờ Phật, ở ngay cái nơi ni
cô đã đào sâu chôn chặt, đã tưới mấy
chục thùng phuy nước cho nó tắt
ngấm.

Than ôi! Cái gọi là Lửa Lòng thật
đáng sợ vô cùng! Sự tích ni cô Trạc
Tuyên lửa lòng đã tắt lại phùng lên
càng chứng minh cho ta thấy tính
nguy hiểm ghê gớm của nó. Rõ ràng
nó tắt ngấm rồi. Cả nước thấy nó tắt
queo rồi. Vậy mà nó lại bùng lên, dữ
dội, oai hùng, hiên ngang, bất chấp tất
cả. Không những nó không bị nước

Cành Dương tưới tắt - nước Cành
Dương Cam Lộ hiệu nghiệm là thế
mà còn không tưới tắt được nó, trên
cái cõi đời này từ ngàn xưa đến ngàn
sau sẽ chẳng bao giờ có một thứ nước
nào có thể làm tắt được nó - dường
như nó còn đốt cháy queo cả cành
dương liễu.

Những đêm nóng đến thay những
đêm lạnh, rồi những đêm lạnh rồi đi
nhường chỗ cho những đêm nóng...
trên sân xi măng phòng mười ô-ten
Chí Hoà thành Hồ, Công Tử Hà Đông
nằm hiu hiu tưởng nhớ hình ảnh
những nàng Kiều Thu ngàn năm tròn
tuổi nguyệt trên cõi đời này. Ôi!
Những nàng Kiều Thu lò lửa lòng của
nàng nào cũng phùng phùng lửa đỏ.
Nước Cành Dương có nhiều như nước
biển Đông cộng luôn cả nước biển
Tây các nàng cũng sãng-phú...

Bèn có bài thơ vịnh lửa lòng của
ni cô Trạc Tuyên:

*LỬA LÒNG EM ĐỐT CHÁY QUEO
Pháp danh em đổi Trạc Tuyên
Áo xanh em trở màu thiền cà sa.
Em từ lánh gót vườn hoa
Em gần rừng tía, em xa bụi hồng.
Nhân duyên em chẳng còn mong
Khỏi điều thẹn phẫn, tui hồng thì thôi.
Phật tiền thăm lếp, sầu vùi
Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương
Khéo thay giọt nước Cành Dương
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần gian*

*Mái ngoài họ Thúc vừa sang
Giọt châu tầm tã dạt tràn cà sa:
“Rõ ràng thực lửa đôi ta
“Làm ra con ở, chủ nhà... được sao?
“Em liều mấy giọt máu đào
“Để cho chúng nó trông vào, biết tay
“Sợ gì cao chạy, xa bay
“Ái ân ta có ngần này thôi ư?”
Cùng nhau kể lẽ sau xưa
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
Phật tiền thăm khuấy, sầu khơi
Tiêu pho thủ tự, tàn nôi tâm hương.
Thương thay giọt nước Cành Dương,
Lửa lòng em đốt mọi đường cháy queo.*

Sóng tình em đã...

Người đời quen bốc thơm, nâng bi

Vương Thúy Kiều. Đây là thói quen
a dua của đám đông. Nhưng yêu
thương Kiều là một chuyện, đề cao
những cái hay thì cũng phải xét đến
những cái dở của Thúy Kiều. Đừng có
nhắm mắt hếch mũi hít lấy hít để: Bất
cứ ký gì của em cũng thơm ơ là
thơm!

Những anh văn nô Xã hội Chủ
nghĩa Việt Nam nồng nhiệt đề cao
Thúy Kiều, nhắm mắt ca tụng Thúy
Kiều hăng tiết vệt hơn những anh
dzăng sồi tư bản rất nhiều. Những
năm u ám ở thành Hồ tôi từng đọc
những dòng văn Xuân Diệu viết:
“*Với hành động nửa đêm sang nhà
Kim Trọng tự tình, Thúy Kiều đã hiên
ngang dẫm đạp lên lễ giáo phong
kiến...*” Đại ý cái câu ca tụng hăng
say đi sư cụ ấy là vậy. Tất nhiên câu
tôi vừa kể đây không nhất thiết là
nguyên văn trong bài ca tụng Thúy
Kiều của Xuân Diệu. Dường như
đương sự còn tưởng tượng: “*...Gót sen
thoản thoát dạo ngay mé tường...
trong đêm trăng ấy là những bước
chân đạp lên mặt bọn đạo đức phong
kiến...*”

Tôi không thấy bức bối mà chỉ
thấy buồn cười. Khỉ nắm! Nàng thì
cũng nàng vừa phải thôi. Nàng quá
người được nâng cũng khó chịu đấy.
Ca tụng Thúy Kiều ký gì cũng được
nhưng việc em nửa đêm chui lỗ chó
sang nhà con trai tự tình thì hổng có
thể nào ca ngợi được. Lễ giáo đời nào
cũng vậy thôi. Lễ giáo thì không thể
chia lễ giáo phong kiến, lễ giáo tư
sản, lễ giáo vô sản. Lời khuyên, luật
cấm con gái còn trinh cho thành đàn
ông - dù có yêu thành ấy đến đâu
chăng nữa - làm tình vung xích cho
trên thân xác mình chính là để bảo vệ
quyền lợi của người con gái. Bảo vệ
quyền lợi chứ sao lại không? Giữ cho
người con gái khỏi khổ sở, khỏi làm
hại chính mình... có chi là xấu? “*Nó
chơi nó nó bỏ tro vào*”, đấy là lời
vàng ngọc của các bà mẹ Bắc kỳ ngày
xưa vẫn ra rả nói ngày đêm sáng tối
vào lỗ tai những cô con gái.

Đúng vậy, thưa quý vị. Năm nay
mái tóc không còn xanh nữa, tôi thấy
lời khuyên ấy chí lý. Dù hung hăng

con bỏ xít đến mấy đi nữa, ta cũng không thể tán thành được việc Thúy Kiều nửa đêm mò sang nhà Kim Trọng. Đọc những lời ngổ ngẩn ca tụng việc làm này của Thúy Kiều, tôi vẫn cười tủm tỉm thầm hỏi những anh nâng bî:

- Anh tán thành việc vợ người ta, con gái người ta nửa đêm trèo tường, chui lỗ chó sang nhà đàn ông tự tình? Đây là vợ người, con người. Nhưng nếu vợ anh, con anh nửa đêm cũng trèo tường, chui lỗ chó sang nhà thằng phong tình bên cạnh, anh nghĩ sao?

Tất nhiên là anh sẽ thương thổ, hạ tả, anh tối tăm mắt mũi, anh học ra mấy búng máu tươi, anh lăn đùng, ngã ngựa, anh giấy đành đạch là cái chắc!

Người con gái khi về nhà chồng - chẳng còn ký gì sắt - chỉ còn mối tình mang theo. *Miệng chồng em gắn trên môi. Hình anh mắt ấy sáng ngời còn ghi...* thơ mộng ra rít. Nhưng "người con gái mang theo mối tình về nhà chồng" ấy là vợ người ta, hổng phải vợ tui. Vợ tui về mí tui mà mang theo hình ảnh thằng đàn ông khác, khi nàng để tui hun mà nàng tưởng thằng khốn nạn đó hun nàng thì tui buồn lắm, tui hổng có chịu đâu!

Nam đáo nữ phòng nam tắc đạo

Nữ đáo nam phòng nữ tắc dâm.

Quân tử Tàu đã có nhận xét ấy từ ngàn xưa, ít nhất là hai ngàn năm nay rồi. Nhưng cho đến bây giờ, thời gian chúng sinh hí hửng và sầu buồn lê gót vào cái gọi là "đệ tam thiên niên kỷ", đã có ai chứng minh được nhận xét đó là sai?

Gã con trai mò vào phòng ngủ người con gái không phải là để "dzô coi chơi cho biết" mà chỉ là với mục đích lấy cắp, lấy trộm. Có thể lấy trộm nhiều thứ. Cứ gì cứ phải lấy tiền, nữ trang mới là lấy trộm! Còn chị con gái tự ý dẫn thân vào phòng thằng đàn ông thì... y thị mò dzô làm chi trẻ con lên ba nó cũng dư biết.

Thúy Kiều lằng lờ quá chời. Vừa gặp Kim Trọng ở nghĩa trang Bắc Việt, nàng đã mơ tưởng ái tình đến nơi đến chốn. Khi vờ vẩn để cho cảnh

kim thoa mắc trên cành cây cho Công Tử Bội chuyên ve gái nghĩa địa vớ được và đi tìm, khi Công Tử Bội thò đầu lên ở bên kia tường đất, Thúy Kiều đã đứng lại tiếp chuyện ngay thay vì hổ thẹn quay về như tuyết đại đa số những nàng trinh nữ khác. Vào thời Công Tử Hà Đông còn bé, mới lớn - đích xác là những năm 1940 của thế kỷ này - kể cả những năm 50, những nàng thiếu nữ Việt Nam chính cống vẫn đỏ mặt, líu lưỡi không nói năng gì được khi bất ngờ có thanh niên chặn lại thả lời ong bướm giữa đường. Thiếu nữ Việt Nam ta đang hoàng như vậy chứ, đâu có...

Không những chỉ ái tình qua tường đất mà thôi, Thúy Kiều còn hung hãn chui rào sang nhà Kim Trọng. Đã sang buổi chiều, chưa đã; chín giờ tối khi trăng lên nửa trời nàng lại bốn cữ soạn lại, phăng phăng sang với Kim Trọng lần thứ hai. Lần này thì nàng màn nhiều trò với Kim Trọng: thề thốt, ký hợp đồng, cắt tóc, uống rượu, đàn địch...

Công Tử Bội Kim Trọng đêm ấy làm nhiều việc có làm cũng được mà không làm cũng chẳng sao. Nhưng cậu lại không làm cái việc cần làm nhất mí Kiều. Như Công Tử Hà Đông lỡ chuyến xe đồ bay USIS ngày ba mươi tháng tư 1975, phải cầm vé chờ standby đến hai mươi năm trời; Công Tử Bắc Kinh không mau tay màn cái việc cần màn ngay đó đã phải cay đắng chờ đến mười lăm năm sau mới được lên chuyến tàu vét!

Vì sự cay đắng ấy, Công Tử Hà Đông rút từ bài học "Kim Trọng lần khân" công thức luân lý giáo khoa thư lớp Đồng Ấu:

Trời cho thì phải vờ ngay

Để dành, để sọt có ngày xót xa.

Cuộc tự tình Thúy Kiều - Kim Trọng ở vườn Lâm Thúy có nhiều chi tiết mâu thuẫn, không hợp lý. Thúy Kiều dẫn thân đến, làm đủ thứ việc nhưng đến việc chính thì nàng lại ẹo ẹo: "Em chã... em chã..." Ngược đời và lộ bịch nhất là chính nàng lại nói những lời lẽ nghi quân cách khuyên Kim Trọng không nên màn tới. Kỳ

dzây! Bất cứ người đàn bà, con gái nào trên cõi đời này cũng có thể nói ra những lời như lời ông Khổng Tử và của ông Khổng Tử, nhưng Thúy Kiều trong đêm hôm đó thì không thể. Chính nàng kêu gọi Kim Trọng, nàng tự ý đưa đến tận mồm Kim Trọng rồi cũng chính nàng lại đuổi ra: "Đừng... Hổng nên làm tới... Đến đây thôi... Hổng tiếc đâu, nhưng mà... để dành..."

Những đêm tại ngục ở thành Hồ, Công Tử Hà Đông nằm tình tang màn thơ hỏi Thúy Kiều:

TẤM YÊU

Hoa hương càng tỏ thức hồng

Đầu mày, cuối mắt càng nồng tấm yêu...

Tấm yêu là tấm yêu kiều

Tấm yêu em phủ lụa điều, em mang

Tấm yêu em giá ngàn vàng

Sao em lại để bày hàng coi không?

Hoa hương em tỏ thức hồng

Đầu mày, cuối mắt em nồng tấm yêu

Sóng tình em đã xiêu xiêu

Em trong âu yếm có chiều lả lơi

Chính em, em lấy làm chơi

Gài cho em nói những lời ba hoa

Ấy là ngôn ngữ người ta

Thầy Nhan, cụ Khổng phải là em đâu?

Đang xi-nê, giờ tường Tàu

Ngang ngang tức muốn phát râu Tố Như!

LẢ LƠI

Sóng tình dường đã xiêu xiêu

Xem trong âu yếm có chiều lả lơi...

Lả lơi thì lả cả đôi

Cả đôi cùng lả, cùng lơi mới là

Lả lơi, lơi lả đôi ta

Đôi ta cùng lả mới là lả lơi.

Lả lơi đang lả cả đôi

Bỗng dưng em nói những lời linh tinh:

"Đã cho vào bực bố kinh

"Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu"

Vấn vương toàn chuyện đầu đầu

Đem ông Khổng Tử chặn cầu ái ân.

Xét tình lý, thấy phân vân

Nghe sao nặng nặng, tằn ngần chẳng ra.

Đang âu yếm, nói ba hoa

Ấy là Kiều Thúy hay là Khổng Khâu

Tháng Năm

Chim Hót Trên Đồi

Hoàng Nga



Gia đình Diệp trở về sau khi thị xã thất thủ hai ngày. Dẫu bị ba mẹ cản không cho đi, Diệp vẫn xách xe chạy xuống phố. Diệp đạp vội vã đến nhà Hải Dương. Hai đứa ôm chầm lấy nhau trên ngưỡng cửa, bật khóc như con nít. Dương nắm vai bạn:

- Hôm hăm chín nghe đại bác dội ầm ầm ngoài mé biển, cứ sợ mi về châu ông bà nơi chín suối.

Diệp cười, lấy tay chùi nước mắt:

- Có xuống chín suối cũng phải hiện hồn về tìm mi nói một câu già từ chứ.

Hai đứa chạy tiếp đến nhà Trà Mi. Gia đình Trà Mi đi đâu mất. Diệp rủ Hai Dương về nhà Diệp. Tối hai đứa nằm trên bộ ván gỗ mát lạnh, nói chuyện cả đêm về Trà Mi. Đứa nào cũng cầu cho bạn đi thoát, nhưng lại sợ sẽ không còn dịp gặp nhau.

Thị xã mất cuối tháng ba, đầu tháng tư tụi Diệp đến trường làm công tác dọn dẹp vệ sinh. Những người tản cư ở tạm trong trường đã phá gần như toàn bộ tài sản của nhà trường. Tất cả các loại giấy cứng, từ thành tích biểu, học bạ đến bìa kẹp hồ sơ, và bàn ghế

đều bị đem ra nhóm bếp. Tài liệu, bài thi và giấy đánh máy của văn phòng trở thành giấy đi cầu. Nếu không còn sót lại những tấm bảng đen và một số bàn ghế được xếp lại làm chỗ ngủ, có lẽ không ai có thể nhận ra trước đây là một ngôi trường.

Tụi Diệp còn phải dọn cả những bãi phân trong nhiều góc tối của văn phòng. Dương nói nhỏ:

- Để mở đầu cho niên học đầu tiên của cách mạng là dọn cứt!

Diệp thúc cùi chỏ vào bụng bạn, quát khẽ:

- Khỉ, liều mạng!

Dương cười. Sáng nay Dương mới kể cho Diệp nghe một lô một lốc chuyện giấu. Không hiểu ở đâu mà Dương sưu tầm được sớm những câu chuyện có tính cách dễ rước họa vào thân như vậy.

Ba đứa đã ráp lại với nhau. Gia đình Trà Mi chạy về từ nhà một người bà con nào đó ở bên Non Nước. Trong khi Hải Dương tỉnh bơ, tìm đủ mọi khe hở để cười, thì Trà Mi lại rét run như một con thằn lằn đứt đuôi.

Trà Mi rên hừ hừ:

- Ổn quá! Không biết làm sao mà sống nổi.

Dương đáp:

- Người ta sống được, mình cũng sẽ sống được.

Trà Mi rụt vai:

- Nghe nói có mấy bà dưới phố bị nhỏ móng tay.

Dương cười:

- Mấy bà là bao nhiêu? Nhất định ngày mai ta sẽ đi hỏi xem họ đã nhỏ đủ số hay chưa. Nếu chưa, ta sẽ giới thiệu thêm nhỏ để họ tính sổ luôn cho tiện.

Trà Mi lườm Hải Dương nhưng không nói gì. Ngày nào Diệp cũng phải nghe hai nhỏ bạn thông tin hàng tá loại tin tức tạp nhạp để... hù nhau. Trà Mi sợ thật, còn Hải Dương chỉ cốt chọc Trà Mi. Hai đứa cãi nhau từng búng. Cuối cùng Diệp phải la lên:

- Chết thì chết chùm. Ông già đứa nào cũng là sĩ quan cả, có gì thì rù nhau... tự tử là xong chứ gì!

Dương bật cười khanh khách:

- Nhưng ta không nhảy sông đâu

nhé! Ta không biết... bơi.

Sau khi ba ông bố đi trình diện học tập cải tạo, trừ nhà Diệp ở trong một khu đất riêng của ông bà nội, gia đình Hải Dương và Trà Mi bị đuổi ra khỏi cư xá sĩ quan cùng một ngày. Dương bỏ học theo mẹ về quê làm ruộng. Còn lại mình Diệp đi học với Trà Mi. Mẹ Trà Mi xoay sở được một cái nhà nhỏ gần bãi biển Thanh Bình. Trà Mi loay hoay như con vụng. Diệp nói với Hải Dương lúc không có Trà Mi:

- Nó bất an lắm. Cứ sợ hết điều này đến điều kia.

- Sợ cái gì?

- Cái gì cũng sợ. Khi thì sợ không đậu vào đại học, khi thì sợ đói, khi thì sợ bị trả thù...

Lần đi thăm Hải Dương, vừa đạp xe ra khỏi thành phố, Trà Mi đã thần thờ nhìn những cánh đồng dọc hai bên đường rồi bỗng nói với Diệp:

- Không biết sao Hải Dương nó chịu nổi đồng ruộng Diệp nhỉ?

Diệp thở dài:

- Không chịu nổi cũng phải rán chứ nó còn cách gì khác nữa đâu!

Trà Mi im một lúc lâu rồi lại hỏi:

- Nhỏ có sợ bị đi kinh tế mới không?

- Có. Nhưng sợ hay không thì cũng bằng thừa. - Diệp nhìn sang bạn

- Bộ bị chúng dọa đuổi hả?

Mi gật. Diệp an ủi:

- Nhà ta cũng bị hù, nhưng bà già ta "chì" lắm. Bảo cứ anh dũng và cương quyết không chịu đi, chúng sẽ chẳng làm gì được mình.

Diệp thở ra:

- Mà nếu có gì thì cùng lắm là bị gậy đi ăn mày, hay vào trại tập trung như ông già là cùng. Gì mà sợ hả nhỏ?

Hai đứa vào nhà của Hải Dương. Dương luộc một ổ khoai mì đẩy đến trước mặt hai đứa:

- Thành quả lao động của ta.

Trà Mi nuốt không trôi củ khoai. Dương làm bộ quát bạn:

- Về học lại bài hát "*Lúa khoai ta gắng trồng sườn non cho tới bờ sông, nếu ta chưa ấm lòng thay lúa ta trồng bông!*" Nhỏ này dám chê công sức của cách mạng hả?

Trà Mi cười như mếu:

- Ta rầu quá.

Ba đứa ra bờ sông ngồi. Trà Mi đang tựa vào gốc cây sấu đông, bỗng chồm dậy lúc nghe có tiếng gió thoảng mùi lúa mới:

- Chắc ta lấy chồng quá mấy nhỏ ơi!

Dương phì cười:

- Lai tinh bố Trà Mi! Bộ mới xuất hồn về từ kiếp nào hả nhỏ?

Trà Mi buồn buồn:

- Chắc ta phải cứu ba ta ra khỏi trại cải tạo.

Hải Dương nhìn Trà Mi bằng ánh mắt giễu cợt:

- Cứu bằng cách nào? Vác một khẩu súng máy vào trại bắn chết hết cán bộ rồi công ông già chạy về à?

Trà Mi lặng thinh rất lâu. Lát sau Mi thở dài:

- Ta sẽ lấy thằng cán bộ gần nhà. Nó hứa đưa ba ta về.

Diệp và Hải Dương giật bắn người, há hốc mồm trước cái tin bất ngờ Trà Mi vừa mới tuyên bố. Trong bọn Diệp, hầu như chưa có đứa nào dám nghĩ đến chuyện lấy chồng, nói gì đến chuyện lấy một ông chồng gốc Vem. Diệp lay vai bạn:

- Giỡn hay chơi vậy nhỏ? Bộ tính bỏ anh Thiên cho chó gặm hả?

Trà Mi im. Hải Dương nghiêm giọng:

- Bình tĩnh đi nhỏ ơi. Không phải là chuyện đùa đâu mà ai nói gì cũng tin. Làm sao kiểm chứng được là hán có khả năng can thiệp đưa ông già về mà chịu lấy hán? Ông chú họ ta có bà mẹ đi tập kết, là thứ dữ, mà cũng đành bó tay để ông ấy nằm trong trại tù từ bấy đến giờ.

Trà Mi mím môi:

- Nó hứa chắc lắm.

Diệp và Hải Dương không biết nói sao để can ngăn bạn. Trà Mi có vẻ quyết tâm thực hiện cho bằng được những điều mình nói.

Những ngày sau đó đi học lại với nhau, không muốn, nhưng Diệp bỗng bắt đầu để ý bạn và nhận ra Trà Mi không chỉ đơn thuần muốn làm cô Kiều cứu cha khỏi hoạn nạn, mà trong lòng còn chứa một lý do

thầm kín sâu xa nữa. Diệp buồn bã quan sát cả Trà Mi lẫn bà mẹ đang loay hoay tìm cách đánh đổi cuộc đời của Trà Mi lấy một chút an nhàn vật chất nào đó.

Và Trà Mi lấy chồng thật. Lấy cán bộ thật. Trà Mi và bà mẹ thoát ra khỏi cảnh khoai củ, cơ cực hàng ngày. Cả ông bố cũng được trở về thật. Về sớm hơn ba Diệp hai năm, sớm hơn ba Hải Dương nửa cuộc đời.

Trà Mi bảnh choẹ, để móng tay sơn màu hồng. Dương hay cười, giễu chọc Trà Mi không sợ bị rút móng tay hay sao. Nhiều lúc thấy Dương hơi quá lời, Diệp cầu nhàu bạn:

- Thông cảm cho nó, nhỏ. Nó yếu đuối.

Dương khó chịu:

- Nó xài tiền một cách phung phí vô tội vạ. Ta biết là bởi vì nó đã không đổ mồ hôi và nước mắt ra nên không hiểu được giá trị của đồng tiền, nhưng nó làm quá, nó buộc ta phải liên tưởng đến những hạng người không còn nhân phẩm.

Hải Dương đưa bàn tay mình lên:

- Nhìn tay ta đây nè nhỏ. "*Bàn tay ta làm nên tất cả*" đây! Bàn tay tội nghiệp nhăn nheo khô khốc như thế này, bàn tay dãi nắng dầm mưa, chai sạn mà vẫn không đủ ăn mỗi ngày đây!

Diệp ít lại nhà chơi với Trà Mi vì lần nào ghé qua cũng nghe Trà Mi có chuyện lục đục với ông chồng cán bộ rằng vầu của mình. Diệp thương bạn xót xa. Diệp hiểu ngoài mớ vật chất thừa mứa hàng ngày, Trà Mi hoàn toàn chẳng tìm thấy một chút hạnh phúc nào, dù thật nhỏ nhoi, bé bỏng trong cuộc sống của mình.

Một hôm Diệp tới, thấy Trà Mi ngồi ủ rũ trong một góc ghế sa-lông, mặt mày không son phấn, trang điểm gì cả. Diệp cứ tưởng Trà Mi mới vừa tuyên chiến với ông chồng cách mạng của mình, nên đùa:

- Mới luyện thêm được mấy pho võ mồm rồi phải không nhỏ?

Trà Mi ngược lên nhìn Diệp chẳng nói gì, nhưng hai häng nước mắt trong vát lăn tròn xuống má. Diệp hoảng hồn ngồi xuống cạnh bạn:

- Ê, ê, cái gì thăm nào quá vậy?
Trà Mi làm thỉnh một hồi rồi đưa cả hai bàn tay lên chùi nước mắt, nói nhỏ:

- Mới gặp anh Thiên.

Diệp hiểu ra. Diệp đưa tay vén mái tóc đang đổ lò xo che cả nửa khuôn mặt của bạn:

- Ông ấy nói gì?

Trà Mi cúi mặt xuống, ngó chăm chăm hai bàn tay đeo dây nữ trang đất tiền của mình. Bất giác Diệp cũng trân trối nhìn theo cặp nhẫn hột xoàn trên ngón tay áp út thon mịn ấy. Diệp nghĩ có lẽ từ ngày lấy chồng đến giờ, đây là lần thứ hai Trà Mi gặp lại người yêu xưa. Không hiểu sao Diệp cứ nghĩ là hai người đã mặt đối mặt dưới bến tàu, nơi mà anh Thiên vẫn khuôn vác gạo mỗi ngày. Mắt Diệp rời đôi bàn tay của Trà Mi, nhìn ra ngoài hiên vàng nắng, nhớ những buổi đi theo anh Thiên và đám bạn của anh lên đồi, xuống biển ca hát.

Và hai đứa đã ngồi im như vậy rất lâu, mãi cho đến một lúc sau, tự dưng Trà Mi bỗng bật cười:

- Anh ấy chả thèm nói với ta một câu nào nhỏ a. Chỉ nhìn, cười cười rồi quay đi... Ôi, cái nụ cười đáng của anh ấy, nhỏ biết... Ta gọi mãi mà anh ấy chẳng buồn nhìn lại.

Trà Mi thôi cười. Nước mắt lại ứa ra. Diệp bối rối, hoàn toàn không biết nên an ủi bạn thế nào, chỉ nhìn đôi môi của bạn hết mím lại rồi mở ra. Diệp bỗng nhớ đến đôi môi của anh Thiên cũng mím lại rồi mở ra như vậy khi Diệp đưa cái thiệp cưới của Trà Mi cho anh với lời giải thích mà chính Diệp cũng thấy ngượng ngập, giả dối:

- Nếu có người hứa đưa ba em về, chắc em cũng sẽ làm như Trà Mi vậy.

Anh Thiên đã chẳng nói gì. Anh cười buồn, đọc mấy câu thơ của Nguyễn Du: "Bây giờ trăm gảy gương tan, làm sao kể xiết muôn vàn ái ân. Trăm nghìn giả lạy tình quân, tơ duyên ngắn ngủi có ngắn ấy thôi". Rồi anh đưa cho Diệp trả lại Trà Mi một mớ thư từ, vật kỷ niệm của hai người. Anh bảo để Trà Mi yên tâm về nhà chồng.

*

* *

Tháng năm dài và buồn như con nắng đổ loang loáng trên mặt đường

đứng nhìn tuyết đổ

Tuyết phủ trắng cội tùng xanh cuối bắc
Đứng hiên ngang thách đố gió mưa lay
Tuyết lướt lướt kéo qua đời vong quốc
Người an nhiên đứng ngược mặt cao mây.

Tuyết đổ xuống tràn lan cùng khắp đất
Hơi lạnh phương đông rét buốt phương tay
Tuyết đang ngấm vào tận hồn u uất
Người ưu tư trực diện cuối đời này.

Tuyết lớp lớp ngự cao nền băng thất
Gốc thông già bình thản như không hay
Người đứng đó khối hùng tâm chất ngất
Tuyết băng kia hồ để bủa trùng vây.

Là đứng thẳng để định ngày dựng nước
Giá buốt nào hơn giá buốt xuôi tay
Tùng thông đứng vẫn con người đứng trước
Như cổ thành sừng sững bên chân mây.

cao hoàng nhân



trái nhựa phẳng phiu từ bên này chân cầu sang đến hết con dốc phía bên kia.

Hai đứa đạp xe đi, mắt cố nheo lại để tránh những tia nắng buốt rất đang gắt gay dội xuống. Diệp nghĩ thầm, nếu có thầy, chắc thầy sẽ bắt làm thí nghiệm khúc xạ ánh sáng, rồi phì cười nói cho Hải Dương nghe cái ý nghĩ tiêu lâm của mình. Dương cười theo:

- Vậy thì ta cầm chắc được năm điểm trên hai mươi rồi.

- Giỏi, cho em thêm năm điểm, về chỗ... quì!

- Ê nhỏ, khuynh diệp có phải là cây bạc hà không?

- Không biết.

- Tên "Khuynh Diệp" mà không biết khuynh diệp có là cây bạc hà hay không à?

- Sh...

- Ta cứ thắc mắc...

- Trời ạ, hung thần đang nhìn kìa! Bộ muốn "được" kêu lên bằng hả Trà Mi?

Hai đứa đạp xe thêm một đoạn nữa là đến ngã ba. Chạy thẳng, rẽ phải là biển, là đồi cát mịn màng với những rặng dương lao xao trong gió. Rẽ trái, là con đường dẫn đến nhà thầy. Con đường buồn vơi vơi, chỉ có những giàn hoa giấy đỏ khô gầy, nhọc nhằn leo lên những mái tôn được chặn bằng nhiều bao cát, loại bao tải đạn của Mỹ, để tránh những cơn bão bất thần thổi ngang qua thị xã. Ngày xưa mỗi lần đạp xe đến chỗ này, đứa nào cũng lạnh mình vì sợ chạm mặt thầy. Thầy, "hung thần", mà bất gặp tà tà đi chơi hôm trước, thế nào hôm sau cũng bị xách đầu lên bằng chào cờ, làm vài phút mặc niệm trước khi bị một màn phỏng vấn kiến thức khoa học phổ thông hay định luật, định lý gì đó.

- Hải Dương, em nói cho tôi biết thế nào là định luật "ôm"?

Dương ê a:

- Thưa thầy con không biết.

- Tại sao không biết?

- Tại con chưa có bồ nên chưa biết

“ôm” ra sao!

Hai đứa cười. Diệp bỗng bâng khuâng nhìn sang hai bên đường:

- Nhà con Hoa A ở khúc nào gần đây phải không?

Dương nhìn theo:

- Chắc vậy.

Diệp tắc lưỡi:

- Tội nghiệp, ngày xưa một tuần là nó phải chạm trán với thầy đến cả bảy tám bận. Ta mà như nó chắc đứng tim từ lâu rồi.

- Nhưng nó có ớn ông ấy đâu! Trong lớp chỉ mình nó dám giễu thầy.

Ài mà Hoa A không giễu. Nó giễu cả chính mình:

- Tên tuổi tụi bây đứa nào đọc lên nghe cũng bùi tai. Khuynh Diệp, Trà Mi, Hải Dương, Tường Vân, Ngọc Quỳnh... cứ như tên ca sĩ ấy. Chả bù với cái tên “chất phác” của ta! Ông bà cụ nhà ta đúng là lười. “Nguyễn” có sẵn, “Thị” cũng có sẵn, thế là cứ tương bừa chữ “Hoa” vào mà chẳng thêm nghĩ ngợi cái gì Hoa cho nó vui tai. Nhưng cũng còn may là Hoa mà không là Xoài, Mít, Ôi đấy!

Rồi Hoa A quay sang Hoa B:

- Còn cái nhà ông bà cụ con này. Hay ho gì Nguyễn Thị Hoa mà cũng... bày đặt là Nguyễn Thị Hoa cho một đứa thành Hoa A, đứa kia thành Hoa B!

Diệp nói:

- Thế thì đổi thành Hoa Hồng, Hoa Huệ hay Hoa Hoè, Hoa Sói vậy!

Hoa A bĩu môi lắc đầu:

- Ta ấy à, ta thì chỉ có nước là Hoa Mơ. Hoa Mơ nói theo ngôn ngữ của mấy bà nhà quê xứ này là hoa... thú ịt.

Hoa A thông minh, học giỏi nhưng làm biếng có hạng. Trong lớp không có Hoa A chắc buồn. Cuộc đời không có Hoa A đã buồn vô kể. Hồi nghe tin Hoa A chết trên đường vượt biển, bọn Diệp cứ nhất định không tin. Mãi cho đến ngày bạn trai của Hoa A ra nước ngoài, anh đến rủ hai đứa vào chùa đốt nhang cho Hoa A lần cuối, lúc ngồi lặng dưới gốc bồ đề sum sê lá, anh thần thờ nhặt những chiếc lá vàng rơi rụng chung quanh, ứa nước mắt hát *Em lẽ chùa này*, hai

đứa Diệp mới bàng hoàng nhận ra từ nay sẽ không bao giờ còn dịp gặp lại Hoa A trên đời.

*

* *

Con đường về nhà thầy chẳng có gì thay đổi chỉ trừ bãi đất trồng đã được thay thế bằng những hàng sắn khẳm khiu dưới trời khô hạn, và trước sân nhà thầy có thêm dăm cây ớt héo lá. Thầy còn trồng thêm một dùm rau thơm và mấy bụi hành đầu hè. Hàng chuối nước với những đoá hoa đỏ và cam sậm tươi mát chắc thầy nhổ đi từ lâu để lấy chỗ cho một vài thứ khác có thể ăn được, nhưng vì cái đám đất pha cát không màu mỡ nên chỉ có vài tàu lá môn và đám cây bạc hà ốm yếu mọc lẫn lộn gần nhau.

Diệp và Hải Dương đứng lặng yên thật lâu ngó mãi cái quang cảnh tiêu điều ấy trước khi gọi thầy. Thầy đi ra, áo cũ sờn vai. Lòng Diệp se lại, đau thắt. Lúc đã vào nhà, Diệp bảo:

- Bây giờ ở Sài gòn, người ta không còn làm mây tre lá nữa thầy à.

Thầy nhìn đồng mây chất cao trong góc phòng, cười buồn:

- Thầy không biết làm gì khác. Thầy Trường còn đi bán bánh ú mỗi tối để kiếm thêm.

Dương nhỏ giọng:

- Ở Sài gòn, phong trào đi dạy kèm lên cao lắm. Con nghĩ thầy Trường dạy sử địa, còn thầy dạy lý hoá...

Thầy thở dài:

- Thầy chưa đi dạy kèm bao giờ nên ngại quá. Thường học sinh con nhà giàu, không học nổi trong lớp mới có nhu cầu học thêm.

Hai đứa im. Diệp để ý thấy cách nói chuyện của thầy đã đổi khác so với ngày xưa rất nhiều. Thầy có vẻ dè dặt, cẩn thận. Thầy bảo “không học nổi trong lớp” thay vì nói thẳng là “học dốt và làm biếng”. Diệp tự hỏi không biết vì cái kinh nghiệm của bốn năm sống sau dây hàng rào kẽm gai hay vì cái kinh nghiệm của những ngày làm việc dưới trướng một số học trò cũ mà thầy bỗng trở nên e dè như vậy.

Thầy nói:

- Làm cái nghề này khá cực, nhưng không bị bó buộc giờ giấc, lại không phải đi đâu ra khỏi nhà... Thầy cũng có nhiều thì giờ để suy nghĩ chuyện nọ chuyện kia nữa.

Diệp nhìn thầy tự hỏi, thầy vừa đổi lòng hay đổi hai đứa Diệp khi bảo có nhiều thì giờ để nghĩ chuyện nọ chuyện kia? Chuyện nọ chuyện kia? Lẽ nào không có chuyện truan chiến năm xưa, lẽ nào không có nỗi xót xa cay đắng đi cùng? Diệp nhớ lại những lần đi thăm ba, thấy thầy gầy gò trong bộ quần áo tù, tay ôm gói quà thăm nuôi lép kẹp thăm nảo quay vào trại, nước mắt Diệp đã đổ tuôn như mưa, lòng Diệp se thắt lại đau đớn, bởi chẳng có cách gì để chia sẻ cùng thầy, gánh vác cho thầy một chút đoạn trường.

Thầy kể cho hai đứa nghe về những đứa cùng lớp tụi Diệp đã nên danh nên phận ở thành phố này:

- Vĩnh Trang là bác sĩ, Hà Phương là dân biểu.

Dương bật cười:

- Thụy cũng là “dân biểu” ở Sài gòn đó thầy... Nó đập xích lô, dân biểu chạy đâu là nó chạy đó. Con đi buôn chạy trời, phó thường dân mà cũng “biểu” nó chạy tung bưng.

Thầy cười theo, nước mắt ứa ra long lanh. Rồi như sợ hai đứa học trò cười mình mau mùi lòng, thầy nói:

- Thầy già rồi, nghe chuyện gì buồn cũng dễ xúc động.

Thầy nói vậy, nhưng hai đứa đã từng thấy thầy khóc thảm khi nghe học trò thầy có đứa không còn nữa. Thầy nhìn Diệp:

- Còn Diệp thì có “biểu” được thành Thụy không?

Diệp cười hóm hỉnh:

- Thầy định điều tra xem con làm ăn ra sao hả thầy? Nếu con “biểu” được Thụy là chứng tỏ con làm ăn nên, là có “bác” phải không?

Thầy cười. Lần này thầy có vẻ vui. Diệp:

- Con cảm ơn thầy. Và thầy cứ yên chí, con lúc nào cũng ngon lành. Vì nếu dừng tính đến tiền tham nhũng, hối lộ thì con cảm chắc con dân biểu thứ thiệt Hà Phương không làm ra

nhều tiền bằng con đâu.

- Vậy thầy thành thật chúc mừng.

Diệp đưa mắt nhìn sang Hải Dương, thăm hỏi không biết có nên nói ngay cái tin hai đứa sắp sửa rời Việt Nam với thầy lúc này không. Thầy nghe, hẳn là thầy sẽ mừng cho hai đứa, nhưng làm sao thầy tránh khỏi ngậm ngùi. Chỉ ở cách thầy chứng chín trăm cây số mà đến hơn mười năm rồi hai đứa mới có dịp về thăm thầy. Mai một đây, cách thêm một bờ đại dương trắc trở, rồi còn cách thêm cái ý thức chiến tuyến, bạn thù, cái dịp về lại chốn này mà thăm thầy chắc chỉ còn trong giấc chiêm bao.

Diệp hỏi sang chuyện nhà của thầy. Thầy cười:

- Người ta “cho” thầy đi dạy lại là khá rồi. Thầy còn bốn năm nữa để làm việc, nếu mấy đứa nhỏ ổn định sớm được thì thầy sẽ xin nghỉ.

Thầy có gia đình muôn. Hai người con thầy vẫn còn đi học. Những tháng năm trắc trở của thầy, mỗi bận có dịp ghé lại, dúm dăm gói kẹo, bịch bánh cho hai anh em, Diệp vẫn nhìn đứa nhỏ lê la nghịch cát trên hiên nhà mà xót thương cho thầy vô hạn.

Diệp đưa mắt ngo ra ngoài. Phía bên kia nhà thầy, nắng vẫn hực hỡ, chói chang trên những mái nhà tôn san sát. Trời nóng. Cái sức nóng kinh người của tháng năm đang dội xuống như muốn đốt cháy từng tế bào nhỏ trên da thịt. Diệp nhìn lại mớ tre mây nằm chất đống trong góc phòng, mắt hoa lên vì những đốm nắng, nghĩ đến công sức thầy sắp bỏ ra cho một số tiền công ít ỏi. Diệp lại nhìn thầy, nhìn mái tóc ứa màu trắng, nghĩ đến những từ ngữ ví von người ta hay dùng, “tuổi hoàng hôn”, rồi chợt nhớ là đã sắp bốn giờ chiều, sắp đến giờ họp chợ đầu đó ngoài bến phà. Có lẽ cả thầy lẫn cô đều đang lo không biết có nên mời hai đứa ở lại ăn cơm chiều nay hay không. Mấy lần Diệp thấy đáng cô qua lại, thấp thoáng sau bức rèm. Diệp đưa tay lên xem đồng hồ:

- Tụi con phải về thầy ạ.

Thầy ho khúc khúc:

- Về đâu? Ở đây ăn cơm với thầy

cô và các em đã chứ.

Mình đoán quả không sai. Diệp cười:

- Tụi con còn lưu lại đây cả tuần.

- Lần trước mấy đứa cũng bảo sẽ ghé lại rồi có ghé đâu.

Dương cười, bối rối:

- Lần trước tụi con đi buôn mà thầy.

Thầy im lặng. Diệp bỗng ước ao cái câu nói “Kỳ này tụi con ra thăm thầy, thăm thị xã lần cuối” sẽ được bật ra, nhưng dường như có một cái khối gì đó ứ nghẹn, chặn ngay cổ họng Diệp. Diệp nhìn Dương cười buồn.

Dương tần mẩn chấm chấm mấy giọt nước lạnh vẽ vu vơ trên bàn. Lát sau, Dương nói:

- Tụi con sắp đi luôn rồi thầy.

Thầy ngồi im, vẻ hơi sững sốt. Mãi sau thầy mới hỏi:

- Chẳng nào hai đứa đi?

- Con đi tháng chín, Dương đi tháng mười một.

Thầy không nói lời chúc mừng như Diệp nghĩ, thầy bảo:

- Cho thầy gửi lời thăm gia đình con. Nói với ba, thầy cứ nhớ và mang ơn mấy miếng đường ông chia cho thầy dạo đó.

Diệp muốn khóc. Ba vẫn bảo ba may mắn được ở chung trại với thầy, được có dịp đền ơn thầy giùm cho Diệp. Người ta bây giờ có ngày nhớ ơn thầy; biết có vô số đứa học trò đẩy thầy vào oan nghiệt, nhưng dường như chưa ai muốn soạn hiến pháp hay luật pháp gì để đổi ra ngày bội ơn.

Hải Dương buồn bã:

- Chỉ có ba con là kém may mắn...

Thầy thở dài. Dương hỏi:

- Chắc thầy cũng đâu được thấy người ta chôn ba con phải không thầy?

Thầy lắc đầu. Mắt thầy buồn bã nào nề. Ba Diệp có lần bảo, không thể nào gọi cái hành động lấp đầy đất lên thân xác một con người bó trong manh chiếu rách sơ sài như vậy là chôn được. Hồi còn bé, Diệp hay làm đám ma cho những con chim sẽ chết sau vườn. Những con chim, không biết có phước phần hơn ba Dương hay không, vì luôn luôn được Diệp đọc

tình yêu giáng sinh

Đêm huyền diệu

Đêm thi ân giáng phúc

Đêm an bình

Đêm thiên quốc mừng vui

Đêm trần gian được ánh sáng chiếu soi

Vì con Chúa

Giáng sinh cho trần thế.

Hãy thờ lạy,

hỡi muôn ngàn thế hệ

Hãy tung hô

và chúc tụng mừng vui

Hãy tri ân

và cảm mến muôn đời

Ơn phước lạ

Làm sao ta hiểu được!

Này người hỡi

xin dừng chân ghé bước

Bên nôi hên

một em bé sơ sinh.

Đang rét run vì nhân thế vô tình

Những vắn mở đôi tay cho thế giới,

Vẫn chan hoà tươi nhuận ơn cứu rỗi

Vẫn yêu thương tha thứ kẻ vong ân

Vẫn đến cùng nhân loại để hoá thân

Không hề tiếc

một tình yêu giáng thế.

đan hà

kinh và đắp mộ, được thay mỗi ngày một đóa cúc đại hay chùm hoa mười giờ. Ba Dương chết, không có giấy báo tử vì chưa được trả quyền công dân.

Dương nhìn thầy:

- Ngày mai tụi con đi thăm Trà Mi, thầy có muốn đi chung với tụi con không?

Thầy không đáp, chỉ đưa tay lên gỡ cái kính lão xuống, chớp chớp mắt, rồi lại đeo kính lên. Rõ ràng là thầy đã làm một cử chỉ hoàn toàn không có chủ định. Diệp ngược mắt chờ. Một lát thầy nói:

- Thầy mới ghé thăm ba má Trà Mi hôm đầu tuần. Thầy có thấp hương.

Diệp và Hải Dương cùng im lặng nhìn ra ngoài. Nắng vẫn nhảy múa trên những tàn cây lá gần như héo rũ trên sân nhà thầy. Diệp nghĩ đến những dòng chữ cũ kỹ, trên một manh giấy học trò gấp làm tư được cất cẩn thận trong ngăn kéo bàn học ngày xưa của Diệp.

Nhỏ ạ, ở nơi ấy có biển, có đồi cao, sóng bạc và nắng vàng. Có những buổi chiều thanh bình, xôn xao trong gió tiếng chim hót hiền hoà, có những con sóng rướn cong mình vỗ vào ghềnh đá rì rào như những lời tình tự thiết tha, có những đám mây trắng trôi nhàn nhã về phía chân đồi. Ta đã đến đó nhiều lần, đã ngồi lặng yên nghe như có tiếng người đâu đó ngân nga những câu thơ của Nguyễn Sa mà ta vẫn thích. "Năm ở đây, hai bàn tay thấm mệt; Ngón buông xuôi cho nhẹ bớt hình hài". Ta không hề tưởng tượng một mai khi mình qua đời, sẽ có bao nhiêu người than khóc tiếc thương, mà chỉ thấy trong ta cái yên ắng, nhẹ nhàng đi về. Nhỏ ơi, tất cả mọi sự, thấy thấy rồi sẽ thành hư không; thời gian và không gian sẽ chẳng còn đâu là hữu hạn. Ta rồi sẽ quên mất nhân gian, sẽ quên cả yêu thương lẫn hận thù. Hai bàn tay với những ngón buông xuôi rồi sẽ thuộc về lòng đất. Hình hài rồi sẽ thuộc về nơi mà ta đã từ đó sinh ra. Sẽ chẳng cần viết một cái dấu chấm hết, ta cũng sẽ được an nghỉ ngàn đời trên đồi thông cao có đầy tiếng chim hót ấy...

Diệp đứng dậy rủ Hải Dương xuống bếp tìm cô. Căn nhà thầy, phía bên trên đã thấy nghèo nàn tội nghiệp, dưới bếp trông còn thảm não hơn. Diệp không cần nhìn cái chạn trơ vơ trong góc bếp cũng biết trong đó chỉ có chai xì dầu, chai nước mắm loại ba và một hũ muối. Trên bếp, cô đang nấu một nồi cám heo. Cô lúng túng nhìn hai đứa:

- Nãy giờ cô loay hoay quá, muốn lên ngồi chơi với hai đứa một chút mà không được.

Diệp ôm vai cô:

- Tụi con sẽ trở lại.

Dương cầm lấy bàn tay cô. Bàn tay đầy gân và khô nhám. Ngày còn

con gái, cô vốn đã không tươi mát, đầy dầ cho lắm, đến khi gặp thầy, chưa kịp có những năm tháng an nhàn thì đã vội chìm vào cơ cực đắng cay. Cái lao đao của thầy đã làm cô thêm héo hắt, tàn phai. Diệp không làm sao quên được cái hôm cô nhờ Diệp bán giùm chiếc nhẫn cưới. Diệp đã giật bắn người khi chạm phải bàn tay xương gầy và lạnh lẽo như đã mất hết sinh khí của cô. Dương bóp khẽ tay cô rồi đặt vào đó chiếc nhẫn, hấp tấp nói: "Cô giữ làm kỷ niệm!"

Lần này Diệp không cầm tay cô nên không biết bàn tay ấy lạnh hay nóng, chỉ thấy những sợi gân xanh hằn lên trên làn da khô và mỏng. Gương mặt cô đang bình thường bỗng trở nên méo mó, tội nghiệp. Cô òa khóc như một đứa trẻ:

- Hai đứa cứ giúp mãi, thầy cô biết lấy gì mà trả ơn cho hai đứa bây.

Diệp và Dương cùng ôm lấy cô. Dương thăm thì:

- Chẳng có bao nhiêu đâu cô. Nếu tụi con khá hơn thì tụi con còn lo được cho thầy cô nhiều hơn.

Cô lại khóc. Khóc mãi. Phải khó khăn lắm tụi Diệp mới ra được khỏi nhà thầy cô. Và cũng khó khăn lắm những vòng bánh xe trên con đường đầy cát lún nóng bỏng mới lăn đều mệt nhọc.

Hai đứa ra đến biển. Có lệnh khoanh bãi thành những chỗ tắm phải trả tiền nên hai đứa phải gửi xe, đi bộ một vòng thật xa qua phía bên kia mới được nơi có những hàng dương và phi lao. Diệp đi tìm những gốc dương có khắc tên của bạn bè ngày xưa. Diệp nhắm đọc:

- Mỹ Nga, Châu Thoại, Ngọc Quỳnh... Con Quỳnh viết chữ xấu tệ! Con Tường Vân nữa, chữ nghĩa thế này đây... Cái con bé này không biết hết diên chưa Dương nhỉ? Chắc là chưa. Tường Vân thì chưa hết diên nhưng cái thằng Quân có lẽ là không còn yêu nó nữa rồi...

Diệp úp hai bàn tay lên tên Hoa A và Trà Mi. Không biết tình cờ hay hữu ý mà hai đứa khắc tên gần nhau như thế này. Và tình cờ hay hữu ý mà một đứa nằm trên đồi cao, một đứa

chìm sâu xuống biển? Biển và đồi. Là nơi đây yên nghỉ, là chẳng bao giờ còn phải nhọc nhằn đối phó với cuộc đời.

Diệp quay lại nhìn Dương đang ngồi bệt trên cát, hỏi to:

- Ê, còn đủ sức đi thăm Trà Mi ngay bây giờ không nhỏ?

Dương đưa tay che ánh nắng chói gắt, ngó Diệp:

- Đồi ý hả?

- Ừ, tưởng về đây sẽ nhẹ lòng, ai ngờ buồn quá!

Dương cười:

- Định đi thăm người chết xem có vui ra tí nào không à?

Diệp thở ra:

- Thấy thầy cô nghèo, xót xa cả dạ.

Hai đứa đạp xe gần đến chân cầu, Diệp bỗng rủ Dương đi về bằng phà. Hai đứa quay đầu xe trở lui. Nắng chói rọi trên đôi cánh tay trần của Diệp. Lòng Diệp nhói nhói đau. Đoạn đường phía sau lưng là đoạn đường thầy phải đi và về mỗi ngày. Cái miếng cơm hầm hiu, cái manh áo xầu xí, cái cuộc sống không đáng sống vậy mà vẫn bắt được thầy nhọc nhằn hứng bụi đường và bụi phấn bao năm!

Hai đứa đạp xe về đến bến phà. Diệp bảo Hải Dương dựng xe vào gốc cây, hai đứa ngồi bừa xuống đất nhìn qua bên kia sông. Bên kia sông, cái thành phố Diệp chỉ sống cho đến thời mới lớn, chừng độ mười mấy năm, nhưng đầy dẫy chứng tích, đầy dẫy những kỷ niệm khó có thể tàn phai trong lòng Diệp. Lúc này ngoài bãi biển, Dương đã vốc một nắm cát bỏ vào chiếc hộp sứ có nắp đây, nói:

- Ta mang theo sang bên kia. Chết, ta sẽ bắt gia đình chôn nó với ta.

Diệp nhắm mắt lại trước khi nhìn lên khung trời xanh biêng biếc của tháng năm.

Diệp nghe có tiếng chim hót trên đồi, tiếng sóng vỗ, cả tiếng thầm thì và tiếng nói cười của bè bạn năm xưa. Diệp nghĩ, chết, có lẽ Diệp sẽ phải hết, tung hê hết, có đáng gì đâu để mà tiếc nuối và mang theo mình vào lòng đất...

Hoài-Huyết

Nguyễn Việt



- **Hello**, má...

- Ồ, má đây. Ly con, mới 8 giờ tối, điện thoại chỉ sớm tốn tiền vậy?

- Trễ hơn nữa, con sợ đánh thức ba má rồi ba lại cần nhân má.

- Có chuyện gì không con? Nói nhẹ chớ tốn tiền lắm!

- Má cứ tốn tiền hoài. Má à, con kiếm được việc làm mùa hè ở đây rồi, lương khá lắm, lại đúng ngành nghề nữa...

- Như vậy chừng nào con về chơi?

- Kẹt cái *job* này tốt quá nên mùa hè con không về được. Noel con về nghen má?

- Hừm, hết hè lại tới Noel. Ba mày cứ than hoài là hơn cả năm nay mày không chịu về thăm ông đó! Ồ, không muốn về thì thôi. Con cái đủ lông đủ cánh tha hồ bay nhảy, có còn nhớ tới cha tới mẹ nữa đâu!

- Con không nhớ ba má thì tới nay đâu có gọi về. Má à, má nói với ba giùm con nha.

- Con không về thì nói với ông đi, má không nói.

- Con sợ ba la.

- Con không để ba la thì ông trút hết lên đầu má. Tính ông xưa nay khó khăn, bây giờ về hưu không có chuyện gì làm, ông lại càng khó khăn hơn, cứ than phiền hết chuyện này tới chuyện nọ. Lần này mày không về nữa, chắc ông lại rầy tao cho mày đi học xa để bây giờ mày đi luôn!

- Má biết ba khó mà vẫn sống được mấy chục năm nay, nếu con là

má thì...

- Thì sao? Bỏ ba mày chớ gì? Con với cái! Nói kiểu đó ông nghe được là chết với ông!

- Ba đâu rồi má? Ủa, nhà có khách hả má?

- Khách đâu mà khách.

- Sao con nghe có tiếng con nít khóc?

-

- Má à, con ai tới chơi vậy?

- Hừm, ba mày biểu giấu nhưng giấu sao nổi mà giấu! Ông nói đừng cho mày biết, sợ ảnh hưởng xấu tới mày!

- Mà giấu chuyện gì chớ?

- Thì chuyện thằng nhỏ đó, thằng nhỏ con cậu Út đó mà!

- Ủa, cậu có con hời nào? Với ai?

- Hôm cuối tuần rồi, cậu Út khơi khơi ẵm một thằng nhỏ bốn tháng về, nói là con cậu.

- Rồi mẹ thằng nhỏ đâu?

- Cậu nói mẹ nó không chịu nuôi

con, giao con cho cậu rồi đi biệt tích. Hừ, đàn bà ở đây sao mà vô tâm vô tình quá!

- Rồi, rồi... cậu Út tính sao?

- Tính sao nữa! Cậu đem thằng nhỏ tới nhờ ba má nuôi. Ba mày nghe vậy, không nói tiếng nào, bỏ lên lầu một mách.

- Rồi má có nhận nuôi thằng nhỏ không?

- Thì cũng cháu mình; không nhận, cậu mày bỏ nó vô viện mồ côi hay cho người ta thì tội nghiệp quá!

- Rồi... rồi ba có nói gì không?

- Ông cần nhân má về cậu Út cả ngày, nghe phát mệt luôn. Đi vô ông thờ dài, đi ra ông thờ dài. Ông nói ở cái xứ này, đạo đức suy đồi hết, chuyện lớn như vậy mà cậu mày cứ tỉnh bơ, chẳng thấy có chút ân hận nào cả.

- Má à, cũng tội cho cậu, chắc cậu đâu muốn chuyện xảy ra như vậy... Ủa, ba đang dỗ thằng nhỏ hả?

- Ồ, nói gì thì nói chứ ba mày cũng thương thằng nhỏ lắm. Mấy ngày đầu ông còn lơ là chứ bây giờ ông lo cho nó còn hơn má nữa.

- Nó giống ai hả má?

- Giống Mỹ chứ giống ai. Mẹ nó người Mỹ mà.

- Ủa vậy hả.

- Nhưng coi cũng có nét giống bên nội lắm, bàn tay bàn chân in hệt bàn tay bàn chân cậu Út.

- Vậy là giống má rồi, hèn chi ba má thương thằng nhỏ.

- Ồ, thằng nhỏ dễ thương lắm. Đó, càng thương nó, ba mày càng than phiền cậu Út đủ thứ chuyện. Ông bảo thủ quá mức, ở xã hội này mà đầu óc ông không cởi mở chút nào; trong khi cậu mày thì lại Mỹ hoá quá mức, sống luông tuông bất kể nền nếp đạo lý Việt Nam. Tao kẹt ở giữa, nhức cái đầu!

- Giờ cậu đâu rồi?

- Ở nhà cậu chứ đâu! À không, cậu đang đi công tác bên Âu châu, chắc cuối tháng mới về. Cậu mày cũng kỳ, gần bốn mươi mà cứ bay bướm hoài không lo cưới vợ, giờ để lòi ra đứa con. Chỉ tội cho thằng nhỏ lớn lên không được gần cha, thiếu luôn tình mẫu tử, không biết mặt con mẹ tròn méo ra sao.

- Má thương nó thì cũng đỡ cho nó. Má... tốt mà.

- Con không phản đối việc má nhận nuôi thằng nhỏ sao?

- Ba má sống trong căn nhà lớn vậy cũng trống trải, có nó biết đâu chừng ba má lại vui hơn, ba bớt khó khăn đi.... Không ngờ cậu Út có con! Nghe má nói, con cũng thấy thương quá, muốn chạy về coi mặt thằng nhỏ ra sao!

- Thì hè này về đi, về ít ngày cũng được mà.

- Chắc không được má à, với lại cả năm trăm đồng tiền vé máy bay mà ở chơi có ít ngày thì uổng quá. Noel con về hai tuần vậy. Con hứa chắc mà.

- Ồ thì Noel về, chắc đó ghen.

- Dạ dạ, con sẽ về. Thôi bai ngen má. Cho con gọi lời thăm ba, cậu Út với thằng nhỏ. À cậu đặt nó tên gì

vậy?

- Daniel. Nè, nói chuyện với ba một chút đi. Ông à ông, con Ly nó gọi về nè.

-

- Ly à, ba vô phòng tắm rồi, thôi để má nói lại với ông vậy. Nè Ly, ba má chỉ có mình con, sống xa gia đình phải biết giữ mình nghe. Mày mà lơ đãng như cậu Út chắc ba mày từ mày luôn, mà tao thì cũng khó sống với ông!

- ...

- Thôi bai ngen con. Phôn giờ này tốn tiền lắm!

- Dạ thôi bai má!

*

* *

Bà Năm chưa bao giờ thấy buồn khổ, lo lắng như vậy. Bà đứng ngồi không yên, đi tới đi lui trong căn nhà giờ như trống trải hơn. Ngoài kia buổi chiều êm đềm trải lụa trên bầu trời nhưng lòng bà lại sóng dậy từng cơn. Bà đến bên cửa sổ, cảm nhận nỗi cô đơn thênh thang của một ngày vắng bóng thằng Daniel.

Rồi không thể chịu đựng được nữa, bà quay vào cầm điện thoại, bấm số nhà thương. Bên kia đường dây, tiếng tí tí vang lên như thách thức sự kiên nhẫn của bà. Đường dây bận. Bà coi lại số, bấm lần nữa. Vẫn bận. Biết vậy ở luôn trong nhà thương với thằng nhỏ, về chi để bây giờ cứ sốt ruột.

Bà Năm buông mình xuống chiếc ghế bành, tiện tay bật ti-vi. Một chương trình thiếu nhi hiện trên màn ảnh làm bà càng cảm thấy ray rứt. Hàng ngày thằng Daniel vẫn coi chương trình này, hò hét múa may theo từng cử động của con gấu bông trên màn ảnh. Bà nhắm mắt lại, miên man nghĩ đến bóng dáng thằng cháu thân yêu vẫn còn khoẻ mạnh mấy ngày trước. Trời ạ, thằng nhỏ bé bỏng dễ thương có tội tình gì mà phải chịu một căn bệnh ngặt nghèo như thế!

Buổi chiều bỗng hối thúc một không khí ngột ngạt. Đầu dây tiếng trẻ con đùa giỡn như đâm vào lòng bà những mũi kim nhọn. Bà chồm dậy tắt ti-vi, với điện thoại, bấm số.

Đường dây vẫn bận. Hừm, mấy cô y tá này nhiều chuyện thiệt, cả gần nửa tiếng rồi mà vẫn không chịu bỏ cái máy xuống!

Thời gian từ từ trôi. Những sợi nắng cuối ngày thoi thóp rồi tắt hẳn, bỏ lại bầu trời nhuộm màu đỏ nóng bỏng. Một ngày sắp qua đi. Bà Năm rùng mình, cảm thấy bất lực trước định mệnh bủa vây theo từng đợt bóng tối tràn về. Bà đưa tay lau nhanh dòng nước mắt. Trời ơi! Gánh nặng đau buồn này lớn quá, bà không thể nào gánh đáng một mình! Bà nhắc điện thoại lên, bấm số của Ly, dù biết ít hy vọng gặp được con. Bên kia, tiếng chuông reo mãi một cảm giác bị bỏ rơi. Đúng lúc bà định gác máy thì có tiếng vội vã nhắc ông nghe, rồi tiếng Ly:

- Hello!

Bà Năm không giấu được sự mừng rỡ:

- Hello, Ly hả? Má đây! - Rồi bà đổi giọng trách móc - Con đi đâu mấy ngày này má gọi hoài không được?

- Trường gọi con đi thực tập một tuần, trước đây con có nói với má rồi mà. Con mới về, định tối nay gọi má đây.

- ...

- Má! Chuyện gì vậy? Má, má...

Không cầm được, bà Năm bật khóc:

- Ly à, thằng Daniel bị bệnh hoại huyết!

- Bị hoại huyết?

Tiếng Ly thảng thốt ở đầu dây. Bà Năm như nghe được tiếng nấc của con.

- Má, nó bệnh hồi nào vậy?

- Hôm thứ tư. Đang chơi trong trường tự nhiên nó lên cơn sốt rồi lăn ra bất tỉnh. Đưa vô nhà thương thử máu mới biết nó bị ung thư máu tới thời kỳ nguy hiểm rồi.

- Trời ơi, có hy vọng cứu được không má?

- Má chỉ biết cầu trời. Bệnh nó ở giai đoạn này chỉ có thay tủy sống mới cứu được, nhưng...

- Nhưng sao má? Ly không dẫn được nóng này.

Bà Năm thở dài:

- Tỷ lệ tìm được người có tùy sống thích hợp là một trên năm trăm ngàn. Chi phí thử nghiệm lên tới bạc triệu, nhưng dù có tiền cũng chưa chắc tìm được đúng người trước khi quá trễ.

- Chứng nào là quá trễ hả má?

- Má không biết, nhưng có lẽ nhiều lắm cũng chừng vài tháng nữa thôi. Nếu nó có anh em ruột thì may ra có tùy sống phù hợp, nhưng đang này...

-

- Má buồn quá con ơi! Hơn một năm nay thằng Daniel ở với ba má,

là niềm vui của ba má lúc tuổi già, bây giờ nó bệnh, má thấy thương nó hơn. Má sợ quá con à...

Bà Năm lại thút thít. Hai mẹ con im lặng hồi lâu. Hình như Ly cũng không cầm được nước mắt, giọng ứот sùng:

- Bây giờ thằng Daniel ở đâu?

- Đang ở nhà thương với ba con.

Mấy bữa nay ba má mất ăn mất ngủ vì nó. Chiều nay nó lại lên cơn sốt mê man, má khóc hết nước mắt. Ba con bực mình, bắt má về nghỉ để ông một mình với nó. Về nhà rồi má càng thấy

sợ hơn, nhớ hơn. Góc nhà nào cũng có hình ảnh thằng Daniel. Má nhớ tiếng nó cười, nhớ tiếng nó phá chỗ này chỗ kia. Bây giờ thì căn nhà vắng vẻ quá...

- Cậu biết chưa má?

- Cậu đi Anh gần một tháng rồi, chẳng điện thoại về. Hừ, làm cha gì mà vô tình quá, con bệnh gần chết mà nó có biết đâu.

- ...

- Thôi má cúp nghe, để phôn lại nhà thương coi thằng nhỏ ra sao rồi. Nãy giờ đường dây cứ bận mãi, nếu lần này còn bận, chắc má phải chạy vô nhà thương với nó chớ ngồi nhà má bồn chồn quá. Thôi bai nhen con.

- Má, má... có gì phôn cho con liền nha!

*

* *

Một đêm mất ngủ, buổi sáng vừa chợp mắt được giây lát, bà Năm đã phải choàng dậy vì tiếng chuông cửa hồi hả. Không gian như đặc lại, đè nặng lên bà một nỗi tuyệt vọng ray rứt. Bà ngập ngừng bước xuống lầu, chuẩn bị tinh thần đón ông Năm mang tin dữ về.

Cửa mở. Trời ạ, con gái bà đang đứng kia, đôi mắt đỏ hoe.

- Ủa Ly! Con về sao không cho ba má biết.

- Thằng Daniel sao rồi?

- Còn ở nhà thương.

Bà Năm ôm lấy con:

- Con ốm quá! Học hành ăn uống thế nào mà ốm vậy? Á mà gần thi rồi, sao con bỏ về?

Ly không trả lời mẹ:

- Má à, con muốn vô thăm thằng Daniel bây giờ.

- Từ từ đã. Vô nghỉ mệt, ăn uống chút đỉnh rồi hẵng đi. Coi con kìa, xanh như tàu lá!

- Thằng Daniel nằm bệnh viện nào vậy má? Con muốn đi thăm nó liền.

- Mẹ mầy mầy không lo, lại đi lo cho nó.

Rồi bà ngạc nhiên:

- Con chưa gặp nó lần nào mà sao nóng ruột quá vậy?

Ly đột ngột buông túi hành lý, ôm

đêm giáng sinh lưu vong

Một tiếng chuông vang giữa giáo đường
Từng bài ca Thánh hát du dương
Âm hưởng vọng vang lòng lũ khách
Bồi hồi xúc động nhớ quê hương.

Tháng giã ngồi cao giữa đêm đen
Tượng Chúa lung linh dưới ánh đèn
Hang đá cây thông cùng máng cỏ
Muôn vì sao sáng ấy Noël!

Quì xuống, hai tay chắp, cúi đầu
Nguyên cầu quê mẹ hết thương đau
Phương trời xa xứ luôn gìn giữ
Dòng dõi Tiên Rồng vẫn có nhau.

Một đám bạn bè họp cuối đông
Cùng nhau tổ chức Réveillon
Gom góp biết bao điều kỷ niệm
Tâm sự hàn huyên chén rượu nồng

Đã mấy năm rồi đón Giáng Sinh
Bằng thương bằng nhớ, biết bao tình
Đến với quê hương điều diệu vợi
Nỗi lòng chua xót vẫn kết tình.

Từ chốn xa xôi góc bán cầu
Nhớ về quê mẹ ruột quặn đau
Cuộc đời phiêu bạc lìa xa xứ
Mất hết xanh màu, tóc trắng phau.

Biết đến bao giờ hết tha phương?
Và không trăn trở những đêm trường
Giáng Sinh chẳng đón bằng đơn lẻ
Mà sẽ sum vầy giữa quê hương.

nguyên như sơn



mặt:

- Nó là con của con.

Bà Năm tưởng mình nghe lộn, hỏi lại:

- Con nói sao? Con của ai?

- Con của con! - Ly khóc lớn hơn

- Con giấu ba má mấy năm nay nhưng bây giờ đã tới lúc con phải nhìn nhận con của con, trước khi không còn dịp gặp mặt nó lần cuối.

Bà Năm chợt nghe cơn giận dâng trào:

- Ly, mày nói thiệt không? Cái đồ mất nết.

Bà khóc theo:

- Nuôi con tới lớn chỉ mong nó hiếu thảo, nên người. Bây giờ nó trả ơn bằng cách ăn gian nói dối với cha với mẹ.

Ngừng lại để nuốt nỗi uất ức đang nghẹn trong cổ họng, bà Năm chua cay:

- Hèn chi hơn hai năm nay mày không ló mặt về, cứ lấy lý do này lý do nọ.

Ly không dám ngẩng lên:

- Má tha lỗi cho con. Trước đây con không dám cho ba má biết, sợ ba má buồn. Nhất là ba, ba mà biết được ba sẽ không nhìn mặt con.

- Con ơi là con! Cái ơi là cái! Tui ăn hiền ở lành mà sao gặp chuyện ngang trái như vậy nè trời!

- Má ơi, má thương thằng Daniel, không lẽ má không tha lỗi cho con?

Bà Năm vẫn còn giận:

- Rồi... thằng cha nó là ai?

- Cha nó là ai, bây giờ chẳng có ý nghĩa gì nữa. Con không muốn nhớ, không muốn nhắc tới người đàn ông bạc tình đó nữa.

Bà Năm lặng thinh, bỏ tới ngồi trên chiếc ghế bành trong phòng khách. Bà lắc đầu ngao ngán, nhớ tới quãng đường nuôi con diệu vợi vừa qua mà tưởng như đang nằm mơ. Con Ly từ nhỏ đã được cẩn thận dạy dỗ uốn nắn, một bước ra đường cũng được ông bà chú ý nghe ngóng, vậy mà... Ly ơi, để mày đi học xa, những mong mày biết khôn, không ngờ mày như con chim xỏ lồng, sống buông thả chẳng hề nghĩ tới tương lai, danh dự! Bà Năm thấy mình bất hạnh quá,

tới từng tuổi này mà còn phải khổ tâm chuyện con cháu.

- Má à, má đừng giận con. Chuyện lỡ hết rồi, con cũng đâu muốn vậy. Bây giờ quan trọng là làm sao cứu thằng Daniel.

Bà Năm không đáp, thở dài thêm mấy lượt nữa.

- Má à, con sợ thằng Daniel chết qua!

Ly bật khóc như chưa từng được khóc. Bà Năm bỗng thấy người ngoại:

- Mẹ mày! Bỏ nó rồi bây giờ lại sợ mất nó!

Bà ôm Ly, hai mẹ con cứ để mặc cho nước mắt tuôn tràn.

Đợi cơn xúc động dịu bớt, bà Năm nhìn thẳng vào mặt con gái:

- Kể cho má nghe chuyện gì đã xảy ra.

Ly cúi xuống:

- Sau khi biết con có bầu, thằng đó lơ là hẳn với con, mặc dù cả hai vẫn gặp nhau ở lớp học. Con buồn quá, không biết phải làm sao. Phần xấu hổ, phần sợ ba má biết được, đã mấy lần con định tự tử.

- Đừng nói đại! - Bà Năm ngắt lời, nghe xót xa cho đôi mắt rưng rờ của con ngày nào giờ thâm quầng những lo âu - Còn chuyện cậu mày nói thằng Daniel là con của cậu... là sao?

Ly ấp úng:

- Rồi tự nhiên con nghĩ tới cậu Út. Cậu xưa nay tính tình phóng khoáng, có lẽ hiểu và giúp con được phần nào. Được điện thoại của con, cậu bay sang ngay. Lúc đó con muốn phá thai nhưng cậu cản, sợ con không đủ sức vì cái thai đã lớn lắm rồi.

Ly ngừng lại, chặm nước mắt:

- Sau khi sinh thằng Daniel, con bị bệnh luôn, mấy lần phải nằm nhà thương. May mà có cậu giúp, nếu không, chắc con không sống nổi. Với sức khỏe nay đau mai bệnh, con biết không thể nào một mình nuôi thằng Daniel được, vả lại sợ bị mang tiếng nên con muốn đem nó cho người ta nuôi.

Bà Năm nghe con kể, cảm thấy như có một lưỡi dao đang cứa mạnh vào tim gan mình. Bà nắm bàn tay gầy guộc xanh xao của Ly:

- Sao con không cho má biết? Dù gì thì má cũng không bỏ con mà.

- Con sợ ba má buồn. Cậu Út cũng khuyên con đừng cho má biết. - Ly hít một hơi dài, bình tĩnh hơn - Cậu bảo để cậu nhận đứa bé làm con, đem về nhờ ba má nuôi. Cậu nói ba má nhân hậu, phúc đức, chắc không nỡ từ chối nuôi cháu. Má à, má đừng giận cậu nghe!

- Thằng cậu mày cũng thiệt tình, dám gạt cả tao. Ba mày biết chuyện này chắc ổng lăn ra chết giấc!

Có tiếng điện thoại reo vang. Không gian chợt giãn ra rồi xô vào như từng đợt sóng đè nặng lên Ly và bà Năm. Cả hai người nhìn nhau lo sợ. Bà Năm ngáp ngừng giây lát rồi nhấc ống nghe lên. Bên kia đầu dây, giọng một người đàn ông lạ hoắc nói tiếng Anh:

- Dạ thưa, tôi là Chris, bạn cũ của Ly. Thưa bà, cô Ly có ở đó không ạ?

- Ông chờ một chút.

Bà Năm không khỏi ngạc nhiên, đưa ống nghe cho con:

- Ly, có ai muốn nói chuyện với con.

- Hello! Mặt Ly bỗng đỏ bừng - Anh muốn gì nữa đây?

- ...

- Xin lỗi? Bây giờ anh mới biết lỗi à? Mấy năm nay anh ngoảnh mặt quay lưng với tôi, bỏ tôi đau khổ một mình...

- ...

- Thằng Daniel nào con anh? Anh cũng biết bận tâm vì nó à? Tôi không cần anh đâu, anh cút đi!

Ly bật khóc, toan cúp điện thoại, nhưng bà Năm kịp giằng lại:

- Hello, tôi là mẹ con Ly đây. Ông muốn gì?

Bên kia đầu dây, giọng người đàn ông ngáp ngừng nhưng không giấu được vẻ xúc động:

- Thưa bà, tôi... là cha của thằng Daniel. Tôi mới được cô bạn thân của Ly cho biết chuyện thằng Daniel. - Giọng anh ta chùng xuống - Thưa bà, tôi đã xử sự không đúng trong thời gian qua. Tôi hối hận quá bà ạ. Xin bà và gia đình tha lỗi cho tôi, cho phép tôi... được đến thăm con tôi. ●

Người Mặt Quỷ

Nguyễn Minh Khánh



Suốt sáu tháng nay, Bình đã chăm chỉ đi tìm việc làm nhưng vô ích. Số anh đen quá, đi định cư đã muộn, lại đúng vào lúc cả thế giới đang lâm vào giai đoạn suy thoái kinh tế, cho nên tìm được việc làm ở đại đô thị như Toronto không phải chuyện dễ. Có lẽ một phần vì anh đã lớn tuổi, nghề nghiệp chuyên môn không có, trình độ văn hoá hạn chế, tiếng Anh chỉ biết đại khái, thầy không ra thầy mà thợ cũng chẳng ra thợ nên khó cạnh tranh với thiên hạ.

Ngày qua ngày, buổi sáng Bình cấp sách đi học Anh văn, chiều lật báo Việt ngữ trong vùng xem rao vặt để tìm việc. Bằng mọi giá, anh phải có việc làm để nuôi vợ con ở Việt

Nam, để giúp bạn bè còn kẹt ở trại tị nạn Mã Lai nữa. Không như một số người có thân nhân định cư nước ngoài đã lâu, gia sản sự nghiệp vững vàng sẵn lòng giúp đỡ người mới tới, Bình tứ cố vô thân, mọi việc chỉ trông vào hai bàn tay mình mà thôi. Đúng ra anh cũng có một người bạn thân định cư ở Alberta, một tỉnh bang miền tây Gia nã đại, nhưng anh không muốn làm phiền, vả chăng hai tỉnh bang cách nhau xa quá.

Một hôm Bình lật báo, thấy đăng ở mục rao vặt: "Cần một người đàn ông trung niên tuổi từ 40 trở lên, giúp việc nhà. Một ngày làm 12 tiếng, lương hậu. Gọi Đinh: 416 588 0345". Anh nghĩ thầm: "Chà, công việc này

coi bộ hợp với mình, chẳng đòi hỏi bằng cấp gì cả. Hay là họ cần... vú em? Nhưng nếu vú em thì tại sao lại là đàn ông? Ờ mà gì thì gì, cứ nhắc điện thoại hỏi cái đã, chậm chân lỡ có thằng khác nó xin mất thì mình ngáp gió!" Bình lập tức nhắc ống nghe:

- A lô, xin cho tôi nói chuyện với ông Đinh ạ.

- Tôi, Đinh đây.

Bình vồn vã:

- Tôi là Bình, tôi vừa đọc mục rao vặt trên báo...

Người đàn ông bên kia đầu dây cắt ngang:

- Ô kê. Trước tiên tôi muốn biết có phải ông trên 40 tuổi không?

Bình trả lời, giọng chắc chắn, tự tin:

- Dạ, trên 40 rồi. Tôi sinh năm 1950, có đây đủ giấy tờ chứng minh...

- Vậy thì mời ông đến nhà số... đường... ở North York để phỏng vấn. Bye!

Nói xong ông ta cúp máy cái cụp.

Bình chưng hửng, buột miệng văng tục:

- Mẹ kiếp! Thằng cha này thô lỗ, phách lối quá! Để mình tới tận nơi coi mặt mũi nó ra sao mà nó khinh người như vậy, cần thì thôi vô mặt nó cho nó bỏ cái thói ỷ của!

Và cái mặt mà Bình muốn thôi đó là một khuôn mặt... quỷ! Có thể nói phụ nữ hay con nít mà thấy mặt ông Đinh lúc ban đêm, chần chẫn sẽ xỉu, còn người yếu bóng vía chỉ cần thấy một lần cũng đủ bị ám ảnh và gặp ác mộng thường xuyên. Đó là một khuôn mặt bị biến dạng tựa như của người bị tật át-xít hoặc của những người hành tinh mà ta thường thấy trong các phim khoa học giả tưởng.

Khi tìm ra căn nhà ông Đinh, Bình đã hơi chột dạ. Toàn bộ căn nhà đều sơn màu đen thui lù, coi rất hắc ám và ma quái. Phản ứng tự nhiên của Bình khi mới thấy ông Đinh mở cửa là... bàn tay phải ngằm bắt ấn theo kiểu Phật Tổ Như Lai. Anh riu riu bước theo chủ nhân vào nhà.

Ông ta ở một mình dưới hầm, không vợ không con. Nơi phòng khách chỉ kê một bộ bàn ghế sa-lông

và thấp một ngọn đèn hột vịt tỏa ánh sáng vàng vọt, bệnh hoạn. Trời bắt đầu vào đông mà lò sưởi vẫn chưa bật, không khí lạnh lẽo như nhà mồ.

- Tôi là Đính, còn ông là Bình, phải không?

- Dạ phải.

- Ông bảo là ông trên 40 tuổi, xin ông cho tôi được xem giấy tờ chứng minh cùng số điện thoại và địa chỉ của ông.

Bình nghiêng người, móc túi quần lấy khai sinh đưa cho chủ nhà rồi đọc những chi tiết cần thiết cho ông ta ghi chép vào quyển sổ nhỏ. Anh hỏi:

- Thưa ông, ông có thể cho tôi biết nhiệm vụ của tôi gồm những gì không?

Ông Đính cất giọng khàn khàn:

- Rất dễ mà cũng rất khó. Hàng ngày ông chỉ phải lo việc nhang khói

trên bàn thờ mà thôi.

Bình ngạc nhiên:

- Thế thôi ư?

- Vâng, chỉ có thế. Nói rõ ra là trên bàn thờ tôi đã đốt sẵn nhang nhang vòng rồi, nhiệm vụ của ông là phải trông chừng nếu thấy nó tắt hoặc hết thì phải thắp ngay hoặc thay nhang mới. Nói tóm lại, bàn thờ phải luôn luôn có nhang khói.

Bình trả lời ngay:

- Thế thì tôi làm được.

Ông Đính nói thêm:

- Thấy dễ những phải dễ, bởi vì ông phải trông chừng nó suốt 12 tiếng đồng hồ. Có nghĩa là ông phải trực từ 12 giờ trưa đến 12 giờ đêm mới được về.

Bình hăm hở:

- Được thôi. Tôi bảo đảm với ông là tôi làm được.

Cặp mắt đỏ ngầu của ông Đính hơi nhướng lên:

- Trước ông đã có năm người làm rồi nhưng họ đều lần lượt xin nghỉ việc. Nói thẳng ra là họ sợ. Tôi biết ông cũng như họ, không có thiện cảm với khuôn mặt của tôi, và ngần ngại trước đôi điều kỳ lạ trong nhà mà họ không thể hiểu. Đó là lý do vì sao lần này tôi chỉ tuyển nam giới và tuổi tác phải lớn để có thể làm việc được lâu dài...

Bình mừng thầm vì thấy công việc quá sức dễ dàng. Ngập ngừng một chút, anh hỏi thẳng vào điều quan trọng nhất:

- Thưa ông, ông có thể cho tôi biết tiền lương là bao nhiêu không ạ?

Ông Đính thản nhiên đáp:

- Hai mươi lăm đồng một giờ.

Bình thót người vì kinh ngạc. Anh tưởng mình nghe lộn nên hỏi lại:

- Thưa ông, hai mươi lăm đồng một giờ?

Các miệng thịt lồi lõm trên khuôn mặt chủ nhà hơi xê dịch, cặp môi đỏ lôm, thều lều và lớn như hai trái chuối cau hơi giãn ra để tạo thành tràng cười hắc hắc, nắc lên từng tiếng:

- Đúng vậy. Tôi trả lương cao nhưng tôi đòi hỏi ông phải làm việc cho xứng đáng với đồng lương đó.

Đúng là buồn ngủ gập chiếu manh! Đang thất nghiệp đói rách, tự dưng có được một việc làm béo bở, Bình vui mừng không thể tưởng. Đối với loại lao động phổ thông như khuôn vác, rửa chén, chạy bàn..., thị trường hiện nay người ta trả cao lắm là 8 đồng một giờ, thường thì chỉ cỡ 5 đồng nếu trả tiền mặt. Tuy lương thấp như vậy nhưng không cũng dễ kiếm. Vậy mà bỗng dưng có người thuê anh tới 25 đồng một giờ chỉ để trông chừng nhang khói trên bàn thờ! Bình nhìn quanh quất trong phòng rồi hỏi:

- Bàn thờ để chỗ nào ông nhỉ?

Ông Đính đứng dậy:

- Ông đi theo tôi.

Ông ta dắt Bình vào căn phòng phía sau, vừa đi vừa nói:

- Phía sau này có hai phòng, một là phòng ngủ của tôi, còn một để là

thơ hồng lê

tình si

tặng T.A.

Hôm qua anh đi lễ chùa
Thấy em theo mẹ thẹn thù sân sau
Nhìn em không dám nhìn lâu
Sợ hồng đôi má sợ nhàu làn mi
Tơ trời vương gót em đi
Anh ngỡ ngẩn gã tình si hiên chùa.

tình muộn

tặng T.A.

Người đầu ăn nói dịu dàng
Chìm thua tiếng hót, đàn chùng dây tơ
Kể từ cái buổi ban sơ
Thoảng nghe ta đã ngẩn ngơ cả hồn
Nhớ hoa dạ bướm bôn chồn
Nhớ người nằng quá chiều hôm lòng này
Chao ôi trong kiếp lưu đày
Gặp người ta ngỡ đã dày công tu.

Trăm năm một cuộc tình cờ
Cùng chung gối mộng còn ngờ chiêm bao.



nơi để bàn thờ. Đây, căn phòng này đây...

Đó là một căn phòng vuông, nhỏ, mỗi bề chỉ độ ba mét rưỡi. Trên tường treo một bàn thờ khá lớn có mái che và một tấm vải đỏ phủ kín trông tựa như sân khấu cải lương lúc chưa kéo màn. Bình không biết phía sau tấm vải là bài vị các thần thánh nào, chỉ thấy trước tấm màn là một bát hương có khoanh nhang vàng đang cháy đỏ và hai cây nến điện. Cũng như căn phòng khách phía ngoài, nơi đây bóng tối nhiều hơn ánh sáng, chỉ có hai cây nến điện tỏa ánh sáng lờ mờ. Đồ đạc trong phòng không có gì, ngoại trừ một cái tủ nhỏ để đựng nhang và một chiếc ghế để leo lên khi cần thắp nhang.

Ông Đính trịnh trọng chỉ tay vào bàn thờ:

- Tôi dặn ông một lần nữa: Luôn luôn trên bàn thờ phải có nhang khói. Thông thường một khoanh nhang vòng cháy được 24 tiếng đồng hồ. Từ 12 giờ đêm đến 12 giờ sáng, tôi chịu trách nhiệm coi sóc. Còn từ 12 giờ trưa đến 12 giờ đêm thuộc phần ông. Nếu nhang gần hết, ông phải lo thay nhang mới; nếu nhang bị tắt nửa chừng, ông cũng phải thay ngay nhang mới. Đây là điều rất quan trọng. Nếu ông làm đúng những điều tôi dặn thì ngoài tiền lương ra, ông còn được thưởng nữa.

Bình vừa nhìn lên bàn thờ vừa nói:

- Xin ông yên tâm, tôi sẽ chu toàn bốn phận lo nhang khói trên bàn thờ. Thế còn việc quét dọn bàn thờ thì sao?

Ông Đính vội lắc đầu, giơ tay chặn ngang mặt Bình:

- Chớ có dọn dẹp gì nhé. Tuyệt đối không được đụng vào bất cứ vật gì khác trên bàn thờ ngoại trừ bát nhang. Ông cũng tuyệt đối không được tò mò vạch tấm vải đỏ ra xem phía sau có gì... Tuyệt đối đấy nhé! Ông là người lớn, lời tôi dặn dò mong ông nhớ kỹ!

Bình cảm thấy có điều gì kỳ lạ bí ẩn nhưng không tiện hỏi thêm. Ông Đính tiếp tục giải thích:

- Trước đây tôi đã dặn dò rất kỹ thế mà một anh trẻ tuổi làm ở đây vẫn

cứ tò mò, vạch tấm màn đỏ để nhìn trộm. Sau đó anh ta bị...

Ông Đính bỗng bỏ ngang không nói tiếp. Bình cố trấn tĩnh nhưng vẫn không chống nổi sự tò mò, buột miệng dò dẫm:

- Chắc anh ta bị thần linh trừng phạt?

Khuôn mặt ông Đính bỗng đanh lại, cặp mắt đỏ ngầu như hai miếng tiết long lên sòng sọc, những sợi thịt sần sùi trên mặt ông co rúm lại, khiến trông càng ghê rợn:

- Phải, anh ta bị nổ cả hai con mắt, phát rồ, ba tháng sau thì chết!

Một luồng khí lạnh hốt nhiên chạy dọc theo xương sống Bình. Ông Đính mỉm cười, vỗ vai Bình:

- Nhưng ông phải khác chứ! Ông là người lớn tuổi, chín chắn, chắc không thể mắc vào những lỗi lầm như thế được! Nào, mời ông ra phòng khách, ta nói chuyện tiếp.

Ngồi xuống ghế, ông Đính cầm gói thuốc lá trên bàn đưa ra mời Bình:

- Tóm lại, công việc của ông chỉ có thể, rất dễ và rất nhàn. Sở dĩ nhiều người làm không được là vì họ thiếu kiên nhẫn và vì họ giàu tưởng tượng quá! Làm công việc này, đâu óc phải an nhiên tự tại chứ còn cứ ngồi mà tưởng tượng thì thần hồn nát thần tính, chỉ sau vài tuần là bỏ việc. Nói thật với ông, tôi cũng rất đau khổ vì bị người ta dị nghị về khuôn mặt của tôi, có người còn gọi tôi là ác quỷ nhưng biết làm sao hơn, tôi đành phải âm thầm chịu đựng cho hết kiếp...

Bình cảm thấy ái ngại, khẽ ướm lời:

- Sao ông không đi thẩm mỹ viện?

Ông Đính cúi đầu, hai tay ôm trán, giọng trầm trầm:

- Không được ông ạ, trời bất thế nào thì chịu thế ấy, tôi nhất quyết không đi thẩm mỹ viện cho dù tôi có thừa tiền...

Ông Đính phà khói thuốc, nói tiếp:

- Người ta cũng thắc mắc nhiều về cái bàn thờ, về căn nhà vắng lạnh này, về hành tung bí mật của tôi... nhưng tôi khuyên ông một điều: chớ nên thắc mắc, để ý gì cả. Việc mình mình

làm, xong việc thì về nhà nghỉ, cuối tuần lãnh lương, thế là khỏe, phải không ông?

Bình tán thành:

- Vâng, đúng vậy...

- Căn phòng này tuy ánh sáng hơi mờ nhưng cũng đủ cho ông ngồi đọc sách báo. Tuyệt đối không được làm ồn nhé. Cứ khoảng 15 phút ông lại ghé vào gian thờ xem nhang cháy tới đâu. Ông cũng đừng đòi tôi phải lắp thêm bóng đèn, tính tôi không thích ánh sáng...

Bình hỏi thêm một điều cần thiết:

- Thế khi nào thì tôi nhận việc?

- Bất đâu ngày mai.

Như sức nhớ ra điều gì, ông Đính mở cặp lấy ra hai tờ giấy để trên bàn:

- Đây là giao kèo, qui định rõ nhiệm vụ của hai bên. Thêm một điều, ông phải làm việc cho tôi đủ ba tháng. Nếu ông giữ đúng cam kết thì đến cuối tháng thứ ba, ông sẽ được một món tiền thưởng là ba ngàn đô-la.

Nghe nói đến tiền thưởng, tim Bình đập mạnh mừng rỡ. Không chần chờ do dự, anh cầm bút ký ngay vào tờ giao kèo. Ông Đính hân hoan nói:

- Thế là xong! Ông giữ một bản, tôi một bản. Ngày mai đúng 12 giờ trưa, ông đến nhận việc.

Khi đưa Bình ra cửa, chủ nhân còn dặn thêm:

- Nếu ông sợ đói, có thể đem theo mì gói nấu ăn đỡ. Cứ dùng bếp và nhà vệ sinh thoải mái. Nhớ đừng chảnh mắng trong công việc, ngủ quên chẳng hạn, để nhang tắt là ông sẽ bị...

Bình vội trấn an:

- Ông yên tâm, tôi không ngủ gục đâu. Tôi hiểu mà... Thôi, chào ông.

- Ô-kê, bye!

Hôm nay là ngày đầu tiên Bình làm việc tại nhà ông Đính. Mặc dầu đã đứng tuổi và trước kia anh đã từng vào sinh ra tử nhiều lần nhưng anh vẫn không khỏi bồn thần, nghi hoặc trước bao điều kỳ quái đang xảy ra nơi căn nhà anh làm việc. Đã nhiều lần anh lắc đầu, tay vỗ lên trán bôm bốp để xua đi những hình ảnh ma quái liên tục bủa vây anh nhưng hình

như càng cố quên, những thắc mắc tò mò càng kích thích anh dữ dội. Cái bàn thờ đó thờ ai vậy? Ma xó chăng? Ma lai rút ruột hay quỷ nhập tràng?

Bình nhớ hồi trước 75 tại Sài Gòn đã xảy ra một chuyện có thật mà sau này được dựng thành phim *Con ma nhà họ Hứa*: Một cô gái con nhà giàu có, chết nhằm giờ trùng nên thành quỷ. Gia đình cô dành riêng một căn phòng trên lầu, giữ nguyên đồ đạc của cô y như lúc còn sanh thời và duy trì nếp sinh hoạt của cô y như cô còn sống. Hàng ngày, một người được lệnh mang cơm vào phòng cho cô nhưng phải đi thụt lui, lưng vào trước, đặt mâm cơm trên bàn rồi đi ra, tuyệt nhiên không được quay mặt dòm xem trong phòng có cái gì. Người nào không tuân theo điều này, tò mò nhìn, đều bị cô gái quỷ vật học máu chết!

Rồi những câu chuyện về những tay phù thủy luyện thiên linh cái: Họ giết một cô gái có thai sáu tháng, mổ bụng đem cái bào thai về nhà bỏ vào hũ, dán bùa, thấp nhang luyện phép đúng 100 ngày. Sau đó cái bào thai biến thành quỷ, theo giúp thầy pháp rất đắc lực. Cả chuyện ma xó vùng ngược nữa! Người Mường đem xác chết bỏ vào bông cây dựng ở góc nhà, luyện bùa phép để thành ma xó, trông nom nhà cửa, tài sản cho chủ. Máy tay đạo chích chuyên nghiệp cũng không kém, thấy ở đâu có người bị sét đánh chết là tìm đến, quật mồ chắt lấy hai bàn tay mang về luyện phép, đủ ngày đủ tháng bàn tay sẽ trở nên linh ứng, chỉ cho chủ biết nơi nào an toàn để ăn trộm...

Hình ảnh cái bàn thờ cứ liên tục lớn vồn trong trí Bình. Có thể chủ nhà luyện bùa ngải lắm! Hẳn muốn mình để nuôi ngải, nuôi ma xó hay thiên linh cái giùm hần. Chỉ có việc bắt chính mới khiến hần trả lương cao như vậy! Bình nhớ ngày còn trong quân ngũ, anh đã được dạy: "Thấy những gì quá dễ dàng thì phải coi chừng, bởi vì đằng sau những dễ dàng đó luôn luôn là cạm bẫy". Hừm, như vậy là vô hình trung mình đã tiếp tay với hần để làm điều ác hay sao? Nhưng một phần khác trong con

người lý luận của Bình không đồng ý: Nếu luyện bùa ngải hay thiên linh cái thì ông ta phải giữ bí mật chứ để người khác biết sao được! Hơn nữa, luyện thiên linh cái thì phải luyện đủ 100 ngày, đằng này ông ta chỉ thuê mình có 90 ngày, còn 10 ngày nữa bỏ đi đâu?

Suy nghĩ mãi, nhức cả đầu, cuối cùng Bình trối kệ: Thôi, việc ta ta cứ làm. Ai làm điều ác người đó sẽ lãnh nghiệp báo.

Mấy ngày sau, Bình bắt đầu quen với không khí trong nhà. Hàng ngày đúng 12 giờ trưa, anh tới làm việc thì cũng đúng giờ đó ông Đính nai nịt gọn gàng, chuẩn bị ra đi. Ông luôn đội chiếc mũ nỉ rộng vành, đeo cặp kiếng râm to tướng che kín nửa mặt và mặc chiếc áo choàng dài tới đầu gối. Đã nhiều lần Bình tự hỏi không biết thằng cha Đính này làm nghề gì và làm ở đâu; tại sao có một mình, không vợ không con; tai nạn gì đã làm khuôn mặt hần bị biến dạng ghê gớm như vậy, bị tạt át-xít chăng, hay chính hần là... ác quỷ? Nhiều đêm, tới 12 giờ, Bình sửa soạn ra về thì Đính cũng vừa về tới. Bao giờ ông ta cũng hỏi một câu duy nhất: "Sao, hôm nay tốt đẹp cả chứ?", sau đó là "*good night*", không thêm bớt một tiếng. Đôi lúc Bình lo sợ vấn vợ, thầm nghĩ: "Mẹ! Có khi nào nửa đêm hần về bóp cổ mình rồi làm thịt không? Thằng cha thờ quỷ ma này không thể tin được!" Tuy nhiên đến mỗi thứ bảy cuối tuần, bao giờ Bình cũng rất vui bởi hôm đó là ngày chàng được trả lương. Ông ta trả bằng tiền mặt, bỏ vào phong bì trao cho Bình đang hoàng kèm một câu chúc bằng tiếng Anh: "*Have a nice weekend*" rồi thôi. Đôi khi Bình muốn gọi chuyện nhưng thấy ông ta lạnh lùng, tỏ vẻ không muốn bắt chuyện, chàng lại thôi, riết rồi thành quen.

Một hôm Bình vào thăm chừng bàn thờ thì thấy khoan nhang vòng cháy gần hết, anh vội thấp khoan mới. Khi đứng trên ghế đầu thay nhang, bỗng nhiên anh thấy tấm màn đỏ hơi lay động. Bình chợt dạ nhưng cố trấn tĩnh, nghĩ rằng có thể do gió

thổi. Tấm màn lay động mạnh hơn, dường như đằng sau màn có một vật gì đó cử động... Anh như bị thôi miên, đứng chết trân trên ghế, muốn nhảy xuống bỏ chạy mà không được. Mắt anh dán chặt vào tấm màn, miệng há hốc như bị á khẩu. Hai tay anh từ từ đưa lên chấp trước ngực một cách rất thành kính. Rồi như có một sức mạnh vô hình thu hút, hai tay anh hướng về tấm màn đỏ, như muốn vạch nó ra... Anh cố cưỡng lại nhưng tay anh không thuộc về anh nữa, nó đã hoàn toàn bị ma lực điều khiển. Tuy vậy nhờ tinh thần còn minh mẫn, Bình vội niệm câu thần chú định tâm: "Án ma ni bát mê hồng! Án ma ni bát mê hồng!..." Tấm màn chợt khựng lại, hết lay động. Bình mừng quá, niệm chú thêm một hồi nữa. Thấy tinh thần mình hoàn toàn vững vàng và tấm màn đỏ đã thôi lay động, anh vội vàng nhảy xuống ghế, mồ hôi toát đầm đìa khắp người. May quá! Chút xíu nữa là bị quỷ ma ám hại rồi! Kể từ hôm ấy, bữa nào đi làm Bình cũng mang theo một tượng Phật nhỏ đeo ở cổ để hộ thân. Chỉ có quyền năng của Phật Tổ mới diệt trừ nỗi sợ ám hại của tà ma mà thôi!

Thấm thoát ba tháng trôi qua, ông Đính rất hài lòng Bình vì trong suốt 90 ngày, anh không hề nghỉ một ngày nào và không hề vi phạm một điều gì như đã cam kết trong giao kèo. Ngày cuối làm việc, ông Đính trao cho Bình ba ngàn tiền thưởng như đã hứa:

- Cảm ơn ông đã giúp tôi xong việc. Khi nào cần tôi sẽ lại nhờ ông.

Bình cũng cảm ơn ông Đính rồi cáo từ ra về. Anh biết tính ông Đính không ưa dài dòng nên không nói chia tay chia chân gì hết. Sau ba tháng làm việc, tuy không nặng nhọc về thể xác nhưng khá căng thẳng về tinh thần, làm tóc Bình nhanh chóng bạc thêm một số nữa. Giờ đây anh đã có một số vốn nho nhỏ, có thể gởi về giúp gia đình và bảo lãnh vợ con sang Canada. Nhưng cái bàn thờ phủ vải đỏ vẫn mãi mãi là một bí mật đối với anh cho đến một hôm anh tình cờ gặp lại người bạn cũ lúc đang đứng chờ ở trạm xe buýt:

- Ủa, Thái! Phải Thái không? Bình đây...

- Trời ơi! Bình đó hả? Ủ, Thái đây chứ ai...

Cả hai tay bắt mặt mừng, nói chuyện ríu rít. Thái là bạn thân của Bình từ hồi còn trong quân ngũ, vượt biên và định cư tại Canada đã hơn 10 năm. Thái nói:

- Thật là trời xui khiến, xe tao bữa nay hư nên phải đi xe buýt, nhờ đó mới gặp được mày. Chủ nhật này tới nhà tao chơi, tao ở Mississauga, số.. đường... Nhớ nghe, tụi mình nhậu một mạch cho đã bao nhiêu năm xa cách...

*

* *

Tại nhà Thái, hai người vừa nhậu vừa trò chuyện. Thái hỏi:

- Thành quí, mày tới Canada hồi nào không báo cho tao hay? Tao tưởng mày chết dấp trong trại tị nạn rồi chứ?

- Tao qua đây gần một năm rồi, định viết thư cho mày nhiều lần nhưng ngại phiền, lại thôi. Với lại tao tưởng mày ở Alberta chứ, mày dọn về đây hồi nào vậy?

- Ờ, lúc đầu tao ở Albertay được ba năm rồi dọn qua đây. Hồi mày còn ở trại tị nạn, tao gửi cho mày liên tiếp bốn năm lá thư, chỉ nhận được trả lời có một lá rồi sau đó im luôn, tao tưởng mày trúng gió chết hoặc đã hồi

hương về Việt Nam rồi!

Bình gấp một miếng thịt gà chấm vào chén tương ớt:

- Mày biết tính tao mà, ít dám phiền ai lắm, dù là bạn bè. Chẳng tha mình tao chịu chứ nhờ vả bạn bè nhiều quá, có ngày... mất bạn.

Thái nốc một hơi bia, thở khà rồi chỉ tay vào mặt Bình:

- Cái tật gàn của mày hồi nào vẫn vậy! Giữa tao với mày mà phiền cái mẹ gì! Mày đã cứu sống tao bao nhiêu lần rồi, có gì mà phải giữ kẽ nữa! Vậy chứ từ lúc qua đây mày làm ăn ra sao?

Bình chậm rãi kể:

- Cũng gay go lắm! Kiếm việc hoài không ra! Mày biết đó, hồi trước 75 nghề của tụi mình là nhảy trực thăng, ném lựu đạn và bóp cò súng. Sau 75, tao làm nghề mộc, đóng bàn ghế bầy bạ. Qua đây đi xin việc, tao khai biết nghề mộc, thành chủ hỏi học trường nào, bằng cấp đâu đưa cho nó xem... Trời đất! ở Việt Nam ba cái nghề đó là nghề cha truyền con nối hoặc theo mấy ông thợ già phụ việc để học chứ làm gì có trường! Mà không có bằng thì không thể xin được việc. Tao lang thang cả sáu tháng mà vẫn thất nghiệp, rầu thúi ruột! Bên Việt Nam tao còn cả một gánh nặng gia đình chứ đâu phải ít! Rồi một hôm tình cờ đọc mục rao vặt trên báo chợ, thấy đang cần người giúp việc, tao tới liền. Mẹ nội ơi, thành chủ mặt như

quí, coi thấy ghê!

Bình ngừng nói, khui một chai bia mới. Thái cười cười, hỏi lại:

- Mày nói gì? Thành chủ... mặt quí?

Bình kể tiếp:

- Thiệt, từ cha sanh mẹ đẻ tới giờ, tao chưa thấy ai có khuôn mặt ghê như thành cha đó. Nhờ là mình lớn tuổi, chín chắn, lại đã từng vào sinh ra tử nhiều lần, thấy cảnh chết chóc, ghê gớm cũng nhiều nên mới chịu nổi chứ người khác tao dám chắc không ai làm nổi với thành chả quá một tháng. Được cái thành chả trả lương rất cao, tới 25 đồng một giờ, đã lắm. Một ngày tao làm 12 tiếng, tính ra một tháng tới 9 xấp lặn. Lương trả hàng tuần, thanh toán sòng phẳng.

Thái mừng cho bạn:

- Vậy là hên nhất trần đời rồi. Tao chưa thấy ai hên như mày. Như vậy mới biết, đâu phải... gặp quí là xui đâu! Thôi cụng ly cái đi, uống mừng mày gặp hên.

Bình uống cạn ly bia rồi tiếp tục:

- Nhưng mà ăn được đồng bạc của thành chả cũng trần ai lắm, lơ mơ là bị đau tim hoặc bị tâm thần chớ không chơi! Nhà thành chả tối mò, lạnh ngắt, lại thờ ma quí gì đó che vải đỏ kín mít. Chả bắt tao phải canh chừng không được để cho nhang tắt, không được tò mò vạch tấm vải thờ ra coi cái gì bên trong, nếu vi phạm sẽ bị thần thánh gì đó vật học máu chết liền. Tao nghi thành cha này thờ thiên linh cái hay luyện bùa luyện ngải chi đó. Tao làm cho chả đúng ba tháng thì hết giao kèo, chả thưởng thêm ba ngàn rồi cho tao nghỉ việc. Theo mày nghĩ, có phải thành chả là pháp sư luyện bùa ngải hay không?

Thái hơi nghiêng đầu, vẻ suy nghĩ:

- Hừm... Bùa ngải... Thiên linh cái... Có bao giờ mày nhìn thẳng vô tấm màn đó không?

- Có chớ, nhưng mà đâu thấy được cái gì bên trong.

- Tất nhiên là không thể thấy rồi, nhưng mày có thấy hiện tượng gì lạ không?

- Mày nói tao mới nhớ, có một lần

Ơn nhau

Em mang tình những thứ tha
Ươm vào lòng đất vài ba cội tình
Hoa vừa trở sắc bình minh
Ta vừa tỉnh giấc Trang sinh muộn màng
Thoát hồn bướm bướm mơ hoang
Mình chờ nhau chốn dương gian xa mù
Hồng trần lỡ độ tàn thu
Thì chia nhau gánh phù du thăng trầm.
Tình mang theo những khờ càm
Cội hoa nhỏ nước mắt thắm đầu dây
Gió đưa gió đẩy hây hây
Ơn nhau từ những đọa đầy nhau mang.

lộc quy



vừa đốt nhang xong, tao thấy tấm màn hơi lay động làm như có con vật gì đằng sau đang cựa cựa...

- Rồi mày bỏ chạy hay té xỉu?

- Sức mấy mà xỉu! Tao niệm chú một hồi thì tấm màn im re trở lại, không lay động nữa.

- Sao mày không hỏi thằng chả xem nó thờ giống gì?

- Đã nói thằng chả là... quỉ mà, rất ít nói. Thằng chả còn dặn tao không được tò mò.

Thái cười hì hì:

- Sao mày không vạch đại tấm màn ra coi, sợ mẹ gì! Ngày xưa mày nổi tiếng là thằng gan dạ nhất đại đội mà!

Bị nói khích, Bình nổi nóng văng tục:

- Gan cái con mẹ họ! Lúc đó tao cũng rét lắm. Chuyện thần thánh linh thiêng ai biết được, lơ mơ là học máu thiết chó đâu phải giỡn. Mày chỉ được cái nói bậy...

Thái thôi cười, chậm rãi nói:

- Nói thiết với mày, nghe mày kể sơ qua như vậy là tao biết thằng chả thờ cái gì rồi...

Bình nóng nảy, hỏi liền:

- Sao, nó thờ cái gì, mày nói nghe coi.

Thái cười cười:

- Nếu như tao nói, mày phải cam kết với tao một điều...

- Điều gì?

- Kêu thêm một kết bia nữa!

Bình lại văng tục:

- ... Tưởng gì chứ một kết bia thì nhảm nhò gì, tao sẵn sàng. Rồi, nói nghe coi, thằng quỉ sứ Thái... dúi!

Thái không trả lời mà hỏi lại:

- Rồi sau khi mày nghỉ việc, có khi nào mày ghé lại nhà thằng cha đó không?

- Có. Lần đó tao đi xin việc ở North York, xớ rớ kiếm cái xí nghiệp một hồi thì tao thấy tao đang đứng trên con đường nhà thằng chả. Tiện dịp tao ghé vô hỏi thăm, hy vọng biết đâu chả kêu tao làm thêm ba tháng nữa.

- Rồi sao?

- Tao gõ cửa, chỉ gặp một bà già Tàu. Bà cho biết thằng chả đã dọn đi

rồi, dọn xa lắm vì thằng chả mới trúng số độc đắc 19 triệu.

Thái cười thoải mái:

- Biết ngay mà! Vậy là rõ ràng...

Bình ngơ ngác không hiểu:

- Rõ cái gì?

- Mày vẫn chưa biết à, sao mày tối dạ quá vậy?

Bình tự ái:

- Ồ, tao ngu vậy đó! Mày biết thì nói mẹ ra đi, úp úp mở mở hoài!

Thái chọc tức:

- Mày muốn tao nói rõ từng chút một thì mày phải chịu thêm một kết bia nữa. Đó là lỗi tại mày vì mày tối dạ quá!

Bình cáu tiết:

- Cái con khỉ khô đây này! Mới bóp cổ tao một kết bia xong, giờ ăn quen làm tới hả?

Thái phì cười reo lên:

- Đó, đúng rồi, mày biết rồi đó!

Bình ngạc nhiên:

- Biết cái gì? Mày nói cái gì vậy?

Thái giơ ly bia lên:

- Thôi cụng ly đi rồi tao giảng giải cho mày nghe... Mày vừa nói "con khỉ khô" mà mày không biết thằng cha chủ cũ mày chả thờ con khỉ khô sao!

Bình há hốc mồm:

- Thiết không đó? Mày không xạo tao chứ?

Thái nghiêm mặt:

- Mày cũng là lính tác chiến chui rừng rúc bụi như tao mà không biết con khỉ khô thì quá dở! Số là như vậy: khi một con khỉ đầu đàn về già, nó thường đi tìm một chỗ thật kín đáo để chuẩn bị... nhập thất. Thường thì nó vô rừng sâu, tìm những hang động thật kín đáo, hiểm trở hoặc những cây đại thụ thật cao, thật rậm mà không một loài nào, người cũng như thú có thể tới quấy phá để an nghỉ. Nó chết trong tư thế ngồi, qua nhiều năm tháng, thịt da nó rã hết chỉ còn bộ xương, khô dần theo thời gian. Những người đi rừng cố tìm bộ xương khỉ khô nhưng không mấy ai tìm được. Phải nhờ duyên may hoặc phước đức lắm mới gặp được bộ xương khỉ khô...

Thái ngừng lại, thông thả nâng ly bia lên uống một hớp, ra vẻ hiu hiu

tự đắc về kiến thức "quảng bác" của mình. Bình sốt ruột hỏi tới:

- Họ lấy xương khỉ khô làm cái giống gì?

- Tìm được bộ xương khỉ khô, họ đem về để lên trang thờ phủ vải đỏ che kín và thắp nhang đúng 100 ngày, không để nhang tắt và phải thờ trong phòng kín. Sau 100 ngày đó, bộ xương khỉ khô trở thành linh vật, phò hộ cho người thờ nó làm ăn phát tài, giàu có muôn phần. Đó, thằng cha chủ cũ của mày trúng số 19 triệu là nhờ vậy.

Bình vỡ lẽ:

- À thì ra vậy! Té ra là chả thờ con khỉ khô chứ không phải là luyện thiên linh cái hay bùa ngải gì ráo, vậy mà tao cứ nghi oan cho thằng chả.

Thái cũng gật gù:

- Người Việt mình thường nói "con khỉ khô" nhưng mấy ai biết rành về nguồn gốc chữ đó, mà cũng đâu ai ngờ nó linh thiêng như thế! Đó, tao giải thích xong, mày vừa ý chưa? Mà thôi, hết bia rồi, con trai chịu khó ra đâu ngỗ vác về một kết nữa đi...

Theo cam kết, Bình lóc cóc ra đâu ngỗ, khệ nệ vác về một kết bia. Bấm chuông, cánh cửa vừa hé mở thì Bình suýt nữa té xỉu vì... thằng cha Đỉnh mặt quỉ đứng lù lù ngay trước mắt anh. Bình la lên theo phản xạ:

- Úy mẹ ơi!

Tiếp theo là một tràng cười ha hả đầy sảng khoái của Thái. Hiểu ra, Bình nhào tới thoi vào "người mặt quỉ":

- Tiên sư mày Thái! Mày giả làm thằng mặt quỉ để hù tao!

Thái gỡ chiếc mặt nạ cầm trên tay, cười hềnh hếch. Bình giằng lấy ngắm nghía:

- Té ra là mày! Nhưng mày làm vậy làm chi?

Thái vừa khui bia vừa cười khoái trá:

- Vậy mới vui chứ! Đồ mày biết tại sao đó!

Bình không trả lời mà hỏi tiếp:

- Vậy con khỉ khô ra sao? Mày có trúng số độc đắc thiết không?

- Trúng cái... con khỉ khô! Thật ra trên bàn thờ đâu có con khỉ khô nào!

Tao làm gì có thứ đó. Mà nếu có thì chắc giờ này tao đang du lịch vòng quanh thế giới rồi, đâu có ngồi đây với mày...

Bình nóng nảy:

- Đầu đuôi ra sao, mày kể hết đi. Mày không kể tao giọng mày liền bây giờ. Cái tội mày tra tấn hành hạ tao suốt ba tháng, tao chưa thêm nói.

Thái cười thoải mái:

- Bình à, mày là một thằng tốt. Tao chơi với mày đã lâu nên hiểu mày hơn ai hết. Mày đã cứu sống tao nhiều lần, tao không thể quên ơn đó. Mày nhớ không, hồi trong quán ngũ, tụi mình nhảy toán xuống mặt khu, tao đập phải chông, không nhờ mày công ra kịp thì chắc tao đã chết vì mất máu. Sau 75, tao với mày "cải tạo" chung một trại, tao bị kiệt lý trầm trọng chỉ còn da bọc xương, tụi cán bộ đã cho khiêng tao ra ngoài vườn chờ đem chôn. Mày được thân nhân thăm nuôi, đem cho một mớ thuốc tây, mày đã dùng hết phần thuốc cứu tao. Mà lúc đó mày cũng đang bệnh lên bệnh xuống chớ đâu khoẻ mạnh gì. Tao nghĩ trên đời này họa có cha mẹ và vợ tao dám hy sinh cho tao như vậy, chớ ông nội tao cũng chưa chắc dám. Nhờ đó tao mới sống sót. Rồi hồi 81, tao với mày vượt biên, ghe chết máy, được tàu... Liên xô vớt đưa về Vũng Tàu, mày vô nhà đá lãnh ba cuốn lịch, tao nhờ hối lộ hai chỉ vàng cho thằng công an áp giải nên trốn thoát. Năm 83 tao vượt biên tới Bidong rồi định cư ở Canada. Hồi 89 hay tin mày tới Mã Lai, tao mừng hết sức nhưng không biết làm sao bảo lãnh mày vì mày bị kẹt thanh lọc, các trại tị nạn sửa soạn đóng cửa. Tính mày tao biết, ưa tự ái vật, ưa quân tử tàu, cái gì cũng sợ phiền nên tao không có dịp giúp được mày nhiều. Nhờ hỏi thăm mấy đứa trong trại, tao biết mày đậu thanh lọc đợt hai, đã sang định cư ở Toronto nên mới bày đặt cái trò... con khỉ khô để giúp mày chút tiền còm. Tao biết đưa tiền khơi khơi mày sẽ không bao giờ chịu nhận, chưa biết chừng còn nổi tự ái giận tao nữa!

Kể đến đây Thái cười hì hì. Bình hơi ngượng nhưng không ngăn được

xúc động. Anh chớp mắt, lặng thinh một lúc lâu rồi mới thốt lên một câu... chữ:

- ... Té ra thằng Thái dúm dưng màn kịch để đưa tao vào tròng... Nhưng mà sao mày dám đăng báo, lỡ có thằng khác tới xin việc thì sao?

Thái cầm chiếc đùi gà gặm ngon lành:

- Trước mày có hai thằng phôn cho tao rồi, nhưng tao từ chối. Nhận hay không là quyền của tao mà.

Bình vẫn chưa hết thắc mắc:

- Cái khuôn mặt mày với tám màn đồ rung rinh...

Thái giải thích:

- Khoa học ngày nay tiến bộ quá rồi, muốn hoá trang đâu có gì khó. Chỉ cần mua một cái mặt nạ bằng nhựa là xong ngay. Để cho chắc, tao thắp đèn mờ khiến mày khó nhận ra. Còn giọng nói thì mày biết rồi, tao nói được cả ba giọng Trung Nam Bắc. Còn tám màn ở bàn thờ rung, theo tao nghĩ, khi mày đứng trên ghế thắp nhang, mày hồi hộp, thở mạnh hơn bình thường làm tám màn lay động...

Bình vẫn thắc mắc:

- Nhưng tại sao khi tao niệm thần chú thì nó ngưng, không lay động nữa?

- Cũng dễ thôi. Khi mày niệm chú thì hơi thở mày bị đứt quãng, bị chặn ra từng khúc nên không đủ lực lay tám màn nữa, chứ nếu mày có vạch tám màn ra coi cũng chỉ thấy một cái hộp giấy sơn đen. Trong cái hộp đó tao đặt sẵn cái máy chụp hình gài tự động. Hễ mày tò mò là nó chụp liền. Căn cứ vào đó tao sẽ cúp tiền thưởng của mày.

Bình hơi quê, trách bạn:

- Mày gian ác quá, đem tao ra làm trò hề!

Thái cười khoái chí:

- Tao làm như vậy để coi những đức tính gan dạ, ngay thẳng, kiên trì của mày ngày xưa có còn nguyên vẹn không. Té ra nó còn nguyên si, cả những tật xấu như tự ái vật! Theo tao nghĩ, mình nên tự trọng nhưng không nên tự ái quá đáng đến thành cố chấp. Sau đó tao theo dõi, biết mày xin được việc làm ở một hãng cơ khí vùng

nói chuyện với trăng

*Ta ngóng trăng tâm sự nỗi niềm
Nào hay lạnh lẽo đến vô duyên
Khi mờ khi tỏ khi xa thẳm
Tâm sự ta đây vẫn ủ nguyên.*

*Ta ngắm trăng thêm nỗi nhớ nhà
Nhớ quê, quê khuất nẻo trời xa
Có trăng ta vẫn buồn hiu hắt
Thà để một mình, ta với ta.*

*Dõi bước theo ta, cứ lững lờ
Ta buồn thì cũng vẫn thờ ơ
Khi toan bày giải niềm tâm sự
Trăng lặn trong mây, đáng hững hờ.*

*Ta còn gì nữa để sẫm soi
Thất thế bao năm đã đủ rồi
Buồn tỏa thành mây mờ lối cũ
Ngáng nhìn quê mẹ vẫn xa xôi.*

trần ngân tiêu

Mississauga, ngày ngày mày đón xe buýt ở trạm Lawrence nên tao giả bộ tình cờ gặp mày ở đó...

Bình chấp tay xá bạn:

- Tao lạy mày Thái ơi, mày giúp tao một món tiền quá lớn, tao biết lấy gì trả mày đây!

Thái tâm tình:

- Tao nghĩ ông trời sinh ra mày là để... cứu mang tao. Nếu không có mày chắc tao chết lâu rồi... Thôi nói gần nói xa chẳng qua nói thật, tao sắp có một dự án khai thác cây gỗ trong rừng phía bắc tỉnh này. Hiện tao đang cần người hợp tác, nếu mày không chê thì vô phụ làm với tao.

Bình mừng ra mặt:

- Thiệt không mày? Chịu liền! Làm việc không công cũng được. Biết đâu nhờ ăn ở có đức mà tao lại kiếm thấy một con... khỉ khô thì sao!

Cả hai cùng cười vang, rất vui. Sau bao nhiêu năm đầu bể, hai người bạn lại có nhau cùng chung sức hướng về tương lai tươi sáng. ●

Đám Tiệc Lên Trời

Ngô Nguyên Dũng



- Tôi xin trân trọng giới thiệu đến quý vị và các bạn đầu bếp tài tử của chương trình hôm nay là nghệ sĩ Nghiêm Sinh.

Nói xong, Kiêm Tuấn quay sang người đàn ông đã ngoài trung niên, đôi giọng nồn nóng giả tạo:

- Anh định cho chúng tôi và quý khán thính giả thưởng thức món gì đây?

Nghệ sĩ Nghiêm Sinh lưỡng lự vài giây, mặc dù trước mặt ông đã bày biện sẵn vật dụng làm bếp cũng như thực phẩm cần thiết. Ông mặc áo

ngắn tay màu xanh nhạt, quần đen, cổ gấn nơ xám sọc trắng. Tóc ông cắt ngắn, bạc nhiều hơn đen. Điểm đặc biệt là cặp kính tròn đeo trệ trên sống mũi, gọng móc vào một sợi xích con quàng sau gáy. Ông nhếch môi cười, nét mặt đầy kịch tính:

- Tôi xin trở tài mọn, nấu một món bình dân: mắm chưng.

Kiêm Tuấn giơ tay che miệng:

- Chết, không có mắm.

Nghiêm Sinh từ tốn:

- Tôi chưa nói hết. Đúng hơn, phải gọi đây là món "giả mắm chưng", vì

không có mắm trong đó. Chúng ta xa quê hương đã lâu, ai lại không thèm những món đặc sản địa phương. Nhưng ở xứ người làm gì có thứ mắm cá lóc miền Nam, nên tôi phải sáng chế ra.

Nói tới đây, Nghiêm Sinh cầm lọ cá mặn giơ cao:

- Đây là loại cá ngâm muối của người Tây ban nha, mặn lắm. Hơi đáng tiếc, vì vị mặn không phải của nước mắm. Nhưng đành vậy. Cho nửa ký thịt ba rọi xay, cần chừng bốn khoanh cá con băm nhuyễn. Ai sợ mặn thì rửa cá qua một lần nước.

Vừa giảng giải, Nghiêm Sinh vừa xắn dao băm mớ cá mặn. Bàn tay ông lên xuống nhịp nhàng trên mặt thớt như của một đầu bếp lành nghề. Kiêm Tuấn xuýt xoa:

- Như một bếp chính lão luyện!

Nghiêm Sinh cười xoa:

- Đừng quên, tôi là một kịch sĩ.

Kiêm Tuấn bông đùa:

- Có khi nào anh đóng vai đầu bếp?

Nghiêm Sinh chau mày nhìn người điều khiển chương trình:

- Chưa được hân hạnh.

- Thế thì ai chỉ anh nấu ăn?

Nghiêm Sinh dùng dao đẩy mớ cá băm vào thau thiếc đựng thịt băm, vói tay lấy cối xay tiêu, vụn lòn rào vài vòng, nói:

- Cần nêm khá nhiều tiêu. Ai thích, có thể bỏ vào dăm hạt tiêu xanh ngâm giấm... Chút xíu thì quên! Anh xắt hột lựu giùm tôi nửa củ hành. À, tôi học nấu ăn ở đâu, từ ai ấy à? Thú thật, chính tôi cũng không rõ. Nhưng có thể giải thích như sau, hồi nhỏ tôi xấu xí, hay bệnh hoạn, nhiều tướng tượng, lại thêm khuyết tật cả lăm nên trẻ con trong xóm, không đứa nào chơi với tôi. Sau giờ học, suốt ngày tôi ru rú trong nhà. Trước mỗi bữa ăn, tôi thường mon men xuống nhà bếp. Nấu bếp cho gia đình là dĩ tôi. Một mình đi tả xung hữu đột trong căn bếp chật, sửa soạn mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa ba món canh, xào, mặn cho tất cả chục miệng ăn. Phải công nhận, tài... Anh trút hành vào đây!

Nghiêm Sinh lấy nĩa trộn đều thau

thịt, giọng vẫn đều đều:

- Phải thêm một nhúm đường cho dịu chất mặn. Người miền Nam ăn hơi ngọt và hơi béo, người Bắc hơi mặn, còn người Trung hơi cay. Khẩu vị địa phương biểu lộ phần nào cá tính dân miền ấy... Tôi cần hai quả trứng, anh ạ!

Kiểm Tuấn nhanh tay, mở tủ lạnh lấy ra hai quả trứng. Nghiêm Sinh tách trứng nhuần nhuyễn, giữ lại lòng đỏ, gạn hết lòng trắng vào thau thịt, rồi nhip tay đánh đều. Kiểm Tuấn xắt khế, dưa leo, sắp vào đĩa tròn bày sẵn rau sống. Có xà-lách, húng nhủi, tía tô, bắp cải, kinh giới. Kiểm Tuấn trình bày đĩa rau thật đẹp mắt. Một lớp dưa leo xanh ngọc nằm vành ngoài, rồi một chuỗi khế hình sao năm cánh, giữa là những cánh xà-lách non đựng rau sống. Ông còn xắt sợi ớt đỏ, xếp dọc lên đĩa, trông như nhụy của một đài hoa lớn.

Kiểm Tuấn kể lễ:

- Ăn mấy thứ mắm miếng này cần có nhiều rau sống và ớt cay. Tôi nhớ, hình như phải có thêm chuối chát.

Nghiêm Sinh tán thành:

- Đúng vậy. Nếu có đậu rồng, xắt lát mỏng ăn kèm, cam đoan quên no.

Nói xong, ông xoay qua khuấy mạnh tay lòng đỏ trứng, rồi nghiêng chén đổ vào thau thịt. Động tác nhanh mà không hấp tấp, gọn mà cẩn trọng, như thể ông đang sơn phết lại một kỷ vật gia đình.

Trứng loang thành lớp mỏng vàng hấy lên mặt thịt. Kiểm Tuấn xoa tay:

- Tuyệt vời!

Nghiêm Sinh tươi cười:

- Cho vào nồi chưng cách thủy khoảng 20 phút là xong.

Kiểm Tuấn nhanh nhẩu:

- Làm ngay!

Trong lúc chờ thịt chín, Kiểm Tuấn mang ra hai ly pha lê cổ cao và một chai vang trắng. Ông rót rượu. Cả hai cùng ly. Nghiêm Sinh khẽ lắc đầu:

- Tôi không rành thưởng thức rượu vang.

Kiểm Tuấn nâng cao chai rượu, chỉ vào nhãn hiệu:

- Đây là rượu nho vùng sông

Mosel, loại khô, hơi chua, hậu vị đậm. Rượu vang thuở trước là thức uống quý phái, nhất là tại Pháp và các nước nam Âu. Bây giờ nó trở thành bình dân rồi. Người sành điệu, uống vang đỏ khi ăn thịt bò và thịt rừng; uống vang trắng khi dùng các món thủy sản. Họ còn phân biệt được loại rượu của từng vùng, đôi khi ngay cả từng năm.

Nghiêm Sinh hớp một ngụm nhỏ, chum môi, mặt rục rịch tỉnh:

- Bàn chơi cho vui, đã có lần ông Lâm Ngữ Đường so đo dân tộc tính một vài quốc gia qua óc khôi hài. Dân nước nào có điểm hài tính thấp, dấu kinh tế phát triển tốt, vẫn không được nhiều thiện cảm. Bữa nay thử cho điểm về tính háo ăn!

Kiểm Tuấn cười lớn, góp lời:

- Ăn đứng đầu tứ khoái.

- Đối với người Á châu thôi. Này, trong bốn khoái ăn ngủ yêu và làm... xin lỗi, chuyện tiểu đại, chỉ có ba thứ cần để sống còn thôi. Các vị tu hành đầu màng chuyện yêu đương mà vẫn sống, đôi khi còn thọ hơn người thường. Người mình xếp yêu vào hàng thứ ba, còn dân Âu Mỹ xem chừng coi trọng vấn đề này hơn cả. Như vậy, người mình thực tế hơn họ, vì cái ăn cái ngủ đi liền với cái sống. Nhưng tôi e rằng, mình không biết hưởng thụ bằng người ta. Dân Pháp nổi tiếng "biết sống", dân Ý sinh động, dân Mỹ hồn nhiên. Còn người Trung hoa nổi danh với kho tàng châm ngôn, kim chỉ nam cho đời sống họ. Người Nhật nổi bật với tính cần cù, đoàn kết, cá nhân sẵn sàng hy sinh cho đại thể. Còn người Việt mình? Ôi chao, phiền phức. Hình như chỉ biết ăn nhậu, tranh cãi và đánh nhau...

Kiểm Tuấn ngắt lời:

- Tôi và anh đi hơi xa rồi đó.

Nghiêm Sinh dí dỏm:

- Xa gì! Vấn đề của bao tử quan trọng lắm chứ, nếu không nói là bậc nhất. Ừ, nghĩ lại, phải công nhận cha mẹ mình tài thật. Khi trước chỉ có mỗi cha tôi đi làm mà nuôi cả gia đình chục miệng ăn. Đã nói thì nói cho trót. Nhà mình, căn bếp là nơi có nhiều sinh hoạt hơn cả. Một ngày nó

đâu nghỉ ngơi được mấy tiếng.

Kiểm Tuấn nhỏ giọng:

- Anh có kỷ niệm nào đáng nhớ liên quan tới căn bếp nhà anh?

Nghiêm Sinh nhú mào, tay nâng ly rượu lên ngắm nghía. Rồi hai người lại cùng ly. Nghiêm Sinh khẽ gật đầu:

- Tôi ít uống rượu nho, nhưng loại vang này ngon thật... Anh biết không, thuở nhỏ tôi mắc chứng mộng du, thỉnh thoảng lại thức giấc giữa khuya, đi dạo chơi trong vườn nhà. Người mộng du thường không biết và nhớ chuyện họ đã làm hay thấy, còn tôi lại nhớ rành rọt từng chi tiết. Nhà tôi nằm ở ngoại thành, có vườn cây ăn trái vây quanh. Những đêm không trăng, bóng tối rậm rì như thạch đen. Nhà trên và nhà dưới cách nhau một khoảng sân trắng xi-măng. Xa hơn một chút là chòi lá xây cạnh ao nước, là chỗ gà vịt bị cắt cổ nhỏ lông. Đêm ấy tôi giật mình tỉnh giấc vì mơ thấy một đốm sáng rơi trúng chòi lá, phát hoả. Tôi ngồi dậy, đi xuống nhà sau. Mấy con chó bị nhốt bên ngoài để giữ nhà, thấy tôi, vẫy đuôi liú quíu. Đêm phẳng lì êm ả. Còn trùng rì rào du dương. Tôi đi trước, ba con chó theo sau, nhắm hướng chòi lá. Từ xa tôi đã thấy ánh lửa. Lòng tôi rộn lên như sắp sửa gặp lại những người bạn bất tin đã lâu. Tới gần, tôi thấy có mặt gần như đủ cả: chàng kiếm sĩ Nhật thường xem trong phim ảnh, cô Tấm trong chuyện cổ mà bà ngoại thường ru tôi ngủ, một trong bảy chú lùn đã cứu sống công chúa Bạch Tuyết mà tôi yêu thích nhất, và kỳ lạ thay, có cả chiếc bóng vô hình vẫn đe dọa tôi hàng đêm trong giấc ngủ. Tất cả đều nhìn tôi bằng ánh mắt thân thiện. Ba con chó hình như đã quen hơi, tíu tít xông tới, cạ đầu, liếm láp. Họ ngồi vây quanh chiếc bàn tròn, giữa là bếp lửa bập bùng. Thức ăn đã bày sẵn, toàn những món mà tôi thường ao ước: gà quay, thịt nguội, bánh kem, sữa dâu tươi và ê hề nho, lê, đào, mận. Không ai nói lời nào, thế mà tôi nghe rân rân đủ loại âm thanh hoạt náo. Tôi ngồi vào bàn một lát thì cảm nhận ra, đây là bữa tiệc từ già. Mai này tôi trưởng thành, sẽ lìa xa những người

bạn ấu thơ. Họ không cho tôi biết, sẽ đi đâu, nhưng tôi cứ đinh ninh với lòng mình, họ sẽ về trời như những người đã chết. Tuy xa, nhưng họ vẫn có đó, bất tử trong tâm thức tôi. Thật ra, khi ấy tôi đâu có suy nghĩ như vậy. Tôi chỉ biết vui chơi với những người bạn tưởng chừng như không có thật đó và say sưa thưởng thức những món ăn lạ. Lúc thắm mệt, tôi gục đầu xuống bàn, ngủ một giấc cho tới khi gà gáy. Tỉnh dậy, tất cả đã đi mất. Lửa tàn, cổ bàn nguội lạnh. Tôi hoang mang không rõ, mọi chuyện có thật hay chỉ là một giấc chiêm bao. Ban mai đông nội se sắt lạnh. Sương sớm toả mờ mặt ao, che nhạt bờ lau sậy co ro chưa thức. Ba con chó vẫn nằm

quanh quất dưới chân tôi. Tôi bực dọc tự hỏi, tại sao chúng không nói được tiếng người để tôi truy cho ra lẽ. Tay tôi vãn về hạt mù u lên nước bóng loáng mà một người bạn đã cho tôi sáng nay với lời nhắn nhủ, lúc ngủ mày nắm nó trong tay, thế nào cũng gặp chuyện lạ.

Tối đây, như hẹn sẵn, đồng hồ reo lên, báo đã xong 20 phút chưng thịt. Kiêm Tuấn cao giọng tỏ mở:

- A, giờ ăn tối rồi!

Kiểm Tuấn nhường cho Nghiêm Sinh tự tay mở nắp nồi. Hương gia vị bốc ngào ngạt. Nghiêm Sinh trông vội găng tay, nhấc thau thịt ra khỏi nồi, nghiêng về phía ống kính thâu hình, vẻ mặt tươi tắn, tự mãn. Kiêm

Tuấn đã múc vào chén mỗi người một muổng cơm.

Nghiêm Sinh lấy dao nhọn xắn một đường ngang thau thịt. Nước béo ứa ra loang loáng. Ông gấp một phần cho vào chén Kiêm Tuấn. Cả hai dùng đũa mun gấp rau cuộn thịt, nhai chậm. Kiêm Tuấn gật gù:

- Không những anh nấu ăn khéo, mà kể chuyện cũng tài. Tôi gọi thức ăn hôm nay là món "giả mấm chưng lên trời", được không?

Nghiêm Sinh bật cười giòn. Hai người ồn ào nâng ly chúc tụng những lời rỗng không. Nhạc hiệu cũng vừa trỗi lên, kết thúc chương trình "Nửa giờ nấu ăn với một danh nhân" của tài tử Kiêm Tuấn. ●

trên ngọn sầu đông

Thơ ơi, thả gió giữa chiều
Lòng ơi, quán vắng tiêu điều sương thu
Thơ nào vỗ giấc phù du
Tình nào gửi trọn thiên thu mây trời
Gió chiều tiễn cánh lá rơi
Có đem đi hết ngậm ngùi thơ ai
Bóng chiều ngả, bóng chiều phai
Giọt sầu lãnh dăng, giọt trôi bèo nhơ
Con chim trên ngọn sầu đông
Cô đơn tiếng hót lạnh lùng sông trăng.
Đời bao nhiêu chuyện bất bằng
Sông bao nhiêu khúc thẳng trăm ơ sông
Vẫn là thế, có rồi không
Đời như mây trắng mênh mông tơ trời.

tuệ nga

thơ phía góc

Em cứ ngồi nguyên nơi ghế ấy
Nghiêng nghiêng mắt thả nhịp bàn tay
Khúc vui rộn rã quay vòng nền
Óng ánh môi cười gió lất lay.

Xin em vui trọn đêm đèn hội
Sáng láng hào quang buổi Chúa sinh
Góc đêm tôi muốn giờ xưng tội
Thánh thốt chuông ngân vãn nạn mình.

ông thế hùng

quê hương ngàn trùng

Buổi sáng năm mơ màng
Thả hồn trôi lang thang
Về quê hương xa tắp
Rong chơi dưới nắng vàng.

Mái nhà xưa của mẹ
Khói quện nắng mai hồng
Giàn bầu hoa mới nở
Lóng lánh hạt sương trong.

Khu vườn xưa của mẹ
Thoang thoảng hương hoa cau
Ngạt ngào hương trái chín
Hoa nở thắm vườn sau.

Hoa vông đồng đỏ rực
Ô môi hồng thơm ngát
Hoa bằng lăng tím nhạt
Thời gian không phai pha.

Quê hương xưa của ta
Trưa eo óc tiếng gà
Bìm bịp kêu nước lớn
Tu hú gọi cò xa

Tháng chạp về gió bắc
So đũa nở trắng cành
Tiếng cu kêu đêm ẩm
Nắng lụa vàng, trời xanh.

Những đêm trăng dịu dàng
Con sông phủ tơ vàng
Gió đưa câu vọng cổ
Tiếng đàn kìm nhật khoan.

Ôi quê hương ngàn trùng
Một đời ta nhớ nhung
Mẹ hiền xưa đã mất
Giấc mộng xưa khôn tìm!

nguyên khanh

nhớ trắng

Một góc chiều tôi nhớ đỏ về
Chiều em bàng bạc cuối sơn khê
Đông tây hai ngã mình chia cách
Tình cứ chờ trông đến mỗi mê.

Chờ buổi trăng về thấp cỏi đêm
Chờ em gõ cửa trái tim đen
Cho tôi sống lại từ sâu thẳm
Một thuở hoang đường đã ngủ quên.

Tôi gọi trăng em sáng giữa thu
Soi hồn tôi nặng những mây mù
Phấn hương còn đó trong hơi thở
Xin ử cho tròn nghĩa thế phu.

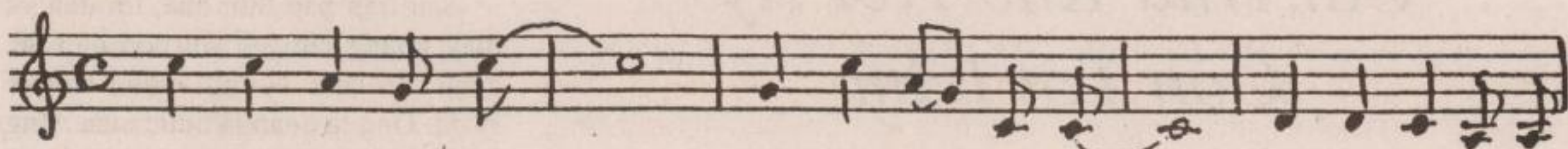
b.h.t.

em

Thanh-thoát ($\text{♩} = 132$)

Thơ: **Cung Vũ**

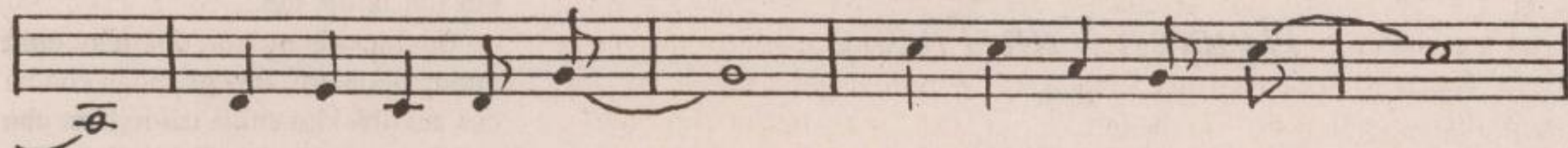
Nhạc: **Ngô Mạnh Thu**



Sao em không là chim
Hay chính em là chim

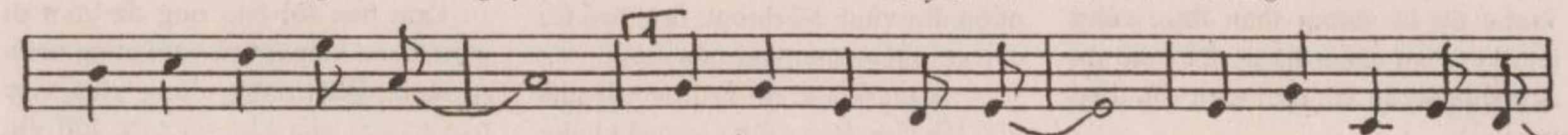
Tung cánh trên trời hiền
Tung cánh trên trời hiền

Sao em không là biển
Hay chính em là biển



Xô sóng về ngoại biên
Xô sóng về ngoại biên

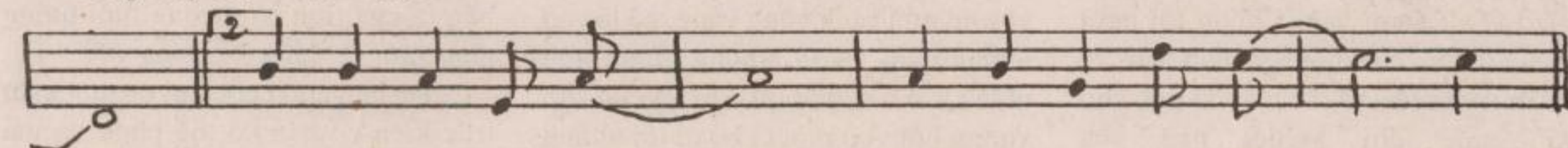
Sao không là hạt sương
Hay chính em là sương



Vòng tay ôm lá nhỏ
Vòng tay ôm lá nhỏ

Sao em không là cỏ

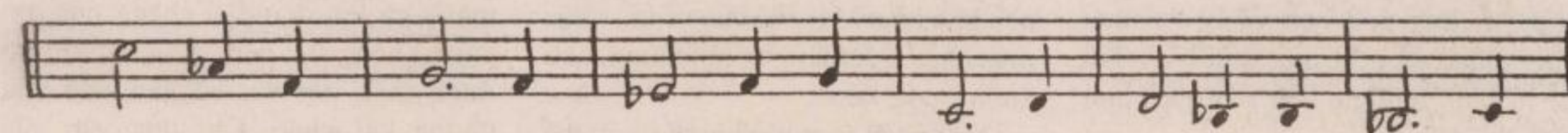
Ve vượt làn đất thơm.



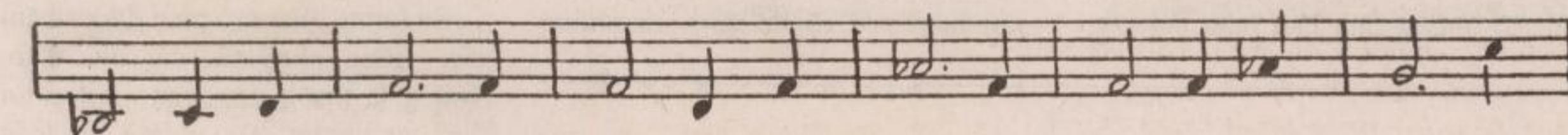
Hay chính em là cỏ

Ve vượt làn đất thơm.

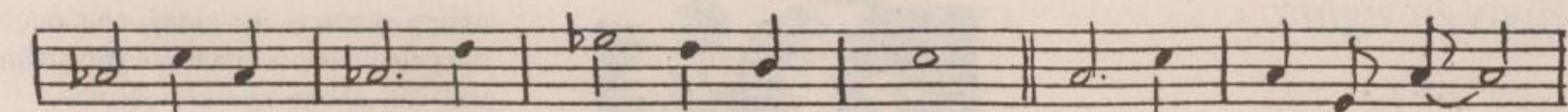
Sao



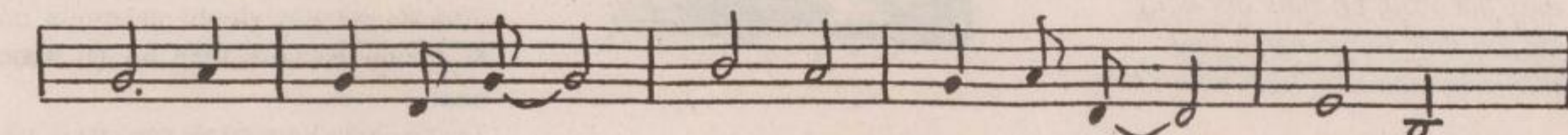
em lại là em Chia cùng anh thống khổ. Sao em lại là người, sẽ



cùng anh khốn khó. Sao em lại là anh Cùng một kẻ sinh thành. Hai



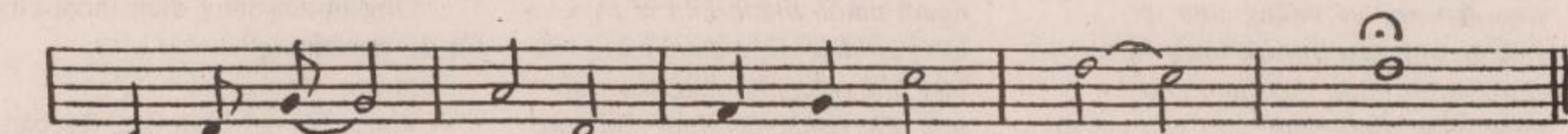
ngã quí làm một Sóng bước dưới trời xanh. Vâng chính em là em



Cũng chính em là anh

Chính em là tất cả

Tất cả



một mình em.

tất cả

một mình em

Ơ...

Em !

Cái Nhà Kho Hôi Ấy Còn Tốt Lắm

Edward Ziegler
Nguyễn Văn Thông
dịch

Một tình bạn cũ đã phai nhạt. Trước đó là những thân tình, cùng lắm là có sự căng thẳng. Bây giờ thì tự ái đã ngăn tôi gọi một cú điện thoại.

Rồi một ngày tôi ghé thăm một người bạn cũ khác, đã nhiều năm làm giáo sĩ và tham vấn. Chúng tôi ngồi trong thư viện của ông và bàn thảo về đủ mọi chuyện, từ các máy vi tính cho tới cuộc đời nghiệt ngã của Beethoven.

Đề tài câu chuyện cuối cùng chuyển sang tình bạn và lý do mau phai nhạt của nó trong thời này. Tôi kể ra kinh nghiệm của riêng tôi làm một thí dụ.

- Sự tâm giao là điều kỳ diệu. - Bạn tôi nói - Có những tình bạn bền bỉ, có những tình bạn mau tan vỡ.

Dõi mắt qua cửa sổ tới những ngọn đồi vùng Vermont, ông bạn tôi chỉ về phía nông trại bên cạnh:

- Trước kia ở đó là một cái nhà kho lớn lắm. Bên cạnh căn nhà khung gỗ là cái nền của một công trình xây cất có kích thước to rộng. Người ta đã xây nó một cách vững vàng, có lẽ vào những năm 1870. Nhưng giống như nhiều nơi ở chung quanh đây, nó sụp xuống bởi vì người ta bỏ đi tới những vùng đất màu mỡ hơn thuộc miền trung tây. Không còn ai chăm sóc cái nhà kho nữa. Mái nhà cần vá lại, nước mưa chảy qua máng xối bị thủng, nhỏ xuống cột, kèo...

Một ngày, cơn gió lớn thổi tới, thế là cả cái nhà rung rinh. Lúc đầu là những tiếng cọt kẹt như những mảnh ván thuyền cũ, rồi thì hàng loạt những

tiếng gẫy đổ, và rồi một tiếng đình tai, bỗng chốc căn nhà chỉ còn là đống gỗ vụn.

Sau trận bão thổi qua, tôi đến và thấy những tấm gỗ sồi còn đẹp đẽ, cứng cáp lắm. Tôi hỏi người chủ về lý do. Ông ta đoán là nước mưa đọng lâu ngày làm mục những cái chốt giữ các mối kèo lại với nhau; chỉ một cơn gió lớn là đủ sụp.

Cả hai chúng tôi đôi mắt nhìn xuống ngọn đồi. Bây giờ phần còn lại của cái nhà kho chỉ là cái lỗ hòm nhà và chung quanh là những bụi tử đinh hương.

Ông bạn tôi bảo ông đã gẫm đi gẫm lại sự kiện ấy và cuối cùng nhận ra được điểm tương đồng giữa việc bảo trì cái nhà kho và việc giữ gìn tình bạn: Dù vững vàng đến đâu, dù đạt được thứ danh vọng nào, chỉ sự bền bỉ của tình bạn trong mối tương giao mới là đáng kể. Ông nói:

- Để làm cho cuộc đời có một kiến trúc kiên cố hầu có thể phục vụ tha nhân và phát triển tròn đầy tiềm năng của mình, ông phải nhớ rằng dù sức mạnh có lớn đến đâu chăng nữa, nó cũng không thể bền vững trừ khi nó được móc nối với sự nâng đỡ của những cái khác. Chỉ dựa vào sức mạnh của chính mình thôi thì ông không thể tránh khỏi sụp đổ.

Sự tương giao cần phải được chăm sóc, giống như mái cái nhà kho. Những lá thư không viết, những lời cảm ơn không nói, những tín thác không được trân trọng, những bất đồng không được giảng hoà... tất cả những hành vi ấy giống như nước mưa thấm vào những cái chốt, làm yếu dần những chỗ nối cột, kèo.

Lắc đầu, ông tiếp:

- Trước kia nó là cái nhà kho tốt. Lẽ ra chỉ cần sửa chữa chút ít là giữ được nó rồi. Bây giờ thì quá muộn, có lẽ chẳng bao giờ dựng nó lại được nữa!

Xế chiều hôm ấy tôi sắp sửa ra về. Bạn tôi hỏi:

- Ông muốn dùng điện thoại của tôi để gọi không?

Tôi nói:

- Vâng. Tôi nghĩ cần lắm. Rất cần. ●

thơ

nguyên nghĩa

sắc đời

sân khấu đẹp. Tôi nhìn chính diện
thấy đời xanh lại thấy đời hồng
khi kết thúc tôi ra ngoài lạnh
thấy một màu xám ngắt mùa đông.

chuyện đời

sống đời nhờ có miếng cơm
miếng canh rau thịt lót lòng đủ no
chuyện đời nhạt-nhẽo nên cho
thêm mắm thêm muối mới vừa vui tai...



ra đời

người muốn thành hòn bi tròn vo
lăn vào đâu cũng được cũng vừa
bữa lẫn xuống hố nằm luôn đó
mới ước mình sắc cạnh như xưa!

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sốt chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Quê Tôi

Diên Khánh



Có lẽ các bạn đọc phái nữ đã có lần để ý đến việc mua bán trái cây bên nhà? Nói là "chục", nhưng không phải 10 trái, mà luôn luôn nhiều hơn: 11, 12, 14, 16, và cũng có khi đến 18 trái. Tại Cần Thơ, Bạc Liêu, hỏi mua

một chục xoài, xong giá, người địa phương sẽ thản nhiên chọn lấy 14 trái. Nhưng lần đầu tiên vào Sài Gòn, tôi ghé chợ Bến Thành mua ổi xá-lị, được người bán trao cho 12 trái, tôi cứ tưởng họ đưa dư. Ngày trước, ở

quê tôi, "chục" chỉ là 10, không hơn. Về sau, cũng theo cái đà "hào phóng" chung trong ngành trái cây, "chục trơn" được nâng lên thành "chục có đầu", "chục mười hai", v.v... Nhưng mãi cho đến ngày nay, đối chiếu các nơi, "chục" về trái cây vẫn chưa thống nhất. Luôn luôn nhiều hơn 10, nhưng không nhất định là bao nhiêu. Những người thành thạo, vẫn hỏi:

- Chục của bà là mười mấy?

Đấy, cái chất "Việt Nam thân yêu" của chúng ta là ở chỗ chục mà không phải là 10; ở chỗ phải hỏi là mười mấy; cũng như ở chỗ phải trả giá.

Bây giờ, sống xa quê hương, nghĩ về những chuyện có vẻ "không văn minh", những chuyện có vẻ "lôi thôi lủng củng" đó, tôi chỉ thấy thương thấy nhớ.

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe những cái không văn minh nơi quê hương miền Trung của tôi, khoảng từ Sông Cầu cho đến Cam Ranh. Mong rằng các bạn cùng vùng, khác vùng, cũng góp phần. Chúng ta sẽ có chung một cái gì đó, có thể tạm gọi là "quê ta".

Đất khách hoài hương, Ơi cố hương!

Quê xưa nay chỉ mộng đêm trường.

Tháp Bà Núi Nhạn, ngàn mây khuất,

Gởi chút lòng quê, trời một phương...

Cái cân

Ở những nơi thị tứ như thành phố Nha Trang, thành phố Tuy Hòa, thị trấn Sông Cầu, thị trấn Cam Ranh, thì cái cân Tây đã thông dụng từ lâu, có lẽ từ trước 1945 cũng phải mấy chục năm. Nhưng thông dụng không có nghĩa là đúng, và thống nhất. Không khác nhau nhiều, nhưng tìm được 2 cái cân đúng hẳn với nhau, là chuyện không dễ. Lý do là vì những cái cân nhập từ Pháp qua rất hiếm, thợ rèn địa phương phải tạo thêm. Dù cố gắng đến đâu, thì mỗi ký cũng phải sai (hoặc hơn hoặc kém) vài chục gờ-ram. Đã vậy, những người mua bán nhỏ, đem cân rèn về sử dụng, không chịu để yên với cái sai kỹ thuật ban đầu. Họ điều chỉnh nó bằng cách đính thêm vào trái cân một hai đồng xu,

hoặc mài bớt trái cân đi. Họ làm cân “già” hơn mọi người để chiêu khách; họ làm cân “non” đi để bán giá hạ, cũng là mong đất hàng. Cho nên những bà nội trợ phải rành hết mọi cân trong vùng:

- Cân bà Bảy mà bán giá đó thì mua được đấy.

- Mỗi ký quán Hai Hành thiếu đi ba chục cà-ram. Nghe rẻ, nhưng không rẻ đâu.

Phần trên là nói riêng cho cân đòn. Cân thiên bình (tục gọi cân rá) cân những thứ nhẹ; cân bàn (tục gọi cân tạ) dùng để cân gạo; cân tiểu ly dùng để cân vàng, cân thuốc bắc. Những thứ cân ấy, thợ rèn không làm được. Ít khi có cân già cân non.

Nhưng dù gì thì các loại cân Tây cũng là cân tân thời.

Cân cổ truyền của quê tôi giống hết loại cân đòn, nhưng thô sơ hơn nhiều. Và cũng non già khác nhau rất nhiều.

Đòn cân là một cây gỗ tròn, to bằng ngón tay cái, dài chừng 5 tấc, chuốt thon ở đuôi. Móc cân bằng sắt, dây cân bằng những sợi gai thật chắc, xuyên qua những cái lỗ ở đầu đòn. Hòn cân bằng chì, hoặc bằng một xâu tiền điệu, treo lên đòn cân bằng một sợi dây gai nhỏ. Vạch cân không phải là những vết khắc lõm như cân Tây, mà là những chấm sáng như cấn xa cừ. Đó là những mẫu dây đồng đóng vào gỗ đòn cân, rồi mài láng đi trước khi sơn.

Đây chính là cái cân Tàu thời xưa. Sử dụng lâu đời bên ta, hình thức chắc có thay đổi, nhưng cách tính trọng lượng vẫn như cũ. Câu “*Kể kia 8 lượng, người nọ nửa cân*” chính là căn cứ theo loại cân này. Một cân là 16 lượng. Đối chiếu với cân Tây: Một lượng là 37 gờ-ram rưỡi. Một cân là 600 gờ-ram.

Lượng chỉ dùng cho việc cân vàng, cân bạc. Trên đòn cái cân ta nói đây, không có vạch lượng. Chỉ có vạch cân, và những vạch thập phân của cân.

Nhưng chuyện đối chiếu với cân Tây nói trên chỉ là lý thuyết. Trong thực tế, có khi sai đi rất nhiều.

Ngày xưa, người ta dùng cân ta cân đủ thứ: Gạo, muối, đường, bột, bông, tơ... Thuở ban đầu, cân không có rá, chỉ có móc. Cân thứ gì, cũng phải gói lại treo lên móc. Xách tay, nên mỗi lần chỉ cân được trên dưới mười cân.

Loại cân này dễ làm, người nào khéo tay làm cũng được. Lại có thể tự ý gia giảm, nên ở thôn quê, gần như nhà nào cũng có. Cân lại nhẹ, dễ đem theo. Vấn đề “cân chị cân tui” do đó mà trở thành phức tạp. Người bán có cân, mà người mua cũng có cân. Chị bán thì chị cứ dùng cân chị. Nhưng tôi mua tôi phải cân lại bằng cân tôi. Nghe rất lòi thối, nhưng rồi mọi việc cũng đâu vào đó.

Ngoài ra, còn phong cách người cân nữa. “Cân ngang” là cân đứng, đuôi đòn cân không cao, không thấp. “Cân vát” là có ý giảm trọng lượng tính cho món đồ đang cân, đuôi đòn cân cao hơn đầu. “Cân lui” là muốn làm cho món hàng “lên cân” chút ít, đòn cân đuôi thấp hơn đầu. Đây là cách cân của một người bán hàng ăn gian.

Nơi quê tôi có câu: *Vát cân chùa già, không mạ cũng giàu*. “Vát cân” vừa nói. Còn “chùa già” thì sẽ nói sau. Nhưng có thể nói ngay nghĩa câu này: Trong việc làm ăn buôn bán, mà có bụng thương người, thì dù là kẻ thân lập thân, cũng được trời giúp cho làm giàu.

Cây thước

Chữ “thước” này cũng là chữ lắm chuyện.

“Thước” trong truyện Kiều là cây gậy để đánh (*Người nách thước, kẻ tay đao*). “Thước” trong điền thổ là 1/15 của sào ta. “Thước” ngày nay là mét. Ở đây, tôi chỉ nói cây thước ta thuở xưa.

Nói là xưa, nhưng trước sau Hiệp Định Genève, tôi thấy cây thước ấy vẫn còn được dùng ở nhiều vùng quê tôi. Dân quê dùng thước này đo những thứ lụa, thứ vải do họ dệt ra. Họ có thước Tây, nhưng không hiểu sao họ lại không dùng.

Để tiện trình bày, tôi xin gọi cây thước này là “thước ta” hoặc “thước đo vải”.

Ngày trước, để đo chiều dài, dân ta còn có 2 loại thước khác nữa: “Thước mộc” dài khoảng 42 cm, dùng để đo gỗ. “Thước châu” dùng để đo người, và đồ khâm liệm, không biết dài bao nhiêu. Thước châu, tôi chỉ nghe nói. Nhưng thước mộc, thì hồi tôi còn nhỏ, trong nhà có một cây. Anh tôi vẫn dùng để kẻ bản đồ, và để gõ cốc cốc lên bàn, trong những buổi dạy kèm tôi học.

Thước ta tính ra thước mét, thì dài được 65 cm. Nhưng con số này chỉ là lý thuyết. Trong thực tế, nó có thể co dãn đến 10 cm. Nhưng điều này thường cũng không gây phiền phức gì nhiều cho việc mua bán. Vì bà con ở các vùng quê ngày trước, vẫn hay dùng “cái của mình”. Cũng có “thước tui thước chị” vậy.

Vấn đề còn lại là cách đo. Đo căng, đo dùn. Đo gói đầu thước, đo chừa đầu thước: Những tiếng chê khen phong cách trong việc đo vải bán ra. Đo vải mà căng biên cho thật thẳng, thì xấp vải sẽ hụt đi. Ngược lại, để cho biên vải chùng xuống, xấp vải sẽ dư ra chút ít. Đo gói đầu thước là lối đo ăn gian. Đo chừa đầu thước tất nhiên người mua có lợi.

Thí dụ: Một người đàn bà đi mua vải ta về may một bộ bà-ba cho chồng. Vải ta khổ thường là 40 cm, may một bộ bà-ba cho một người đàn ông trung bình, cần 8 m, tức 13 thước đo vải. Xong giá, người mua bảo người bán đo cho 13 thước. Nhưng chị đem về, người thợ may đo lại, không nhận:

- Anh mập lại cao. Chùng này vải không đủ đâu.

- Tôi nghe ai cũng nói 13 thước may đủ mà.

- Phải. Nhưng phải đo lờ kìa. Mà chị mua vải của ai?

- Của bà Năm Nhàn, xóm Gò.

- Tôi biết ngay mà. Xấp vải nào của bà đưa đến đây, cũng may không đủ. Bà không gói đầu thước như ngoài chợ, nhưng căng biên dữ lắm.

Người đây bà cầm xấp vải quày

quả đi ra. Chị ta không đi mua thêm vải, mà đi cãi lộn với người bán vải.

- Bà làm ăn thì cũng phải để đức cho con chớ. Ông thợ may đo lại hớt đi 4 tấc. May sao đủ?

- Được rồi. Thước của tôi già nứt làng này. Tôi đo lại cho chị coi.

Bà Năm Nhân đo lại: Đủ 13 thước, không thiếu phân nào. Nhưng người mua vẫn không chịu thua:

- Bà kéo nhằng biên vải ra, thì làm sao thiếu được?

Cả hai, người mua kẻ bán, đều có lý. Nhưng lý của người bán là cái “lý lý” nên không thể gặp cái “lý tình” của người mua. Trường hợp bà Năm Nhân nói đây, cũng may, rất hiếm trong xã hội quê ta ngày trước. Nhờ vậy mà, tuy dụng cụ thô sơ, cách tính toán bất tiện, rốt cuộc việc bán mua vẫn xong xuôi được.

Cái gia

Đây là đồ đựng lúa ở nông thôn. Công dụng giống nhau, nhưng hình thức và dung lượng mỗi nơi một khác. Về tên gọi cũng không thống nhất. Có nơi gọi là “cái ang”; có nơi gọi “cái gia”; lại phân biệt ra “gia nan”, “gia thùng”.

Thường thì “ang” to hơn “gia”, có khi gấp đôi. Nhưng cũng không nhất định. Vì ang có ang to ang nhỏ, mà gia thì cũng vậy.

Khoảng đầu thập niên 1940, không biết do đâu, có một số nơi dùng thùng thiếc nguyên đựng đầu lửa, để đựng gạo, đựng lúa. Rõ ràng là tiện hơn, nhưng nhiều nơi khác vẫn không làm theo. Họ vẫn giữ cái gia cổ truyền của họ.

Cái “gia thùng” tân tiến hơn cái “gia nan” vì dung tích dễ thống nhất. Đại khái đây là một cái hộp gỗ hình vuông mỗi cạnh chừng 4 tấc, cao cũng chừng đó. Còn cái “gia nan” thì giống một cái thùng nhỏ sâu lòng, hơi đứng trái, dưới có chân chữ thập, vành quẩn mây thật kín để thóc không chui vào được. Dung tích loại gia này rất khác nhau, có thể chứa từ 5 lít đến 10 lít.

Kèm theo cái gia, là cái “ống gạt”. Đây là một lóng trúc thật to, thật thẳng, dùng để gạt phần lúa cao hơn mặt gia, khi đóng “sét”. Đóng “đầy” không cần ống gạt. Đóng “phát ngọn” có người cần, có người không.

Đóng lúa đã phơi khô, dù để trữ lại hay bán ra, ai cũng đóng sét, tức là gạt sát vành gia. Đóng lúa còn ướt khi mới gặt, để chia giữa chủ ruộng và tá điền, hoặc để trả công cho người gặt thuê, người ta đóng đầy, tức ngọn lúa vun trên miệng gia. Đóng phát ngọn cũng là đóng đầy, nhưng ngọn lúa bị gạt bớt đi một chút.

Dụng cụ đóng lường đã lỗi thời, mà cách đóng cũng lại lỗi thời luôn. Càng lỗi thời hơn, khi có chuyện “để đức” hay “không để đức” dính vào.

Thí dụ: Một ông điền chủ nổi tiếng thương người, vì lần nào đóng lúa trả công cho những người gặt thuê, cũng đóng phần của họ thật vun, mà phần mình thì phát ngọn thật thấp.

Nhưng rắc rối hơn hết là chuyện hàng xáo đi mua lúa đạo. Gia bà Ba khác gia bà Tám; gia ông Chánh khác gia ông Cửu. Nhưng họ thuộc hết, ít khi phải “lường” lại trước khi mua. Chẳng những họ thuộc những gia trong làng, mà còn thuộc cả những gia ở làng xa nữa. Họ còn thuộc luôn cả cách đóng, cách gạt của nhà bán lúa.

Người hàng xáo còn biết cách đổ lúa vào gia thế nào cho được nhiều hơn. Họ truyền nhau kinh nghiệm: Đổ chậm chậm sẽ được nhiều hơn là đổ cái ào. Nhưng biết thì cũng để đó. Chủ lúa tự vào bờ xúc ra mà đổ, chứ có mấy khi giao cho hàng xáo xúc đâu.

Còn chuyện gạt? Trừ khi đóng lúa trả nợ, không mấy ai dám cạo sát miệng gia. Đám hàng xáo họ rửa chết. Phải gạt “hột lúa” hoặc ít ra cũng “nửa hột lúa”. Cách trước, lúa cao hơn vành gia chừng 5 li; cách sau, lúa cao hơn chừng 3 li.

“Chừa gia” (trong câu *Vát cán chừa gia* đã nói trên kia) có nghĩa là mỗi lần gạt, đều phải dừng lại trước khi cái ống gạt tới vành. Lúa chỗ ấy được chừa lại. Người bán lúa “để

đức” lại cho con cháu, một cách thật cụ thể.

Đối lại, cũng có những người hàng xáo tính rất kỹ. Nhà ấy bán lúa, nhưng một khi vào thấy ông chồng vắng nhà, có thể họ không mua, mà chờ hôm khác. Họ nhớ rõ ông chồng gạt “hột lúa”, mà bà vợ thì gạt “nửa hột”.

Ôi, bao nhiêu chuyện tính toán cũng chỉ vì nghèo!

Cái lon đựng gạo

Ở quê tôi, nói “lon” thì ai cũng nghĩ đến cái lon đựng sữa bò, dùng để đựng gạo. Các bạn miền Bắc hay gọi cái này là “ống bơ”. Trong khi đó, ở miền Trung cũng có gọi là “bơ gạo”, nhưng tiếng này lại chỉ một dụng lượng khác, nhiều gần gấp đôi. Đồ đựng là cái hộp đựng bơ của Pháp, kính rộng hơn lon đựng sữa đặc nhiều.

Nói chung, bán gạo số lượng ít, nếu không cân, thì người vùng tôi dùng ba thứ đồ đựng: Lon sữa bò, hộp bơ, và cái ô (xin các bạn người Bắc đừng tưởng là để che mưa) bằng gỗ tiện, trông giống như cái tô khá lớn, đứng lòng rộng miệng, có ống gạt kèm theo. Cái này do người Huế truyền vào, và còn có tên là “cái ơ” (có lẽ là vì đọc trại). Nhưng thông dụng nhất vẫn là cái lon.

Cái ô dung lượng không được tiêu chuẩn hóa, nhưng nhờ luôn luôn đóng sét, cạo rột, nên cũng đỡ rắc rối. Một ô thường bằng 2 lon vun.

Hai thứ đồ đựng kia, dung tích đã được các hãng sữa hãng bơ bên Pháp tiêu chuẩn hóa, nhưng một khi đã vào tay các bà bán gạo của ta, nó cũng phải thay đổi. Miệng và thành giữ nguyên, nhưng đáy cải cách. Người ta dùng chày đâm tiêu tròn đầu, động bên trong đáy lon, cho nó phồng ra. Đáy phồng ra như vậy, đựng được nhiều thêm một chút. Và cái lon, cái bơ ấy được gọi là “lon động”, “bơ động”.

Nhưng chưa hết. Cách đóng cũng phức tạp muôn vàn: Đóng vun, đóng sét, đóng nhón, đóng bơ. Đóng vun

đong sét chắc không cần phải giăng. Nhưng đong nhón, đong bọ có lẽ cần. Đong nhón là đong vun, nhưng chỉ cầm “nhón” cái lon ở đầu mấy ngón tay, ngọn gạo chỉ nằm gọn trên lon. Đong bọ cũng là đong vun, nhưng bàn tay cập vào miệng lon, mỗi lần đong có thêm được một ít gạo do bàn tay “bọ”.

Dân ta đã có một “châm ngôn” khôn ngoan trong việc mua bán, là : “Tiền nào của ấy”. Không hiểu sao, câu này lại không được ứng dụng vào đây. Lon động và đong bọ rõ ràng là nhiều gạo hơn, nhưng nó cũng phải có cái giá của nó. Không lẽ nào nó lại ngang giá với lon không động và đong nhón? Nhưng đa phần người đi mua gạo vẫn thích lon động đong bọ hơn. Có lẽ người ta thích mua bán với người “có đức”. Ít ra là “có đức” trên hình thức.

Những chuyện có vẻ hơi lẩm cẩm như vừa kể, vẫn còn để lại hơi hướng cho tới ngày nay. Trong giới mua bán gạo lẻ ngày nay, vẫn còn một tiếng nghe thật lạ tai: “Ký đong”. Ký mà lại đong! Một thúng gạo trắng để trên sạp gạo tại chợ, có 2 giá, thí dụ: “1.000\$ ký cân”; “1.300\$ ký đong”. Trong thực tế, ký cân là dùng cân Tây mà cân, trọng lượng đúng 1 ký-lô, đem đong lại bằng lon, sẽ được 3 lon rưỡi. Ký đong thì không cân gì cả, chỉ đong, bằng 4 lon. Mua theo cách nào cũng giống nhau, không lợi hơn, cũng không thiệt đi chút nào, chỉ khác tên gọi thôi. Tất nhiên, những người “văn minh” thích mua ký cân cho chính xác.

Còn nói về cung cách sống thể hiện trong việc đi mua gạo lẻ về ăn, quê tôi vẫn có thành ngữ: “Gạo chợ, nước sông”. Câu này hàm ý chê cuộc sống thị thành không có căn bản. Người miền quê chuộng lối sống tự túc “lúa bờ, rau đám, cá đìa”, nên dễ có thành kiến với chuyện ngày nào cũng phải đi ra chợ đong gạo về nấu cơm.

Nói là nói vậy, nhưng ở quê tôi, người vùng thị tứ ăn “gạo chợ” thì có, chứ không thấy ai uống “nước sông”. Nơi nào cũng dùng nước giếng.

Đồ đong phi tiêu chuẩn

Trước hết, là một thứ đồ đong rất chuẩn xác, nhưng vì không mấy thông dụng, hay đúng hơn, chỉ thông dụng một thời, nên tôi xếp vào đây: Cái lon Guigoz.

Bạn đọc nữ nào bây giờ đã ngoài ngũ tuần, chắc hẳn rất quen với cái lon này, và cả loại sữa nó đựng nữa. Guigoz trắng cho trẻ sơ sinh; Guigoz vàng cho trẻ khá lớn.

Nhưng cái lon Guigoz nói đây là cái đồ đựng cho giới “đi cải tạo” và những người phải đi tiếp tế cho họ. Tên của hãng sữa được Việt hóa, và chỉ còn một âm:

- Đang thêm chất ngọt quá xá, bỗng được bà xã tiếp tế cho 2 “gô” đường cát.

- Sáng nay, phải đi lao động mà không có gì lót dạ, tao uống một “gô” đầy nước trà nguội.

Bây giờ, mỗi khi nghe ai gọi cái lon đựng sữa Guigoz là cái “gô”, tôi không khỏi nhớ tới những ngày đi ra miền Bắc tiếp tế cho nhà tôi. Người vào tù, lon cũng vào tù. Người ra tù, lon đi đâu không biết. Nhưng tôi vẫn nhớ mãi cái tên của nó.

Cái chuộc

Tiếng Bắc gọi cái này là *giuộc* (hoặc “đuộc”). Để đong dầu thì bằng thiếc (sắt tây); để đong nước mắm thì bằng tre.

Dung tích độ chừng một tách nhỏ. Hình ống, như một đoạn tre nhỏ cắt ngang, dài chừng 5, 6 phân. Có cái cán để có thể thò mức sâu trong thùng chứa. Phải chừng mười “chuộc” thì mới đầy một lít.

Ngày trước, thấy đứa bé nào nói với bà quán:

- Bà ơi, bán cho má con 2 chuộc nước mắm (hoặc 1 chuộc đầu dừa).
thì ai cũng hiểu ngay là nhà nó nghèo lắm. Không cần phải nhìn kỹ xem đầu nó có chóc hay không.

Cái khu chén

Đây là dụng cụ đong lường của

các bà bán cá vụn, tép, ruốc, mắm tôm, mắm ruốc... ngoài chợ. Bán những thứ này thường là những người rất nghèo. Trong nhà chẳng bao giờ có được một món gì mà ăn trộm muốn lấy. Ăn cơm, dùng toàn chén đất nung, hoặc muổng dừa.

Kiểm được cái tô sứ bể, thấy cái khu còn nguyên vẹn, họ đem về ghè cho trụi hết những phần dư xung quanh, chỉ giữ lại cái khu. Rồi đem mài cho thật láng. Thế là dùng được.

Dung lượng của những cái khu chén, nghe qua, đã biết là không đều. Nhưng không sao. Người mua không bận tâm đến chuyện đó. Họ sẽ chấp nhận tại chỗ khi nhìn thấy. Không có chuyện “cái khu chén” của bà Ba, bà Bảy, như cái giá đong lúa đầu.

Các bạn thử cùng tôi hình dung ra một hoạt cảnh mua tép ở một ngôi chợ quê thuộc phủ Tuy Hòa ngày xưa. Người mua dừng lại, quan sát thúng tép, thấy tép còn tươi, liền nói:

- Bán cho tui 5 xu đi.

Bà hàng tép đong 3 khu chén, đổ ra tám lá môn, định gói lại. Nhưng người mua giơ tay cản:

- Thêm vô, chớ sao 5 xu mà có nhiều đó thôi. Đằng kia, tép tươi hơn, mà 5 xu tới 4 khu lận.

Bà hàng tép ngược lên:

- Tươi hơn mà lại rẻ hơn, sao chị không mua?

Vận thế, nhưng bà vẫn đong thêm gần đầy một khu chén nữa cho người mua.

Đấy, người quê tôi mua bán linh động như thế đấy. Cách đong, chứ không phải đồ đong, quyết định.

Rổ cá, khúm khoai

Nhưng đâu phải thứ gì đem ra chợ bán, cũng đong được.

Không đong được, người bán phải dùng cách khác. Đây tôi chỉ kể ra vài cách thông dụng.

Bán cá lớn thì đếm con, bán cá nhỏ bằng đầu tăm như cá “xà hai” ở vùng nước lợ Tuy Hòa, thì đong bằng khu chén. Nhưng với cá mảnh to bằng đầu ngón tay, thì đong bằng gì cho những số lượng nhỏ. Họ đong bằng

rổ. Rổ đây có hình thù như cái khay tròn đan bằng tre. Họ đổ vào lòng rổ chừng một chén cá, nhúng cả vào một chậu nước, chao đi chao lại cái rổ cho cá san đều ra. Đơn vị mua bán cá mảnh là như thế. Đong sẵn. Ai muốn mua mấy rổ thì mua.

Khoai lang, khoai sọ, khoai từ luộc chín là những món ăn vừa rẻ, vừa hiền, vừa chắc bụng. Nghĩ cũng tội nghiệp. Khi thừa tiền, mua thức ăn chỉ chọn thứ dễ tiêu. Nhưng lúc túng thiếu, thì ngược lại: Chỉ sợ thức ăn dễ tiêu, ăn vào mau đói.

Những thứ khoai luộc ấy có bán ở khắp nơi: Chợ quê, quán cóc, vệ đường thành phố. Giang sơn người bán khoai chỉ là một gánh khoai chín. Họ bày khoai trên một cái trệt (mẹt), phân thành nhóm (gọi là “khúm”), số củ không đều, nhưng dùng mắt ước lượng thì là bằng nhau. Người mua có quyền chọn “khúm” mà lấy. Và cũng có thể đổi củ này lấy củ khác, hoặc bốc thêm từ khúm bên cạnh sang, nếu người bán dễ tính.

Những ngày nhìn thấy những bà mẹ quê đi chợ mua về những “rổ cá mảnh” những “khúm khoai luộc”, đã quá xa rồi đối với tôi. Bây giờ, ở chỗ tôi đang sống là những con tôm bở đầu đựng trong hộp bọc giấy kính, là những củ khoai yam trông giống khoai lang. Nhưng sao mà nó lạt lẽo! Càng lạt lẽo hơn, mỗi khi hương quê lại phảng phất trong lòng...

Xi, xây chừng

Chẳng qua là nhân đây mà nói cho đủ, chứ những cái này không phải của riêng quê tôi. Mà chúng cũng chẳng “quê mùa” chút nào. Gốc rễ của chúng ở tận chốn Sài Thành “trăm năm văn vật”. Gốc gác thì vừa Tây vừa Tàu.

Xi: Đây là một kết quả biến hóa tuyệt vời của ngôn ngữ. Xin dẫn từ đâu.

Ngày trước, tại Chợ Lớn có một hăng của người Pháp, sản xuất nhiều loại nước ngọt. Trong số đó, có một thứ màu nâu đậm, làm bằng rễ cây *Thổ Phục Linh*, tiếng Pháp là

“Salsepareille”. Chữ này được ghi trên chai nước.

Nhưng tên Tây dài quá, mà tên chữ Nho thì không mấy thông dụng. Thiên hạ bèn phiên âm, nhưng chỉ phiên 2 âm đầu thôi. “Salse” thành “xá xỉ”. Có lẽ các ông Quảng Đông đọc mẫu.

Rồi từ đó, chai nước ngọt ấy được gọi là “chai xá xỉ”. Chai này có hình thù đặc biệt, thường được gọi là chai “hỏa tiễn”. Dung lượng đúng 1/4 lít. Đến khi “xá xỉ” trở thành thứ giải khát phổ thông, vỏ chai có mặt khắp mọi nơi, người ta liền dùng cái chai này làm vật đong lường. Trên đã rút gọn, từ 2 chữ, nó thu lại chỉ còn một chữ: “xỉ”.

Rượu đế: - Bán tôi một xỉ, mai trả.

Nước mắm: - Ra quán bà Tư mua một xỉ nước mắm ngon đi, con. Nước mắm nhà còn, nhưng dở lắm. Giở ông nội mà.

Xây chừng là tiếng Quảng Đông, chỉ một ly cà-phê đen nhỏ.

“Xây chừng” là 2 chữ “tế tịnh” trong chữ Nho. “Tế” là nhỏ. “Tịnh” là không pha lẫn thứ gì khác. Với cà-phê, “tịnh” là cà-phê không, không có sữa.

Gốc gác hai chữ “xây chừng” là như thế. Vào một quán ăn Chợ Lớn, gọi: Một cái “xây chừng”, bồi sẽ đem ra một ly cà-phê đen nhỏ.

Nhưng “xây chừng” không dừng lại với cà-phê. Nó biến thành một đơn vị đong lường: Một ly nhỏ.

Tuy nhiên, sự mở rộng cũng chỉ mới lan tới rượu đế thôi:

- Sáng nào, tôi cũng phải có 2 “xây chừng”, thì mới đủ đó.

- Tôi bây giờ yếu rồi. Chưa hết một “xây chừng” đã ngã ngà.

Chưa nghe ai nói “xây chừng” với nước mắm.

Ve Nhị Thiên Đường

Tôi xin trở lại với quê tôi bằng ve đầu Nhị Thiên Đường.

Chắc không ai lạ gì ve đầu cầm mào này. Nhưng ở đây, tôi không bàn đến chất đầu hay dở, mà chỉ muốn nói

đến cái chai đựng. Cái chai quá nhỏ, nên mỗi khi kêu nó là “chai”, nghe cũng ngại miệng. Phải gọi là “ve” mới đúng.

Cái ve không lớn hơn ngón tay trở, ngắn ngắn, ruột lại nhỏ tí vì thành quá dày, nên dung tích chỉ chừng hơn 1 phân khối. Thế nhưng đã có thời, người ta dùng nó làm đồ đong.

Trước Hiệp Định Genève, tỉnh Phú Yên thuộc vùng do cộng sản kiểm soát. Dầu lửa ở đây khan hiếm và rất đắt. Dân địa phương phải dùng đầu phụng, đầu dừa, đèn chai, để thắp. Còn lửa để đốt thuốc lá, thì dùng đủ cách: Vào bếp mồi, vùi vài cục lửa than vào một cái lư nhỏ.

Nhưng còn tạo ra lửa thì dùng gì? Diêm trong vùng không làm được. Đá đánh lửa thì khó sử dụng. Máy quẹt cũ thời Tây vẫn còn đấy, nhưng không có xăng, đầu hỏa, và đá lửa, thì cũng như không.

Túng thì phải tính. Cán bộ Việt Minh bèn đi buôn lậu đầu hỏa và đá lửa. Vào Nha Trang mua. Đi ngã Dốc Mỏ, hoặc ngã Hòn Hèo. Gian nan nguy hiểm, nhưng lời lắm.

Đá lửa thì không có vấn đề gì. Cứ đếm viên mà bán. Nhưng còn đầu hỏa thì lấy gì mà đong. Giá quá cao, mà người bán nào cũng chỉ có chừng nửa lít. Không có thứ đồ đong nào thích hợp cho đầu hỏa lúc bấy giờ. Một vị “thông minh sáng tạo” nào đó liền nghĩ đến ve đầu Nhị Thiên Đường. Người bán phải tự mình tìm ve, dùng ống chích thuốc cho sẵn vào, nút cho thật kín. Ai mua thì giao, không tính tiền chai. Một cái máy quẹt kiểu cũ, nhét đầy bông gòn, phải cần 2 ve Nhị Thiên Đường mới đủ. Nghe nói hồi đó, cứ mỗi ve như vậy, giá 50 đồng tín phiếu.

Về sau, tôi muốn nói thời kỳ quốc gia, trẻ con quê tôi cũng dùng ve đầu Nhị Thiên Đường chứa đầu cà cuống, đem bán cho các tiệm phở. Nhưng chuyện này thì hợp lý: Thứ quá ít đi với cái quá nhỏ.

Chứ còn dùng ve đầu NTĐ mà đong đầu hỏa bán, thì nghe giống như chuyện tiểu lâm. Nhưng là chuyện có thật của quê tôi đấy, các bạn. ●

tiếng kêu của máu

Hoàng Hải Thủy
phóng tác



(tiếp theo)

Chương 16

“Kẻ hành hương”, người gọi điện thoại chiều hôm trước hẹn với Sarah là khoảng 12 giờ trưa nay hẳn sẽ gọi lại để nói chuyện với Thanh tra Graham. Trong trụ sở FBI Atlanta, mọi người chuẩn bị chờ đón cú gọi này từ sáng.

Kẻ Hành Hương là ai? Chắc chắn không phải là Lecter. Crawford đã hỏi Viện Tâm Thần và được biết ngày hôm qua Lecter không yêu cầu được gọi điện thoại ra ngoài. Hơn nữa nếu hẳn gọi điện thoại, đường dây của hẳn dùng chính là đường dây của FBI. Kẻ Hành Hương là tên Quỷ Răng Nanh chăng? Chắc nó chứ còn ai nữa!

Graham đứng bên cửa phòng kính cách âm. Khi Kẻ Hành Hương gọi đến, chàng sẽ vào phòng này để nói chuyện với hẳn. Những tiếng động bên ngoài không lọt được vào phòng. Tất nhiên là cuộc nói chuyện sẽ được ghi âm.

Đôi kim đồng hồ treo tường cho biết còn 10 phút nữa là đến 12 giờ trưa.

Bác sĩ Alan Bloom đứng cùng với Crawford ngay sau lưng Graham. Chuyên viên ghi âm ngồi sau giàn máy đặt trên bàn của Sarah buồn tình

dùng mấy ngón tay gõ nhẹ điệu Lambada lên mặt bàn cho đến lúc anh chợt nhìn thấy cái nhú mảy phản đối của cáp trên Crawford.

- Mất bao lâu thì tìm ra được địa điểm người gọi đến? Bác sĩ Bloom hỏi.

- Với những dụng cụ hiện đại thì việc phát hiện ra người gọi nhanh hơn ta tưởng. - Crawford trả lời - Khoảng một phút nếu đường dây hẳn dùng qua hệ thống điện tử, hai phút nếu hẳn gọi từ một phòng điện thoại qua hệ thống tổng đài cũ.

Crawford nói với tất cả mọi người:

- Nếu gọi đến, nó sẽ không nói lâu đâu. Ta phải hành động thật nhanh, gọn và hữu hiệu. Will, anh có muốn chúng ta diễn tập lại trình tự một lần nữa không?

- Cũng tốt! Graham nhìn đồng hồ rồi nói - Càng nhớ kỹ và làm đúng những việc phải làm thì càng dễ thành công. Diễn tiến sẽ như thế này: Chuông điện thoại reo. Hệ thống điện thoại điện tử lập tức dò tìm số máy gọi đến. Ta để chuông reo cho tên gọi đến không biết là đường dây đang bị chặn tìm. Như vậy là ta giữ được nó ở máy khoảng 30 giây.

Quay qua chuyên viên ghi âm, Graham nói:

- Sau tiếng chuông thứ tư thì ta nói chuyện.

Anh chuyên viên gật đầu:

- Tôi nhớ. Sau tiếng chuông thứ tư.

- Beverly nhắc ống nói lên, trả lời như bình thường. Hẳn sẽ cho biết hẳn muốn nói chuyện với tôi. Bev sẽ trả lời: “Xin ông chờ. Tôi gọi ông Graham...” Bev đặt ống nói xuống bàn và đi ra. Như vậy là ta giữ hẳn ở máy được thêm 20 giây nữa. Rồi Bev đi trở lại, nói: “Có ông Graham đây. Mời nói chuyện”. Trong phòng kính này tôi sẽ nhắc ống nói lên.

Beverly gật đầu.

Graham quay qua bác sĩ Bloom:

- Thưa bác sĩ, trong khi nói chuyện với hẳn, thái độ tôi nên như thế nào?

- Hẳn sẽ chờ đợi anh tỏ ra nghi ngờ hẳn không phải là Kẻ Hành Hương đích thực. Anh nên nói với hẳn vài lời nghi ngờ một cách lịch sự. Vài lời dò xét xem hẳn có thật là Kẻ Hành Hương hay không. Nếu là kẻ giả danh gọi đến, ta biết cách hỏi thì chỉ sau ba câu là ta biết ngay. Thường thì ta chỉ bị lừa vì không ngờ.

Anh có thể tỏ ra hiểu biết về cái tên Kẻ Hành Hương vì Lecter đã nói với anh cái tên đó. Cũng có thể hẳn sẽ nói nhiều, nói liên tiếp và không để cho anh hỏi câu gì cả. Hẳn cũng có thể chửi bới, đe dọa anh. Nếu hẳn nói nhiều như thế, anh đừng ngăn hẳn. Cứ để hẳn nói. Hẳn càng nói nhiều càng tốt. Khi người ta nói với sự xúc động, giận hờn, người ta thường quên thời gian. Hẳn sẽ không biết hẳn đã giữ máy bao nhiêu phút rồi.

Đặt tay lên vai Graham, bác sĩ Bloom bình thản nói:

- Vì anh hỏi thì tôi trả lời thôi. Ta chẳng có phương cách nào tốt nhất để áp dụng trong những vụ như thế này. Đừng để ý gì đến những lời tôi vừa nói. Anh cứ xử sự theo ý anh, theo linh tính của anh, theo cách mà anh cho là đúng.

Chuông điện thoại reo.

Mọi người bắt tay vào việc. Sarah đưa ống nghe phụ lên tai. Beverly nhắc ống nói:

- Văn phòng Điều tra viên Crawford.

Sarah lắc đầu. Nàng nhận ra ngay người gọi đến là một ông bạn thân của Crawford ở phòng Bài trừ Ma túy. Ông này lập tức được "mời đi chỗ khác chơi".

Cuộc chờ đợi lại tiếp tục.

12 giờ 5 phút.

Chuông điện thoại lại reo. Tất cả mọi người lại bắt tay vào việc.

- Văn phòng Điều tra viên Crawford. Beverly nói.

Sarah gật đầu.

Graham bước vào phòng kính, đóng cửa lại. Chàng trông thấy đôi môi Beverly chuyển động, chàng ngửi thấy mùi thuốc súng vương trên tay áo chàng. Rồi chàng nhìn cây kim đồng hồ. Máy điện thoại của chàng rung chuông. Để cho chuông kêu. Một lần nữa.

Được 45 giây rồi. Graham nhắc ống nói lên:

- Hê-lô... tôi là Will Graham, tôi có thể giúp gì ông được?

Tiếng cười nhẹ. Tiếng nói nhỏ:

- Chắc là giúp được đấy.

- Xin cho biết ai gọi?

- Cô thư ký không nói cho anh biết tôi là ai sao?

- Không. Tôi đang họp. Cô ấy chỉ cho tôi biết là có người muốn nói chuyện với tôi.

- Nếu anh tỏ ý không muốn nói chuyện với người xưng tên là Kẻ Hành Hương, tôi cúp máy ngay.

- Kẻ Hành Hương? Anh tự nhận anh là Kẻ Hành Hương ư? Nhưng tôi giúp gì được anh chứ?

- Graham, anh đang ở trong thế bí gỡ không ra.

- Anh nói gì? Tôi không hiểu.

Vừa nói Graham vừa nhìn đồng hồ. Gần được một phút rồi.

- Vẫn chưa hiểu à? Nói như vậy chắc anh phải hiểu: Tôi là người anh đang tìm. Tôi là người từng xuất hiện ở Birmingham và Atlanta.

- A...

Graham sừng sốt kêu lên nhưng chàng trấn tĩnh được ngay:

- Anh là... mà có phải anh là người đó thật không?

Lại có tiếng cười nhẹ:

- Nếu anh nói tôi không phải là Kẻ Hành Hương hay anh không biết Kẻ Hành Hương là ai, tôi cúp máy ngay.

Một phút đã trôi qua.

Graham nhìn qua làn kính thấy Crawford mang ống nghe trên tai, viết vội xuống mảnh giấy.

- Chúng tôi gặp nhiều người tự nhận quá - Graham tiếp - Chúng tôi không ngại mất thì giờ đâu nhưng nói chuyện với người tự nhận thì thật là vô ích. Họ có biết gì đâu mà nói!

Sarah áp tờ giấy Crawford vừa viết lên mặt kính cho Graham đọc: "Từ Chicago gọi tới. Sắp tóm được rồi!"

- Nếu anh đúng là Kẻ Hành Hương - Graham nói tiếp - Anh chỉ cần cho tôi biết một chi tiết gì đặc biệt của riêng Kẻ Hành Hương.

- Việc gì tôi phải làm theo ý anh? Graham, anh cần tôi, tôi không cần anh. Nghe rõ chưa?

- Tất nhiên là tôi cần anh rồi, nhưng anh có phải là Kẻ Hành Hương thật không đã chứ!

- Muốn ngừng không?

- Nếu anh là Kẻ Hành Hương thật, anh muốn nói gì với tôi?

Một phút hai mươi giây.

- Anh nghĩ sao về Kẻ Hành Hương? Anh cho Kẻ Hành Hương là thằng điên, phải không?

Bác sĩ Bloom gần ống nghe trên tai, đứng ngoài phòng kính, lắc đầu.

- Tôi không nghĩ một người hành động thận trọng như Kẻ Hành Hương lại là người điên. Nhiều người nghĩ Kẻ Hành Hương là người điên, nhưng tôi thì không.

Người gọi đến bỗng đổi giọng:

- Mà anh có phải là Will Graham không đấy? Tôi đã mất công gọi đến cho anh mà anh cứ nói vòng vo. Tôi ghi anh không phải là Will Graham.

- Đây là sở FBI Atlanta, làm sao có ai mạo nhận là tôi được!

- Nếu anh là Will Graham, hãy nói cho tôi nghe bà Leeds chết ra sao. Nếu anh nói đúng, tôi sẽ nói cho anh nghe vài điều hay ho mà anh đang cần biết.

Graham tỏ ra bối rối:

- Bà ấy bị giết chết... bằng súng rồi sau đó bằng dao...

Người gọi đến có vẻ bức bối:

- Bằng súng, bằng dao thì ai chẳng biết! Nhưng bằng súng, bằng dao như thế nào chứ? Súng bắn vào đâu? dao đâm vào đâu? Có bị hiếp đâm không?

- Tôi không được quyền tiết lộ những chuyện ấy.

- Tôi cúp à.

Graham vội vàng nói:

- Tôi có thể nói nếu tôi được biết đích xác anh là Quí Răng Nanh... là Kẻ Hành Hương...

- Anh nói trước đi. Tôi cũng cần biết chắc anh có phải là Will Graham hay không...

- Đừng vội! Chúng ta có thể thảo luận để tìm ra một cách...

Graham nghe tiếng cửa phòng điện thoại bật mở ở đâu đây bên kia, tiếng ống nói rơi xuống va vào vách phòng phát ra những tiếng cách... cách..., tiếng người nói, tiếng xô đẩy lục đục. Những tiếng này được thâu và phát trong máy phóng thanh trong phòng. Tất cả mọi người đều nghe rõ những tiếng động vang lên từ một phòng điện thoại công cộng nào đó ở thành phố Chicago.

- Đứng im! Cử động là chết ngay. Giơ hai tay lên! Đan những ngón tay vào nhau đằng sau đầu! Đi từ từ ra! Đi giật lùi!

Graham thở ra một hơi dài, mồ hôi xuất ra trong người chàng.

Tiếng một người khác vang lên bên tai Graham:

- Ai ở đâu đây?

- Will Graham, FBI.

- Tôi là Trung sĩ Stanley Riddle, cảnh sát Chicago. Cho tôi biết chuyện gì đây?

- Anh là người phải cho tôi biết có chuyện gì xảy ra ở đây. Anh được lệnh đến phòng điện thoại này để bắt một người, phải không?

- Phải. Hắn là Freddy Lounds, ký giả. Tôi quen biết hắn từ 10 năm nay. Bây giờ bắt được hắn ở đây rồi, FBI có truy tố hắn không? Nếu có, xin cho biết tội danh gì?

Mặt Graham xanh tái, mặt Crawford đỏ lên. Bác sĩ Bloom cúi

nhìn cái máy ghi âm như ông chưa từng bao giờ thấy một cái máy kỳ lạ đến thế. Susan và Beverly thờ dài nhìn nhau.

Graham gần như nghẹn lời:

- Tôi truy tố hân. Tôi cản trở thi hành pháp luật. Trung sĩ đưa hân về ty, giữ hân để trình với ông Biện lý.

Đột nhiên giọng nói của Freddy Lounds vang lên:

- Will Graham... anh nghe tôi nói...

- Anh nói với ông Biện lý.

Crawford xen vào:

- Will, để tôi thanh toán việc này cho.

Graham đập mạnh ống nói xuống giàn máy, đi thẳng ra khỏi phòng.

- Lounds, anh đúng là thằng không ra gì. Lần này thì tui tôi phang cho anh lãnh đủ.

- Các anh có muốn bắt được thằng Quỷ Răng Nanh hay không? Tôi có thể giúp các anh một tay, đặc lực nữa là khác. Bác sĩ khùng Lecter liên lạc với nó qua mục Nhắn Tin của tờ *Tattler*. Tôi sẽ là tay trong của các anh trong toà soạn báo *Tattler*. Các anh muốn dùng tờ báo vào việc gì, cứ giao cho tôi.

- Tại sao anh biết việc đó?

Freddy Lounds vội vã nói:

- Các anh ngây thơ lắm! Chuyện xảy ra trong toà soạn chúng tôi, làm sao tôi lại không biết! Người các anh phái đến tự xưng là nhà kinh doanh địa ốc nhưng anh ta chưa vào đến cửa nhà in, bọn tôi đã ngửi thấy sặc sụa mùi phú-lít rồi. Ông xếp nhà in một mặt cứ vờ như không biết và thoải mái nhận tiền, một mặt báo cho tôi biết. Tôi nghi ngay là vụ này có dính dáng đến tên Quỷ Răng Nanh nên kiểm soát tất cả những bì thư gửi đến trong ngày. Tôi tìm được một thư gửi đến từ Viện Tâm Thần Chesapeake, có dấu bưu cục in trên bì thư. Rồi tôi tìm ra ngay bản nhắn tin "Kẻ Hành Hương". Tôi thử gọi đến cho các anh và xưng tên là Kẻ Hành Hương xem các anh có cần câu không. Sự việc xảy ra đúng như tôi nghĩ. Đừng tưởng chỉ có cảnh sát các anh mới có thiên khiếu đánh hơi. Bọn nhà báo chúng

tôi không thua gì các anh đâu...

- Anh thính mũi lắm - Crawford cắt ngang - lần này cho anh vào tù, tha hồ nằm đánh hơi.

- Crawford, anh nói chơi hay nói giỡn đấy? Anh mà cho tôi vào tù là ngay số báo tới anh sẽ thấy trang Nhắn Tin đăng liền một lúc năm bảy bản nhắn tin cho Kẻ Hành Hương với những lời: "Kẻ Hành Hương, chồng em biết rồi. Đừng liên lạc với anh nữa. Em yêu anh nhất. Hẹn anh kiếp sau"...

Crawford gừ trong cổ họng:

- Anh cứ làm đi rồi biết...

- Thôi mà... - Freddy Lounds năn nỉ - Tôi cũng chỉ vì mục đích săn tin thôi. Bỏ tù tôi thì có ích gì cho các anh đâu? Các báo khác sẽ làm ồn lên, tên Quỷ Răng Nanh sẽ không liên lạc với Lecter nữa và các anh sẽ mất hút nó.

- Được lắm. Anh dư biết những lời anh nói đều được thu vào băng, nhưng anh cóc cần, anh vẫn cứ nói. Chúng tôi sẽ tố cáo anh thêm một tội nữa là dùng điện thoại liên bang nói những lời đe dọa nhân viên công lực.

- Crawford... Đừng. Tôi phải tìm cách tự vệ chứ!

- Freddy, việc làm hay nhất của anh bây giờ là ngoan ngoãn đi theo nhân viên cảnh sát thừa hành công vụ. Thôi đi, cho tôi nói với Trung sĩ Riddle.

Bên trong chiếc Lincoln Versaille của ký giả Freddy Lounds nặng mùi thuốc xịt tóc, nước thoa sau khi cạo râu, khói thuốc xì-gà và cả mùi son phấn. Trung sĩ Riddle ngồi cùng xe với Lounds đi về sở Cảnh sát, thấy nhẹ cả người khi chui ra khỏi xe.

Lounds quen biết ông Trưởng ty Cảnh sát và gần như quen tất cả các nhân viên ở đây. Ông Đại úy Trưởng ty để anh ngồi trong văn phòng ông và điện thoại báo cáo với văn phòng Biện lý để chờ quyết định.

Chừng nửa tiếng sau, Jack Crawford gọi điện thoại cho Freddy Lounds. Sau cuộc điện đàm, anh được thông thả ra về.

Lounds bị kích thích mạnh, lái xe

như bay trên đường về nhà trong khu nhìn xuống hồ Michigan. Anh có nhiều chuyện hấp dẫn để làm trong những ngày tới. Trước hết anh sẽ có tiền, sau đó là danh tiếng. Đây là cơ hội bằng vàng. Chỉ 36 giờ đồng hồ nữa, bài báo của Freddy sẽ xuất hiện trên báo. Anh sẽ kể lại vụ "Kẻ Hành Hương", vụ anh giả làm Kẻ Hành Hương và thành công trong việc đánh lừa FBI, vụ anh bị FBI bắt... Sẽ còn nhiều chi tiết giật gân được anh thêm mắm thêm muối trong những bài báo này. Tự ái của anh sẽ được ve vuốt, được thỏa mãn khi những tờ báo lớn như *Tribune Chicago*, *Los Angeles Times*, *Washington Post*, *New York Times*... sẽ phải đăng lại những bài báo của anh cùng với tên và ảnh anh.

Bọn ký giả, phóng viên của những tờ báo lớn ấy, bọn vẫn coi thường anh, không thèm nói chuyện, uống rượu với anh, sẽ phải nhìn anh bằng những con mắt khác.

Freddy Lounds có đủ những đặc tính của một phóng viên giỏi: thông minh, nhạy cảm, nhận xét tinh tế, chính xác, yêu nghề, kiên nhẫn và chịu khó. Nhưng thể hình anh lại làm cho người ta có ác cảm ngay khi mới gặp. Anh thấp lùn, tay chân không cân đối, mặt tròn và sần sùi. Mắt anh là mắt loài chuột cống, hàm răng anh khấp khểnh làm người ta rờn rợn một khi anh cười. Anh lại thích nổi bật, được mọi người chú ý.

Freddy Lounds đã làm việc trong ngành báo chí chính qui khoảng mười năm cho đến khi anh phát hiện ra là các ông chủ bút sẽ không bao giờ cử anh đi dự họp báo của tổng thống ở Nhà Trắng hay đến lấy tin ở Quốc hội Capitol. Anh thấy tương lai nghề nghiệp mình sẽ chỉ là một thứ phóng viên giữ chân sai vặt, chuyên đi tường thuật những vụ vợ vãn hoặc đi lấy tin bổ túc cho người khác dùng để viết bài. Anh sẽ sống tối tăm, mờ mịt như thế mãi cho đến lúc trở thành một ký giả già nua, hết thời, lợm khộm, đau yếu, còm cõi được người ta thương hại cho ngồi trong một góc bàn toà soạn làm những công việc thư ký văn phòng như soạn các bản tin gửi về

đem chia cho những người phụ trách, trả lời thư bạn đọc.v.v..

Vào một buổi tối mùa đông năm 1969, trong lúc đang ngồi viết bài ở toà soạn, Freddy Lounds nhìn thấy một cảnh làm cho anh hết nhiên tính ngộ.

Frank Larkin ngồi gần anh. Frank đang nghe điện thoại để ghi lại tin những phóng viên ở khắp nơi gửi về. Công việc ngồi nhà nghe, ghi điện thoại là việc toà báo dành cho những ký giả già. Frank Larkin mới 55 nhưng trông lão liệt như ông già 70. Cặp kính lão anh đeo luôn luôn xế xuống gần đầu mũi vẹo có màu tím ngắt.

Cứ khoảng 45 phút là Frank Larkin lại vào phòng vệ sinh một lần. Anh vào đấy để đi tiểu và để tu một hộp rượu anh mang theo trong cái chai rượu dẹt luôn nằm nơi túi quần sau của anh. Từ chỗ Freddy ngồi, anh có thể ngửi thấy mùi rượu, mùi mồ hôi nồng nồng của Frank Larkin.

Tối hôm ấy khi Freddy đang suy nghĩ, anh bỗng thấy Frank Larkin lom khom đến bàn Kate Murphy, nữ thư ký, để nhờ cô vào phòng vệ sinh vì bên phòng nam đã hết. Frank cần gấp mấy tờ giấy này vì anh bị trĩ, hậu môn anh đang chảy nước.

Freddy lấy bài báo anh đang viết ra khỏi máy đánh chữ, vút vào giỏ rác. Anh lắp tờ giấy mới vào máy, đánh ngay đơn xin nghỉ việc.

Một tuần sau Freddy Lounds đến làm cho tờ *The Tattler*.

The Tattler là tờ báo chuyên khai thác những chuyện giật gân linh tinh đủ thứ, từ đời tư của các cô đào hát, những nhân vật nổi tiếng cho đến những chuyện ma quái kiểu ma dơi hút máu trinh nữ, đĩa bay, quái vật xuất hiện, những thứ thuốc thần kỳ trị bệnh ung thư, chận đứng bệnh AIDS, những vụ hiếp dâm, giết người tàn nhẫn... *Tattler* ra mỗi tuần một số và bị những người tự nhận là có học thức coi thường nhưng lại có số độc giả đại chúng rất đông đảo. Nói tóm lại, *Tattler* là tờ báo không có uy tín gì về chính trị nhưng bán rất chạy và chi

tiền cho ký giả khá cao.

Freddy Lounds làm cho *The Tattler* tăng số bán và tờ báo cũng hậu đãi anh. Anh trở thành ký giả kiên tướng của toà soạn, có quyền chọn vụ việc để trở tài. Tiền bạc đến với anh tương đối đầy đủ nhưng anh vẫn còn thiếu danh vọng. Freddy hào hứng nghĩ rằng danh vọng đang đến với anh. Ít nhất bọn FBI đã nhệ tay. Anh đánh lừa họ nhưng họ chỉ dọa chứ không dám đưa anh ra toà. Hồi nãy ông Đại úy Cảnh sát tuy không xin lỗi anh nhưng đích thân đưa anh ra tận xe.

Freddy thấy hài lòng. Anh cho xe chạy vào hầm toà cao ốc nơi anh trú ngụ. Ở đây anh có chỗ đậu xe riêng, hàng chữ Freddy Lounds được viết bằng sơn đỏ trang trọng trên bức tường chỗ anh đậu xe.

Wendy đang chờ anh. Chiếc Datsun của nàng đậu ghé trong ô để xe của anh. Freddy muốn đưa nàng đến Washington với anh. Bọn cớm sẽ lé mắt khi thấy nàng. Freddy huýt gió điệu nhạc *Cầu sông Kwai* trong thang máy đưa anh lên lầu.

Wendy xếp y phục vào va ly cho Freddy. Là người di chuyển liên tục ngay từ khi còn trong bụng mẹ, nàng rất khéo léo trong việc thu xếp hành lý.

Gọn gàng trong chiếc quần jeans và cái áo dẹt, mái tóc nâu cuộn lại thành búi, trông Wendy như một cô thôn nữ. Cuộc sống lấy đêm làm ngày và không biết gì đến ánh nắng mặt trời ở nơi đô thị đã khiến làn da Wendy không còn tươi mát nữa nhưng nàng vẫn quyến rũ như một thiếu nữ dậy thì.

Wendy nhận thấy vẻ bối hời, kích động của Freddy nhưng không tỏ vẻ gì ngạc nhiên. Nàng đã quen với những xúc động ấy.

- Roscoe, mình làm việc quá sức rồi đấy...

Nàng quen gọi Freddy bằng cái tên Roscoe, Freddy cũng có vẻ thích cái tên này. Nàng mang đến cho anh ly rượu và nhấc áo choàng của nàng ra khỏi giường để anh nằm xuống:

- Đi chuyến bay 6 giờ sáng thì hơi sớm nhưng lên máy bay anh có thể ngủ lại. Em đưa anh ra phi trường rồi về nhà ngủ lại cũng được.

Wendy làm chủ tiệm rượu Cindy City. Trước đây tuy là cô chủ nhưng nàng vẫn đêm đêm biểu diễn vũ thoát y để đỡ tốn khoản chi cho vũ nữ. Từ ngày có Freddy Lounds phụ chi, nàng không còn phải nhảy nữa.

- Hôm nay có chuyện gì mà trông anh hào hứng thế? Lúc anh phôn cho em đó, nghe anh nói em tưởng là anh vừa trúng số 10 triệu chứ!

Freddy gừ một tiếng:

- Hôm nay là một trong những ngày may mắn nhất đời anh. Anh chơi một trò nguy hiểm và anh đã thắng. Anh sẽ còn thắng nhiều trận nữa.

- Thôi ngủ đi Roscoe, sáng mai anh phải dậy sớm.

Quàng tay lên cổ Wendy, anh kéo nàng nằm lên anh:

- Ngủ là thế nào...

Khi những dây thần kinh đã hết căng thẳng, những cơ bắp đã giãn ra, Freddy nằm thoải mái, thủ thỉ kể cho Wendy nghe câu chuyện Kể Hành Hương từ đầu. Mới kể được vài phút giọng anh đã nhừa nhựa, rồi anh im tiếng, nàng nghe tiếng anh ngáy đều.

Wendy với tay lấy chiếc đồng hồ báo thức ở mặt bàn đêm, để chuông reo lúc 5 giờ sáng.

Chương 17

Crawford tìm thấy Graham ngồi trong phòng làm việc của Zeller. Trên mặt bàn nhỏ bày kín những bức hình của hai gia đình nạn nhân của Quỉ Răng Nanh.

Đợi Graham ngừng lên nhìn, Crawford mới nói:

- Tôi kể anh biết chúng ta cần làm gì để đón đêm 25 tháng này.

Crawford không cần nói rõ đêm 25 là đêm trăng tròn.

- Hai lần nó ra tay đều vào đêm thứ Bảy. Birmingham, trăng tròn vào đêm thứ Bảy 28 tháng 6. Atlanta, trăng tròn vào đêm 27 tháng 7. Tháng này trăng tròn vào đêm thứ Hai 25 tháng 8. Nó thích hành động vào

những đêm thứ Bảy. Chúng ta sẵn sàng đón nó vào ngày thứ Sáu.

- Sẵn sàng? Bằng cách nào?

- Từ trưa thứ Sáu 22 tháng 8, một phi cơ chờ sẵn ở phi trường Andrews. Một phòng thí nghiệm lưu động đặt trên đó. Chúng ta - tôi, anh, Zeller, Jimmy Price, nhiếp ảnh viên, hai thẩm vấn viên - cũng chờ sẵn. Hai phút sau khi có tin báo, chúng ta lên phi cơ bay ngay đến đó. Dù là xảy ra ở bất cứ nơi nào, phía đông hay phía nam, chúng ta sẽ có mặt ở hiện trường sau một giờ mười lăm phút.

- Còn cảnh sát địa phương thì sao? Họ đâu chịu ngồi yên chờ chúng ta đến!

- Chúng ta yêu cầu họ cộng tác.

- Cộng tác thì họ chịu, nhưng đòi họ chờ mình đến mới bắt tay điều tra thì họ không chịu đâu.

- Mình không đòi hỏi gì nhiều - Crawford nói - Chỉ yêu cầu họ làm như thế này: khi có án mạng, viên cảnh sát chỉ huy địa phương tới nhìn qua hiện trường, y sĩ đến xem có người nào còn sống hay đã chết cả. Rồi tất cả ra ngoài. Họ sẽ chặn đường, thẩm vấn những người chung quanh, làm tất cả việc gì họ muốn nhưng đừng vào nơi xảy ra án mạng. Hiện trường đóng kín chờ chúng ta đến. Anh sẽ là người đầu tiên kiểm nghiệm tử thi, là người thứ nhất tìm kiếm những dấu vết tên sát nhân để lại. Chỉ một mình anh ở đó. Cho đến khi nào anh bảo xong, chúng tôi mới vào.

Graham vẫn lắc:

- Cảnh sát địa phương sẽ không chịu như thế đâu!

- Tôi tin là chỉ vài ba cấp chỉ huy vào xem hiện trường. Khung cảnh sẽ còn nguyên ít nhất là bảy, tám mươi phần trăm, như vậy đã là hay lắm rồi!

Graham ngả đầu lên thành ghế, vẻ mệt mỏi, mắt ngược nhìn lên trần.

- Chúng ta còn 13 ngày nữa trước cuối tuần có trăng tròn. Crawford tiếp.

- Ô... Jack!

- Jack... làm sao? Crawford hỏi.

- Anh giết tôi chứ còn làm sao nữa.

- Anh nói gì tôi không hiểu?

- Anh hiểu mà. Anh dùng tôi làm

con mồi. Tôi không muốn phải mặc áo giáp Kevlar kín đến tận cổ, nhưng bây giờ thì đành. Chúng tôi không thể trở về nhà được khi nó vẫn đang hoành hành... - Graham lắc đầu - Anh có thể dùng tôi nhưng anh định dùng Molly thì không được!

- Lạy Chúa tôi, Will... không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện ấy!

Graham nhìn thẳng vào mặt Crawford:

- Bây giờ anh cho cả Freddy Lounds vào cuộc chơi? Anh và chú Freddy đã thỏa thuận với nhau những gì?

Crawford cũng nhìn thẳng vào mắt Graham:

- Anh dư biết là chúng ta phải dùng Freddy. Đó là cách tốt nhất để nhử nó. Tên Quỷ Răng Nanh đọc tờ *Tattler*. Ta sẽ làm cho nó phải đọc tờ *Tattler* mỗi tuần.

- Tôi hiểu. - Graham mệt mỏi gật đầu - Anh muốn tôi chửi rửa nó thậm tệ để tờ *Tattler* đăng lên, bắt nó phải đọc. Rồi ta sẽ dùng ám số của Lecter và nó sẽ đăng nhận tin giả. Anh hy vọng là vì tôi chửi rửa nó nặng quá, nó sẽ đến giết tôi để anh bắt nó.

Hai người cùng nghĩ đến chiếc áo giáp Kevlar. Áo giáp sẽ ngăn được những viên đạn 9 ly và mũi dao của tên Quỷ Răng Nanh. Graham chỉ có thể bị thương khi bị bắn trúng vào mặt. Muốn bắn vào mặt Graham, tên sát nhân phải dùng súng trường và phải nấp ở xa.

- Anh thay tôi nói chuyện với Lounds. Tôi không cần gặp hắn. Graham nói.

- Hắn cần phỏng vấn chính anh - Crawford nói dịu dàng như anh đang phải dụ dỗ một chú nhóc con khó tính - Hắn phải chụp ảnh anh.

Bác sĩ Bloom đã nói trước cho Crawford biết rằng Graham sẽ dễ dàng chịu nhận làm con mồi nhưng sẽ không chịu gặp ký giả Freddy Lounds.

Chương 18

Khi việc xảy đến, Graham làm cho cả Crawford và Bloom cùng ngạc

nhien. Chàng tỏ ra khá sốt sắng gặp Freddy, vẻ mặt hoà nhã, chỉ có đôi mắt xanh là có ánh lạnh.

Việc được coi là khách trong bộ Chỉ Huy FBI có ảnh hưởng tốt đến thái độ của Freddy Lounds. Anh tỏ ra lễ độ, làm việc nhanh, gọn, hữu hiệu.

Chỉ có một lần Graham cương quyết từ chối, không chịu cho Lounds xem quyển nhật ký của bà Leeds và những thư từ riêng của gia đình này.

Khi cuộc phỏng vấn bắt đầu, Graham lịch thiệp trả lời những câu hỏi của Lounds. Hai người hỏi đáp nhau phần lớn căn cứ trên những gợi ý của bác sĩ Bloom. Tuy vậy nhiều câu hỏi và trả lời vẫn được sửa lại.

Trong cuộc phỏng vấn, Điều tra viên Will Graham đã nói những lời mà không một điều tra viên nào nói; tờ *The Tattler* sau đó trang trọng đăng bài phỏng vấn mà không một tờ báo nào khác chịu đăng.

Graham nói rõ, Quỷ Răng Nanh là tên mặt mũi xấu xí, thô bỉ, bất lực về sinh lý, bị phụ nữ khinh bỉ, ghê tởm. Chàng tiết lộ, Quỷ Răng Nanh đã hiếp dâm cả những nạn nhân nam. Chàng xác quyết gã là sản phẩm của một gia đình loạn luân, bị tất cả những người biết gã khinh khi. Quỷ Răng Nanh cũng không thông minh bằng Hannibal Lecter. Graham còn hứa sẽ cung cấp cho *The Tattler* nhiều chi tiết ly kỳ, quái dị nữa về tên sát nhân. Chàng cho biết, tuy nhiều viên chức cảnh sát không tán thành nhưng ngày nào chàng còn được trao quyền điều tra vụ tên Quỷ Răng Nanh, ngày đó chàng vẫn cung cấp tin tức đặc biệt cho tờ *Tattler*.

Lounds chụp nhiều ảnh. Bức chủ chốt là ảnh chụp Will Graham trong một nơi được gọi là "nhà an toàn tuyệt đối Washington". Đây là nơi người điều tra được FBI mời đến "dùng làm nơi ở tạm cho đến lúc bề trợn hàm răng của tên Quỷ Răng Nanh". Đây cũng là nơi duy nhất mà đương sự tìm thấy được đôi chút yên tĩnh trong môi trường "đầy máu và thịt" của cuộc điều tra.

Bức ảnh cho thấy Graham mặc áo

choàng sau khi vừa tắm, ngồi ở bàn trong cảnh sắc có vẻ là ban đêm. Ghi chú dưới ảnh cho biết chàng đang ngồi tái tạo hình ảnh gốm ghiếc của Quỷ Răng Nanh. Qua khung cửa sổ sau chỗ Graham ngồi, hiện rõ mờ cái đỉnh tròn của toà nhà Capitol, bên dưới sát thành cửa sổ có hàng chữ tên một khách sạn ở bên kia đường. Tên Quỷ Răng Nanh có thể tìm ra căn phòng này không mấy khó khăn nếu nó muốn.

Trong trụ sở FBI, Graham được chụp đứng cạnh cái máy đo quang phổ. Cái máy này không liên hệ gì đến vụ Quỷ Răng Nanh, Lounds chỉ muốn chàng đứng bên máy cho tăng phần quan trọng.

Graham còn bằng lòng chụp chung ảnh với Lounds. Hai người đứng trước giá súng trong Phòng Súng Tay và Dụng Cụ. Lounds giơ lên một khẩu súng 9 ly, cùng loại với khẩu súng Quỷ Răng Nanh dùng. Graham chỉ tay vào bộ phận hãm thanh tự chế làm bằng một khúc ống-ti-vi. Bác sĩ Bloom ngạc nhiên khi thấy Graham ra vẻ thân hữu, đặt tay lên vai Lounds trước khi Crawford bấm máy.

Bài phỏng vấn cùng với ảnh sẽ được đăng trên tờ *The Tattler* vào số ra ngày hôm sau, thứ Hai 11 tháng 8. Phỏng vấn xong, Lounds trở về Chicago ngay. Anh muốn đích thân trình bày bài phỏng vấn trên báo. Anh hẹn gặp lại Crawford trong buổi trưa ngày thứ ba ở chỗ họ giảng dạy.

Kể từ thứ Ba tới, khi tờ *The Tattler* được bày bán khắp nơi, sẽ có hai cái bẫy được giương lên chờ đón Quỷ Răng Nanh.

Mỗi tối Graham sẽ về nơi được gọi là “nhà an toàn tuyệt đối” chàng tạm ngụ được chụp đăng kèm bài phỏng vấn.

Cùng trong số báo đăng bài phỏng vấn có bản Nhấn Tin theo ám số như bản Nhấn Tin của Lecter. Bản Nhấn Tin của FBI sẽ dùng lời của Lecter nhấn Quỷ Răng Nanh đến một thùng thư bên đường ở Annapolis để gặp một người do Lecter sai đến. Khu có thùng thư này được canh sát canh gác

mật suốt ngày đêm.

Cảnh sát và Hải quân ở Florida vẫn canh chừng vùng Sugarloaf.

Nhưng những kẻ săn người có vẻ không được hài lòng. Hai nơi cần canh chừng cẩn mật làm cảnh sát tốn quá nhiều nhân lực, vật lực. Việc mỗi tối Graham phải có mặt làm con mồi trong bẫy đã hạn chế sự đi lại điều tra của chàng.

Kế hoạch phỏng vấn, giương bẫy là của Crawford nhưng chính anh thấy cũng không được chính. Cảnh sát quá thụ động. Song ngoài kế hoạch đó ra, anh không biết làm sao khác!

Trong khi cảnh sát mò mẫm trong bóng tối, thời gian trôi nhanh đến ngày trăng tròn.

Trưa ngày thứ Hai, Spurgen, Trưởng phòng Huấn luyện Tự vệ Học viện Quantico FBI, cùng Graham và Crawford đi một vòng quanh khu nhà dùng làm bẫy như Quỷ Răng Nanh.

- Khu này sẽ vắng người qua lại vào lúc 7 giờ 30 tối - Spurgen nói - Anh sẽ về đây vào lúc 8 giờ đến 8 giờ 30.

Spurgen lái xe. Graham ngồi cạnh. Crawford ngồi ở băng sau. Spurgen dừng xe ở bãi đậu trước cửa toà nhà, vừa nói vừa nhìn quanh:

- Địa điểm này không được lý tưởng lắm, nhưng cũng khá. Tối mai anh đậu xe ở chỗ này. Chúng tôi sẽ đổi chỗ đậu xe cho anh mỗi tối, nhưng đậu chỗ nào thì cũng ở phía bên này. Anh sẽ đi bộ qua khoảng cách một trăm thước từ đây đến cửa nhà. Ta thử đi xem.

Ba người cùng đi về phía cửa. Spurgen nói trên đường đi:

- Có nhiều khả năng nó sẽ bắn anh trên đoạn đường này nếu nó đến. Trên đường từ xe vào nhà, anh bị lộ nhất. Anh nghe có thính không?

- Cũng khá. Graham trả lời.

- Tôi sẽ cho giảm ánh sáng đèn đường khu này để nó khó nhìn rõ.

- Khó cho nó thì cũng khó cho người của anh. Crawford nói.

- Hai người của tôi dùng súng có ống ngắm bắn đêm Startron. Will...

chúng tôi sẽ đưa anh ống xịt thuốc hoá học để anh xịt lên áo ngoài của anh mỗi tối. Anh bận áo giáp mỗi lần về đây chứ?

- Tất nhiên.

- Áo gì thế?

- Kevlar, phải không Jack? Kevlar số 2.

- Phải.

- Theo tôi, nó sẽ bắn anh từ đằng sau. - Spurgen nói - Hoặc nó sẽ đi tới trước mặt anh rồi quay lại bắn. Nó đã bảy lần bắn vào đầu các nạn nhân. Nó đã quen bắn vào đầu. Anh phải không để cho nó có dịp nổ súng vào anh mới được. Đi xem đường lên phòng và các cửa phòng xong, anh đến sân tập bắn với tôi chừng hai tiếng, được không?

Ở sân tập, Spurgen xem kỹ khẩu 44 của Graham. Trong hai tiếng đồng hồ, chàng được truyền thụ một số thủ thuật rút súng bắn nhanh cập nhật và hữu hiệu nhất.

Sau buổi tập bắn, Graham tắm kỹ và thay quần áo mới cho bay mùi thuốc súng trước khi lái xe về vịnh biển Chesapeake hưởng đêm ngủ tự do cuối với Molly.

Xong bữa tối, Graham đưa Molly và Willy đi siêu thị. Chàng muốn họ có đủ thực phẩm trong mấy ngày chàng bị bắt buộc không thể về. Trong siêu thị, tờ *The Tattler* tuần trước vẫn còn nằm trên giá báo cạnh quầy trả tiền. Graham hy vọng ngày mai Molly sẽ không đến đây, nàng sẽ không nhìn thấy tờ *The Tattler* mới có đăng hình chàng. Chàng không muốn nói cho nàng biết những gì vừa xảy ra và sắp xảy ra.

Khi Molly hỏi chàng muốn ăn những món gì trong những bữa tối sắp tới, Graham nói là chàng sẽ không về nhà vài ngày, chàng phải đi Birmingham. Đây là lời dối trá đầu tiên của chàng với Molly, nó làm cho chàng tự thấy mình bắn như một tờ giấy bạc cũ.

Molly mang khẩu súng của nàng trong sắc đeo vai. Nàng đổi vai đeo sắc luôn như khẩu súng trong đó quá nặng. Cảm thấy hình như có chuyện gì không được tốt mấy nhưng Molly cũng không nói gì cả. (còn tiếp)

cuộc đời vô định

TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tống Minh Long Quân



(tiếp theo)

Chương 21

Sau khi nhận được số tiền chia chác với Jeff, Tracy trả phòng ở khách sạn Savoy và dời về một khách sạn khác yên tĩnh, rộng rãi hơn.

Ngày thứ hai có mặt ở London, Tracy nhận được một thiệp viết tay do bồi phòng mang đến. Chữ viết thật đẹp: “Qua đề nghị của một người bạn, chúng ta sẽ có lợi nếu quen nhau. Tôi mong gặp cô trong một buổi trà đàm vào 4 giờ chiều nay tại khách sạn Ritz. Cô sẽ nhận ra tôi dễ dàng qua dấu hiệu một bông cẩm chướng đỏ cài trên áo. Gunther Hartog”.

Tracy chưa bao giờ nghe đến tên này. Thoạt tiên nàng định không thèm để ý đến nhưng rồi lòng tò mò đã thắng. 4 giờ 15, Tracy có mặt tại phòng ăn của khách sạn Ritz. Nàng nhận ra người gửi thiệp ngay tức khắc. Ông ta trạc khoảng 60, gương mặt trí thức ưa nhìn, da mịn và mỏng như giấy kiếng. Ông mặc một bộ com-lê xám đắt tiền với một hoa cẩm chướng đỏ cài trên ve áo.

Thấy Tracy tiến đến gần bàn, ông ta đứng dậy chào:

- Cảm ơn cô đã nhận lời mời.

Rồi kéo ghế mời nàng ngồi. Tracy

mỉm cười thú nhận:

- Tôi đến đây vì thắc mắc không chắc là ông muốn gặp tôi hay một Tracy Whitney nào khác...

Gunther Hartog nghiêng đầu duyên dáng:

- Theo tôi biết thì chỉ có một Tracy Whitney...

- Có chắc như vậy không?

- Mình sẽ bàn tiếp chuyện này khi dùng trà.

Gọi là trà nhưng đó là một bữa ăn nhẹ với mâm săng-uých đủ loại: trứng, cá hồi, dưa chuột, gà và những bánh ngọt thơm phức đi kèm với trà. Hai người vừa ăn vừa nói chuyện. Tracy gợi chuyện:

- Ông nói một người bạn của ông..

- A, đó là ông Conrad Morgan, thỉnh thoảng tôi có làm ăn chung với ông ấy.

“Tôi cũng làm ăn với ông ta một lần nhưng ông ta đã tìm cách lường gạt tôi”, Tracy thầm nghĩ. Ông Hartog nói tiếp:

- Ông ấy khen cô lắm.

Tracy quan sát ông khách kỹ hơn. Ông ta trông có vẻ quý phái và giàu có. Ông ta muốn gì đây? Nàng sẽ không thêm đá động đến cái tên Morgan cũng như chứng tỏ cho ông ta biết chẳng có gì là lợi lộc cả giữa Gunther Hartog và Tracy Whitney.

Gunther kể cho nàng nghe về cuộc đời ông ta:

- Tôi sanh ra ở Munich, Đức quốc. Cha tôi là giám đốc ngân hàng, mẹ tôi là người Do Thái. Tôi lớn lên giữa những hung găm, lụt lội; chung quanh lúc nào cũng đầy những bức tranh quý giá và những đồ cổ ngoạn đất tiền. Lúc Hitler cầm quyền, họ bắt cha tôi phải bỏ mẹ tôi nhưng cha tôi từ chối do đó ông bị họ tịch thu toàn bộ tài sản. Sau đó cha mẹ tôi chết trong bom đạn. Nhờ bạn bè giúp đỡ, tôi trốn khỏi Đức để đến Thụy Sĩ. Khi chiến tranh chấm dứt, tôi nhất định không trở về quê hương nữa. Tôi trôi giạt đến London và mở một tiệm bán đồ cổ ở đường Mount cho đến bây giờ. Bữa nào mời cô ghé ngang chơi cho biết.

“À ra vậy, ông ta muốn mình bán cho ông ta một thứ gì đây!” Tracy thầm nghĩ. Nhưng nàng đã làm. Lúc đợi tính tiền, ông ta nói nàng, giọng bình thản:

- Tôi có một căn nhà nghỉ mát nhỏ ở Hampshire. Cuối tuần này tôi mời vài người bạn đến chơi. Rất hân hạnh nếu được cô đến chung vui.

Tracy ngần ngại. Nàng chưa biết nhiều về Hartog, vậy tại sao ông ta lại tha thiết với nàng như vậy? Thật sự ông ta muốn gì? Nàng nhất định không dễ bị lường gạt.

Buổi cuối tuần vui hơn Tracy tưởng. “Căn nhà nhỏ” của ông Hartog là một ngôi biệt thự cổ xinh đẹp cất theo lối kiến trúc của thế kỷ 17 trên một miếng đất rộng 30 mẫu. Hartog góa vợ, sống một mình với các gia nhân. Ông ta đưa nàng đi thăm một vòng căn nhà. Có một chuồng ngựa với 6 con ngựa giống thật tốt, ngoài ra còn một sân rộng nuôi nhiều gà vịt. Ông ta nói đùa:

- Ở đây mình không lo chết đói. Để tôi cho cô xem thú vui của tôi.

Ông ta dẫn nàng đến một chuồng nuôi đầy chim bồ câu, giọng hãnh diện.

- Cô nhìn những con vật xinh đẹp kia kìa, chúng toàn là bồ câu đưa thư đấy. Cô có thấy con màu xám yếm

trắng đó không? - Ông ẵm con bồ câu vào lòng, nựng nịu - Tên nó là Margo, một con chim mái rất dữ nhưng sáng dạ hơn cả...

Ông vuốt vuốt con bồ câu, vẻ thương yêu trước khi đặt nó trở lại chuồng. Bầy chim thôi thì đủ sắc lông: đen xanh, xám xanh với yếm trắng, yếm bạc... Tracy hỏi:

- Sao không có chim bồ câu trắng?

- Bồ câu đưa thư không bao giờ có màu trắng bởi vì lông trắng dễ rụng mà khi bay, nó bay rất nhanh, có thể tới 60 cây số giờ.

Gunther vừa cho chim ăn vừa giải thích:

- Giống chim này có thể tìm về tổ từ một nơi xa gần cả ngàn cây số...

- Ô, hay quá nhỉ!

Khách đến dự còn hay hơn nữa. Có vợ chồng một ông bộ trưởng, một công tước, một ông tướng và cô bồ của ông ta, một cô gái đẹp quyến rũ tuy giọng nhà quê trái với khuôn mặt. Cô ta mặc một xà-rông đỏ thắm với những viên chỉ bằng vàng và những nữ trang tuyệt đẹp mà Tracy chưa từng thấy. Cô ta cười, nói với Tracy:

- Tôi cất nữ trang ở két sắt. Bây giờ ở đâu cũng trộm cắp như rươi!

Đến chiều chúa nhật, lúc Tracy sửa soạn trở về London thì Gunther Hartog mời nàng vào thư viện. Cả hai ngồi đối diện nhau trước một khay trà. Tracy vừa rót trà vừa hỏi:

- Tôi không biết ông mời tôi đến đây với dụng ý gì nhưng dù gì đi nữa tôi cũng cảm ơn ông vì tôi đã được một cuối tuần thật vui.

- Thật hân hạnh. - Ông ta im lặng một lúc rồi tiếp - Tôi cần quan sát cô trong thời gian ấy.

- À, thì ra vậy!

- Cô có dự tính gì cho tương lai không?

- Ô... thưa không. Tôi chưa quyết định sẽ làm gì.

- Tôi nghĩ chúng ta có thể hợp tác tốt đẹp với nhau.

- Ông nói là làm việc ở tiệm bán đồ cổ?

Gunther Hartog cười phá lên:

- Không đâu... Thật xấu hổ nếu

dem hủy diệt tài của cô! Cô thấy đó, tôi biết rõ tài tùy cơ ứng biến của cô trong vụ trộm nữ trang với Conrad Morgan...

- Gunther, đó là chuyện đã qua... xin ông đừng nhắc lại.

- Nhưng cô có gì trước mặt? Cô vừa bảo cô chưa có dự tính nào cả. Cô phải nghĩ đến tương lai chứ. Dù cô có bao nhiêu tiền, nhưng ở không ăn cũng hết. Tôi đề nghị mình hợp tác làm ăn. Tôi du lịch đây đó, quen biết nhiều người trong giới thượng lưu. Tôi dự những buổi dạ hội gây quỹ từ thiện, những tiệc tiếp tân trên tàu cũng như ở hội sân bắn... tôi biết cái giàu từ đâu đưa đến.

- Tôi thấy những việc ấy có liên quan gì đến tôi đâu?

- Tôi sẽ giới thiệu để cô lọt vào thế giới bằng vàng này. Khi tôi nói bằng vàng là nói thật đó Tracy. Tôi sẽ chỉ cho cô biết những đồ cổ ngoạn và họa phẩm giá trị đó đang nằm ở đâu, có lo việc lấy nó còn tôi lo việc tiêu thụ. Chẳng qua mình chỉ chia bớt tài sản của những kẻ thừa mứa tiền của làm giàu trên mồ hôi nước mắt của người khác mà thôi. Tiền kiếm được sẽ chia đều giữa chúng ta. Cô nghĩ thế nào?

- Câu trả lời của tôi là không.

Ông ta nhìn nàng, vẻ tư lự:

- Thế thì thôi. Nhưng khi nào đổi ý, cô nhớ điện thoại cho tôi biết nhé.

Chiều hôm đó Tracy trở về London.

Tracy thích thành phố này. Nàng hay đi ăn ở tiệm Le Gavroche, Bill Bentley và Coin du Feu. Nàng đi xem nhạc kịch, hoà tấu, đi dự những buổi đấu giá... Nàng thấy sung sướng được hưởng những tiện nghi vật chất này. Thích thật nhưng cái gì cũng mất hết. Đúng như lời ông Hartog đã nói: "Dù cô có bao nhiêu tiền nhưng ở không ăn cũng hết". Tiền của nàng không thể còn mãi, nàng phải dự tính làm gì cho tương lai chứ.

Tracy được mời trở lại căn nhà nghỉ mát của Gunther vài ba cuối tuần nữa. Lần nào nàng cũng vui khi gặp những bạn bè quen biết của chủ

nhân.

Một lần trong bữa ăn tối, một ông dân biểu Hạ viện quay sang Tracy, hỏi đùa:

- Tôi chưa từng gặp một người gốc Texas, cô Tracy ạ. Họ như thế nào nhỉ?

Tracy bắt chước dáng điệu của những tay giàu mới và cách phát âm của dân xứ chăn bò này khiến mọi người bỏ lăn ra cười.

Một lát sau, thừa dịp chỉ có riêng hai người, Gunther hỏi Tracy:

- Cô có muốn kiếm chút tiền bằng cách giả dạng người khác giống như cô đã làm hồi nãy không?

- Tôi không phải là diễn viên ông Hartog ạ.

- Cô quá khiêm nhường đấy thôi. Công ty kim hoàn Parker & Parker ở London có kỹ thuật lột túi khách hàng rất tài tình. Cô khiến tôi nảy sinh ý tưởng là bắt họ trả một bài học về thói gian manh này.

Rồi ông ghé đầu nói nhỏ vào tai Tracy kế hoạch của ông.

Tracy lắc đầu nguây nguây. Nhưng mỗi lần nghĩ đến đề nghị của Gunther thì nàng lại thấy bị kích thích. Nàng nhớ lại cảm giác căng thẳng khi qua mặt mấy viên cảnh sát ở Long Island, Boris Melkinov, Piotr Negulesco và thằng cha đại bịp Jeff Stevens cùng với một sự rung động khó thể diễn tả. Nhưng đó là dĩ vãng. Tracy lặp lại lời từ chối với ông Hartog, nhưng lần này giọng nàng có vẻ yếu hơn.

Tháng Mười London bỗng dưng ấm khác thường. Dân chúng và du khách đổ ra đường hưởng nắng ấm đầu thu. Xe cộ lưu thông khó khăn. Một chiếc limousine bóng loáng len lỏi chạy qua dòng xe cộ để đậu trước cửa tiệm kim hoàn Parker & Parker. Người tài xế mặc đồng phục vội vã bước xuống mở cửa xe cho một người ngồi phía sau. Đó là một thiếu phụ tóc nhuộm vàng, trang điểm nặng chịch trong bộ y phục hiệu Ý bó sát người. Cách ăn mặc trông thật phản mỹ thuật cho một người giàu có như vậy.

Người tài xế đưa tay về phía lối ra

vào:

- Thưa bà đi lối này.
- Được rồi, cục cưng! Nhớ lần quần đây đây, tôi không mua sắm lâu đâu.

- Thưa bà tôi chạy lòng vòng vì chỗ này cấm đậu.

Bà ta vỗ vai người tài xế, về thân mật:

- Ông bạn muốn làm gì thì làm...
Người tài xế cau mày khó chịu. Ông ta không ưa người Mỹ, nhất là dân Texas. Trông họ có vẻ quê mùa, thô tục làm sao!

Tracy nhìn qua gương để xem lại dung nhan, nở một nụ cười tươi với người gác cửa mặc đồng phục. Nàng đùa với người gác cổng:

- Chào thể thao gia. Ông có bán cái gì khác ngoài nữ trang ở tiệm này không?

Người gác cổng làm thinh, giơ tay mời nàng vào. Tracy đi qua, để lại một luồng nước hoa Chloé nặc nong.

Arthur Chilton, người bán hàng, tiến đến chào khách:

- Bà cần thứ gì ạ?
- Chưa biết. Ông già P. J. hứa mua quà sinh nhật cho tôi nên tôi mới đến đây. Có cái gì lạ không?

- Bà có thích món gì đặc biệt không?

- Nè ông bạn. Máy người Ăng-lê mấy ông cái gì cũng thích làm cho nhanh phải không?

Nàng cười sảng sặc và suồng sã vỗ vào vai người bán hàng. Ông ta cố gắng đứng im không tỏ thái độ. Bà khách hỏi, cách phát âm ngọng nghịu quê mùa của dân xứ cao bồi:

- Ông có hột bích ngọc không? Ông già P.J. thích mua cho tôi loại

này.

- Mời bà theo lối này...
Chilton dẫn bà khách đi về phía tủ kính trưng bày mấy khay loại đá mà bà ta muốn. Mụ khách tóc nhuộm vàng chỉ nhìn thoáng qua và bĩu môi chê liền:

- Đây là thứ con nít. Còn loại cha và mẹ của nó đâu?

Chilton cố giữ giọng lịch sự:
- Giá cả hột lớn có thể lên đến ba chục ngàn đồng.

- Bao nhiêu đâu! Tôi cho tiền típ mấy cô thợ làm đâu cũng cỡ giá này mà. Ông già P.J. của tôi sẽ giận lắm nếu tôi đem về cho ông mấy hột tầm cám.

Chilton nghĩ thầm, chắc ông già P. J. của mụ này bụng bự, nói năng ồn ào y hệt mụ. Nồi nào úp vung đó. Không biết tại sao tiền bạc cứ đổ vào

buổi sáng ngồi nhớ vĩnh long, mùa thu

Có phải là mùa thu chưa, hỡi em
Nghe nồn nao chân guốc mới tựu trường
Tóc lả lơ bay nồng hương bồ kết
Hờ hững rơi che mắt nhận hồn nhiên.

Nơi ta trú ngụ ngày dài lê thê
Hình như vẫn chưa qua hết mùa hè
Hình như buổi sáng nắng còn rực rỡ
Mưa chưa bắt đầu như cơn mưa xưa.

Buổi sáng vẫn vợ ngồi đây xếp lại
Áo trắng còn thơm hương tóc năm nào
Phủ hiệu tươi nguyên cành hoa phượng đỏ
Mà đóa hoa lòng ta bỗng hư hao.

Hình như nắng còn vương trên nếp lụa
Hơi ẩm mơ hồ len lén qua tim
Nghe tiếng gió lay ngọn huỳnh đàn cũ
Rơi xuống hồn ta đắm đuối sương mềm.

Bật trở nụ sầu tím như mùa đông
Chắc thế, nên nghe buốt giá khôn cùng
Tim xót xa đau tựa hàng bướm bạc
Rũ héo từng đài hoa xưa cuối sân.

Có phải là mùa thu chưa, hỡi em
Chiều Vĩnh Long mưa có ướt vai mềm?
Nón có đủ che bão đời sóng dậy
Và giữ mảnh trời xanh trong đáy tim?

Mái ngói cong còn tắm đắm màu rêu
In bóng chim xa về muộn cuối chiều?
Ở một góc hồn chín sầu meo mốt
Chợt thoáng bụi ngùi nhớ bước chân theo!

Mùa thu còn hiền hoà như thu xưa
Thuở mắt xanh chưa đục vẫn nghi ngờ
Trời Vĩnh Long còn đượm nồng hương sứ
Hay cũng hoang đường từ buổi chân xưa?

Có phải là mùa thu chưa, hỡi em
Mà thấy xa xôi đến tận muôn trùng
Hình như ở đây nắng còn rực rỡ
Sao đất trời chùng đau trong nhớ nhung?

Có phải là mùa thu ở Vĩnh Long
Nên trái tim ta náo nức vô chừng
Tưởng tượng ngày còn chân khoe guốc mới
Gỗ nhíp vui đùa qua trên phố thân!

Có phải là mùa thu chưa, hỡi em
Mà nắng trong ta đã ngủ im lìm...

phan các chiều hằng



những kẻ thô tục không xứng đáng như vậy nhỉ?

- Bà định mua cỡ giá nào?

- Tại sao mình không bắt đầu từ một trăm ngàn trước?

Chilton trợn mắt:

- Một trăm ngàn?

- Có gì đâu! Các ông làm như đang nói chuyện với vua vậy. Một trăm ngàn là giá chót.

Người bán hàng cố nuốt nước miếng:

- Nếu vậy tôi nghĩ bà nên gặp ông giám đốc của chúng tôi thì hơn.

Ông giám đốc, Gregory Halston, là người lo những món hàng gộc. Kể từ khi công ty Parker & Parker không cho nhân viên bán hàng hưởng thêm hoa hồng, bán được hàng hay không cũng vậy, thì với những khách hàng đáng ghét như con mụ này, Chilton mong tổng mụ qua ông giám đốc cho rồi. Chilton bấm chuông dưới quầy hàng và chỉ một lúc sau, một người đàn ông xuất hiện ở cánh cửa phía bên kia phòng trưng bày. Ông ta nhìn về bà khách với lối ăn mặc đáng giận, không phải loại khách ông ta tiếp xúc hàng ngày.

Chilton lên tiếng:

- Ông Halston, đây là bà...

Ông ta quay sang bà khách, chờ đợi.

- Benecke đó chứ! Mary Lou Benecke, vợ ông P. J. Benecke, chắc ông có nghe tên này rồi chứ?

- Dĩ nhiên. Halston nhếch mép cười gượng.

- Ông Halston, bà Benecke muốn mua một hột ngọc bích.

Ông Halston chỉ tay về phía mâm trưng bày loại đá này:

- Thì chúng ta có bao nhiêu hột đẹp đây này...

- Bà đây muốn mua hột cỡ một trăm ngàn trở lên.

Phen này thì nụ cười trên mặt Halston nở ra thật sự. Đúng là buồn ngủ gặp chiếu manh.

- Ông biết không, sinh nhật tôi, ông P. J. muốn mua cho tôi một hột thật đẹp.

- À ra thế. Mời bà đi theo tôi.

- Ông thiệt là ma lanh. Ông nghĩ

gì trong đầu đó? Bà khách cợt nhả.

Halston và Chilton nhìn nhau có vẻ phật ý: "Mấy người Mỹ thật ghê tởm!"

Halston đưa người đàn bà vào phòng rồi khoá cửa cẩn thận. Căn phòng nhỏ, đèn đuốc sáng trưng. Ông ta nói:

- Chúng tôi cất giữ những món nữ trang quý báu trong phòng này.

Giữa phòng là một tủ kính lớn trưng các viên kim cương lớn và các loại đá quý đắt tiền, màu sắc chiếu lấp lánh.

- Được đó, ít ra phải vậy chứ. Ông già P. J. đến đây chắc thích lắm.

- Bà có thấy món gì bà thích không?

- Để từ từ tôi coi.

Bà ta đi về phía tủ trưng bày các hột ngọc bích.

Halston lấy chìa khóa mở tủ, bưng ra một mâm để lên bàn. Có mười hột ngọc bích lớn đặt trên chiếc khay nhung. Halston nhìn theo bà khách cầm một hột to nhất lên ngắm nghía.

- Ông P. J. có thể nói là ông ta có thể khắc được tên trên chiếc hột này.

- Bà thật là biết xài đồ. Đây là hột mười ca-ra màu xanh thật đẹp, không một chút khuyết điểm nào.

- Hột ngọc bích không khi nào toàn hảo.

Halston im lặng hồi lâu rồi mới nói:

- Bà nói đúng, nhưng tôi muốn nói...

Đây là lần đầu tiên ông ta nhận thấy cặp mắt bà khách cũng một màu xanh giống như hột đá trên tay đang được bà ta xoay qua xoay lại ngắm nghía.

- Chúng tôi có nhiều cỡ nếu bà muốn...

- Được rồi chứ. Tôi sẽ lấy hột này.

Chuyện mua bán chỉ mất có mấy phút. Halston tế nhị hỏi:

- Tuyệt quá. Với số tiền một trăm ngàn, bà định thanh toán cách nào ạ?

- Đừng có lo. Tôi có một trương mục ở London này, tôi sẽ viết cho ông một chi phiếu. Sau đó ông P. J. sẽ trả lại cho tôi.

- Tốt quá. Vậy tôi sẽ chùi rửa hột này cho sạch và đem giao tận khách sạn cho bà.

Chiếc hột ngọc bích không cần phải rửa nhưng Halston không muốn bà ta lấy đi khi ông ta chưa có thì giờ kiểm tra chi phiếu của bà ta.

- Xin bà cho biết địa chỉ khách sạn để chúng tôi giao hàng.

- Oliver Messel Suite ở Dorch.

Halston lấy giấy ra ghi:

- Dorch là Dorchester phải không?

- Tôi gọi khách sạn này là Oliver Messy - Bà ta cười to - Nhiều người không thích hotel này vì toàn dân Rệp nhưng ông già P. J. của tôi giao dịch làm ăn nhiều với họ, ông cứ nói đầu hỏa là mạch máu của họ. Ông thiệt là khôn.

Halston trả lời một cách máy móc:

- Tôi cũng nghĩ vậy.

Ông ta nhìn theo bà khách xé chi phiếu và hí hoáy điền số tiền. Liếc qua thấy tên của nhà băng Barclays, ông nghĩ thầm: tốt. Ông có người bạn làm nơi này sẽ kiểm chứng rất mau trương mục của mụ ta.

Halston cầm tám chi phiếu bước theo bà khách về phía cửa:

- Ngày mai tôi sẽ đích thân đem giao hột này vào buổi sáng.

- Ông già P. J. của tôi chắc vui lắm.

- Này ông Ralston...

Halston không buồn cải chính tên ông ta. Ông sẽ không có dịp gặp lại mụ ta lần nào nữa. Cảm ơn Chúa.

- Dạ, bà nói gì?

- Tôi mời ông bạn hôm nào ghé khách sạn chúng tôi để dùng trà. Ông sẽ thích ông P. J. của tôi liền.

- Thật hân hạnh, nhưng tiếc rằng chiều nào tôi cũng bận.

- Uống nhĩ!

Halston nhìn theo bà khách leo lên chiếc limousine đang từ góc đường chạy đến. Người tài xế bước ra mở cửa. Mụ khách quay lại nhìn ông và đưa ngón tay cái lên.

Quay trở lại bàn giấy, Halston nhắc điện thoại gọi cho người bạn ở Barclays Bank:

- Này Peter, tôi muốn kiểm chứng một chi phiếu một trăm ngàn đồng

dưới tên bà Mary Lou Benecke.

- Chờ chút.

Halston kiên nhẫn chờ đợi. Ông ta hy vọng chi phiếu có tiền. Việc buôn bán mấy lúc sau này ế nhẹ. Anh em ông chủ Parker cứ than phiền công cuộc làm ăn xuống dốc dù đó là vì kinh tế suy thoái chứ không phải lỗi ở người bán hàng. Tuy mức lời không bằng mấy năm trước nhưng công ty Parker vẫn kiếm được qua nhiều mảnh khoé nhà nghề, ví dụ khi khách hàng đem hột đến nhờ rửa, họ thay thế những hột đẹp bằng những hột kém giá trị. Khách hàng nào biết mà than phiền thì cũng chẳng đi tới đâu vì không có bằng chứng.

Peter trở lại điện thoại:

- Không có vấn đề gì, Gregory. Trong tương mục có nhiều tiền hơn số này.

Halston vui mừng:

- Cám ơn nhé Peter, tuần sau tôi mời ông đi ăn trưa. Tôi bao.

Tám chi phiếu được thông qua và sáng hôm sau hột ngọc bích gốc Colombia được một nhân viên giao hàng đem đến khách sạn Dorchester.

Chiều hôm đó, trước giờ đóng cửa, cô thư ký của Halston vào cho biết:

- Bà Benecke đến xin gặp ông.

Tim Halston như thất lại. Chắc con mẹ này đem trả lại hột chó gì. Mẹ ta có quyền trả nếu không thích. "Chó chết mấy con mẹ đàn bà, mấy người Mỹ, nhất là dân Texas!", ông ta chửi thề nhưng vẫn cố tạo nụ cười đi ra gặp khách.

- Chào bà Benecke. Chắc ông chồng bà không thích hột này chó gì?

- Ông bạn làm rồi, ông già P. J. thích điên lên được.

Halston thấy phấn khởi trở lại.

- Thật hả?

- Vì vậy nên ông mới nói tôi đến nhờ ông kiếm thêm một hột nữa cho giống để làm đôi bông tai.

- Tôi sợ không được đâu bà Benecke à.

- Sao vậy?

- Hột của bà là hột duy nhất, không có hột nào giống như vậy nữa.

Nếu bà muốn, tôi đưa bà một loại khác.

- Tôi không thích loại khác, tôi chỉ muốn một hột giống y như vậy mà thôi.

- Thưa bà, khó mà kiếm được một hột mười ca-ra như vậy mà không có khuyết điểm, lại phải giống từ màu sắc đến hình dáng thì càng khó bội phần.

- Trời ơi, thứ bảy này là sinh nhật tôi. Ông già P. J. muốn tôi có đôi bông tai, giá nào ông cũng trả.

- Tôi sợ tôi không thể...

- Để coi, hột của tôi mua một trăm ngàn, nếu ông kiếm được một hột khác thì ông P. J. có thể trả đến hai, ba trăm ngàn.

Gregory Halston nghĩ nhanh: thế nào mà chẳng có một hột giống như vậy. Nếu thằng cha già Texas sẵn sàng trả thêm hai trăm ngàn thì công ty sẽ kiếm thêm được chút lời và cá nhân ông ta cũng có phần trong đó. Ông bèn hứa hẹn:

- Thưa bà Benecke, để tôi hỏi vòng vòng xem sao. Máy tiệm kim hoàn khác ở London có thể có, để tôi đăng quảng cáo coi như thế nào.

- Từ đây đến cuối tuần ông ráng kiếm giùm tôi nhé. Giữa ông và tôi, tôi tiết lộ cho ông biết là ông P. J. có thể trả đến ba trăm năm chục ngàn đồng đó.

Halston nhìn theo bà khách bước ra khỏi tiệm với chiếc áo khoác ngoài dung đưa theo mỗi bước chân.

Gregory ngồi trong văn phòng mà mơ mộng. Thời cơ sắp đến tay ông qua một ông khách ngu si nào đó dám bỏ ra ba trăm năm chục ngàn để mua cho con vợ đáng dấp trông kinh bỏ xù một hột mà giá trị chỉ đáng một trăm ngàn. Halston dự tính bỏ túi riêng hai trăm năm chục ngàn. Anh em nhà Parker không thắc mắc gì vì bán ra một trăm ngàn họ cũng đã lời chán. Điều quan trọng là ông phải kiếm cho ra một hột giống y như hột ông đã bán cho mẹ Benecke.

Khó khăn hơn ông tưởng. Không một tiệm kim hoàn nào ở London có hột ngọc bích giống như thế. Ông

đăng quảng cáo trên các báo và nhận đủ các cú điện thoại về những hột ngọc bích xuất sắc mà vẫn không tìm được thứ ông muốn.

Đến ngày thứ tư thì bà Benecke điện thoại đến:

- Ông P. J. nhà tôi có vẻ bồn chồn lắm. Ông đã tìm ra cho tôi chưa?

- Thưa bà chưa ạ, nhưng xin bà đừng lo, thế nào tôi cũng tìm ra mà.

Ngày thứ sáu bà ta lại điện thoại đến giục:

- Ngày mai là sinh nhật của tôi đó.

- Tôi biết chứ bà Benecke. Phải chi có nhiều thì giờ thì tôi có thể...

- Không sao. Nếu sáng mai ông không tìm được một hột nữa thì tôi sẽ trả lại hột này. Ông già P. J. quyết định mua cho tôi một bất động sản, ông có nghe nói đến đất ở khu Sussex không?

Halston thấy như nghẹt thở. Ông lắp bắp nói:

- Bà Benecke ạ, bà sẽ không thích ở khu Sussex đâu. Đó là khu đồng quê đang trong thời kỳ phát triển, không có suối và...

- Tôi cũng nghĩ vậy. Nói riêng với ông là tôi thích đôi bông tai hơn. Ông P. J. của tôi nói là ông sẵn sàng trả đến bốn trăm ngàn cho một hột nữa. Ông xem ông có cứng đầu hay không?

"Bốn trăm ngàn đồng!", Halston có cảm tưởng như mình đang đếm những tờ giấy bạc đó.

- Tin tôi đi, tôi sẽ cố gắng tìm cho bà một hột như vậy, nhưng bà cho tôi thêm chút thời gian.

- Đâu phải do tôi quyết định mà do ông già P. J. đó chó!

Đường dây điện thoại cúp ngang. Halston ngồi oán trách số phận ông ta sao mà đen như vậy. Làm sao tìm ra một hột mười ca-ra nữa bây giờ. Ông bận suy nghĩ đến nỗi không để ý tiếng máy intercom vang lên. Thò tay bấm nút, ông hỏi:

- Chuyện gì vậy?

- Dạ thưa ông Halston, có bà quận chúa Marissa ở đầu dây. Bà ta gọi đến về mục quảng cáo mua hột ngọc bích.

Lại một người nữa. Từ sáng đến giờ ông đã nói chuyện với mười người

nhưng chỉ tốn thì giờ vô ích. Halston bốc điện thoại với vẻ mặt không vui:

- Tôi nghe đây.

Một giọng đàn bà nhỏ nhẹ với cách phát âm của người Ý:

- *Buon giono, signore*. Tôi đọc báo thấy ông muốn mua một hột ngọc bích phải không?

- Nếu đúng với đặc tính mà tôi muốn, phải!

Ông không thể che giấu sự thiếu kiên nhẫn qua giọng nói.

- Tôi có một hột ngọc bích gia bảo. Hột thật là đẹp, tiếc là tôi đang ở trong hoàn cảnh phải bán nó đi...

Halston đã nghe nhàm tai những mẩu chuyện như vậy, trí óc ông ta còn đang bận nghĩ đến những công ty bán đấu giá, biết đâu họ có.

- *Signore*, có phải ông đang kiếm một hột mười ca-ra?

- Phải.

- Tôi có một hột mười ca-ra nước xanh, gốc Columbia.

Halston nghe giọng mình lạc hẳn đi:

- Há? Bà... bà nói gì?

- Dạ, hột mười ca-ra nước xanh gốc Columbia. Ông có thích không?

- Có thể. Bà có thể ghé ngang tiệm cho tôi xem một chút được không?

- Dạ không, bây giờ tôi bận lắm. Chúng tôi đang tổ chức một party cho chồng tôi ở toà đại sứ. Có thể tuần sau tôi sẽ...

- Không, tuần sau trễ quá. Tôi có thể ghé nhà bà được không?

- Chắc không, tôi đang định đi phố mua đồ...

- Thế bà Quận chúa đang ở đâu đó?

- Ở Savoy.

- Từ đây tới đó chỉ mất 5 phút, cao lắm là 15 phút.

- Thôi cũng được, tên ông là gì?

- Halston, Gregory Halston.

- Phòng số 26.

Chiếc taxi đi chậm như rùa. Halston đã đi từ thiên đàng xuống địa ngục và bây giờ đi trở ngược lại. Nếu bà quận chúa này có cái hột giống như con mẹ Texas đã mua thì ông sẽ giàu hơn mơ ước. Bốn trăm ngàn.

mùa thu ở mỹ

Lại gặp mùa thu nữa đến rồi
Trời như ai đẩy vút lên khơi
Nhật nhòa mặt đất sương lam tỏa
Vắt vẻo trên cây nắng lụa phơi
Lờ lững từng không, mây trắng dạo
Ngập ngừng ngõ vắng, lá vàng rơi.
Ai về bên ấy cho ta nhận:
Thu đẹp, nhưng mà của họ thôi!

thanh hữu huyền

Ông sẽ lời được ba trăm ngàn ngon ơ. Ông sẽ tậu một căn nhà ở Riviera, có thể thêm một du thuyền nhỏ...

Gregory vốn không tin ở thượng đế, thế mà lúc đi ở hành lang khách sạn Savoy, ông đã thầm cầu xin: "Vái trời cho bà này có cái hột giống như hột mà ông già P. J. đang tìm". Ông đến trước cửa phòng 26, hít một hơi thật dài để giữ bình tĩnh. Ông đưa tay gõ cửa nhưng không có tiếng trả lời. Halston thầm nghĩ: "Chúa ơi, bà ta đã đi phố. Bà không đợi mình và..."

Cửa mở. Halston thấy mình đối diện với một phụ nữ đáng đáp quý phái tuổi độ 50, đôi mắt nâu, gương mặt thanh tú và mái tóc điểm bạc. Giọng bà ta dịu dàng với cách phát âm giọng Ý:

- Vâng?

- Tôi là Gregory Halston. Tôi đã nói chuyện với bà qua điện thoại...

- À, mời ông vào. Tôi là Quận chúa Marissa.

Halston bước vào phòng, đầu gối run lên vì hồi hộp. Ông muốn hỏi ngay "Hột ngọc bích của bà đâu?" nhưng buộc lòng phải kiên nhẫn. Chờ thêm một giây sau, Halston mới mở lời:

- Về việc hột ngọc bích...

- À, hột này do bà ngoại tôi để lại. Tôi muốn để dành cho con gái tôi khi nó đúng 25 tuổi nhưng vì chồng tôi mới mở một cơ sở ở Milano nên tôi...

Thần kinh Halston căng thẳng lắm rồi, ông không cần nghe chuyện của bà ta mà chỉ muốn xem hột ngọc bích, thế nhưng bà ta vẫn tiếp tục cà kê đề

ngỗng:

- Không biết tôi làm như vậy có đúng không, tôi muốn giúp chồng tôi làm ăn...

- Bà làm vậy đúng lắm chứ. Giúp chồng là bổn phận của người vợ. Vậy chứ hột ngọc bích hiện giờ ở đâu?

- Dạ đây.

Bà ta móc trong túi áo ra một gói giấy và đưa cho ông Halston. Ông nhìn trừng trừng vào đó như không thể tin được: chiếc hột màu xanh mười ca-ra giống y hình dáng và màu sắc mà ông đã bán cho mẹ Benecke. Có thể khác nhau một chút nhưng khó mà nhận ra. Tay ông bắt đầu run. Ông cố gắng giữ bình tĩnh, đưa trả chiếc hột lại cho bà Quận chúa và khen:

- Thật là hột đẹp hiếm có!

- Dạ đúng thế. Bởi vậy nên tôi không muốn xa nó.

- Bà đã quyết định đúng. Khi nào chồng bà làm ăn khá giả thì bà muốn mua lại bao nhiêu mà chẳng được.

- Tôi cũng nghĩ như ông, ông thật dễ thương quá.

- Tôi mua giùm một người bạn, bà Quận chúa ạ. Chúng tôi có nhiều hột giá trị hơn ở tiệm nhưng ông bạn tôi muốn một hột giống y như hột này. Ông ta có thể trả đến sáu chục ngàn.

Bà Quận chúa rên rỉ:

- Bà ngoại tôi ở tuổi vàng sẽ trách tôi nếu tôi chỉ bán nó với giá sáu chục ngàn.

Halston cắn môi ra vẻ suy nghĩ rồi mỉm cười:

- Hừm... Nếu tôi gắng thuyết phục, có thể bạn tôi sẽ trả tới một



trăm ngàn đồng vì ông ta đang thêm một hột ngọc bích như vậy.

- Ít ra cũng phải vậy chứ!

Gregory Halston thấy tim mình đập thình thịch:

- Tôi có đem chi phiếu theo đây, để tôi viết cho bà một...

- Dạ không. Tôi sợ số tiền này không đủ cho tôi giải quyết vấn đề.

Giọng bà ta có vẻ buồn bã.

Halston nhìn bà ta chòng chọc:

- Bà có vấn đề gì?

- Tôi đã nói với ông, chồng tôi mở một cơ sở thương mại và ông ta cần ba trăm năm chục ngàn đồng. Hiện tôi chỉ có một trăm ngàn, phải kiếm thêm hai trăm năm chục ngàn nữa. Tôi tưởng đâu bán được hột này tôi sẽ có số tiền đó.

Halston lắc đầu quầy quậy:

- Bà Quận chúa ơi, không có hột ngọc bích nào giá cao như vậy đâu. Tin tôi đi, một trăm ngàn là cao hơn giá thị trường rồi.

- Thưa ông Halston, tôi cũng tin vậy nhưng bao nhiêu đó không đủ giúp chồng tôi.

Bà ta đứng dậy giơ tay có ý tiễn khách:

- Tôi xin lỗi, tôi đành giữ lại hột này cho con gái tôi vậy. Cảm ơn ông đã đến.

Halston đứng như trời trồng. Lòng tham thúc đẩy, ông không thể để mất dịp may này.

- Thưa bà, mình có thể bàn thêm một chút không? Nếu tôi nói với bạn tôi trả cho bà một trăm năm chục ngàn đồng?

- Không, phải hai trăm năm chục ngàn chẵn.

- Hai trăm ngàn vậy, nhé?

- Dạ không, đúng giá hai trăm năm chục ngàn.

Coi bộ không lay chuyển nổi bà già này. Halston quyết định. Thà lời một trăm năm chục ngàn còn hơn không có gì, có nghĩa là ông sẽ mua nhà và tàu nhỏ hơn nhưng vẫn là một món. Đó cũng là cách trả lời sự keo kiệt của anh em chủ nhân Parker đã đối xử bất công với nhân viên và với cá nhân ông. Ông sẽ chờ một hai ngày sau mới đưa đơn xin nghỉ việc và vài

tuần sau ông sẽ bay về vùng Côte d'Azur nằm dài tắm nắng.

- Tôi chấp thuận giá của bà.

- Tôi hài lòng lắm.

Halston rửa thầm: "Đồ chó chết, không hài lòng sao được! Để gì mụ bán được một hột giá hời như vậy!" Ông nhìn kỹ hột ngọc bích một lần nữa trước khi gói lại cho vào túi:

- Tôi sẽ đưa bà một chi phiếu của công ty.

- Cảm ơn ông.

Trong khi ký chi phiếu, Halston tính trong đầu: ông sẽ điện thoại cho mụ Benecke và bảo mụ viết chi phiếu bốn trăm ngàn đồng trả cho ông. Ông sẽ bỏ vào trương mục của ông và chỉ bỏ vào trương mục của công ty số tiền hai trăm năm chục ngàn. Phần sai biệt sẽ là của ông. Một trăm năm chục ngàn đồng. Ô, ông như cảm thấy ấm vùng biển đất Pháp đang chiếu rọi trên mặt mình.

*

* *

Bạn đi thấy lâu nhưng bạn về thấy nhanh như chớp. Halston cảm thấy lâng lâng khi nghĩ đến món tiền lời vừa kiếm được. Ông hình dung được sự mừng rỡ của mụ Benecke khi nghe ông báo tin vui là đã kiếm được hột đá quý mụ mong muốn.

Halston lao vào tiệm vừa lúc Chilton chạy lại:

- Thưa ông, có người khách đang đợi ông.

Halston vui vẻ khoát tay:

- Để lát nữa.

Ông ta không có thì giờ chào đón khách hàng. Bây giờ và về sau cũng vậy. Từ bây giờ thiên hạ sẽ phải chờ đợi ông chứ không phải chờ ông thiên hạ nữa...

Halston lao vào văn phòng riêng nhanh như gió, đóng cửa lại và lấy hột ngọc bích trong túi ra, bắt đầu quay số.

Giọng điện thoại viên trả lời:

- Khách sạn Dorchester.

- Cho tôi nói chuyện với phòng Oliver Messel.

- Xin lỗi ông muốn nói chuyện với ai ạ?

- Bà J. P. Benecke.

- Xin chờ một chút.

Halston huýt gió nho nhỏ trong lúc chờ đợi. Cô điện thoại viên trở lại đường dây:

- Xin lỗi ông, bà Benecke đã trả phòng.

- Vậy thì cho tôi liên lạc với phòng nào bà dọn đến cũng được.

- Dạ, bà ta đã trả phòng ở khách sạn chúng tôi.

- Hả? Không thể nào! Bà ta...

- Để tôi chuyển máy cho ông nói chuyện với nhân viên lo việc vắng lai.

Giọng một người đàn ông vang lên trong máy. Halston lạnh toát người khi được biết bà ta đã trả phòng và không để lại địa chỉ.

Bao tử Halston quần thất lại. Ông đặt ống nghe xuống nhẹ nhàng, ngồi im, mắt trợn trừng. Chết rồi! Bằng mọi cách ông phải kiếm cho ra địa chỉ mụ Benecke để cho mụ biết ông đã tìm được hột đá quý mà mụ mong muốn, đồng thời ông phải bù số tiền hai trăm năm chục ngàn mà ông đã ký cho bà quận chúa Marissa. Sự nghĩ ra một điều quan trọng, Halston gọi ngay đến khách sạn Savoy:

- Cho tôi nói chuyện với phòng 26.

- Thưa ông muốn nói chuyện với ai?

- Quận chúa Marissa!

- Xin chờ máy.

Trước khi điện thoại viên trả lời, linh tính đã cho Halston biết ông sắp được thông báo về một tai họa.

- A lô, Quận chúa Marissa vừa mới trả phòng hồi nãy.

Halston gác máy. Bàn tay ông run bần bật đến nỗi phải cố lắm ông mới bấm xong các nút số điện thoại ngân hàng được:

- Làm ơn cho tôi nói chuyện gấp với ông kế toán trưởng. Tôi muốn ngưng trả tiền tám chi phiếu...

Nhưng hỡi ơi, ông đã trễ một bước. Ông đã bán một hột ngọc bích với giá một trăm ngàn đồng và mua lại chính hột đó với giá hai trăm năm chục ngàn. Halston ngồi thụt người trong ghế, lo sợ không biết phải trả lời làm sao với anh em ông chủ Parker. (còn tiếp)

hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
Journey in Search of the Way
(Satomi Myodo)

NGUYỄN PHONG
dịch



(tiếp theo)

Chương 5

Người ta nói rằng làng tôi được dựng lên từ khi những người đi khẩn hoang đầu tiên đặt chân đến Hokkaido. Tuy nhiên phần lớn những người này không hề định cư tại đây, họ đến chỉ vì Hokkaido có nhiều rừng cây rất lớn. Họ phá rừng, xẻ núi để đốn gỗ, khai thác tới đa những hoa lợi này cho đến khi những cánh rừng bao la biến thành bãi đất trơ trụi, hoang tàn, không còn gì để khai thác nữa thì bỏ đi. Chỉ còn những kẻ nghèo đói, tha phương cầu thực, những kẻ không thể sống ở đâu được, đành bám lấy mảnh đất này để mưu sinh. Mùa mưa đến, không có rừng cây giữ nước, nước lũ từ trên cao đổ xuống, cuốn sạch đi lớp đất màu mỡ, chỉ còn trơ lại lớp đá sỏi khô cằn, việc trồng trọt đã khó khăn lại thêm khó khăn gấp bội. Dù cố gắng, dân làng chỉ có thể trồng trọt được ít rau trái qua loa trước mùa mưa lớn mà thôi, vì thế số người bỏ làng ra tỉnh kiếm ăn càng ngày càng nhiều, làng tôi đã nghèo lại càng tả tơi hơn trước. Sau nhiều năm lang thang, tôi trở về làng xưa với một tâm trạng vui buồn lẫn lộn. Nhìn bãi đất cằn cỗi với lũ trẻ chăn trâu gầy

còm, nhìn những người dân quê rách rưới cày cuốc lam lũ, nhìn những căn nhà dột nát hoang tàn, tự nhiên tôi động lòng và tự nhủ sẽ phải tìm cách khôi phục ngôi làng này.

Sau thời gian gặp gỡ thăm hỏi gia đình, tôi khởi sự hành nghề cô đồng (Miko) để kiếm sống. Đây là một thất vọng lớn cho gia đình tôi. Cha tôi giữ thái độ im lặng không nói gì nhưng nhìn mặt ông, tôi có thể đoán rằng ông không được vui lắm. Là người ít nói, mẹ tôi chỉ bày tỏ thái độ qua một câu ngắn ngủi: “Tưởng mày đi xa học được nghề nghiệp gì khá”. Đứa con gái của tôi cũng giống tính bà ngoại của nó, nhút nhut, chịu đựng, nên chỉ tỏ thái độ tiêu cực nhưng chồng nó thì không như vậy. Đứa con rể đã phản đối quyết liệt: “Mẹ nên biết chúng ta đang bước vào thời đại văn minh kỹ thuật, cái trò đồng bóng quàng xiên này đâu còn lừa bịp được ai!” Tôi thấy không cần phải giải thích lời thôi. Bản tính ương ngạnh và lạnh lùng cố hữu của tôi đã thúc đẩy tôi tiếp tục chương trình đã định. Muốn tránh phiền phức cho gia đình, tôi dựng một chòi nhỏ trước miếu thờ chư thần ở đầu làng để hành nghề. Tôi vừa cúng tế chư thần vừa hướng dẫn những người gặp hoàn cảnh khó khăn, chỉ cho họ cách sống làm sao

thuận với ý chư thần. Kết quả khả quan không ngờ nên số người tìm đến xin tôi hướng dẫn mỗi ngày một nhiều. Chỉ một thời gian ngắn tôi đã kiếm được một lợi tức khá, có thể giúp đỡ gia đình đang lâm cảnh túng quẫn. Tuy thành công nhưng tôi vẫn không tin vào tài nghệ của mình bao nhiêu. Nhiều lúc tôi tự hỏi phải chăng các chư thần (Kami) đã nhập vào tôi, mượn miệng tôi để hướng dẫn mọi người hay là một cái gì khác? Nỗi nghi ngờ này ngày một gia tăng khiến tôi cảm thấy áy náy khó chịu. Vào lúc đó, trong những cô đồng, nổi tiếng nhất là bà Yamamoto, một người có nhiều kinh nghiệm và quyền năng lạ lùng nên tôi liên lạc với bà này nhờ giúp đỡ. Bà đồng Yamamoto sống tại Sapporo, trong một căn nhà nhỏ trưng bày rất đẹp. Biết tôi là học trò chân truyền của lão sư nên bà tiếp tôi một cách niềm nở. Bà im lặng nghe tôi bày tỏ nỗi thắc mắc rồi nói một cách nhẹ nhàng:

- Việc gì mà em phải khổ tâm nghi ngờ như vậy? Đúng hay sai, tốt hoặc xấu hãy cứ để cho các thân chủ của em quyết định. Em được huấn luyện để làm một việc thì cứ theo đúng như vậy mà làm, thắc mắc làm gì cho mệt tâm trí!

- Nhưng thưa chị, nhiều lúc em có cảm tưởng như điều em nói không hoàn toàn đúng với sự thật.

- Cái đó không phải là việc của em. Đúng hay sai là việc của các thân chủ.

- Nhưng phải chăng chúng ta làm nghề này để giúp đỡ mọi người, chỉ cho họ thấy rõ cách hành xử làm sao cho đúng với ý muốn của chư thần?

- Đúng thế, nhưng trong thiên nhiên có hàng trăm hàng ngàn vị thần, mỗi vị lại chỉ dẫn một cách khác nhau, làm sao em có thể biết được. Chân lý có thể giải thích bằng nhiều lối, không nhất thiết chỉ có một lối duy nhất. Một khi em đã hoàn toàn thụ động để các thần linh sử dụng thể xác, mượn miệng của em để chỉ dẫn cho mọi người thì đó là việc giữa chư thần và mọi người, em không có trách nhiệm gì trong đó cả.

- Nhưng nếu mình không nói đúng...

- Em đâu có làm chủ được những câu nói đó! Khi thụ động hoàn toàn, em không có một trách nhiệm gì cả. Nếu em không thụ động mà còn có một chút ý chí nào đó thì dĩ nhiên các chư thần sẽ không nhập vào em nữa và khi đó vấn đề sẽ hoàn toàn khác hẳn.

- Nhưng làm sao em biết đâu là ý muốn của chư thần, đâu là ý chí của mình?

- Cái đó là do công phu tu tập. Phải tuyệt đối giữ mình trong sạch, sống đúng theo ý muốn của chư thần và lúc nào cũng ý thức rằng mình chỉ là một công cụ cho một quyền năng cao cả nào đó sử dụng, đừng để bất

cứ một thứ gì khác ảnh hưởng đến việc này.

Tôi đàm đạo với bà Yamamoto một lúc rồi xin cáo từ ra về. Tuy bà đã xác nhận rõ trách nhiệm của một người đồng (Miko) nhưng trong tâm tôi vẫn có một cái gì ray rứt không ổn mà tôi không thể nói ra được.

Như đã nói, khi trở về làng nhìn những thửa ruộng khô cằn, những căn nhà mục nát, tôi đã có ý định sẽ khôi phục lại ngôi làng này. Tôi suy nghĩ cẩn thận và thấy việc đầu tiên phải làm là làm sao thay đổi được lòng người đang chán chường, mệt mỏi để họ trở nên hăng hái, phấn chấn hơn. Nhưng làm sao khôi phục được lòng người? Tôi thấy giải pháp tốt nhất là khôi phục lại niềm tin nơi con người

qua một công cuộc chung, một kế hoạch chung mà tất cả mọi người đều góp phần xây dựng.

Cuối làng tôi có hai ngọn suối nhỏ chảy xuống thung lũng phía dưới tạo thành một thác nước mà dân làng gọi là thác Phu Thê. Ngọn thác này đổ vào sông Ashiribetsu, chảy dọc theo sườn núi rồi đổ vào một cái hồ hình bán nguyệt, chỗ đó gọi là thác Ashiribetsu, phong cảnh rất hữu tình. Từ hồ Ashiribetsu, giòng sông còn uốn khúc qua một thung lũng với nhiều ngọn thác nhỏ trước khi chảy ra biển. Ở cửa biển có một miếu thờ thần Fudo đã đổ nát hoang tàn. Tôi bèn nảy ra ý định lập miếu thờ chư thần ở quanh những ngọn thác đó cũng như trùng tu miếu thờ thần Fudo. Thứ nhất, việc lập miếu thờ sẽ đem lại niềm tin cho dân làng, giúp những người nghèo khó tuyệt vọng tìm được hy vọng ở tương lai; thứ hai, việc xây dựng miếu thờ sẽ giúp nhiều người có cơ hội làm việc chung với nhau, góp phần tái tạo tình thân hữu tương trợ. Ý định quyên góp tiền bạc để lập miếu thờ chư thần của tôi đang nhen nhúm trong đầu thì một hôm mẹ tôi đi xem bói để hỏi về tình trạng gia đình. Vị thầy bói đã nói:

- Gia đình bà có một năm mộ tổ tiên xây đề lên bộ cốt của một con ngựa khiến nó không siêu thoát được nên nó oán. Vì thế ruộng nương của bà không tốt, hoa màu không thất thu cũng bị sâu bọ phá hoại; nhà cửa của bà có lớn lao đến đâu rồi cũng bị hỏa hoạn tiêu tan hết; con cái bà dù thế nào cũng không thể ăn nên làm ra như những người khác. Con trai thì phải tha phương cầu thực, con gái thì chịu cảnh làm lẽ hoặc không chồng. Muốn thay đổi, bà phải đi lạc quyên đúng một ngàn người, mỗi người ít nhất một đồng, lấy tiền đó xây đền thờ đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hàng ngày cúng kiếng hương hoa cẩn thận, nhờ oai lực của ngài mà con ngựa kia được siêu thoát. Có như thế thì vận hạn, tai ương của gia đình bà mới chấm dứt được.

Tôi không biết ông thầy bói nói có đúng không nhưng điều này không

los, mùa thu mới

*Gió đã chuyển mùa. Thu đã sang
Em ơi thành phố lá bay vàng
Em còn xanh tóc, đi đâu đó
Muốn thả mây trùm bến viễn phương?*

*Ai kéo thời gian mà được nhỉ
Sông Hoàng chẳng đổ nước trên cao!
Con sông em thấy trôi bằng mặt
là tự lòng sông rất đỗi đau.*

*Em ạ, thu vàng em tóc xanh
khác gì thiên hạ, khác gì anh
Những nền hoa cỏ người ta trải
giấc mộng nào mà chẳng mỏng manh?*

*Tối một ngày kia, em tóc bạc
tìm đâu cho được ý thơ hồng
Quê hương ngó lại thời tan nát
em nghĩ gì khi chợt nhớ nhung?*

*Gió đã chuyển mùa, ta chuyển bước
nhịp đời nổi mãi sợi tơ le
Tóc xanh, tóc bạc rồi rơi rớt
mù mịt thêm thôi một lối về.*

*Los Angeles chiều thu mới
Buồn bỗng dưng buồn trong mắt anh
Có lẽ soi gương nhìn thấy hết
Ở đâu xa lắm nước non xanh.*

trần văn lệ



quan trọng vì nó phù hợp với sở nguyện thâm kín của tôi. Vừa nghe mẹ tôi nói xong, tôi quyết định sẽ thi hành chương trình phục hưng ngôi làng mình. Tôi hội họp những người trong gia tộc để bàn về việc này. Mấy năm nay gia đình nào cũng gặp khó khăn nên nghe nói có giải pháp, ai nấy đều hết sức đồng ý. Thế là một mặt tôi xin phép hội đồng kỳ mục trong làng để lập đền thờ, mặt khác tôi hô hào dân chúng quyên góp công của để xây đền thờ đức Quán Thế Âm trên đỉnh đồi Ganseki gần đó. Như đã nói, làng tôi rất nghèo, chỉ sống nhờ trồng trọt rau trái trong mùa khô; vào mùa mưa vì nạn nước lũ, không mấy ai trồng trọt được gì nên số người thất nghiệp rất đông. Dân làng vì nghèo đói nên sinh ra lắm tệ đoan như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp.v.v.. Việc hô hào mọi người góp phần công quả xây nơi thờ phụng đức Quán Thế Âm Bồ Tát là một việc hết sức mới mẻ, trọng đại đối với dân làng. Phần lớn đều tin rằng việc xây dựng đền thờ này sẽ đem lại cho họ những may mắn, những phước đức lâu dài, có thể cải thiện đời sống của họ. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng, niềm tin dù là niềm tin gì chẳng nữa cũng dễ khích lệ số đông nên chỉ cần một người kêu gọi, hàng trăm người đã hưởng ứng, người giàu góp, của kẻ nghèo góp công nên chỉ trong một thời gian ngắn, đền thờ đã hoàn tất. Một pho tượng đức Bồ Tát Quán Thế Âm đứng trên toà sen được đắp rất đẹp. Bên dưới toà sen có khắc những câu kinh trong Phổ Môn: “Quán Âm sức trí diệu, hay cứu đời thoát khổ, đầy đủ sức thần thông, rộng tu trí phương tiện, các cõi nước mười phương, không cõi nào chẳng hiện”. Trước cửa đền thờ còn có một bia đá lớn với những câu: “Chúng sinh bị khổ ách, vô lượng khổ bức thân, nhờ sức niệm Quán Âm, liền được tiêu tan cả”.

Đến ngày khánh thành, chúng tôi gửi giấy mời người trong làng và làng mạc kế cận đến tham dự. Dân làng tổ chức lễ dâng hoa rất long trọng, số người kéo đến xem rất đông và sau này thành lệ, hàng năm cứ khoảng

tháng tám dương lịch, làng tôi lại mở hội kỷ niệm ngày thành lập này rất lớn. Ngày nay đền thờ đức Quán Thế Âm tại đồi Ganseki là một thắng cảnh nổi tiếng của Hokkaido, quanh năm số người đến lễ bái rất đông, dĩ nhiên họ phải nghỉ chân tại đây nên hàng quán và khách sạn được xây cất, đem lại việc làm cho một số người không ít trong làng.

Sau khi việc xây đền thờ đức Quán Thế Âm thành công, tôi bắt đầu khởi xướng việc xây cất đền thờ chư thần và trùng tu lại miếu thờ thần Fudo. Cũng như lần trước, số người hưởng ứng việc này rất đông. Vì sông Ashibiteru chảy qua nhiều làng nên việc này lôi kéo dân chúng ba bốn ngôi làng quanh đó cùng chung sức làm việc. Tuy đây là chương trình do tôi vạch ra nhưng tôi đã khôn khéo mời hội đồng kỳ mục của mấy làng cùng đứng ra chủ xướng nên chỉ trong vòng một năm, hai đền thờ đã được hoàn tất tốt đẹp. Tôi mời các giáo sĩ Thần đạo đến làm lễ, tổ chức các khoá tu học và tẩy uế thân tâm bằng nước lạnh (Misogi) tại thác Fudo. Chỉ trong vòng vài năm, số người tham dự các khoá tu này đã lên đến cả ngàn người. Ngày nay nghi thức tẩy uế bằng nước lạnh tại thác Fudo đã trở nên một ngày hội lớn, lôi cuốn rất đông người tham dự. Sự thành công này vô tình đưa tên tuổi tôi lên một địa vị quan trọng. Tôi được quần chúng tín nhiệm như một vị thầy của Thần đạo (Shinto). Tôi hoạt động không ngừng, hết tổ chức các khoá lễ nơi này lại đến các khoá tu tại nơi khác. Số người đến nhờ tôi giúp đỡ ngày càng nhiều, dần dần tôi trở nên tự tin, bạo dạn hơn trước.

Vào lúc đó, sức khoẻ của cha tôi đã suy kém nhiều nhưng vì bận rộn công việc nên tôi không có thì giờ chăm sóc cho cha tôi mấy. Mỗi quan hệ giữa tôi và gia đình càng ngày càng trở nên lạnh nhạt. Đứa con rể tôi tỏ ra khó chịu và thường chống đối tôi ra mặt nhưng lúc đó tôi nghĩ: Mục đích của cuộc đời là gì nếu không phải để giúp đỡ người khác? Dĩ nhiên khi làm việc lớn thì gia đình phải chịu

hy sinh. Tôi đã phục hồi sinh khí cho ngôi làng nghèo nàn, lập đền thờ, chấn hưng kinh tế, giúp nhiều người tìm được công ăn việc làm, và tôi không thể làm gì khác hơn thế được. Tôi tiếp tục lăn xả vào những hoạt động xã hội, bất chấp một thiểu số người trong đó có con rể tôi, chê trách. Họ đã rêu rao là tôi “háo danh như loài chồn hoang, bất hiếu, bất nghĩa, đáng khinh”, nhưng tôi thâm nghĩ: Bất cứ việc gì cũng đều có thử thách; việc càng lớn, thử thách càng nhiều. Khi làm việc lớn, phải biết bỏ qua các tiểu tiết, vấn đề chính là mình có thoải mái với chính mình hay không mà thôi.

Mặc dù nghĩ như thế nhưng trong thâm tâm tôi vẫn nhen nhúm một điều gì khác khoải kỳ lạ không thể diễn tả. Càng ngày nỗi ray rứt này càng gia tăng khiến tôi bắt đầu lo sợ. Ban ngày khi bận công việc, nó ít quấy rầy nhưng về khuya, trong lúc tĩnh tâm, nó là cả một trở ngại lớn cho việc tập trung tư tưởng. Nghĩ rằng mình đã xao lãng công phu, tôi quyết định dậy thật sớm, dành nhiều thì giờ để tĩnh tâm; ngoài ra tôi còn cố gắng học hỏi thêm các sách vở, tài liệu về Thần đạo. Tôi nghiên ngẫm đủ thức sách vở không thiếu cuốn nào vì nghĩ rằng cái khoảng trống vắng trong tâm đó chẳng qua chỉ là một thiếu thốn về trí thức mà người ta có thể lấp đầy bằng kiến thức được. Hàng ngày tôi lăn xả vào các hoạt động xã hội, xây trường học, tân trang bệnh xá, tổ chức các khoá tu học cho thanh thiếu niên... Tên tuổi của tôi càng ngày càng được nhiều người biết đến. Tôi được mời đi diễn thuyết về Thần đạo, lúc đầu trong các làng mạc kế cận, về sau ra đến tận tỉnh thành, cuối cùng chẳng có nơi nào tại Hokkaido mà tôi chẳng được mời đến. Nhưng dù hoạt động hăng hái thế nào, trong tâm tôi vẫn có một nỗi trống vắng, một cảm giác thiếu thốn kỳ lạ khiến tôi lo sợ không yên.

Sự khủng hoảng này mỗi ngày một thôi thúc dữ dội, lúc đầu còn ít về sau mỗi lúc một nhiều. Lúc trước nó xảy ra trong lúc tôi tĩnh tâm nhưng

về sau nó quấy phá tôi ngay cả những lúc tôi bận rộn làm việc. Sau cùng không chịu nổi, tôi bèn rút vào một am thất trên núi, tập trung tư tưởng để quán sát chính mình. Tôi tập trung định lực tĩnh tâm suốt mấy ngày đêm rồi tự hỏi: “Mình muốn gì bây giờ? Liệu mình đã tìm được điều mình muốn chưa?” Tuy thành công trong việc tu tập, đã trở nên một cô đồng nổi tiếng, đã phục hồi ngôi làng, đã giúp đỡ nhiều người nhưng tôi vẫn chưa giải quyết được động năng đã thúc đẩy tôi đi tìm đạo. Tôi chưa sống thoải mái được với chính mình. Đây là một khám phá bất ngờ vì tôi vẫn nghĩ mình đã sống thuận theo ý chư thần, đã sống một cách chính tâm, thành ý qua các phương pháp tu thân. Điều này đã được lão sư xác nhận rõ rệt thì lẽ ra tôi phải thoải mái, không thắc mắc mà an vui tự tại kia chứ? Phải chăng còn một điều gì khác nữa mà tôi chưa ý thức được? Tôi cố gắng quán xét mọi tư tưởng, hành động của mình trong thời gian qua. Tôi thấy mình đã áp dụng rất kỹ các phương pháp được lão sư chỉ dạy. Hiển nhiên nếu không như vậy thì làm sao tôi trở nên một cô đồng với các quyền năng đặc biệt được! Nhưng nếu đã sống hợp với lẽ đạo thì tại sao tôi vẫn cảm thấy bứt rứt, khắc khoải không yên? Tự nhiên một ý nghĩ kỳ lạ nổi lên trong trí tôi. Biết đâu lão sư đã chẳng dạy sai? Biết đâu con đường tôi đang theo đuổi không thực sự mang lại cho tôi sự bình an thoải mái như tôi muốn? Tôi cố gắng loại bỏ những ý nghĩ điên rồ này nhưng càng ngày tôi càng thấy con đường này không mang lại cho tôi sự an nhiên thanh thoi như tôi vẫn nghĩ. Dần dần những giá trị mà tôi xây dựng bao lâu nay bỗng sụp đổ nhanh chóng như một lâu đài trên cát ướt.

Nhờ công phu quán sát, tôi ý thức rằng nằm sâu trong tiềm thức, các tính xấu như tham lam, ích kỷ, sân hận vẫn tiếp tục chi phối tôi. Dù đã trở nên một bậc thầy của Thần đạo nhưng lòng tôi vẫn đầy rẫy những thắc mắc, hoài nghi dưới những hình thức tế nhị nhất. Dù đã tiên đoán được

nhiều điều hung cát, dù đã biết được quá khứ vị lai của người khác nhưng tôi vẫn chưa thực sự biết gì về mình. Đối với mọi người, tôi là kẻ sáng suốt nhưng với chính mình, tôi vẫn chưa biết rõ mình như thế nào. Càng quán xét sâu sa tôi càng thấy rõ một sự thực rằng điều mà tôi mong muốn không phải là trở nên một cô đồng với các quyền năng đặc biệt mà là một cái gì khác. Tôi có cảm tưởng như mình bị cột vào một sợi dây dài, cứ chạy quanh quẩn trong phạm vi của sợi dây đó, tưởng mình tự do nhưng thực sự không phải. Tôi đã đi theo hết môn phái này đến môn phái khác, học hết lý thuyết này đến lý thuyết kia, theo hết thầy này đến thầy nọ, nhưng tôi vẫn chưa tìm được điều tôi muốn.

Cho đến lúc đó, danh từ “giải thoát”, “tự do tuyệt đối” mới bắt đầu có ý nghĩa đối với tôi. Sống thuận theo ý chư thần, đặt tất cả vận mệnh vào vòng tay của chư thần là một quan niệm không rõ rệt của Thần đạo; nó khiến con người trở nên thụ động, nhu nhược và mù quáng. Thực hành các nghi thức cúng tế, áp dụng các quy tắc tĩnh tâm cũng chỉ đem lại những giải pháp nhất thời, xoa dịu các nỗi đau khổ, ưu tư trong chốc lát nhưng không chữa được gốc rễ căn bệnh. “Chính tâm, thành ý” (Makoto, Kokoro) là một lý thuyết rất hay nhưng người ta phải áp dụng như thế nào mới đúng? Hiển nhiên mỗi vị thầy có một lối giải thích khác nhau, ai cũng cho mình đúng, và đến lúc đó tôi mới bắt đầu đặt câu hỏi về công phu tu tập của các vị thầy đó. Liệu họ đã thực sự đạt đến tâm trạng thoải mái, an nhiên bất động đó chưa? Bề ngoài họ có tác phong của một vị thầy, ăn nói giảng giải như một vị thầy nhưng bên trong họ thế nào? Ngay như tôi vẫn được quần chúng tín nhiệm như một vị thầy nhưng đã mấy ai biết rõ được lòng tôi bối rối hoang mang như thế nào đâu? Phải chăng đó chỉ là một “trò chơi” của trí thức? Một cuộc “thí nghiệm về tôn giáo” của những người được coi là học giả? Một sự dối gạt trắng trợn chính mình?

Sau khi suy gẫm kỹ lưỡng, tôi quyết định: nếu con đường này không mang lại cho tôi sự thoải mái thì tôi phải thay đổi và tìm kiếm lại từ đầu. Dĩ nhiên việc này không dễ. Tôi đang là một vị thầy về Thần đạo, đang được mọi người kính nể, đang là một cô đồng nổi tiếng tại Hokkaido, nếu từ bỏ tất để làm lại từ đầu thì người ta sẽ nghĩ như thế nào? Tôi có thể tưởng tượng ra lời đàm tiếu của dân làng, những người từ trước đến nay không thích tôi, hiển nhiên họ sẽ vô cùng thỏa thích. Tôi nghĩ đến đứa con rể tôi, nó vẫn khó chịu với tôi và thường nói với mọi người rằng tôi chỉ là một “loài chồn hoang”, một thứ “đồng bóng ăn nói quàng xiên”, một người “lạnh lùng, ích kỷ, không có tình cảm”; có lẽ nó cũng có lý phần nào. Càng suy gẫm tôi càng không chịu nổi. Những nỗi khổ đau dần vật từ xưa vẫn nằm yên trong đáy lòng nay lại nổi lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bất ngờ tôi ý thức được một sự thật rằng cái động năng đã thúc đẩy tôi làm tất cả những việc trên chẳng qua chỉ là một hình thức hết sức tế nhị của bản ngã. Tôi nghĩ rằng mình đã diệt được nó nhưng thực ra nó vẫn tiềm ẩn dưới một hình thức vi tế không ngờ. Cái công phu tu tập để diệt ngã, cái ý định quên mình tuyệt đối để vâng lời một quyền năng nào đó, đã không đánh tan được bản ngã mà chính là một hình thức che đậy của bản ngã, một thứ nguy trang khéo léo của bản ngã dưới các danh xưng tốt đẹp. Rốt cuộc tôi vẫn bị bản ngã đánh lừa. Như được một tia sáng rọi vào tâm trạng hoang mang u tối, tôi nhận thấy rằng người ta không thể đi tìm một lối thoát bằng các phương pháp tẩy uế tâm hay các hình thức bên ngoài được; vấn đề là ở bên trong nên người ta cần tìm một phương pháp tu tập nội quán hòng giải quyết những khắc khoải để đời sống không còn là một sự tranh đấu, mâu thuẫn nữa. Mọi sự áp chế nhằm kiểm soát thân tâm cũng như sở hữu một quyền năng nào đó chỉ là những giải pháp tạm thời, theo thời gian nó sẽ là những chướng ngại nhiều hơn là cứu cánh. Ý thức

được điều này, tôi quyết định chấm dứt ngay việc hành nghề cô đồng, từ chối lời mời gọi của quần chúng và cắt đứt mối liên hệ với Thần đạo. Tôi tự nhủ đã đến lúc mình phải đi tìm một con đường khác, một con đường có thể giúp tôi chấm dứt cái tình trạng dằn vặt đầy khổ đau này.

Trong lúc đang tuyệt vọng, tôi được biết Hoà thượng Tomomatsu Entai vừa mở một khoá tu học và giảng kinh Pháp Cú (Dhammapala) tại chùa Kandadera. Tôi vội vã đáp xe lửa đi ngay đến đó với hy vọng sẽ tìm được một lối thoát cho tình trạng hiện tại. Đó là một ngôi chùa mới được xây cất, kiến trúc rất đẹp. Trước chùa có một hồ sen lớn, hương thơm ngào ngạt. Muốn vào chùa phải đi qua một cây cầu uốn cong rất thẩm mỹ. Nghe tiếng gõ cửa, một vị tăng trẻ tuổi bước ra:

- Bà muốn gì?

- Tôi muốn ghi tên tham dự khoá tu của Hoà thượng Tomomatsu Entai.

- Sau các khoá lễ công cộng Hoà thượng thường thuyết pháp, đâu cần phải ghi tên.

- Không đâu, nghe nói Hoà thượng Entai mở khoá tu trong ba ngày, tôi muốn ghi tên vào khoá tu đó.

Vị tăng trẻ nhìn tôi từ đầu đến chân rồi lắc đầu cười lớn:

- Này bà nội ơi, khoá tu chỉ dành cho những người trẻ thôi.

- Tôi không cần, trẻ hay già gì cũng được, tôi chỉ muốn tham dự khoá tu.

- Đâu được, đây là khoá tu học dành cho những người trẻ mà.

- Nhưng tôi muốn ghi tên tham dự.

- Bà già này lộn xộn quá! Những người như bà chỉ nên theo các khoá lễ và tụng kinh gõ mõ thôi. Làm sao bà có thể theo các khoá tu dành cho giới trẻ được! Bà biết gì mà tham dự! Ngoài ra đài truyền hình địa phương sẽ đến thu hình, một bà già gầy xuống lỗ ngồi chung với tụi trẻ làm sao mà coi cho được!

- Đâu có sao, chú làm ơn giúp giùm.

- Không!

Chú tiểu đóng sập cánh cửa lại

một cách tàn nhẫn. Tôi thất vọng bước ra về, bất chợt thấy bóng mình phản chiếu trên mặt hồ và bàng hoàng trước hình hài quá tiêu tụy của mình. Hai tháng ẩn mình trong am thất trên núi để quán xét nội tâm đã biến tôi thành một con người khác. Dưới bóng nước phản chiếu lung linh, tôi thấy một người gầy gò, hai mắt quầng sâu, má hóp lại, mặt đầy những vết nhăn, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới như một bó giẻ. Dĩ nhiên hình ảnh một bà già hom hem như vậy không thể thích hợp với khoá tu dành cho những người trẻ tuổi được. Nước mắt tôi tự nhiên trào ra, tôi đã già đến vậy hay sao? Tôi khóc và khóc mãi không thôi, tôi tiếc cho thời gian mấy chục năm lang thang tìm đạo một cách vô ích của mình.

Lúc đó cha tôi đã già yếu lắm rồi. Ông thường nằm yên trên giường, hai mắt nhắm nghiền, thỉnh thoảng lại thở dài náo ruột. Họ hàng thân thuộc đều xì xào rằng ông buồn và thất vọng vì có một đứa con bất hiếu không ra gì như tôi. Tôi không thể phủ nhận điều này. Một buổi sáng mùa đông, khí sắc của cha tôi bỗng trở nên tiêu tụy thấy rõ, linh tính báo cho tôi biết một sự chẳng lành. Tôi bước lại ngồi bên cạnh ông. Nghe tiếng động, cha tôi mở mắt nhìn tôi và hỏi:

- Này Matsuno, hoa anh đào trên núi đã nở chưa?

- Thưa cha, hôm qua trời mưa tuyết, bông tuyết bám đầy những cành cây như những bông hoa thật đẹp.

- Không đâu, ta muốn hỏi những bông hoa anh đào kìa!

Tôi im lặng không biết phải nói gì. Cha tôi nhìn tôi rồi cố gắng thều thào:

- Này Matsuno, đôi khi có những bông hoa quên cả thời tiết nên không chịu nở, nhưng nếu hoa không nở thì làm sao có trái... Thôi, sự thế đã như thế thì đành vậy...

Nói xong, cha tôi nhắm mắt trút hơi thở cuối cùng. Tôi hiểu rõ điều ông muốn nói, cho đến khi chết ông vẫn nghĩ đến tôi. (Ghi chú: Truyền thống Nhật khi đó cho rằng người

mưa

không dưng trời đổ mưa rào
hạt lặn trên áo, hạt vào mắt em
chân em gót nhỏ son mềm
mưa bong bóng vỡ
bước thêm ngại ngừng
nụ cười em nở bao dung
anh nghe lắng nổi vô cùng
đau xưa
em cầm túi xách che mưa,
ướt đầm mái tóc đỏ thừa tại anh.

phạm tâm phổ

phụ nữ như một bông hoa phải nảy nở và kết trái; nói một cách khác, phải lập gia đình, thờ chồng và nuôi con, giữ gìn truyền thống thờ cúng tổ tiên. Việc một phụ nữ không có gia đình là một điều đáng xấu hổ).

Sau khi chôn cất cha tôi xong, tôi dọn dẹp lại căn phòng của ông và bắt gặp chiếc áo nâu cũ đã sờn vai. Chiếc áo này nhắc nhở cho tôi một kỷ niệm thời thơ ấu. Đó là một ngày đẹp trời, cha mẹ tôi vừa đi ăn giỗ về, lúc đó tôi còn nhỏ nên cha tôi cõng tôi trên vai. Ngồi ngất ngưỡng trên vai ông, nghe tiếng ông vui vẻ nói chuyện, thỉnh thoảng lại bật lên một tràng cười sảng khoái, đáng lẽ ra tôi phải cảm thấy thoải mái, hạnh phúc lắm mới phải. Không hiểu sao lúc đó tôi lại có cảm giác cô đơn kỳ lạ, một cảm giác như mình đang sống trong một thế giới nào khác, tách biệt hẳn với cái thế giới ấm áp, đầy tình thương yêu nồng nàn kia. Tại sao ngay từ khi còn nhỏ tôi đã có những ý nghĩ lạ lùng như vậy? Phải chăng đó là số phận của tôi? Phải chăng đó là định mạng, một thứ định mạng khắt khe nào đó? Tôi có cảm tưởng như mọi người đều là những cây có cành, có rễ, bám chắc vào lòng đất nhưng riêng tôi lại là một thứ bèo bọt, nổi trôi trên sóng nước, mặc cho giòng đời lôi cuốn xô đẩy. Không thể được, tôi phải tìm cách bám chặt vào đâu đó, ít ra tôi cũng cần một hy vọng nào đó để sống còn. (còn tiếp)

tài-liệu:

Bước Vào Ngưỡng Cửa Hy-Vọng

Đức Giáo-Hoàng Gioan-Phaolô II
Nguyễn Văn Thông

dịch

LTS: Cuốn "Bước vào ngưỡng cửa hy-vọng" của Đức Giáo-hoàng Gioan Phaolô đệ II, với một số vấn-đề tế-nhị và nhạy cảm liên-quan đến các vấn-đề xã-hội và tôn-giáo, đang là đề-tài thời-sự nóng bỏng. Với mục-đích cung-cấp cho quý độc-giả một tài-liệu chính-xác, Làng Văn xin trích đăng trong ba kỳ báo, các đoạn quan-trọng trong cuốn sách này, qua bản dịch của Nguyễn Văn Thông, một nhà văn có kiến-thức quảng-bác về thần-học Thiên Chúa giáo.

Kỳ III

Nhân-quyền

Hỏi: Một lần nữa Cha nói đến phẩm-giá con người. Cùng với nhân-quyền, là hệ-quả của phẩm-giá con người, nó là một trong những đề-tài trọng-tâm và thường được lặp lại trong giáo-huấn của Cha. Nhưng Đức Thánh Cha thực sự muốn nói "nhân-phẩm" là gì? Phải hiểu nghĩa "nhân-quyền" từ căn-nguyên như thế nào? Có phải là những quyền được các chính-phủ và các quốc-gia công-nhận không? Hay là những gì khác, những

gì sâu-xa hơn nhiều?

Đức Giáo-hoàng: Trong một nghĩa nào đó tôi đã nói đến tâm-điểm của vấn-đề trong câu hỏi của ông: "Nhân-phẩm nghĩa là gì? Những gì là nhân-quyền?" Hiển-nhiên là những quyền ấy được Đấng Tạo-Hóa ghi-khắc trong trật-tự của tạo-vật; cho nên chúng ta không thể nói đến những quyền được các tổ-chức loài-người công-nhận, những thứ quyền của các quốc-gia và các tổ-chức quốc-tế. Những tổ-chức ấy diễn-tả không hơn gì được điều mà chính Thiên-Chúa đã ghi-khắc trong lương-tâm luân-lý, hay trong tâm-hồn con người, như Thánh Phaolô cắt-nghĩa trong Thư Gởi Cho Tín-Hữu Roma (cf. Rm 2:15).

Phúc-Âm là sự xác-định đầy-đủ nhất về tất cả quyền của con người. Không có Phúc-Âm chúng ta thấy mình dễ đi xa khỏi chân-lý về con người. Quả vậy, Phúc-Âm xác-định luật linh-thiên nâng cao trật-tự luân-lý của vũ-trụ và xác-nhận nó, nhất là qua chính sự Nhập-Thể. Con người là ai, nếu Chúa Con mang lấy bản-tính con người? Con người ấy phải là ai, nếu Con Thiên-Chúa trả một giá quá đắt cho phẩm-giá con người? Mỗi

năm phụng-vụ của Giáo-Hội diễn-tả điều kỳ-diệu sâu-xa này khi Giáo-Hội suy-gẫm về chân-lý và mầu-nhiệm ấy, vừa ở lễ Giáng-Sinh vừa ở Lễ Canh-Thức Phục-Sinh. "*O felix culpa. Quae talem ac tatum meruit habere Redemptorem*" ("Ôi tội hạnh-phúc, vì nó mang cho ta Đấng Cứu-Rỗi lớn-lao đường bao!" *Exultet*). Đấng Cứu-Rỗi xác-định nhân-quyền chỉ bằng cách phục-hồi phẩm-giá toàn-vẹn mà con người nhận được khi Thiên-Chúa tạo dựng con người trong hình-ảnh và trong sự nên giống Ngài.

Bởi vì ông đã-động đến vấn-đề này nên tôi muốn nhân cơ-hội câu hỏi của ông để nhắc lại việc vấn-đề ấy đã dần dần trở nên quan-trọng đối với tôi như thế-nào. Trong một nghĩa nào đó tôi rất ngạc-nhiên khi nhận ra sự quan-tâm về con người và về phẩm-giá con người mà, ngược lại với những trông-đợi, đã trở nên chủ-đề chính của cuộc bút-chiến chống lại chủ-nghĩa Marxist, và bởi vì chính người Marxist đ. đặt cơ : người làm tâm-điểm trong các lý-chứng của họ.

Sau chiến-tranh, khi những người Marxist nắm quyền ở Ba-Lan và bắt-đầu không-chế chương-trình đại-học, người ta tưởng rằng chương-trình học về chủ-nghĩa duy-vật biện-chứng sẽ được áp-dụng đầu tiên, trước hết qua môn triết-học tự-nhiên. Người ta phải nói là Giáo-Hội Ba-Lan đã được chuẩn-bị rồi. Tôi nhớ những năm sau chiến-tranh, những tác-phẩm của Cha Kazimierz Klószak - một giáo-sư nổi-tiếng thuộc Phân-khoa Thần-học của Đại-Học Kraków về sự thông-thái xuất-chúng của ngài - đã đại-diện cho trí-thức Công-giáo là một sự vững tâm như thế nào. Trong những tác-phẩm uyên-bác của Cha Klosak, triết-học tự-nhiên của Marxist bị thách-thức bởi một đường lối sáng-tạo khám-phá về Logos - là trật-tự và tư-tưởng sáng-tạo - trong thế-giới. Như thế, Klosak trở nên một phần truyền-thống triết-học đã bắt-đầu từ những nhà tư-tưởng Hy-Lạp, tiếp-tục qua *quinque vitae* (ngũ đại-lộ) của Thánh Toma, và cả ở nơi các khoa-học-gia hiện-đại như Alfred North

Whitehead.

Thế-giới hữu-hình, tự nó và trong nó không thể đưa ra một căn-bản khoa-học để có một cắt-nghĩa vô-thần về thực-tại. Trái lại, sự suy-tư ngay thẳng đủ sức tìm được những yếu-tố trong thế-giới để nhận biết được Thiên-Chúa. Trong ý-nghĩa đó sự cắt-nghĩa vô-thần về thực-tại là cắt-nghĩa một chiều và có hậu-ý.

Tôi còn nhớ những cuộc thảo-luận đó. Tôi cũng tham-dự nhiều cuộc họp với các nhà khoa-học, nhất là các nhà vật-lý, là những người, sau Einstein, khá cởi-mở đón nhận một cắt-nghĩa hữu-thần về thế-giới.

Nhưng một cách rất lạ-lùng, loại tranh-luận với chủ-nghĩa Marxist này không kéo dài. Chẳng bao lâu chính con người - và đời-sống luân-lý của con người - đã thành trung-tâm điểm cuộc thảo-luận. Nền triết-học tự-nhiên, có thể nói, bị đặt ra rìa. Trong cố-gắng bào-chứa cho chủ-nghĩa vô-thần, những thảo-luận về đạo-đức chẳng bao lâu chiếm ưu-thế trong cách cắt-nghĩa về thế-giới vật-lý. Khi tôi viết cuốn *Con Người Chủ-Động*, những người Marxist là những người đầu-tiên chú-ý đến nó, dĩ-nhiên là để tấn-công. Quả vậy, cuốn sách của tôi trình-bày một yếu-tố còn đang tranh-cãi trong cuộc bút chiến của họ chống lại tôn-giáo và Giáo-Hội.

Nhưng tới điểm này, tôi phải nói rằng sự quan-tâm của tôi về "con người hành-động" không bắt-nguồn từ những cuộc tranh-luận với chủ-nghĩa Marxist hoặc, ít ra là, không trực-tiếp đối-đáp lại những cuộc tranh-luận ấy. Tôi từ lâu đã quan-tâm về con người như một nhân-vị. Có lẽ mối quan-tâm của tôi có từ sự-kiện tôi chưa bao giờ thích-thú lắm về những môn khoa-học tự-nhiên. Tôi luôn luôn say-mê về con người ngày một nhiều hơn. Trong khi nghiên-cứu ở Phân-Khoa Văn-Chương, tôi say-mê con người ở phương-diện là kẻ sáng-tạo ngôn-ngữ và là chủ-đề của văn-chương; rồi khi tôi khám-phá ra ơn gọi linh-mục, con người đã trở thành chủ-đề trọng-tâm trong công việc mục-vụ của tôi.

Tới thời-điểm này thì chiến-tranh chấm-dứt và những mâu-thuẫn với chủ-nghĩa Marxist lên tới tột-đỉnh. Trong những năm đó, mối quan-hệ lớn nhất của tôi là với giới trẻ khi họ đặt những câu hỏi, không nhiều về sự hiện-hữu của Thiên-Chúa cho bằng là sống thế nào, đối diện và giải-quyết những vấn-đề về tình-yêu và hôn-nhân, đây là chưa kể tới những vấn-đề liên-hệ tới sự làm-việc. Tôi còn nhớ mãi về những người trẻ ở thời-gian sau cuộc xâm-lăng của quân Đức. Trong một nghĩa nào đó, với những nghi-nan và với những câu hỏi của họ, họ cũng chỉ cho tôi thấy con đường. Do những cuộc gặp gỡ với họ, từ những chia-sẻ vấn-đề cuộc-sống của họ, mà một cuốn sách được hoàn-thành, nội-dung được tóm-tắt trong nhan-đề *Tình-yêu và Trách-nhiệm*.

Cuốn sách của tôi về con người hành-động đến sau, nhưng cũng phát-sinh từ một ngọn-gốc. Về một số khía-cạnh tôi không thể không đề-cập đến chủ-đề ấy từ lúc tôi bắt-đầu đụng tới những câu hỏi về sự hiện-hữu của con người - những câu người ta hỏi không chỉ ở thời-đại chúng ta mà còn ở mọi thời. Câu-hỏi về sự thiện và sự ác luôn luôn ở với chúng ta, như người thanh-niên trong Phúc-Âm đã cho thấy khi chàng hỏi Chúa Giêsu: "Con phải làm gì để được thừa-hưởng sự sống đời đời?" (Mk 10:17).

Vì thế những nghiên-cứu của tôi phát-triển xoay quanh về con người - về nhân-vị - có thể cuối cùng được cắt-nghĩa bằng những quan-tâm mục-vụ của tôi. Và chính từ một quan-điểm mục-vụ mà, trong tác-phẩm *Tình-Yêu và Trách-Nhiệm*, tôi công-thức hóa ý-niệm về nguyên-lý nhân-cách. Nguyên-lý này là một cố-gắng chuyển-dịch giới-luật tình-yêu sang ngôn-ngữ của luân-lý triết-học. Con người là một hữu-thể có chiều-kích thích-hợp duy-nhất là tình-yêu. Chúng ta công-bằng đối với một người nếu chúng ta yêu người ấy. Điều ấy đúng với Thiên-Chúa cũng như đúng với con người. Tình-yêu với một người loại-trừ sự đối-đãi

người ấy như một đối-tượng của lạc-thú. Đây là nguyên-tắc luân-lý của Kant và xác-định điều mà ông gọi là mệnh-lệnh thứ hai. Tuy thế mệnh-lệnh ấy có tính-cách tiêu-cực và không dốc hết khả-năng của giới-luật tình-yêu. Nếu Kant nhấn-mạnh rất nhiều rằng con người không thể bị đối-xử như một đối-tượng của lạc-thú, ông ta làm thế để chống lại chủ-nghĩa duy-lợi Anglo-Saxon, và từ quan-điểm ấy ông ta thành-công. Nhưng mà, Kant không diễn-nghĩa hoàn-toàn giới-luật của tình-yêu. Quả vậy, giới-luật của tình-yêu không giới-hạn trong việc loại-trừ tất cả những hành-vi giản-lược con người chỉ vền-vện vào đối-tượng của lạc-thú. Nó còn đòi hỏi hơn; nó đòi sự xác-định về một người như một nhân-vị.

Sự diễn-nghĩa nhân-vị chân-thực của giới-luật tình-yêu được tìm thấy trong những lời của Công-Đồng: "Khi Chúa Giêsu cầu-nguyện với Chúa Cha để chúng có thể nên một" (Jn 17:22), Ngài đặt trước chúng ta những chân trời mới mà lý-trí con người không sao thấu hiểu được và hàm-chứa một sự tương-tự giữa sự hợp-nhất của các ngôi-vị thần-linh và sự hợp-nhất của con cái Thiên-Chúa trong chân-lý và tình-yêu. Tính đơn-nhất ấy tỏ cho con người, là thụ-tạo duy-nhất trên trái đất mà Thiên-Chúa muốn vì phần ích của con người, có thể hoàn-toàn khám-phá ra mình chỉ bằng cách chân-thành cho đi chính mình" (*Gaudium et Spes* 24) Ở đây chúng ta thực sự có một diễn-nghĩa xứng-hợp với giới-luật của tình-yêu. Trước hết, nguyên-tắc mà con người có giá-trị do sự-kiện đơn-giản là người ấy, là một nhân-vị tìm được sự diễn-tả rất rõ-ràng: con người, được gọi "là tạo-vật duy nhất trên trái đất mà Thiên-Chúa muốn vì phần ích của con người." Đồng thời, Công-Đồng nhấn-mạnh rằng điều quan-trọng nhất về tình-yêu là món quà chân-thành của bản-thân. Trong nghĩa đó nhân-vị được thể-hiện qua tình-yêu.

Vì thế, hai phương-diện ấy - sự xác-định con người như một nhân-vị

và là món quà chân-thành của bản-thân - không những không loại-trừ nhau, chúng xác-định và bổ-túc cho nhau. Con người xác-định mình bằng cách cho đi bản-thân mình. Đây là sự hoàn-tất giới-luật của tình-yêu. Đây cũng là chân-lý về con người, chân-lý mà Chúa Kitô dạy chúng ta bằng đời-sống của Ngài, mà truyền-thống của các thánh và của nhiều anh-hùng trong tình-yêu tha-nhân, chấp-nhận và sống trong dòng lịch-sử.

Nếu chúng ta tước-đoạt sự tự-do của con người những khả-năng ấy, nếu con người không cam-kết mình để trở nên món quà cho tha-nhân, thì sự tự-do trở nên nguy-hiểm. Nó sẽ trở thành thứ tự-do muốn làm cái gì tôi cho là tốt, cái gì mang cho tôi lợi-ích và lạc-thú, kể cả những lạc-thú cao-thượng. Nếu chúng ta không thể chấp-nhận cái khả-năng cho đi bản-thân chúng ta như một món quà, thì luôn luôn có cái nguy-cơ là một thứ tự-do ích-kỷ. Kant chống lại thứ nguy-hiểm ấy, và cùng một đường-hướng còn có Max Scheler và rất nhiều người sau ông cùng đóng-góp vào những giá-trị luân-lý ấy. Nhưng sự diễn-tả đầy-đủ về vấn-đề này đã được tìm thấy trong Phúc-Âm. Chính vì lý-do ấy, chúng ta có thể tìm thấy trong Phúc-Âm một tuyên-ngôn vững-vàng nhất về tất cả nhân-quyền, ngay cả những quyền mà vì những lý-do khác nhau có thể làm chúng ta khó chịu.

Bảo-vệ mọi sự-sống

Hỏi: Ở giữa những quyền mà Cha nói đến, có những quyền “làm chúng ta khó chịu”, trước hết là quyền sống, là thứ phải được bảo-vệ từ khi được thụ-thai. Đây cũng là vấn-đề được nêu ra một cách thường-xuyên và thúc-ép trong giáo-huấn của Cha. Việc Cha lập đi lập lại sự lên án về bất-cứ sự hợp-thức hóa việc phá thai nào đã bị những nhóm chính-trị và văn-hóa coi như là bị “ám-ảnh” vì họ cho rằng họ có “những lý-do nhân-đạo” ở phía họ - phía đã khiến các chính-phủ cho

phép phá thai.

Đáp: Đối với con người, quyền sống là quyền căn-bản. Vậy mà, một phần nền văn-hóa hiện-đại muốn từ-chối quyền ấy, biến nó thành một quyền “khó chịu”, một quyền cần phải được bảo-vệ. Nhưng không có một thứ quyền nào khác lại ảnh-hưởng gần-gũi với chính sự hiện-hữu của con người như vậy! Quyền sống nghĩa là quyền được sinh ra và được tiếp-tục sống tới khi chết một cách tự-nhiên: “ Bao lâu tôi sống, tôi có quyền sống.”

Vấn-đề của các trẻ em trong bào thai và chưa được sinh ra là một vấn-đề đặc-biệt tế-nhị tuy-nhiên rất rõ-ràng. Sự hợp-pháp hóa chấm-dứt việc mang thai không khác gì hơn là ủy-quyền cho người lớn, với sự chấp-thuận của luật-pháp, được cất mạng sống của các em chưa sinh ra và như thế là không có quyền tự-vệ. Khó mà tưởng-tượng ra một trường-hợp nào bất-công hơn, và rất khó nói về sự ám-ảnh trong một vấn-đề như thế, khi chúng ta đề-cập một mệnh-lệnh căn-bản của mỗi lương-tâm lành-mạnh - sự tự-vệ quyền sống của con người vô-tội và không có khả-năng tự-vệ.

Người ta thường xem vấn-đề như quyền của một phụ-nữ được tự-do lựa-chọn sự sống đang hiện-hữu ở trong bà, mà bà đang mang trong bào-thai: người phụ-nữ phải có quyền chọn để nhận hay không nhận sự sống của đứa con chưa sinh ra. Bất cứ ai cũng đều nhìn thấy sự lựa-chọn ở đây là hời-hợt. Không thể nào nói về quyền lựa-chọn khi có một sự ác luân-lý rõ-ràng ở trong những thứ được lựa-chọn, khi mà nơi ấy có giới-luật “Chớ giết người”!

Có thể nào giới-luật ấy cho phép có luật-trừ hay không? Câu trả lời trong và từ mệnh-lệnh ấy là không, ngay cả giả-thuyết để tự-vệ hợp-pháp, điều không bao giờ quan-tâm đến kẻ vô-tội mà luôn luôn chỉ lo cho kẻ gây-hấn bất-chính, phải tôn-trọng nguyên-tắc mà những nhà luân-lý gọi là *principium inculpatae tutelae* (nguyên-tắc của sự tự-vệ không thể

bất bẻ). Để được hợp-pháp, sự “tự-vệ” đó phải được thực-thi trong cách ít gây tổn-hại nhất và, nếu có thể, cứu đời-sống của người gây hấn.

Đây không phải là trường-hợp của em bé chưa được chào đời. Một em bé được thụ-thai trong lòng mẹ không bao-giờ là một kẻ gây-hấn bất-chính; em là một hữu-thể không có khả-năng tự-vệ đang chờ được tiếp-đón và giúp-đỡ.

Cần phải nhận ra điều ấy, trong bối-cảnh này, chúng ta đang chứng-kiến những thảm-kịch nhân-loại thực sự. Thông-thường người đàn-bà là nạn-nhân của sự ích-kỷ của đàn ông, trong ý-nghĩa rằng người đàn ông, kẻ đóng-góp cho một sự sống được thụ-thai, không muốn chịu gánh nặng và để mặc trách-nhiệm cho người đàn-bà, coi như đó là “lỗi riêng của mình cô ấy”. Như thế, chính lúc người đàn-bà cần sự nâng-đỡ của người đàn ông nhất, anh ta lại chứng-tỏ là con người ích-kỷ ghê-gớm, có thể bóc-lột tình-cảm và sự yếu-đuối của cô ta, nhưng lại nhất-định không cảm thấy có trách-nhiệm về chính hành-động riêng của mình. Đây là những vấn-đề được biết đến nhiều không phải chỉ trong toà giải-tội, nhưng cũng ở nơi toà-án trên khắp thế-giới và, ngày nay càng ngày càng nhiều, trong những tòa án thiếu-nhi.

Vì thế, khi cương-quyết từ-chối “bệnh-vực quyền lựa-chọn” người ta cần phải can-đảm chứng-tỏ “bệnh-vực phụ-nữ”, khuyến-kích một sự lựa chọn thực-sự ủng-hộ người phụ-nữ. Quả vậy, chính phụ-nữ là người phải trả đất giá nhất, không phải chỉ vì nhiệm-vụ làm mẹ, nhưng nhiều hơn là chịu sự tàn-phá, vì sự bức-tử sự sống của một em bé đã được thụ-thai. Trong những trường-hợp này, thái-độ lương-thiện nhất là thái-độ triệt-để liên-kết với người phụ-nữ. Bỏ mặc cô là sai. Những kinh-nghiệm của nhiều trung-tâm cố-vấn cho biết phụ-nữ không muốn bức-tử sự sống của em bé cô mang trong bụng. Nếu cô được nâng-đỡ trong hoàn-cảnh này, và đồng-thời nếu cô không bị những người chung-quanh đe-dọa, thì

cô còn có thể thành người mẹ anh-hùng. Như tôi vừa nói, có vô số những trung-tâm cố-vấn làm chứng điều ấy, một cách đặc-biệt đó là các nhà nuôi những thiếu-nữ tuổi vị-thành-niên làm mẹ. Vì thế hình như là xã-hội bắt-đầu phát-triển một thái-độ trưởng-thành hơn ở phương-diện này, mặc-dù vẫn còn nhiều “những vị ân-nhân” tự-tạo nói “giúp” đàn-bà bằng cách giải-phóng họ mất đi cái khả-năng làm mẹ.

Chúng ta thấy mình ở đây đứng trước một trường-hợp rất tế-nhị, vừa ở quan-điểm nhân-quyền vừa ở quan-điểm luân-lý và mục-vụ. Tất cả những phương-diện ấy liên-kết với nhau. Tôi luôn luôn quan-sát thấy rằng đây là trường-hợp trong đời tôi và trong sứ-vụ linh-mục, giám-mục giáo-phận của tôi, và sau đó là người kế-vị Thánh Phêrô, với tất cả trách-nhiệm của chức-vụ này.

Vì thế, tôi phải lặp lại rằng tôi phủ-nhận sự đổ-lỗi hay sự nghi-ngờ về bất cứ phương-diện nào cho rằng đó là “sự ám-ảnh” của Đức Giáo-Hoàng về vấn-đề này. Chúng ta đang đề-cập tới một vấn-đề vô-cùng quan-trọng, mà tất cả chúng ta phải tỏ tinh-thần trách-nhiệm và cẩn-thận tới-đa. Chúng ta không thể đưa ra những hình-thức cho phép nào dẫn đến sự trực-tiếp chà-đạp nhân-phẩm, và cũng hoàn-toàn phá-hủy những giá-trị căn-bản không những đối với sự sống của cá-nhân và của gia-đình mà còn cả cho chính xã-hội. Không phải là có một sự-thực đáng buồn trong cách nói nặng-nề là nền văn-hóa của sự chết hay sao?

Ngược lại nền văn-hóa của sự chết, hiển-nhiên không phải và không thể là một chương-trình phát-triển dân số thế-giới một cách vô-trách-nhiệm. Cần phải cân-nhắc mức-độ tăng dân số thế-giới. Con đường đúng là con đường mà Giáo-Hội kêu gọi đến tinh-thần trách-nhiệm làm cha mẹ; tinh-thần ấy được chỉ dạy trong các chương-trình cố-vấn gia-đình do Giáo-Hội bảo-trợ. Tinh-thần trách-nhiệm làm cha mẹ là điều-kiện thiết-yếu cho một tình-yêu hôn-nhân chân-

chính, bởi vì tình-yêu không thể vô trách-nhiệm. Vẻ đẹp của nó là hoa-trái của tinh-thần trách-nhiệm. Khi tình-yêu thực-sự có trách-nhiệm, tình-yêu ấy cũng thực-sự tự-do.

Đây chính là giáo-huấn tôi học được trong thông-diệp *Humanae Vitae* do vị tiền-nhiệm đáng-kính Phaolô VI của tôi, và là điều trước đó tôi học được từ các bạn trẻ, những người lập gia-đình và những người sắp lập gia-đình, trong lúc tôi viết cuốn *Tình-Yêu và Trách-Nhiệm*. Như tôi đã nói, chính họ là thầy của tôi trong lãnh-vực này. Chính họ, nam cũng như nữ, có những đóng-góp sáng-tạo cho việc mục-vụ săn-sóc gia-đình, cho những cố-gắng mục-vụ vì tinh-thần trách-nhiệm làm cha mẹ, cho nền-tảng của những chương-trình cố-vấn gia-đình đang được phát-triển. Hoạt-động chính-yếu và sự cam-kết đầu-tiên của những chương-trình này là để nuôi-nấng tình người. Trong những chương-trình ấy, tinh-thần trách-nhiệm của tình người đã và còn tiếp-tục sống mãi.

Hy-vọng rằng tinh-thần trách-nhiệm này sẽ không bao giờ thiếu ở bất cứ nơi nào hay ở bất cứ ai; không bao giờ thiếu ở những nhà lập-pháp, những nhà giáo-dục, hay những cha linh-hướng. Có biết bao nhiêu người ít được biết mà tôi muốn nhắc đến ở đây và muốn tỏ lòng biết ơn sâu-xa về sự cam-kết rộng-lượng và dấn-thân hết mình của họ. Trong đời-sống của họ, chúng ta tìm được sự xác-định của chân-lý nhân-vị và Kitô-giáo về con người, họ trở nên hoàn-toàn tới mức biến họ thành quà tặng nhưng-không cho người khác.

Từ những chương-trình cố-vấn chúng ta quay sang các trường đại-học. Tôi đang nghĩ tới trường mà tôi biết và những học-viện mà tôi đã góp sức thành-lập. Tôi đang đặc-biệt nghĩ tới khoa-trưởng của các khoa luân-lý ở Trường Đại-Học Thành-phố Lublin, cũng như học-viện được dựng nên sau khi tôi đi, dưới sự điều-khiển của những đồng-nghiep và môn-sinh thân-cận nhất - đặc-biệt Cha Tadeusz Styczen và Cha Andrzej Szostek. Cái

ý-niệm “nhân-vị” không những chỉ là một lý-thuyết tuyệt-hảo; nó là tâm-điểm của hình-thái con người.

Tôi cũng phải nhắc đến một học-viện cùng trường phái ở Đại-Học Lateran tại Roma, đã trở thành nguồn cảm-hứng cho những sáng-kiến tương-tự ở Hoa-Kỳ, Mỹ-Tây-Cơ, Chile, và ở những quốc-gia khác. Con đường có ảnh-hưởng nhất để phục-vụ chân-lý của tinh-thần trách-nhiệm làm cha mẹ là tỏ cho thấy những nền-tảng nhân-chủng và đạo-đức của tinh-thần ấy. Hơn mọi lãnh-vực khác, ở đây không thể thiếu sự đồng-lao cộng-tác của các cha linh-hướng, các nhà sinh-vật-học, và các y-sĩ.

Tôi không thể dừng lại đây ở những nhà tư-tưởng hiện-đại, nhưng tôi phải nhắc tới ít nhất một tên tuổi - Emmanuel Lévinas, là người đại-diện một trường-phái nhân-vị và triết-học đối-thoại hiện-đại đặc-biệt. Giống như Martin Buber và Franz Rosenzweig, ông tiếp-nhận truyền-thống nhân-vị của Cựu-Uớc, nơi sự liên-hệ giữa cái “Tôi” con người và cái là “Bạn” thánh-thiên cao-vời được nhấn-mạnh đặc-biệt.

Thiên-Chúa là Nhà Lập-Pháp tối cao, truyền giới-luật trên núi Sinai một cách uy-dũng “Người chó giết người,” như một mệnh-lệnh luân-lý tuyệt-đối. Lévinas, giống như những đồng-ban sùng-đạo khác, đã kinh-nghiệm sâu-xa cái thảm-kịch lò giết người Holocaust, đã cống-hiến một công-thức xuất-sắc về giới-luật nền-tảng ấy trong Mười Điều-Răn - mà đối với ông, bộ-mặt biểu-lộ nhân-vị. Triết-lý về bộ-mặt ấy cũng được tìm thấy trong *Cựu-Uớc*: trong Thánh-Vịnh, trong các sách Tiên-Tri, thường-xuyên có những lời nói về: “tìm-kiếm bộ-mặt Thiên-Chúa” (Cf. Ps 26[27]::8). Chính qua khuôn mặt của Ngài mà con người lên tiếng, và đặc-biệt, mỗi nạn-nhân của một sai-lầm lên tiếng nói “Đừng giết tôi!” Khuôn mặt con người và giới-luật “Chó giết người” được nối-kết với nhau một cách tài-tình trong tư-tưởng Lévinas, và như thế trở thành lời chứng cho thời-đại của chúng ta, thời-

đại mà các chính-phủ, cả những chính-phủ dân-chủ, áp-đặt những việc xử-tử một cách quá dễ-dàng.

Có lẽ không nên nói hơn nữa về một đề-tài đau-đớn như vậy.

Trở thành thiếu-số khi đến năm 2000

Hỏi: Thưa Đức Thánh Cha, cho phép con, vì vai-trò (mà con có trách-nhiệm và là một vinh-dự lớn) của “người kêu-gọi” khi đặt những câu hỏi - ngay cả những câu phiến-toái - mà cả người Công-Giáo cũng nêu lên. Vậy con sẽ tiếp-tục hỏi, dựa vào sự quan-sát cách-thế Cha thường-xuyên nhắc-nhở về thiên-niên-kỷ thứ ba của chương-trình Cứu-Chuộc đang đến - với một niềm ý-thức về tầm quan-trọng biểu-tượng của biến-cố ấy.

Cứ theo chiều-hướng thống-kê thì tiến đến năm 2000, lần đầu-tiên trong lịch-sử, con số tín-đồ Hồi-giáo sẽ vượt con số tín-hữu Kitô-giáo. Chỉ riêng tín-đồ Ấn-Độ-giáo đã nhiều hơn tín-hữu Tin-Lành, Chính-Thống Hy-lạp và Slavi hợp lại. Trong những chuyến công-du mục-vụ khắp thế-giới, Cha đã thường thăm-viếng nhiều nơi mà người tin vào Chúa Kitô, đặc-biệt là người Công-giáo, thì ít-ỏi có khi là một thiếu số đang co rút lại.

Khi đối-diện với thực-tại ấy, sau hai mươi thế-kỷ rao-truyền Phúc-Âm, Cha cảm thấy thế nào? Cha nhìn thấy chương-trình thánh-thiên nào được thể-hiện?

Đáp: Tôi nghĩ cách nhìn vào vấn-đề như thế phát-xuất từ lối diễn-nghĩa có phần đơn-giản về thực-tại. Trong thực-tế, yếu-tính của vấn-đề còn sâu-xa hơn, như tôi đã cố cắt-nghĩa trong những câu trả-lời trước. Ở đây con số thống-kê không có ích gì - chúng ta đang nói tới những giá-trị không thể tính bằng số-lượng được.

Phải nói thật rằng, khoa xã-hội-học về tôn-giáo - mặc dù hữu-ích trong những lãnh-vực khác - không giúp ích gì bao nhiêu ở lãnh-vực này. Những phạm-trù đo-lường của môn

học làm căn-bản nghiên-cứu không giúp gì được khi đề-cập đến thái-độ nội-tâm của con người. Không có thống-kê nào nhắm vào việc đo-lường số-lượng về niềm tin (thí-dụ, con số người tham-dự các nghi-lễ tôn-giáo) có thể tới được tâm-điểm của vấn-đề. Ở đây chỉ dùng những con số mà thôi, không đủ.

Câu hỏi ông nêu lên - dù là “một cách kêu-gọi” như ông nói - thì giống như hỏi thế này: nào ta hãy đếm con số tín-đồ Hồi-giáo trên thế-giới, hay con số tín-đồ Ấn-độ-giáo, chúng ta hãy đếm con số người Công-giáo, hay các Kitô-hữu nói chung, và chúng ta có thể xác-định được tôn-giáo nào thuộc về đa-số, tôn-giáo nào có một tương-lai ở trước mặt, và ngược lại tôn-giáo nào hình như chỉ thuộc về quá-khứ, hay đang bị phân-hoá một cách có hệ-thống và thoái-hóa.

Nhìn theo quan-điểm của Phúc-Âm, vấn-đề hoàn-toàn khác hẳn. Chúa Kitô nói: “Chúng con đừng sợ nữa, hỡi đoàn chiên nhỏ, vì Cha các con vui sướng ban cho các con nước trời” (Lk 12:32). Tôi nghĩ những lời ấy Chúa Kitô trả-lời rất thích-đáng cho vấn-đề này mà một số người cảm thấy ái-ngại và đã được ông nêu lên. Giêsu còn đi xa hơn khi Ngài hỏi: “Khi Con Người đến, Ngài sẽ tìm thấy niềm tin trên trần thế hay không?” (cf. Lk 18:8).

Cả câu hỏi vừa rồi và câu nói về đoàn chiên nhỏ cho thấy một thực-trạng sâu-xa đã khiến Giêsu đề-cập với các môn-đệ của Ngài. Ngài không chuẩn-bị họ cho một thành-công dễ-dàng. Ngài đã nói rõ, Ngài nói về những sự bách-hại đang chờ-đợi những người tin vào Ngài. Đồng thời, Ngài thiết-lập một nền-tảng vững-vàng cho niềm tin. “Chúa Cha đã vui sướng ban Nước Trời” cho mười hai người từ Galile, và qua họ cho tất-cả nhân-loại. Ngài cảnh-cáo họ trước rằng sứ-mệnh Ngài gởi họ đi sẽ bị chống-đối và bị bách-hại bởi vì chính Ngài đã bị bách-hại: “Nếu người ta bách-hại thầy, người ta cũng sẽ bách-hại các con.” Nhưng Ngài

vội thêm ngay: “Nếu họ giữ lời thầy, họ cũng sẽ giữ lời các con” (cf. Jn 15:20).

Từ khi còn là thanh-niên tôi đã cảm thấy rằng tâm-hồn của Phúc-Âm được gò-móm trong những lời này. Phúc-Âm không phải là một lời hứa-hẹn thành-công dễ-dãi. Phúc-Âm không hứa-hẹn cho ai một đời sống dễ chịu. Phúc-Âm đòi-buộc, đồng thời là một lời hứa lớn-lao - một lời hứa được sự sống vĩnh-cửu cho con người đang bị luật sự chết khuất-phục, và lời hứa chiến-thắng nhờ niềm tin cho con người phải chịu nhiều thử-thách và thất-bại.

Phúc-Âm bao-gồm một nghịch-thuyết căn-bản: để được sống, người ta phải mất sự sống; để được sinh ra, người ta phải chết; để cứu mình, người ta phải vác thập-giá. Đây là chân-lý thuộc yếu-tính của Phúc-Âm, mà luôn-luôn ở đâu cũng gặp chống-đối.

*Phúc-Âm luôn-luôn và ở khắp mọi nơi, sẽ là một thách-thức đối với sự yếu-đuối của con người. Nhưng chính trong sự thách-thức này mang tất-cả sức mạnh của nó. Có lẽ con người, một cách vô-thức, chờ-đợi sự thách-thức ấy; quả vậy, con người cảm thấy cái nhu-cầu nội-tâm để thắng-vượt chính mình. Chỉ trong sự thắng-vượt chính mình, con người mới hoàn-toàn trở thành con người (cf. Blaise Pascal, *Pensées*, ed. Brunschvicg, 434: “Apprenez que l'homme passe infiniment l'homme”).*

Đây là một chân-lý sâu-xa nhất về con người. Chúa Kitô là đáng đầu-tiên biết chân-lý ấy. Ngài thực-sự biết “điều ấy trong mỗi con người” (cf. Jn 2:25). Với Phúc-Âm, Ngài đã chạm đến chân-lý thâm-sâu nhất của con người. Ngài đã chạm đến trước hết bằng Thập-giá của Ngài. Pilate chỉ vào Giêsu người Nazaret đầu đội mào gai sau khi bị đánh đòn, nói: “Đây là người!” (Jn 19:5) đã không nhận ra rằng chính ông tuyên xưng một chân-lý căn-bản, nói lên rằng luôn luôn ở bất cứ đâu điều ấy vẫn còn là tâm-hồn của sự rao-giảng Phúc-Âm.



BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Đóng cửa rút cầu

Hỏi: 1) Thầy giáo (người Mỹ) bảo cháu, vì chính-phủ miền Nam (VNCH) nhất-định đóng cửa rút cầu, không cho VC tham-gia chính-quyền nên họ phải tiến đánh tới cùng và thắng. Cháu không biết điều này có đúng không?

2) Trước năm 1975, nhạc Trịnh Công Sơn có bị coi là phản-chiến không? Và chính-phủ có biện-pháp nào về loại nhạc này không?

Andre Tran
California

Đáp: 1) Thầy giáo của cháu nói sai. VC không thực-tâm liên-hiệp. Họ chỉ muốn nắm trọn chính-quyền miền Nam để "thống-nhất lãnh-thổ" y theo những điều ghi rõ trong Hiến-pháp của miền Bắc (VN Dân-chủ cộng-hòa).

Chính-sách mở rộng của VNCH được ghi nhận rất rõ: ngày 11.7.1969, Tổng-thống VNCH là Nguyễn Văn Thiệu họp báo quốc-tế và quốc-nội

tại Sài-gòn xác-định sẵn-sàng:

- tổ-chức bầu-cử tự-do cho Mặt Trận Giải-phóng Miền Nam (tức VC) tham-gia bầu-cử, ứng-cử;

- lập Ủy-ban bầu-cử có Mặt Trận GPMN tham-dự;

- lập ủy-ban giám-sát quốc-tế;
- thảo-luận với Mặt Trận GPMN về lịch-trình và phương-thức bầu-cử.

- Chính-phủ VNCH cam-kết không trả thù, không kỳ-thị sau bầu-cử.

- Chính VNCH cam-kết tôn-trọng kết-quả bầu-cử; và yêu-cầu Mặt Trận GPMN cùng cam-kết như vậy.

Mặt Trận GPMN và Cộng-sản Bắc Việt không đáp-ứng đề-nghị này vì nắm chắc phần thua trong việc trưng cầu dân ý bằng lá phiếu bầu-cử. Chính vì thế, VC nhất quyết dùng vũ-lực cưỡng-đoạt miền Nam. Ngày 13.7.1969, đài Hà-nội chính-thức bác-bỏ đề-nghị của VNCH về bầu-cử tự-do. Hà-nội đòi toàn bộ chính-phủ miền Nam phải rút lui, thay-thế bằng chính-phủ "hoà-bình."

2) Nhạc Trịnh Công Sơn (*Ca-khúc Da vàng*) bị cấm từ ngày 10.2.1969, lý-do: nguy hòa, phản-chiến.

Ông ba mươi, Cân đo đong, Đùa, cọt, gheo, bốn,...

Hỏi: 1) Tại sao người lớn (ông ngoại cháu) lại gọi con cọt là "ông ba mươi"?

2) Ông cháu bảo, tiếng Việt phong-phú hơn nhiều tiếng khác. Thí-dụ như khi kiểm về sức nặng, người Việt dùng chữ "cân"; khi kiểm về chiều dài, chiều cao, người Việt dùng chữ "đo"; khi kiểm về hạt như lúa gạo, đậu, người Việt dùng chữ "đong". Bác BC có đồng ý không?

3) Hình như mấy tiếng như đùa, giỡn, cọt, gheo có khác nhau một tí, phải không bác?

Lê Thị Thu
Orange

Đáp: 1) Người xưa gọi tên cọt bằng "ông" vì lòng kính sợ, cho rằng cọt có linh-tính, nghe hiểu tiếng

người.

Hai tiếng "ba mươi" do hai tích:

- theo lệ xưa, ai bắt hay giết được cọt, được thưởng 30 quan tiền;

- đồng-thời, người bắt hay giết cọt cũng bị phạt 30 roi lấy lệ (đánh nhẹ thôi) vì dăm xúc-phạm đến tướng nhà trời (người xưa cho rằng cọt là tướng nhà trời mắc đạo).

2) BC đồng ý với cụ. Ngày xưa, người còn dùng động-từ "ao" khi kiểm số lượng chất lỏng.

Thí-dụ:

- Đem rượu ra đây, *ao* xem được mấy chai?

- *Ao* xem được mấy tìn nước mắm?

Sau này không dùng chữ "ao" nữa, mà dùng chữ "đong".

Nên để ý, khi dùng một đơn vị để kiểm, người Việt dùng các động-từ cân, đo, đong, ao. Nhưng khi so sánh một cái này với một cái khác (không dùng đơn-vị) thì gọi là so, hay đo.

Thí-dụ:

- So dưa cho đều.

- So xem ai cao hơn ai.

- Các võ-sĩ đo tài với nhau.

3) Các tiếng ấy nghĩa có khác nhau.

Gọi chung là "đùa", gồm cả: bỡn, bông, chọc, gheo, cọt, nô, trêu. Thường ghép lại thành: bông đùa, đùa-cọt, đùa bỡn, bỡn cọt, giễu-cọt, trêu-gheo, chọc-gheo,...

Phân-tích từng chữ:

a) Bỡn: đùa nhẹ-nhàng.

Thí-dụ: "Bỡn tí mà đã giận!"

Ghép với "bỡn", có:

- bỡn-cọt (đùa gheo: *Gió trắng bỡn cọt vương hầu chiêm bao* - Lục Vân Tiên);

- bỡn-nhả: bỡn-cọt một cách trót-nhả.

b) Bông: đùa bằng lời, thường là lời không thực.

Thí-dụ: "Anh nói bông đấy chứ?"

Ghép với "bông", có:

- Bông đùa: dùng lời nói để đùa cho vui.

- Bông lơ: dùng lời nói lẫn vè mặt hoặc đáng điệu để pha trò.

c) Cọt: như "bỡn", nhưng có ý làm cho người ta bực, thường chỉ lấy vui

về phần mình.

Thí-dụ: “*Ông tơ giễu-cợt chi nhau - Kiều*” hay “*Những là cười phấn cợt son - Kiều*”

Ghép với “cợt”, có:

- Cợt nhả: đùa cợt không đứng đắn.

d) Gheo: Đùa làm người ta bực mình, không có ý chế-giễu hay châm-chích.

Thí-dụ:

- *Gió đông thổi đã cợt đào gheo mai - Cung oán.*

- *Ca quyên gheo làm rơi nước mắt - Chinh phụ.*

e) Nô: cũng là đùa, nhưng chỉ dùng cho trẻ con.

Thí-dụ: “*Lũ trẻ nhà tôi hay nô quá!*” hoặc “*Nô cho lắm vào rồi kêu đói!*”

f) Trêu: như gheo, nhưng ý mạnh hơn.

Thí-dụ: Chớ trêu cho em khóc nhé!

Lại “màu quan san”

Hỏi: 1) Trong câu Kiều *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san*, thì màu “quan san” là màu gì?

2) Loại phong trong truyện Kiều có giống cây phong ở Bắc Mỹ không?

3) Trong câu thơ Đường *Giang phong ngư hỏa đối sầu miên*, cây phong ở bên Cô-tô có giống phong Bắc Mỹ không?

Đinh Huỳnh
California

Đáp: BC đã có lần bàn về màu “quan san” trước đây, trong mục này. Xin trả lời gọn cả ba câu hỏi:

Quan-san là cửa ải ở chốn núi non, không phải tên gọi một màu. Trong câu thơ trên, Nguyễn Du đã theo lối đảo trang. Nếu sắp các chữ lại theo văn xuôi, thì là: (Trời đất) mùa thu đã nhuộm màu lên rừng phong ở chốn quan san.

Lá phong trong câu Kiều, và cả trong thơ của Trương Kế trong bài *Phong kiều dạ bạc*, lúc đó có thể chuyển sang màu vàng và nâu đỏ, nếu là loại phong *Aceraceae* mọc ở vùng

Giang-nam và vùng núi dọc biên-giới Việt-Hoa. Loại phong này gồm 20 giống, trung-bình cao khoảng 5 mét, phần lớn lá to và nhiều khuyết hơn lá phong đỏ ở Gia-nã-đại và miền Bắc Hoa-kỳ. Phong Gia-nã-đại có khoảng 50 giống, trung-bình cao đến 10 mét, sang thu lá chuyển sang màu vàng tươi, trong suốt (giống *Acer cappadocicum* và *Acer Miyanei*) hoặc đỏ thẫm (giống *Acer grandidentatum*).

Giống *Acer Saccharum* (phong đường), *Acer Saccharinum* (lá bạc) và *Acer Rubrum* (lá đỏ) cao đến 30 mét.

Phiên-âm, Di-chức

Hỏi: 1) Nguyên tắc để phiên âm tiếng Trung-hoa và Nhật ra Hán-Việt. Thí-dụ Nan Kang thành Nam-kinh; Musashi thành Vũ Tàng?

2) Cha mẹ có nhất thiết phải làm di-chức cho các con (vị thành-niên hoặc thành niên)?

PQT
Manitoba

Đáp: 1) Người Việt đọc chữ Hán (và Hán-Nhật) từ nét Hán-tự, không từ phiên-âm la-tinh. Rất khó đọc chính-xác từ phiên-âm la-tinh, vì một phiên-âm la-tinh có thể chỉ âm đọc của hàng chục chữ Hán khác nhau (đồng âm dị nghĩa).

2) Cha mẹ không nhất thiết phải làm di-chức. Tuy-nhiên, nếu không có di-chức và có tranh-chấp, tòa sẽ xử theo Luật Di-chức và Ủy-quyền, chương nói về trường-hợp “không di-chức.”

An-xuyên

Hỏi: Thời đệ nhất Cộng-hòa, có phải hai tỉnh Châu-đốc và Long-xuyên sát-nhập thành một, gọi là tỉnh An-xuyên không?

Diện-tích, dân-số lúc mới lập tỉnh là bao nhiêu?

MDG (Marrero)

Đáp: Không phải. Tỉnh An-xuyên

nguyên là quận Cà-mau, trước thuộc tỉnh Bạc-liêu, trở thành tỉnh An-xuyên (4.906 cây số vuông) từ năm 1956, dân-số lúc đó 256.442 người.

Cấp bậc quân đội

Hỏi: 1) Xin bác cho biết tên gọi các cấp-bậc trong quân-đội Việt, Mỹ, Pháp.

2) Câu thơ *Hoa lưu động khẩu ưng trường tại*, *Thủy đảo nhân gian định bất hồi* là của ai? Ý nghĩa ra sao?

Đức Nguyên
Brossard

Đáp: 1) BC không biết hết về các cấp-bậc này. Điều cần lưu ý, các cấp-bậc trong quân-đội Việt-nam, khi dịch ra tiếng Anh, phải theo tên gọi của quân-đội Anh, khi đối-chiếu với quân-đội Hoa-kỳ, lại ra một cái tên khác, vì người Mỹ có cách gọi khác.

Thí-dụ: khi dịch chữ “đại-úy Không-quân” (VN) cho người Anh, phải dùng chữ “Flight Lieutenant”, trong khi dịch cho người Mỹ, phải dùng chữ “Captain”.

Điều lưu-ý thứ hai, là hai quân-chủng Hải và Không quân Anh Mỹ có các tên gọi cấp-bậc rất khác với Lục quân.

Thí-dụ: đại-tá Lục quân là “colonel”, nhưng đại-tá Không quân hay Hải-quân thì là “captain.” Cũng thế, đại-úy Lục-quân là “captain”, nhưng đại-úy Không và Hải-quân là “lieutenant.”

Ông có thể xem bảng so-sánh ở trang bên (có một vài chỗ trống, sẽ điền khuyết sau).

2) Theo Thi Nham Đinh Gia Thuyết, hai câu thơ Thiên-thai này mô tả sự chia ly, cách trở mà tác phẩm chữ Nôm *Bích Câu kỳ ngộ* đã diễn qua hai câu 507 & 508:

*Cho nên cách trở đôi nơi,
Hoa trôi cửa động, nước xuôi cội tràn.*

Đơn-vị, đơn-vị-trưởng quân-đội

Hỏi: 1) Xin bác cho biết tên Anh của các đơn-vị (như tiểu-đội, trung-đội) và đơn-vị trưởng (tiểu-đội

CẤP-BẬC TRONG QUÂN-ĐỘI

VNCH	CSVN	LỤC-QUÂN ANH	LỤC-QUÂN MỸ	KHÔNG-QUÂN ANH	KHÔNG QUÂN MỸ	HẢI-QUÂN ANH	HẢI-QUÂN MỸ	LỤC QUÂN PHÁP
Binh nhì	Chiến-sĩ	Private	Private	Private	Private	Sea-man	Sea-man	
Binh nhất		Private 1st Class	First Private	First Private	First Private			
Hạ-sĩ	Hạ-sĩ	Corporal	Corporal	Corporal	Corporal	Corporal	Corporal	
Hạ-sĩ nhất		Corporal 1st Class	First Corporal					
Trung-sĩ	Trung-sĩ	Sergeant	Sergeant	Sergeant	Sergeant	Second Mate	Sergeant	Sergent
Trung-sĩ I		First Sergeant	First Sergeant					Sergent-chef
Thượng-sĩ	Thượng-sĩ	Sergeant Major						Adjutant
Thượng-sĩ I		Junior Warrant Officer				First Mate		Adjutant-chef
Chuẩn-úy		Warrant Officer						Aspirant
Thiếu-úy	Thiếu-úy	Second Lieutenant	Sub-Lieutenant	Pilot Officer	Pilot Officer	Ensign		Sous-lieutenant
Trung-úy	Trung-úy	Lieutenant	First Lieutenant	Flying Officer	Sub-Lieutenant	Lieutenant Junior Grade		Lieutenant
	Thượng-úy							
Đại-úy	Đại-úy	Captain	Captain	Flight Lieutenant	Captain	Lieutenant	Lieutenant	Capitaine
Thiếu-tá	Thiếu-tá	Major	Major	Squadron Leader		Lieutenant-Commander		Commandant
Trung-tá	Trung-tá	Lieutenant-Colonel	Sub-Colonel	Wing Commander	Commander	Commander		Lieutenant-Colonel
	Thượng-tá							
Đại-tá	Đại-tá	Colonel	Colonel	Group Captain		Captain	Captain	Colonel
Chuẩn-tướng								
Thiếu-tướng	Thiếu-tướng	Brigadier	Brigadier General	Air Commodore	Brigadier General	Rear Admiral	Brigade	General de
Trung-tướng	Trung-tướng	Major General	Major General	Air Vice-Marshal		Vice-Admiral		Général de division
	Thượng-tướng							
Đại-tướng	Đại-tướng	Lieutenant General	General	Air Marshal		Admiral		Général de corps d'armée
Thống-tướng		General		Air Chief Marshal		Admiral of the Fleet		Général en chef
(Thống-chế)		Field Marshal		Marshal of RAF				Maréchal

trưởng, trung-đội trưởng, v.v.)

2) Xin giới-thiệu cho cháu một tờ báo của cựu chiến binh Mỹ, loại đứng đắn, không thiên tả.

Lê Minh
Toronto

Đáp: 1) - Tiểu-đội (Squad); Tiểu-đội trưởng (Squad Leader)

- Trung-đội (Platoon); Trung-đội trưởng (Platoon Leader)

- Đại-đội (Company); Đại-đội trưởng (Company Commander)

- Tiểu-đoàn (Battalion); Tiểu-đoàn trưởng (Battalion Commander)

- Trung-đoàn (Regiment); Trung-đoàn trưởng (Regiment Commander)

- Sư-đoàn (Divisions); Tư-lệnh sư-đoàn (Divisions Commander)

2) Cháu có thể gửi mua tạp-chí Vietnam, một năm 6 số giá 35 gia-kim.

Địa-chỉ:
Vietnam Magazine
P.O. Box 1632
Windsor, Ontario N9A 7C9
Canada

CÁO LỖI

Làng Văn số 135 (tháng 11.1995) đăng bài *Trò đạo-đức* của Thảo Nguyên (Hoa-kỳ).

Một số thân-hữu và độc-giả gọi về cho biết, bài này được phóng-tác từ truyện *Kịch câm* của một tác-giả ở quốc-nội mà không ghi xuất-xứ, hay cho biết là bài phóng-tác.

Tòa soạn kiểm-chứng, thấy quả có nhiều chi-tiết trùng-hợp, dù ý-tưởng và cách giải-quyết có khác.

Làng Văn xin ân-cần tạ lỗi cùng quý độc-giả; và yêu-cầu quý vị tác-giả hợp-tác bảo-vệ uy-tín cho diễn-đàn chung này, bằng cách cho tòa-soạn biết rõ xuất-xứ nguyên-tác, nếu là bài phóng-tác. Xin đa tạ.

ĐÓN XEM

làng văn

XUÂN BÌNH TÍ 1996

phát-hành đầu tháng 1.1996

trần-ngập bài-vở tươi mát, bổ-ích, giá-trị

MÓN QUÀ ĐẦU NĂM Ý-NGHĨA NHẤT CHO MỌI GIA-ĐÌNH

144 trang giá 6 mỹ-kim (Gia-nã-đại: 6 gia-kim)

Quý độc-giả mua lẻ: xin dặn trước tại các đại-lý

Trên Trời Rớt Xuống

Nguyễn Nhân Sơn



“Từ trên trời rơi xuống” nghe thì có vẻ “dữ” nhưng không có gì đáng nói, nếu là nước mưa, bông tuyết, những viên mưa đá. Sau đây, tôi sẽ kể lại cho các bạn nghe những hiện tượng khác, cũng từ trên trời rơi xuống, nhưng khó hiểu. Tất cả mọi sự kiện trình bày sau đây đều được ghi chép thành hồ sơ khoa học. Chuyện nào xảy ra trước được trình bày trước. Có chuyện được các nhà khoa học giải thích, có chuyện không. Nhưng dù đã có, lời giải thích vẫn chưa thỏa đáng. Các bạn nghe xong, cũng nên tự mình suy nghĩ cách giải thích.

Nhưng trước khi vào chuyện, tôi xin cùng các bạn nhớ lại xem, bên Việt-Nam của chúng ta, có hiện tượng “trên trời rớt xuống” nào lạ không. Theo riêng tôi, thì hình như không. Cả sách vở lẫn truyền khẩu, đều không có gì. Chỉ có những hiện tượng lạ trên mặt đất. Và tôi cũng xin nói rõ đây không phải là chuyện ma.

Sau đây là 2 chuyện lạ, một chính tôi đã chứng kiến, một tôi nghe kể lại và tin là có thật.

- Cá trê di cư:

Tháng 2.1947, trong một lần băng đồng ban đêm từ thôn Phước-Khánh lên thôn Long-Tường (xã Hoà-Trị) để bổ thuốc chữa bệnh cho cha tôi, tôi đã gặp một bầy cá trê đang di chuyển trên cạn. Trước đó, tại chỗ tản cư, tôi đã có lần được nghe dân quê kể rằng

khi thiếu nước, cá trê có thể lên cạn để đi tìm nước ở một nơi rất xa. Nhưng lần này mới chính mắt trông thấy. Trên tay tôi lúc bấy giờ có cây đèn bấm, nhưng đường liên xã rộng, trời lại có trăng mờ, nên tôi không soi. Đang đi, bỗng tai tôi nghe một thứ tiếng rất lạ, rào rào, tanh tách, khèn khẹt... không biết là tiếng gì. Tôi nghĩ ngay đến một con rắn hổ, nghe nói là vừa bò vừa phun. Tôi bước lùi lại, và bấm đèn lên. Cách tôi chừng mười bước, có một đám lúc nhúc đang di chuyển ngang đường. Bước lại gần, tôi nhìn rõ dưới ánh đèn vô số những con cá trê đồng cỡ bằng cổ tay, đang sát cạnh nhau lóc tới. Dáng đi của chúng nghiêng qua nghiêng lại, nhưng có vẻ rất hăng hái, và trật tự. Bề ngang của bầy cá rộng đến 2 thước, nhưng bề dài không biết là bao nhiêu. Tôi rọi đèn ra trước đầu và sau đuôi bầy, cũng không ước lượng được. Nhưng chỉ trong phạm vi nhìn thấy, bầy cá cũng đã dài đến 15 thước. Tôi đứng đó chừng 10 phút, thì lũ cá qua hết. Những con đi sau cùng dường như ra vẻ vội vã, lóc đi nghiêng ngả hơn, hàng ngũ không mấy chỉnh tề.

Người ta nói cá trê có khả năng đoán biết vùng chúng đang sống sắp khô cạn, và cần phải di chuyển đi đâu để sinh tồn. Nhưng có điều khó giải thích là bằng cách gì chúng “rủ” nhau được, và trong khi thiên cư như vậy,

chúng có con “lãnh đạo” hay không.

- Cóc mở đại hội:

Cóc là một giống vật tìm đâu cũng có. Có khi không tìm, cũng thấy đầy cả ra. Ở những ngôi nhà nền đất có nhiều hang hốc, thì cứ chiều gần tắt nắng, cóc nhảy ra kiếm ăn, đầy cả sân vườn. Ai muốn bắt cóc thì cứ tha hồ, vì cóc chẳng sợ người. Muốn làm cho cóc sợ, cũng khó lắm. Dậm chân, ném đất, quát tháo để dọa dẫm, cóc vẫn coi như pha. Cóc cứ nhảy tới. Có thể nói là cóc rất can đảm, thấy chết cũng không hề sợ. Cóc có mặt khắp nơi như thế, nhưng là rải rác. Thấy cóc đến cả hàng vạn, hàng ức thì không mấy khi.

Thế nhưng, trong khoảng 3, 4 ngày giữa tháng 8.1977, dân làng Nho-Lâm và lân cận thuộc xã Hoà-Quang (quận Tuy-Hòa, Phú-Yên) đã trông thấy không biết cơ man nào là cóc, tụ hội trong phạm vi ba dặm ruộng ven núi. Không ai ước lượng có bao nhiêu con cóc có mặt ở đó, nhưng những người sở tại đã chứng kiến hiện tượng, đều nói giống nhau: Cả ba dặm ruộng cộng lại diện tích cũng đến một mẫu tây. Cóc ngồi kín cả mặt đất. Có những chỗ “đất chật người đông”, chúng trèo lên trên đầu trên cổ nhau thành hai ba lớp.

Không ai biết chúng từ đâu tới, tụ họp lại đó để làm gì, rồi sau “đại hội” tản đi đâu. Cứ theo ước tính bình thường, thì gom cả cóc lớn cóc nhỏ

trong năm bảy xã, cũng không nhiều đến như vậy. Ban tổ chức ắt phải triệu tập cóc cả tỉnh. Nhưng sau khi chúng tản đi, không biết là đi đâu, trong vùng quanh đó cũng không có hiện tượng cóc nhiều lên. Thế nghĩa là chúng lại đâu về đó.

Những người hiếu kỳ có bỏ công theo dõi. Nhưng họ không thấy bọn cóc có “sinh hoạt” gì lạ. Chúng hoặc ngồi im, hoặc nhảy tới nhảy lui gần gần, hoặc trèo lên nhau. Nhưng không hề có hiện tượng giao phối.

Khi nghe biết chuyện đó, lại có nghe lời xầm xì châm biếm của những người chống báng gọi đó là “đại hội Đảng”, chính quyền CS có cử cán bộ khoa học đến nơi tìm hiểu. Nhưng về sau, cũng không có lời giải thích chính thức nào trên báo chí.

Và cuối cùng, sở dĩ tôi kể cho các bạn nghe hai chuyện trên, là vì tuy không thuộc loại “từ trên trời rơi xuống” như chủ đề mục này, nhưng cũng có cá và cóc, là hai con vật rất thường có mặt trong những hiện tượng “rơi xuống” ở Âu Mỹ xưa nay.

*

* *

Bây giờ đến chuyện xứ người.

Năm nào cũng vậy, cứ đến đầu mùa mưa, dân vùng Yoro xứ Honduras, gom thúng rổ thùng lớn thùng nhỏ, để chờ đựng cá. Không phải là cá đi câu đi đánh, mà là cá từ trên trời rớt xuống. Đã có nhiều năm, cá trích đã rớt xuống cho họ bắt hàng thùng. Họ gọi đó là “mưa cá”. Mưa cá thường xảy ra vào lúc xế chiều, và tiếp theo là mưa dông và gió lớn. Những con cá từ trên trời rớt xuống, đều còn sống. Người ta bắt không hết, chúng nhảy loi choi, lấp lánh trên cỏ.

Năm 1833, tại làng Montussan, Pháp, có lần người ta thấy từ trên trời rơi xuống những chất lạ, có mớ trông giống như len, có mớ trông giống như tơ tằm, có mớ trông giống như tóc xoắn.

Ở nhiều nơi trên thế giới, đã có những lần cóc nhái đầu từ trên trời rơi xuống cả đồng. Lại có cả ốc hương, sâu, và rắn nữa. Cũng có khi mưa không phải nước, mà là máu đỏ. Lại

có khi, đổ xuống cùng với máu có cả da thịt động vật. Còn mưa bằng ngũ cốc thì đã có nhiều lần. Và mưa đá nữa. Nhưng đá đây là đá thật, chứ không phải nước đông. Và còn nhiều thứ lạ, hoặc bất ngờ nữa.

Đối với những hiện tượng “từ trên trời rơi xuống”, các nhà khoa học, và những người quan tâm nói chung, có hai cách giải thích:

1- Do gió lốc bốc lên cao từ một nơi xa, đưa đến chỗ ấy, hết đà, các thứ rơi xuống. Cách này chỉ giải thích được sự chuyển vận, nhưng không giải thích được nguồn gốc “các thứ” rơi xuống. Gió đã lấy những thứ đó từ đâu?

2- Do “trời làm”. Cách này không cần lý luận. Trời thì làm gì chẳng được. Trời làm mưa ngũ cốc để giúp dân qua cơn đói. Trời làm mưa máu để cảnh cáo những kẻ bạo tàn. Vân vân...

Nhưng nói chung, những hiện tượng “từ trên trời rơi xuống” vẫn là những hiện tượng rất lạ, rất khó hiểu. Sau đây, tôi xin chọn kể cho các bạn nghe một số hiện tượng đã được ghi thành tài liệu

*

* *

Tài liệu xưa nhất về những hiện tượng này được chép trong Thánh-kinh của Thiên-Chúa-Giáo: Sách Josué có chép chuyện một trận mưa đá tảng đã đổ trên đầu những người Amorite, khiến họ phải chạy trốn trước quân đội của người Do-Thái. Sách Exode có chép chuyện trong khi đi trong sa mạc, người Do-Thái đã được những trận mưa thực phẩm cứu sống...

Những chuyện sau đây chép theo tài liệu ngoài đời.

- Một ngày trong năm 1578, trên vùng Bergen, Na-Uy, đột nhiên cả ngàn con chuột lông vàng từ đâu trên trời rớt xuống. Rồi qua năm sau, cũng một trận mưa chuột như thế đổ xuống trong vùng. Nhưng lần này là chuột lông xám.

- Tháng 6.1642, trong khi trên bầu trời địa phương không có hiện tượng thời tiết gì đặc biệt, bỗng nhiên trên

mái tòa lâu đài Loburg tọa lạc cách thị trấn Magdeburg (Đức) chừng 25 cây số, đổ xuống một trận mưa lưu hoàng. Hàng ngàn cục lưu hoàng to bằng nắm tay, còn nóng rực, chỉ rơi xuống trong một phút, trên một diện tích chừng vài trăm thước vuông.

- Ngày thứ tư trước lễ Phục-sinh năm 1666, có một trận mưa cá đổ xuống cánh đồng Cranstead, trong hạt Kent, Anh quốc. Rơi xuống là những con cá ngắn, lớn bằng ngón tay út. Đây là một giống cá biển. Ông Ware, chủ những đám ruộng có cá ngắn rơi xuống, đã hốt được mấy thùng, trong đó có nhiều con còn sống. Ông ta có gửi đi Luân-Đôn một ít, để người ta nghiên cứu. Về sau báo chí nói rằng cá ấy là do gió đưa từ biển vào. Trong thực tế, cánh đồng Cranstead nằm cách những vùng nước mặn gần nhất cũng khá xa: Cửa sông Thames trên 15 cây số, và cửa sông Medway cũng trên 10 cây số.

- Một ngày trong tháng 10.1683, một trận mưa cóc đổ xuống làng Acle, hạt Norfolk, Anh quốc. Cóc còn nhỏ, nhưng nhiều quá, và còn sống. Chúng nhảy lung tung vào khắp mọi nơi. Dân địa phương ban đầu thấy sợ, nhưng sau phải hốt cóc vào thùng đem đốt cho chết đi.

- Mùa đông 1695 và mùa xuân 1696, trên nhiều vùng phía Nam Ái-Nhĩ-Lan, thường có những cơn mưa lạ: Không phải là nước, mà là một chất sền sệt, có mùi như bơ để quá lâu. Theo ghi chú của Giám-mục địa phận Cloyne, thì chất bơ hôi đó rơi xuống thành viên to bằng đầu ngón tay, mềm, dính, và màu vàng. Những viên bơ này tan trên mặt đất trong vòng mười phút. Sau đó, trâu bò ăn cỏ trên những chỗ ấy vẫn không hề gì. Dân địa phương có người còn hốt giữ chất “bơ hôi” ấy vào bình vào lọ, nói là để dành làm thuốc.

- Nhà vạn vật học người Đức Alexander von Humboldt đã đi rất nhiều nơi ở Nam Mỹ. Ông đã viết về những trận “mưa cá” trong vùng núi Andes. Ông kể: Trước mỗi lần có hỏa sơn trong dãy Andes phun, luôn luôn có động đất. Địa chấn làm sập đổ và

mở miệng những hang hốc ngằm trong lòng đất. Những thứ được tung lên trời ngoài các chất khoáng lỏng, còn có nước, và... cá. Đây là một hiện tượng lạ mà thổ dân vùng cao nguyên Quito gọi là *Prenadilla*. Khi chớp ngọn núi Carguairazo nằm phía bắc ngọn Chimborazo (ngọn núi cao nhất của Xích-đạo quốc) nổ và rơi xuống trong đêm 19 rạng 20.6.1698, thì trên những cánh đồng quanh chân núi, người ta thấy phủ đầy bùn và cá. Bùn làm hư cây trồng nhưng cũng làm tốt đất. Riêng cá với số lượng quá nhiều, khi thối rữa, đã gây ra bệnh tật. Trận dịch sốt giết chết gần hết dân thành phố Ibarra năm 1691, có lẽ cũng do “mưa cá” gây ra.

- Khoảng 1785-1786, xứ Haiti bị một cơn hạn kéo dài. Đến giữa trưa ngày 5.5.1786, vùng cảng Port-au-Prince mới được một cơn mưa đầu tiên. Nhưng đây lại là một cơn mưa lạ. Lấn trong nước mưa, có những cái trứng nhỏ màu đen. Mấy ngày sau, những cái trứng ấy nở ra thành những con vật không ai biết là con gì. Chúng lột da nhiều lần, cuối cùng trông hơi giống những con nòng nọc. Nhưng chúng không sống được lâu.

- Vào ngày 19.2.1830, trong một trận mưa, cá đã theo nước đổ xuống vùng đồng ruộng Faridpur, Ấn-Độ. Những người trực tiếp chứng kiến kể lại như vậy: Trời đang nắng ráo, và họ đang làm việc ngoài đồng. Bỗng mây đen tụ thành một đám lớn trên đầu, và mưa bắt đầu rơi xuống. Một lát sau, lặn trong mưa, có những con cá rơi xuống, nằm giãy trên mặt đất. Toàn là những loại cá nước ngọt của địa phương. Lớn nhỏ đủ cỡ. Có con lớn bằng bàn tay. Họ mừng rỡ reo hò, khiến những người trong các xóm làng lân cận cũng ùa ra đồng bắt cá. Cá đem về nấu nướng, ăn cũng ngon như cá đánh được ngoài sông.

Khi câu chuyện được tờ *The Journal of the Asiatic Society of Bengal* đăng, nhiều nhà khoa học người Anh có đến tận nơi điều tra. Họ nhận thấy hiện tượng rất khó hiểu, khi biết xung quanh đó không có sông ngòi hoặc ao hồ, và hôm ấy chỉ có

mưa chứ không có gió to.

- Một trận mưa cóc đã đổ xuống xóm Jouy-en-Josas, gần Versailles, nước Pháp, một ngày tháng 6.1833. Cóc từ trên trời rớt xuống nhiều đến nỗi chúng nhảy loạn xạ, gần như kín cả một vùng cả vài chục mẫu tây.

- Một ngày tháng 8.1835, tại làng Marsala nằm trên bờ biển phía tây của đảo Sicily (Ý), có một trận mưa đá quái dị đổ xuống, làm hư gần hết những mái nhà của dân. Gọi là “quái dị” vì đá đây là đá thật, chứ không phải nước đóng băng. Phần nhiều là những viên đá nhỏ, nhưng cũng có nhiều cục khá to.

Khoảng đó, dân địa phương cũng đã có kinh nghiệm này: Khi trời đang trong, đột nhiên có một đám mây nhỏ màu đỏ, vàng, hoặc đen kéo đến, thì một lát sau thế nào cũng có những vật lạ từ trên trời rớt xuống. Họ quen dần, về sau không sợ nữa.

- Tài liệu sau đây được đăng trên tờ *San Francisco Herald* ngày 24.7.1851. Khoảng ấy, gần Francisco, tại Benicia, có một đơn vị quân đội đồn trú. Sáng ngày 20.7.1851, đơn vị đang luyện tập trên bãi, bỗng trời xầm lại, rồi từ trên không mưa đổ xuống, nhưng thay vì nước trong, là chất nước sệt đỏ như máu, và những cục lầy nhầy như thịt. Quân nhân trong đơn vị gọi đó là “trận mưa máu và thịt bò”. Nhưng không ai dám ăn “thịt” ấy. Có nhiều khối thịt lớn bằng những trái cam. Viên bác sĩ của đơn vị đã đem nhiều cục thịt vào phòng thí nghiệm, nhưng không xác định được là có phải là thịt hay không. Ông chỉ nói: “Cũng đã hơi ươn”.

- Trong hai đêm 2 và 11.9.1857, tại vùng Lake, tiểu bang California, đã có 2 trận “mưa đường”. Từ trên trời đổ xuống, không phải là nước mưa, mà là những tinh thể nhỏ bằng đầu đũa ăn cơm, có vị ngọt như đường. Có nhiều bà nội trợ đem những “viên đường” trời cho đó, nấu thành xi-rô, thì thấy hương vị cũng không khác gì nấu với đường mua ngoài tiệm thực phẩm.

- Nhà côn trùng học người Anh W. Winter viết trên tạp chí *The*

Zoologist số tháng 7.1860:

“Đêm ấy, tôi đang tìm bắt một giống sâu trên bờ sông Waveney. Bỗng sấm sét nổi lên vang rền, rồi một cơn mưa nặng hột ập đến. Tôi phải chạy tìm chỗ ẩn dưới một mái hiên của một ngôi biệt thự. Khi mưa tạnh, tôi bước ra định thu dọn đồ lễ để đi về, thì chân tôi đạp phải những gì cứ nổ bom bốp, hoặc nhảy loi choi vào ống quần tôi. Tôi hoảng sợ, bấm đèn soi quanh thì thấy khắp mặt đất, đầy những con cóc con, to bằng đầu ngón tay cái. Những con chết thì nằm phoir bụng, những con sống thì nhảy tứ tung. Khi đi ra khỏi vùng có mưa, tôi không thấy cóc nữa. Rõ ràng, những con cóc nhỏ kia đã theo mưa mà rớt xuống đất”.

- Ngày 16.2.1861, tại Tân-Gia-Ba, đã xảy ra một trận địa chấn. Rồi trong những ngày tiếp theo là những trận mưa thật to. Mưa như thác đổ liên tiếp trong ba ngày 20, 21 và 22. Trong thời gian đó, có một nhà vật học tên là Francis de Castelnau đang sống tại đây. Ông này đã ghi lại cho Hàn-lâm-viện Pháp những gì đã chứng kiến tại chỗ.

“Khoảng 10 giờ sáng ngày 20.2.1861, trời hửng nắng sau một trận mưa kéo dài từ đêm trước. Tôi mở cửa sổ ra nhìn xuống đường. Tôi ngạc nhiên thấy dân địa phương đang tranh nhau bắt cá ngoài đường. Cá có khắp chỗ. Trên hiên nhà, trên đường, trong những vũng nước mưa. Phần nhiều còn sống. Có những con khá to.

“Tôi xuống đường tìm hiểu. Những người bắt cá nói cho tôi biết rằng cá đã rơi xuống cùng với cơn mưa hồi sáng. Tôi vòng ra phía sau lưng nhà trọ, thì thấy trên khoảnh sân hẹp có tường vây kín, cũng có bốn năm con cá to bằng cổ tay. Đây là loại cá trê, một giống cá nước ngọt của Tân-Gia-Ba. Con to nhất dài đến 30 phân.

“Một cụ già người Mã-Lai nói cho tôi biết hồi còn trẻ, tại quê nhà, cụ cũng đã có một lần lượm được cả thùng cá trê trên cạn”.

- Cảnh sát Dublin (thủ đô Ái-Nhĩ-Lan) còn giữ một tài liệu ghi nhận

rằng trong đêm 9.5.1867, có nhiều cảnh binh đi tuần trên đường đã phải vội vã tìm chỗ ẩn, vì có những cục đá không biết từ đâu ném trên đầu họ. Tìm hiểu sau đó, họ mới biết không có ai ném cả, mà là “mưa”. Và thứ rớt xuống cũng không phải là đá. Những cục này có dạng tròn, giống như trái cây, lớn bằng viên bi-đa, màu đen. Cắt ra thì chất cứng như gỗ, trong ruột màu nâu, và thoang thoang có mùi thơm.

Có người cho đó là loại trái phi khô, giữ trong bùn nhiều trăm năm. Nhưng “giữ” ở đâu, và tại sao “mưa” xuống Dublin đêm ấy, thì họ không giải thích.

- Trưa ngày 1.8.1869, giữa lúc bầu trời thật quang đãng, đột nhiên một cơn mưa nhỏ đổ xuống vùng Los Nietos, tiểu bang California. Cơn mưa kéo dài không quá 5 phút. Sau cơn mưa, ông J. Hudson bước ra ngoài, thấy khắp mặt đất trong trang trại của ông, đâu cũng có thịt và máu. Máu là một chất sền sệt màu đỏ sẫm, còn thịt thì là những viên lầy nhầy như thịt bò băm, hoặc là những miếng nhỏ dài cỡ một gang tay. Lấn vào đó còn có những sợi tóc ngắn nữa. Dân địa phương, và cả nhà chức trách đều sợ hãi. Nhưng không ai hiểu được chút gì. Khi tin này được đăng trên tờ *San Francisco Evening Bulletin* số ngày 9.8.1869, thì người ta lại được biết trước đó 2 tháng, tại hạt Santa

Clara (California), cũng đã có một “cơn mưa máu thịt” như thế.

- Năm 1876, tạp chí khoa học *Scientific American*, số ra ngày 25.3, đăng tin về một cơn “mưa-thịt” tại hạt Bath, tiểu bang Kentucky, mở đầu cho một loạt tranh luận giữa các nhà khoa học Mỹ. Sự việc xảy ra như sau:

“Trận mưa” xảy ra vào ngày 3.3.1876. Phạm vi mưa đổ xuống so với những trận mưa thường, thì rất nhỏ: Dài chưa đến 100 thước, rộng chỉ chừng 40 thước. Đây là khu đất trong nông trại của ông bà Allen Crouch.

Lúc thịt và máu từ trên không đổ xuống, thì bầu trời trong veo, không một gợn mây. Thịt rơi xuống dưới dạng tấm mỏng, rộng bằng con domino, hoặc gấp đôi. Mới trông, rất giống thịt bò. Có người đã đem nấu chín ăn thử. Họ cho đó là thịt cừu hoặc thịt nai.

Nhưng sự việc không dừng lại ở đó, vì có nhiều vị có thẩm quyền tham gia điều tra. Nhiều miếng thịt được thu làm mẫu, chuyển về các phòng thí nghiệm. Nhưng các bác sĩ, các giáo sư đại học, sau khi trao đổi các mẫu thịt, kết quả thí nghiệm, và cả nhận xét nữa, vẫn không ai đồng ý với ai về 2 điều căn bản: 1. Đó có phải là thịt hay không? Phải thì là thịt gì? 2. “Thịt” ấy từ đâu rơi xuống?

Tuy nhiên, cuối cùng rồi cũng có kết luận. Tiến sĩ Edwards cho rằng trận “mưa thịt” ấy chẳng có gì dị thường: Một đàn kên kên *buzzard* bay qua đó, một con bọ dạp ới thịt mới ăn ra, và những con khác ới theo.

Lời kết luận nghe cũng có lý. Giống kên kên quả có tật lạ là hay bắt chước đồng loại. Nhưng dân hạt Bath nghi ngờ nhìn nhau tự hỏi: Phải mấy ngàn con kên kên mới ới được cả tấn thịt như thế? Và chúng bay ở độ cao nào, mà lúc ấy chẳng ai thấy chúng đâu?

- Tạp chí khoa học *Scientific American*, số ra ngày 10.2.1877, đăng tin một ngày trước đó ít lâu, có hàng ngàn con rắn rơi xuống phía nam vùng Memphis, tiểu bang Tennessee. Đó là những con rắn nhỏ,

to bằng ngón tay, dài từ 3 tấc tới 5 tấc. Đa phần còn sống.

Người ta đoán một cơn gió lốc đã cuốn chúng lên không rồi đem chúng ném xuống nơi đó. Nhưng người ta không hiểu ở chỗ nào lại cùng một lúc có nhiều rắn đến như vậy.

(Riêng người viết bài này có thể giải đáp thắc mắc cuối cùng. Cách phía bắc thành phố Winnipeg chừng 100 cây số, có một vùng gọi là Narcisse. Tại đây có mấy con suối cạn vào mùa hè. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 6 đến đầu tháng 9, giống rắn *Garter* không biết từ đâu tụ lại, để giao phối và sinh sản. Hết mùa, chúng biến đi đâu không ai biết. Tại Narcisse có tất cả 4 chỗ như thế [Sở du lịch địa phương gọi là “Hang Rắn”]. Tại mỗi hang, có đến mấy ngàn con rắn. Chúng quấn lẫn nhau như bánh canh, hoặc bò tới bò lui tại chỗ, không bò đi xa. Giống rắn này không độc, con lớn nhất cũng chỉ to bằng ngón tay cái, dài chừng 6 tấc).

- Một ngày tháng 8.1890, một cơn mưa nhỏ rơi xuống hai làng Mardin và Diyarbakir, Thổ-Nhĩ-Kỳ, khiến dân làng mừng lắm. Không phải vì hạn hán lâu, thiếu nước làm mùa, họ mong mưa. Mà vì mưa đây là mưa thực phẩm: Từ trên trời rơi xuống không phải là nước, mà là những viên tròn bằng những hòn bi trẻ con chơi, bên ngoài màu vàng, bên trong màu trắng.

Dem phân chất, các nhà thực vật học tuyên bố chất ấy làm bằng địa y thuộc giống *Lecanora esculenta*. Nhưng dân địa phương đang thiếu ăn, đã không chờ lời xác nhận của các khoa học gia là ăn được hay không. Họ đem những viên bi vàng kia, xay thành bột, rồi làm thành bánh, như bánh mì. Ăn xong, ai cũng khen là thơm ngon. Rồi qua hôm sau, còn khen là dễ tiêu.

- Trên là “trời cho cơm”, đây là “trời cho thức ăn”.

Một ngày tháng 11.1896, dân vùng Baton Rouge, tiểu bang Louisiana, bỗng được trời cho thịt ăn. Sáng sớm hôm ấy, chim ở đâu trên trời bỗng rơi xuống đầy đất. Tất cả



đều đã chết, nhưng chỉ mới chết. Thịt còn tươi, ăn ngon. Tất nhiên lượm được con nào, người ta đều đưa vào bếp. Có nhiều loại chim: Vịt trời, gõ kiến, chim cút, chim yến...

Các nhà khoa học giải thích rằng những con chim kia bị bão ở Florida đẩy sang phía tây, đến vùng Baton Rouge gặp nhiệt độ thay đổi đột ngột, con nào cũng chết, nên rơi xuống đó. Lời giải thích có căn cứ, nhưng giữa lúc trời quang, hàng ngàn con chim tự nhiên rớt xuống, cũng vẫn là một hiện tượng rất lạ.

- Câu chuyện sau đây ngả sang lãnh vực thần bí.

Tối chủ nhật lễ Pentecôte 1908, tại họ đạo Saint-Étienne-les-Remiremont, dưới chân núi Vosges, miền đông nước Pháp, đã xảy ra một hiện tượng lạ, cũng thuộc loại “từ trên trời rơi xuống”. Câu chuyện được chính linh mục Gueniot, phụ trách họ đạo, thuật lại:

“Tối hôm ấy, tôi đang ngồi trong nhà đọc sách, thì cô Marie André, một giáo dân ở gần nhà thờ, mở cửa chạy vào gọi to: “Cha ơi, chạy ra mà coi. Mau lên, không thì tan hết”. Tôi đi theo cô ra ngoài sân. Trời đang gió mạnh và có mưa đá. Rải rác trên sân, có những cục mưa đá lấp loáng dưới ánh đèn từ trong nhà chiếu ra. Marie chạy quanh sân lượm đem lại cho tôi mấy cục, và nói: “Cha coi đi”. Mấy cục mưa đá này khá lớn, nhưng tôi không thấy gì lạ cả. Marie lại giục: “Cha phải đeo kính vào thì mới thấy được”. Sau khi có kính, tôi nhận thấy trên một cục có hình bán thân một người đàn bà mặc áo giống như áo lễ của tu sĩ. Nhưng ảnh trên cục băng trong tay tôi mờ đi rất nhanh. Marie lại lượm đưa tôi mấy cục mới rơi xuống. Trên cục nào cũng có hình bán thân đã nói, nhưng sắc nét hơn. Marie hỏi tôi, giọng phấn khích, ra vẻ chờ đợi một câu trả lời đồng ý: “Đức Mẹ phải không, cha?” Tôi nhìn lên trời, rồi quay nhìn Marie, nói nhỏ như nói thầm: “Con về nghỉ đi. Con để cha suy nghĩ đã”.

Sáng hôm sau, tôi ra vườn xem mưa đá đã gây thiệt hại như thế nào.

Nhưng những cây ăn trái, các líp rau, các luống hoa, đều nguyên vẹn. Sau đó, tôi được biết trong xóm đã có rất nhiều khung cửa kính bị mưa đá đập bể. Tôi lay hoay mãi với câu hỏi: *Chẳng lẽ những cục băng đã rơi từ một độ cao khác nhau? Những cục này, rơi từ rất cao để đủ sức đập vỡ cửa kính. Còn những cục kia, thì chỉ rơi từ độ rất thấp, nên hình vẫn còn rõ như thế.*

- Cũng có khi vật rơi xuống không lạ, nhưng sự rơi thì rất lạ. Đó là trận “mưa xu” xảy ra tại Bristol, Anh quốc, năm 1956, và trận “mưa giấy bạc” xảy ra tại Bourges, Pháp quốc, năm 1957. Về sau, không nghe ai khai báo rằng đã bị mất tiền bạc. Những người lượm được những đồng xu và những tờ bạc kia, vẫn đem tiêu được.

- Một đêm tháng 2.1958, dân quê mấy làng thuộc quận Westmeath, Ái Nhĩ-Lan, cùng thấy một vầng sáng bay ngang bầu trời trên đầu họ, rồi đáp xuống một cánh đồng, tắt đi. Nhiều người chạy đến chỗ ấy xem, thì chỉ thấy còn lại một chất lầy nhầy trên mặt đất.

Chuyện này hơi giống một số chuyện “thần bay” ở Việt-Nam ta.

Chắc nhiều bạn đã có lần nghe chuyện những cây cổ thụ (cây đa chẳng hạn), nhất là những cây có miếu thờ bên cạnh, ban đêm có những khối sáng từ xa bay về, nhập vào cây rồi tắt. Người ta tin đó là những vị thần, thường trú ngụ ở những “cây linh”, ít người dám lai vãng ban đêm.

Phần riêng, tôi chưa chính mắt thấy những khối lửa bay như thế lần nào, nhưng nghe thì rất nhiều. Có những lần, vì người kể là nhân vật “đáng tin”, tôi nghĩ là có. Tin, những vẫn không hiểu.

Còn mẩu chuyện sau đây thì chính tôi thấy, gián tiếp thấy thì đúng hơn. Nhưng cũng không hiểu.

Tại tỉnh Phú-Yên có bài ca dao mở đầu bằng hai câu như vậy:

Vua băng núi Chúa,

Hạc múa sông Hình,

Núi Chúa là ngọn núi cao nhất của dãy Hoành Sơn chạy từ sườn đông

Trường-Sơn xuống đèo Cả. Đã vài trăm năm, kể từ khi dòng Nguyễn Gia-Miêu dựng nghiệp chúa, rồi nghiệp vua ở phía Nam, truyền thuyết ở quê tôi nói rằng mỗi khi có một vị chúa, hoặc một vị vua nào của họ Nguyễn qua đời, thì đều có một luồng hào quang rất sáng, từ phương bắc bay ngang địa phương, vào đáp xuống đỉnh núi Chúa, nổ lên một tiếng vang rền, rồi tắt. Truyền thuyết nói như vậy, và ở địa phương cũng đã có nhiều cụ già “hay nhớ chuyện xưa”, kể lại rằng năm nọ năm kia, có hiện tượng đó. Nhưng khi tôi lớn lên, thì không nghe ai nói về chuyện ấy nữa. Có lẽ vì không có vua chúa nào chết. Cho đến mùa hè năm 1952...

Đêm ấy, tôi không còn nhớ là đêm nào, lúc cũng chưa khuya lắm, tôi đang ngồi trong nhà, đọc sách bên ngọn đèn dầu. Hồi ấy, quê tôi nằm trong vùng Việt-Minh, nhà nào cũng chỉ thắp đèn bằng dầu, hoặc dầu dừa hoặc dầu phộng. Ánh đèn rất yếu, nên tôi phải đưa sách vào gần, mới đọc được. Đột nhiên, trang sách sáng hẳn lên, từng chữ hiện rõ như được soi gần một ngọn đèn măng-sông. Tôi kinh ngạc buông sách, nhìn quanh nhà, thấy góc nào cũng sáng. Ngoài sân lại càng sáng hơn. Có thể nói là sáng rực khắp nơi. Tôi chạy ra sân, thì không còn trông thấy được gì nữa. Cả xóm, cả vùng xôn xao. Người này hỏi người kia, chẳng ai hiểu là cái gì. Có một số quả quyết rằng lúc luồng hào quang bay qua, họ đang đứng ngoài chỗ trống, nên đã kịp ngược mắt nhìn lên. Họ trông thấy một giải ánh sáng trắng, dài như cây lũa, bay từ phía bắc vào nam. Có người còn nói giải sáng ấy sa xuống núi Chúa, nổ lên rồi mới tắt.

Loại trừ những cái râu ria mắm muối đi, tôi vẫn không hiểu luồng sáng kia là cái gì. Gán cho vũ khí chiến tranh, gán cho đĩa bay, cũng đều là “đổ thừa”. Rồi từ đó cho đến bây giờ, tôi vẫn để ý đến những hiện tượng phát quang, nhưng chưa gặp tài liệu nào đề cập đến một hiện tượng có nguồn sáng mạnh đến như vậy.

- Miền Nam Mỹ, cũng như 2 xứ

Úc-Đại-Lợi và Tân-Tây-Lan là nơi có nhiều hải âu đen (tiếng Anh gọi là *Sooty Shearwater*). Đây là một giống chim lớn, mình to bằng con vịt nhà, nhưng sải cánh rộng đến cả thước. Giống chim biển này có thói quen di cư lên miền bắc để sống qua mùa hè và nửa đầu mùa thu. Vùng chúng chọn là các hải đảo, hoặc bờ biển ven Thái-Bình-Dương và Đại-Tây-Dương, từ California đến Alaska, và từ Labrador đến Greenland. Giống chim này hầu hết thời gian bay lượn kiếm ăn trên mặt biển, nhưng cũng có khi chúng bay vào bờ lục địa, những khi thời tiết quá xấu.

Ngày 18.8.1961, ven bờ biển dọc theo vịnh Monterey (tiểu bang California), từ mũi Pleasure đến Rio Dell, có đến mấy ngàn con hải âu đen, không biết từ đâu trên trời rơi xuống nằm la liệt khắp mọi nơi: Trên xa lộ, trên đường phố, trên nóc nhà, trên dây điện... Có một số chết đầu từ trên trời, hoặc chết liền khi chạm đất. Nhưng số còn sống cũng đến cả ngàn con. Người ta đem những con còn sống thả ra biển, và trong đó, có một số ít hồi phục.

Lúc đầu, các nhà khoa học giải thích hiện tượng "chim sa" hàng loạt này, như sau: Có thể trên hành trình từ Nam Mỹ lên phương bắc, những con hải âu kia đã cùng đáp xuống một nơi, và ăn một loại thực phẩm nào đó có chất độc, rồi bị nhiễm bệnh. Khi chúng bay đến California, thì bệnh phát tác, cả đàn phải sa xuống.

Rồi sau khi kết quả thí nghiệm cho biết những con hải âu kia không hề bị nhiễm độc, thì các nhà khoa học lại hướng suy luận sang phạm vi thời tiết. Nhưng trong thực tế, thời tiết vùng biển California vào thời điểm đó, không có biến động gì khiến cho bầy hải âu kia phải ngộ nạn.

- Chiếc tàu *Roxburgh Castle* bỏ neo suốt ngày 10.10.1962, tại Montreal. Làm xong công việc sổ sách trong phòng riêng, thuyền trưởng R.H. Pape liền đi lên boong cho thoáng. Vừa lên tới nơi, ông thấy trên những cây cột, lan can, và dây chằng xung quanh ông, chỗ nào cũng có

dính những mạng trắng, trông như những mạng nhện lớn. Kinh ngạc, ông gọi người khác đến cùng xem. Nhưng lúc ấy, trên boong chỉ có viên kỹ sư cơ khí trông coi máy tàu. Hai người lại quan sát từng mạng, gỡ ra kéo thử, thì thấy chất tơ co dãn và rất chắc. Nhưng có điều lạ là hai người chỉ cầm trong vài phút, thì toàn tấm mạng tan mất, không để lại một chất gì cả. Dường như nó biến thành không khí vậy. Những tấm mạng hai người không động tới cũng tan, nhưng lâu hơn.

Trong khi đó, trên không, quanh chỗ tàu đậu, lảng dảng trong gió nhẹ, cũng có những tấm mạng tơ trắng như thế đang bay đi. Mãi cả nửa giờ sau, mới dứt. Và mọi chỗ, không còn lại dấu vết gì.

*
* *
*

Các bạn nghĩ sao về hiện tượng này? Chúng ta có nên liên tưởng đến "tơ trời" không? Chắc trong các bạn cũng đã có lần đứng ở đâu đó, giữa vườn nhà chẳng hạn, vào một buổi sáng sớm trời êm, bỗng thấy những sợi tơ rất mảnh, trông như tơ nhện, nhẹ bay trong không khí. Chúng là tơ gì, từ đâu bay đến, rồi bay đi đâu? Chúng ta không biết, và cũng chẳng bận tâm. Có người gọi đó là "tơ trời". Cái tên nghe thật hay, nhưng không giải thích được gì.

Nhưng những sợi "tơ trời" của ta có họ hàng gì với những tấm mạng dính trên tàu của thuyền trưởng Pape không? Tôi không dám kết luận. Chỉ thắc mắc sao cái gì của ta cũng nhỏ hơn của Tây.

Tổng luận

Khi thấy, nghe, hay giải thích một hiện tượng "từ trên trời rơi xuống", ai cũng có khuynh hướng nghĩ đến sức gió, cơn lốc hoặc vòi rồng. Suy nghĩ này tự nhiên và hữu lý. Gió di chuyển, và có thể mang một vật từ chỗ này sang chỗ khác. Gió nâng lên, gió đưa đi, rồi gió thả rơi xuống. Diễn trình này có thể quan niệm được, với nhiều thứ: Bông liễu của Nguyễn Du, lá

vàng của Nguyễn Khuyến, và mọi vật nhẹ như rong rêu, trứng côn trùng, lông chim, tóc người... Thậm chí, những vật rất nặng, gió cũng "chở" đi được.

Trong những cơn bão, sức gió nhiều khi rất mạnh. Sức gió sẽ trở thành cực mạnh trong những cơn "lốc" và "vòi rồng". Hãy kể làm thí dụ:

- Ngày 16.4.1875, tại Walterborough, tiểu bang Nam Carolina, một cơn lốc đã thổi bay một cây đa gỗ nặng 270 ký một khoảng xa trên 100 thước.

- Ngày 4.6.1877, tại Mount Carmel, tiểu bang Illinois, một cơn lốc đã búng cái chóp tháp chuông của một ngôi nhà thờ, đem ném cách đó đến trên 20 cây số.

- Ngày 22.4.1883, tại Beauregard, tiểu bang Mississippi, một cơn lốc khác đã nâng bổng một máy ép bông vải nặng trên 300 ký lên trời, đem ném xuống một chỗ cách xa nhà máy đến gần trăm thước.

Còn việc gió vét cạn sông, hồ, chở nước và cá sống trong nước đi chỗ khác, thì cũng dễ hiểu. Chính hồ Bassenthwaite ở Anh, cũng đã có lần bị bão vét hết nước, và cá trong hồ phải lên chết trên cạn, cách chỗ cũ đến mấy cây số. Cảnh tượng đã được nhiều người chứng kiến.

Cứ như trên, có một số hiện tượng "từ trên trời rơi xuống" có thể hiểu được. Tuy nhiên, vẫn còn những câu hỏi khó trả lời:

1- Chẳng lẽ gió biết lựa chọn sao? Có những cơn mưa không nước, mà chỉ là cát, hoặc cóc. Đôi khi cát thì cùng một giống, cóc cùng một tuổi.

Có người giải thích rằng gió đã bốc cả đám lên trời, rồi trên hành trình, thả thứ này một chỗ, thứ kia một chỗ. Trọng lượng của mỗi thứ là sự tự lựa chọn để rơi xuống trước, hoặc sau. Nhưng cách giải thích này không thỏa đáng, vì trong thực tế, chưa lần nào có một hiện tượng tương tự.

2- Bằng cách nào, những con cá, những con cóc đã có thể sống sót, khi bị gió đưa đi xa, và nhanh như vậy? ●

nhận được, giới-thiệu

158 chuyện ngụ-ngôn Aesop

Gồm 158 chuyện ngụ-ngôn, vui, có tính-cách giáo-dục, có thể dùng học chữ Việt, Phan Như Huyền xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Aesop là một nhân-vật trong truyền-thuyết, tác-giả những mẩu chuyện được dân-gian thành Samos (Hi-lạp) truyền-tụng từ thế-kỷ thứ 6 trước Tây-lịch, có tính-cách giáo-dục luân-lý. Nhà điêu-khắc Lysippus đã tạc tượng Aesop, dựng tại Nhã-diễn (thủ-đô Hi-lạp); Phaedrus dịch và chép chuyện ngụ-ngôn Aesop bằng chữ La-tinh.

Các chuyện này được Phan Như Huyền thu-thập, trình-bày lại bằng Việt-văn.

Sách dày 190 trang, giá 6 mỹ-kim. Liên-lạc: Phan Như Huyền, P.O. Box 1319, Garden Grove, CA 92642-1319, USA.

Hoa đài dâng hương

Tập thơ thứ sáu của Tuệ Nga, bìa của Huyền Việt Bửu Môn, Tuệ Đàm Tử đề tựa, kèm thi-họa Vũ Hối, nhạc-phổ Trúc Tâm, Nguồn Sống xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Thi-sĩ Tuệ Nga sinh năm 1936 tại Từ-sơn, Bắc-ninh, hội-viên Thi-đàn Quỳnh Dao, Sài-gòn, hiện sống cùng các con tại Oregon và Bắc California, Hoa-kỳ. Tác-phẩm đầu tay của bà là *Suối*, đoạt Giải Văn-học nghệ-thuật toàn quốc VN năm 1974. Bà là một tiếng thơ thân quen của độc-giả *Làng Văn* từ hơn mười năm nay.

Hoa đài dâng hương dày 160 trang không đề giá. Liên-lạc: Pháp Duyên tịnh-xá, 766 2nd St., San Jose, CA 95112, USA.

Việt-nam: những cánh chim thiên ngoại

Tập bút-ký phát-thanh của Vương Kỳ Sơn, Trung-tâm Văn-hóa Việt-nam xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tập sách gồm 21 bài viết của tác-giả, đã được phát trên đài Tiếng nói Hoa-kỳ (VoA), phần lớn tường-thuật sinh-hoạt của cộng-đồng Việt-nam tại Mỹ.

Sách dày 122 trang, không đề giá. Liên-lạc: Vương Kỳ Sơn, P.O. Box 29683, New Orleans, LA 70189, USA.

Ký-lục, Hội-thảo chuyên-viên và kinh-doanh

Liên hội Người Việt Canada ấn hành tại Gia-nã-đại năm 1995

Sách ghi-nhận các sinh-hoạt của khóa Hội-thảo chuyên-viên & kinh-doanh do Liên Hội Người Việt Canada tổ-chức tại khách-sạn Citadel, Ottawa năm 1994. Trong đó gồm 14 bài thuyết-trình của các diễn-giả, như Nguyễn Xuân Vinh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Trương Trí Vũ, Nguyễn Đình Thắng, Nguyễn Ngọc Bảo, Lê Văn Mão, Rick Floyd, Roger Voyer, v.v., diễn văn khai-mạc của ông Vũ Xuân An, Tổng Thư-ký Liên Hội Người Việt Canada, thư chúc mừng của Thủ-

tướng Gia-nã-đại, Quyết-nghị của khóa hội và một số hình-ảnh.

Sách dày 200 trang không đề giá. Liên-lạc: Liên Hội Người Việt Canada.

Tình yêu và tuổi trẻ

Tập thơ của Hương Sỹ Nhân, tác-giả xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 108 trang, không đề giá. Liên-lạc: Phan Trung Kiên, P.O. Box 711565, San Diego, CA 92171-1565, USA.

Sông Việt sông Mỹ (toàn tập)

Tùy bút và truyện ngắn của Huỳnh Hữu Cửu, Sài-gòn Nhỏ xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tập sách bao gồm:

- Toàn bộ cuốn *Sông Mỹ sông Việt* (đã xuất-bản).

- *Sông Mỹ sông Việt* tập II (chưa xuất-bản).

- Những bài trích từ tập *Cây trái quê mình* (viết chung với Nguyễn Văn Ba).

- Những bài viết về tôn-giáo, triết-học.

- Vài nét về Huỳnh Hữu Cửu, trích *Chân trời lam ngọc* của Hồ Trường An.

Sách dày 400 trang, giá 13 mỹ kim, 19 gia kim. Liên-lạc: Làng Văn.

Luật-pháp thường-thức tại Canada

Sách hướng-dẫn luật-pháp của GS Lê Kim Ngân, Lekim Paralegal ấn hành tại Canada năm 1995.

Sách viết về hệ-thống tòa-án liên-bang và tỉnh-bang Canada, luật hình-sự, dân-sự, gia-đình, thương-mại, tác-quyền, v.v.

Sách dày 200 trang khổ lớn, giá 24 gia-kim. Liên-lạc: Lê Kim Ngân, 1087 Weston Rd., Toronto, Ontario M6N 3S3, Canada.

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-dại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-dại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-dại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-dại:	70\$ (máy bay); 50\$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không: 70 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ: 50 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không: 80 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy: 50 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-dại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 35 bảng / hàng-không 60 bảng.
Bỉ:	đường thủy 1.600 quan / hàng-không 2.700 quan
Đan-mạch:	đường thủy 400 đan-kim / hàng-không 550 đ-kim
Đức:	đường thủy 90 đức mã / hàng-không 140 đức mã.
Hòa-lan:	đường thủy 100 gulden / hàng-không 170 gulden.
Na-uy:	đường thủy 400 krone / hàng-không 550 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 6.000 yen / hàng-không 10.000 yen
Pháp:	đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.
Úc:	đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 120 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-dại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Đan-mạch
Dr. Ngô Việt Dũng Postfach 104122 44041 Dortmund (ĐT: 231-656-949)	Dương Kim Bjørn Bondesvei 153 1253 Oslo (ĐT: 047-22-302562)	Đặng Văn Nhâm Hallandsparken 150 2630 H. Taastrup (ĐT: 45-43-71-31-87)
Hòa-lan:	Úc-dại-lợi:	Nhật-bản:
Hồ Thị Chiến Lyster 77 1628 Am-Hoorn-NH (ĐT: 02290-31666)	Phạm Quang Ngọc P.O. Box 225 Bonnyrigg, NSW 2177 (ĐT: 02-823-6129)	Phạm Ngọc Thanh 262-69-103, Shermowada Yamato-She Kanagawa-Ken, T 242

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNLab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

BÁO BỊ TRẢ VỀ:

Yêu-cầu quý độc giả có tên sau đây liên lạc gấp với tòa soạn để cập nhật địa chỉ

Thu Chi Đặng, NJ; Nguyễn Đồng, CA; Huệ Phạm, NJ;

Thảo Nguyên, KS.- Làng Văn số 135 vừa phát-hành, một độc-giả gọi về tòa-soạn cho biết, truyện *Trò đạo-dức* của cô được phóng-tác từ truyện *Kịch cảm* của một tác-giả ở quốc nội.

Yêu-cầu cô giải-thích. Trong khi chờ-đợi, tòa-soạn giữ lại các truyện ngắn cô đã gửi về, dù là bài đang đọc hay đã ghi vào mục "sẽ đăng." Mong tin.

Lộc Quy, Hoa Kỳ.- Bài của Lộc Quy còn nguyên đây, chỉ chậm đăng thôi. Muốn bài được chóng đăng, cháu nên cần bút làm thơ và gửi (thơ) về đều đều. Bài gửi sau lại được lên báo là chuyện thường xảy ra. Đừng chờ đăng xong bài cũ rồi mới tã tã gửi bài mới tới.

Không phải lúc nào chú Bép cũng "nốc cà phê ừng ực rồi chạy về". Còn tùy lúc, tùy nơi, tùy người ngồi cùng bàn nữa chứ!

Nhân tiện, chuyển lời khen tặng của cháu đến Hoàng Nga. Thân.

Anh Thanh An, Hương Cảng: Đã gửi giấy chứng nhận nhân viên ngoại ngạch sang cho anh bằng thư thường, hi vọng đã nhận được sớm. Đã nhận được bài mới. Chúc anh may mắn.

Bà Phạm Thị Nghi: Giá báo cũ



bằng giá báo mới, hiện là 4,50 mỹ-kim một tờ (sang ngày 1.1.96 sẽ tăng lên 5 mỹ-kim).

GS Vũ Ngọc Đĩnh, San Diego.- Bức *Hoa sa-mạc* chụp bằng Nikon F-4, loại máy chuyên dùng chụp ảnh phóng-sự, không thuận-lợi lắm cho ảnh nghệ-thuật (phim nhỏ, khi phóng to quá 3'x4' dễ bị vỡ hạt). Nếu mới bắt đầu, thầy có thể dùng cuốn *Bước đầu chụp ảnh* của Nguyễn Cao Đàm và *Kỹ thuật nhiếp-ảnh từng điểm một*.

Lần tới có dịp đi San Diego, chúng em sẽ ở chơi lâu. Kính.

Bà Huỳnh Ngọc Nga, Ý.- Giá báo gửi sang Ý là 110 gia-kim, đường hàng-không (từ 1.1.96, tăng lên 120 gia-kim). Giá biểu này in hàng tháng

trong trang "Lệ làng" về mua báo, chỗ "các nước khác: 80 mỹ-kim (110 gia-kim)". Kính.

Xuân Hạnh, Úc: Bạn dùng IBM (486 DX2-66) là được rồi. Tòa-soạn dùng chương-trình chữ Việt VNU (VNLab), in bằng WinJet 1200. Bạn có thể dùng máy in HP LaserJet-4M (600 dots), trông cũng khá lắm.

Anh Nguyễn Như Sơn, Sydney.- Đã nhận được thiệp Giáng-sinh của anh từ đầu tháng 11. Năm nay anh đoạt giải quán quân về gửi thiệp chúc sớm nhất đấy.

Bài có tên trong cột "bài sẽ đăng", chắc chắn sẽ đăng, chỉ phải xếp hàng chờ đến lượt. Xin anh đừng sốt ruột.

Đã nhận được tài liệu về trại tị nạn. Rất quý.

Về bài "thiên linh cái", xin anh cứ viết. Nên dẫn từ đâu và đứng trên căn bản khoa học để nhận định hoặc giải thích. Mong tin.

Ông Zeng Sen, California.- Cảm ơn ông về các bài thơ dịch nghĩa, rất thú vị, nhất là bài thơ ...chuột. Xin đợi ông Bép Mập thư thư, dịch thành thơ rồi đăng chung luôn thể cho thêm màu sắc. Kính.

CHIA BUỒN

Nhận được hung-tín,

Thi-sĩ CAO SƠN
(CAO THỐI SƠN)
Pháp-danh: TÂM UY

hội-viên Văn Bút Trung-tâm Ontario, đã từ-trần tại Toronto ngày 17.10.1995, nhằm ngày 23.8 Ất Hợi, hưởng thọ 80 tuổi;

xin thành kính phân-ưu cùng thi-sĩ Nam Hải và quý tang-quyển; kính chúc hương linh cụ sớm tiêu-diêu miền cực lạc.

Trung-tâm Văn Bút VN Ontario

Gia-đình Trà Lũ

Gia-đình Nguyễn Nhật Tân

Gia-đình Nguyễn Nghĩa

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Anh Nguyễn Đình Nhân, Paris.- Đã nhận được mẫu mới. Sẽ tiếp-tục. Khi biết được “cuộc đất” *Tin tức* dành cho *Làng Văn* hình-thể, kích-thước ra sao, sẽ gửi mẫu in sẵn sang anh. Kính.

Anh Huỳnh Bá Tươi, Úc.- Đồng ý. Khi pào sang Melbourne, NH sẽ nhờ anh làm hướng đạo. Nếu nhà rộng và sẵn lòng cho “đại quân” trú đóng càng tốt.

Thư nhờ chuyển, NH đã chuyển. Còn địa-chỉ Viên Giác, như sau: Eichelkampsr. 35a, 3000 Hannover 81, Germany. Chúc anh thỏa nguyện.

Ông Nguyễn Văn Vinh, Pháp.- Ông tái hạn trễ nên nhận báo trễ, bây giờ chắc đã tới nơi. Kính.

Ông Lê Nguyễn, Alabama.- Cảm ơn anh về lời khích lệ. Đã nhận được xấp thơ, đang đọc. Kính.

Anh Nguyễn Bá Phúc, Úc.- NH đang đọc hai cái truyện được tác giả nhận định là “rất hấp dẫn” của anh. Trong khi chờ, xin anh tiếp tục.

Anh Trương Chi, Brossard.- Anh đi coi hát về, chỉ kể và tả suông, làm sao NH chia sẻ được! Lần sau nhớ đem theo cái *cassette* hay cái *camera* nhỏ, coi hát xong quảng cho NH cuốn băng, NH sẽ cảm ơn lắm. Thân.

Anh Trần Vạn Sanh, Kobe.- Chắc gói báo tái hạn đã tới anh. Tình hình Kobe hậu địa chấn ra sao? Kính.

Ông Xuân Đài.- Các bài được chọn và công bố vào cột “bài sẽ đăng” không có nghĩa là sẽ đăng ngay vào số báo kế tiếp. Có khi trong cùng một thời gian, tòa soạn chọn được hàng trăm bài thơ, không lẽ đăng hết vào số kế, để tờ báo biến thành một tập thơ? Nếu chỉ chọn vừa đủ (khoảng 15 bài) để đăng trong một kỳ báo, không lẽ bỏ hết những bài xuất sắc khác? Xin ông hiểu cho điều đó và vui lòng hoặc thu-hồi hai chữ “thất-

tín”, hoặc các bài thơ đã gửi. Kính.

Thị sĩ Sáo Bạc, Florida.- Cảm ơn anh đã vì lẽ phải mà lên tiếng. NH cũng như anh, cố gắng làm cho tròn “bốn phận công dân” của mình mà thôi. Vụ Hawaii sẽ bàn kỹ. Thân.

Lâm Xuân Hoàng, SD.- Cảm ơn bạn về 50 con cò “chuyển lửa về quê hương.” Thân.

Cụ Bùi Xuân Mai, Brossard.- Hạn bớt 40% cho một số sách đã qua từ lâu. Xin cụ dùng đặc lợi bớt 10% cho độc giả dài hạn cộng thêm 5% phiếu giảm giá dành riêng cho độc giả tại Gia Nã Đại (hiệu lực trong năm 95).

6 cuốn sách cụ hỏi, sau khi giảm giá (tổng cộng 15%) còn: 118.50 gia kim. Kính.

Ông Vạn Lam, Montréal.- Theo thiện ý, tập sơ thảo ông làm như vậy coi đã được lắm rồi. Ông có thể thực hiện đợt đầu chừng 30 tập, rồi cho đăng một mẫu quảng cáo nhỏ trong vài kỳ báo, tính giá sách bằng án phí công cước phí, với mục đích phổ biến. Thử xem, biết đâu qua đó mà kết thêm được một số bạn tâm đắc. Kính.

Ông Hoàng Châu, SK.- Cảm ơn ông về châu cà phê buổi sáng. Tiếc là người mời ở xa, chỉ gửi tiền về mà không dự được. Người được mời vì quá bận rộn, chưa có dịp ra quán; và cái nhà hàng ông định mời, vừa đóng cửa vĩnh viễn! Dù sao, tòa soạn cũng nợ ông một lời mời và một món tiền “văn nghệ” còn cầm đây. Sẽ có thư riêng, đề cập sự việc đang làm ông bận tâm. Kính.

Phan Đức Vinh, nhà tù Pik-Uk, Hương Cảng.- Đã bắt đầu gửi báo cho các cháu.

Lời khuyên của cô là, các cháu cố gắng học lấy một nghề trong thời gian bị giam cầm. Điều kiện sống trong nhà tù giam phạm-nhân vị thành niên ở Hương Cảng vừa giống như một trại

lính, vừa giống một trung tâm huấn nghệ. Một khi các cháu chấp nhận kỷ luật và tha thiết với tương lai, sẽ cảm thấy dễ chịu hơn bị giam trong các trại tị nạn nhiều.

Chúc các cháu khỏe mạnh và học tập được những điều tốt đẹp, có lợi cho bản thân sau này, dù ở vùng đất nào.

Linh Phương, Florida.- Đã nhận được tiền báo, cảm ơn chị. Cảm ơn về hai bản nhạc. Cảm ơn cả về ý tốt “gửi nắng ấm” lên phương bắc (bên này đã có tuyết). Nhiều thứ ơn quá!

Đã gửi sách cho chị. Chúc năm tháng vận hạn chóng qua. Thân.

Nguyễn Thi, Oslo.- Đã nhận được 1100 kronas, xin yên tâm, cảm ơn bạn.

Dương Kim, Oslo.- Báo của ông Nguyễn Văn Cư đã gửi từ lâu, sẽ đến, dù chậm vì đi bằng đường thủy.

Đã tăng 150% tổng số báo gửi sang Na Uy, theo yêu cầu.

Về quảng cáo cuốn truyện cổ tích, tòa soạn ghi địa chỉ Na Uy cho những độc giả muốn sưu tập chữ ký tác giả. Nếu mẹ cháu ngại gói ghém, đi bưu điện, cô sửa lại thành địa chỉ tòa soạn, cũng tiện.

Sang tháng 12 sẽ tính số phát hành sách cho tất cả mọi người, kể cả cháu. Thân.

Bà Đỗ Thị Thoa, Florida.- Gói sách gửi ngày 18.9, đến 18.10, đáng lẽ đã phải đến nơi. Nếu bà vẫn chưa nhận được khi đọc mấy dòng này, xin vui lòng khiếu nại với sở Bưu điện.

Anh Bạch Thái Hà, Paris.- Mừng anh đã gần bình phục. Xin tĩnh dưỡng một thời gian cho khỏe hẳn rồi hãy tính chuyện đi làm. 1995 quả là năm xui tháng hạn cho nhiều vị đại diện. Úc và Florida bị trộm viếng, Hoà Lan và Pháp ồm nặng, Đan Mạch và Gia Nã Đại không đồng quan điểm về cách giải quyết một vấn đề bên ngoài tòa soạn, v.v.

Bây giờ mọi việc tạm ổn. Năm cũ

sắp qua, cầu cho năm mới mọi sự tốt lành. Thân.

Anh Trần Văn Hòa, Đức quốc.- Ông Bưu điện Đức thật "hại bạn." Khi gửi sách sang Đức, NH luôn luôn mua bảo hiểm. Riêng báo thì vô phượng, vì quá nhiều gói, không điền phiếu nổi, và không thể bắt độc giả trả thêm 12\$ bảo hiểm cho 12 số báo! Chỉ còn cách chấp tay cầu nguyện cho nước bạn... văn minh trở lại! Thân.

Anh Phạm Phong Dinh, MB.- Đã nhận được các bài mới, cảm ơn anh. Mong anh đi học tiến bộ và chóng dùng được máy vi tính. Tòa soạn gửi biếu anh một kiểu chữ Việt để dùng thử (bằng mực máy chữ của anh cũ quá rồi, NH đọc hoa cả mắt, khổ quá!) Thân.

Ông Tạ Quốc Tuấn, Dallas.- Đã nhận được đĩa chữ và các bài ông gửi. Xin đa tạ.

Ông Hoàng Văn Quý, Pháp.- Đã nhận được chỉ phiếu, xin ông yên tâm. Thường thì tòa soạn gửi báo vào ngày 23 mỗi tháng. Đôi khi vì NH phải đi công tác xa vào cuối tháng, báo ra sớm hơn hoặc trễ hơn vài ngày, và thường không quá một tuần. Kính.

Hoàng Nga, Đức.- Nếu đã quen dùng VNI thì cứ tiếp tục như vậy. Tòa soạn chuyển từ VNI ra VNU để dăng. Thân.

Tăng Sở Dương, Hương Cảng.- Tòa soạn không có quỹ riêng để gửi báo sang các trại tị nạn. Những con tem để gửi báo đi do độc giả bốn phương giúp đỡ, thường chỉ đáp ứng được khoảng 8 đến 12% nhu cầu, số còn lại phải cắt xén từ tiền quà sáng, chợ búa, giải trí và cả tiền mua sắm quần áo mới của NH. Mong bạn hiểu điều này và đừng lấy làm buồn phiền khi thấy gói báo của mình khi đầy khi vơi, theo khả năng tài chính của NH.

Thi sĩ Hoài Việt, Paris.- Đã nhận được tập thơ *Amour et Liberté* của

ông. Sẽ giới thiệu.

Cảm ơn ông cho biết tin tức tốt đẹp về tình trạng sức khỏe của anh Hà.

Sang năm về hưu, xin mời ông bà "bò vàng nhạc ngựa" sang Toronto chơi. Kính

Ông bà Võ Thanh, WA.- Không thấy bức thư ông bà nhờ chuyển. Xin xem lại. Kính.

Ông Đào Đức Chương, San Jose.- Đã nhận được bài *Trường thi Bình định*, có giá trị cao về tài liệu lịch sử khoa cử Việt Nam, cảm ơn ông.

Bạch Liên nương tử, Na Uy.- Có dư bìa ngoài, xin cứ gửi, rất tốt để bảo vệ dung nhan cho "các con" của nương tử. Thôi nằng đừng ốm nữa, tội nghiệp "người ta." Thân.

Chị Tuệ Nga, Oregon.- Đã chuyển báo về địa chỉ mới cho chị. Thật là thoải mái khi có nhiều con, mỗi đứa có nhà riêng ở một vùng khí hậu khác nhau. Cụ bà nội ngoại chỉ việc xách va-li lên là có quyền lên đường tị nạn, nóng lạnh quanh năm không phiền nhiễu được mình! Thân kính.

Ông Trần Văn Anh, Hòa Lan.- Đã gửi TĐK theo yêu cầu sửa đổi lần 1 cùng với số sách đặt mua. Thư sửa đổi lần 2 đến khi sách đã gửi nên không thể làm gì hơn được. Rất tiếc.

Ông Lê Hữu Dân, Freemont.- Nhắc lần II. Ông đổi ý, chỉ đăng một kỳ nên không được hưởng giá dài hạn. Xin gửi thêm cho tòa soạn 30 mỹ kim nữa. Đa tạ.

Khoa, nhà tù Shek-Pik.- Đã nhận được thư em. Xin đọc phần trả lời cháu Phan Đức Vinh trên đây.

Em không cần phải viết thư về tòa soạn hàng tháng, khiến không còn tem để liên lạc thân nhân. Khoảng ba tháng một thư được rồi, cho biết tổng quát tình hình sinh hoạt của các em,

về tình trạng sách báo nhận được ra sao. Chúc lành.

Minh Tâm, Sikiew.- Đã gửi cho bạn một cuốn tự điển theo yêu cầu. Chúc sớm nhận được.

Anh Phùng Nhân, Úc: Chế độ trong nước không hề thay đổi. Điều mà anh tưởng là "thời đại đổi khác", thực ra chỉ là sự thay đổi trong lòng một vài "du khách" trở lại quê nhà, hơi hợt thăm thú rồi lập lại những điều đã cũ, đã làm nhiều người vỡ mặt (vỡ mặt, nhưng đôi khi chưa vỡ óc!)

Trong lịch-sử, từ Nguyễn Hải Thần, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam,... bao nhiêu người chẳng những đã "nói chuyện" mà còn bắt tay liên hiệp với cao-vọng làm cho những con người máy CS kia thay lòng đổi dạ. Bài học ngồi chung ấy đã lặp đi lặp lại suốt nửa thế kỷ. Bao nhiêu máu xương đã đổ. Bước tiến của dân tộc đã bị chặn đứng. Nông-thôn Việt-nam chỉ mới có... điện, trong khi nước người (như Nam-dương) đã chế được máy bay!

Tóm tắt, không có gì mới đâu anh, một bài học đã quá cũ. Điều "mới nhất" mà anh nên suy gẫm, là lời ông Stephen Young mới đây: không thể ngồi đó mà thảo-luận mãi với cộng-sản, phải đứng dậy mà hành động!

Ngô Nhật Thường, NC: Tòa soạn chỉ đọc được các thảo chương điện toán VNI, VNU (VNLab) mà thôi.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyễn Bá Phúc (2), Phạm Thị Thanh Bách, Vạn Lam, Hoàng Nga, Nguyễn Như Sơn, Thanh An, Phan Tuấn Sơn (4), Xuân Tước, Văn Ngọc Nguyên, Đào Đức Chương, Lâm Sinh Thư, Nguyễn Trung Dũng, Thuận Văn, Phạm Phong Dinh, Phùng Nhân, Nguyễn Nhật Thường, Đoàn Mạnh Tiến, Lập Phương (10).

Thơ: Vạn Lam (2), Ngô Minh Hằng (3), Song Châu (2), Phạm Thành Tính (2), Nguyễn Vĩnh Long

(2), Nguyễn Như Sơn (2), Phạm Việt Quý (3), Ông Thế Hùng (3), Việt Phong, Nguyễn Tấn Phương (2), Nguyễn Trọng Lượng, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Đức Thanh (2), Phan Xuân Sinh, Nguyễn Phù Sa (8), Trần Ngân Tiêu (3), Tuệ Nga (6), Việt Thao, Lâm Hảo Khôi, Lộc Quy (4), Trần Minh Hiền, Vân Nương, Nguyễn Khanh (2), Lê Nguyễn (4), Đan Hà (3), Hoài Việt, Vĩnh Hoà Hiệp (32), Phan Tuấn Sơn (2), Trương Chi.

BÀI SẼ ĐĂNG

Vân: Nhấn với nhà tôi (PTTB), Chuyện xóm nhỏ (NHN), Con chuột tiết hạnh (XT), Trường thi Bình Định (ĐĐC), Sự khác khoải của bốn phận (PPD), Báo oán, Lựa chọn, Thủy thần sông Song, Nổi nghiệp (LP), Mùa xuân về nhớ Hobart, Tết ở vùng cao (PTS), Nghề bỏ báo (NTD).

Thơ: Em muốn hỏi cây sầu riêng (LHD), Cùng bút hiệu (HV), Bài thơ mùa đông (NK), Sẻ về với Huế (LN),

Vào hội thương xuân (VN), Thu biệt, Em đi (LQ), Trung thu (VT), Người về, xin dừng lại (PXS), Bên thềm cũ, Đưa người vào thiên thu (VL), Tiếng lòng (VP), Ngày, một đời (NVL), Cám ơn, Vọng nguyệt tư cố hương (TNT), Cách một bức rào (NTP), Đông về nhớ người, Thư người (NDT), Lời gửi gió, Nửa viên trăng, Lãng hoa trong mộng, Cuối ngày huyền không (TN), Mặc nắng mưa phai (NMH), Tình thắm chap, Chiều bên sông cũ, Quê nội thời thơ ấu, Mùa

nhắn tin tị-nạn

Thế-thức và giá biểu: tối-đa 50 chữ; 15 mỹ-kim (20 gia-kim) một kỳ; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Tìm anh là **Phạm Văn Thúc**, trước ở trại tị-nạn Nhật, 211 Toyohara Motobu, Okinawa Ken, Japan năm 1982, nay ở đâu xin liên lạc về **B.T.N.**, 91-929 Hanakaha St., Ewa Beach, HI 96076, USA.

Tìm cha mẹ đỡ đầu là **Nguyễn Văn Lắm** và **Dương Thị Nét** cùng các bạn Ngul, Vẹn. Năm 1986, cha mẹ và các bạn cùng ở trại Site II, Thái-lan, nay định-cư ở Québec, Canada từ năm 1987, Nhận được tin này, xin liên-lạc với con là **Nguyễn Văn Sai**, trước ở trại Dong Rek, site II, mười hai năm nay vẫn hãy còn trong trại tị-nạn. Địa-chỉ: Nguyễn Văn Sai, PST 11739, House C5, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand.

Anh chị **Đỗ Thanh Nga & Nguyễn Văn Trung** đi năm 1989, số thuyền 162/89 đến trại Shampo từ tháng 5.1989, đến 1.90 chuyển sang trại Shatin đến tháng hay 7.91, đi New Zealand; chị **Nguyễn Thị Lan**, đi năm 1989, số thuyền 831/89, đi Australia, xin liên-lạc **Trần Văn Túc**, No 51842 L/M: 162189 Whitehead Detention Centre, Section 4 Shatin Camp, N.T., Hongkong.

Anh **Nguyễn Văn Thịnh**, vượt biên từ Hải-phòng, Bắc Việt-nam, đến Hương cảng năm 1990, hiện định-cư tại Thụy-điển. Xin liên lạc **Lại Văn Hạnh**: 2496 Franklin St., Vancouver, BC V5K 1X4, Canada.

Tin sách:

TRUYỆN CỔ DÂN-GIAN NA-UY

BẠCH LIÊN
kể

Gồm 14 truyện cổ-tích

Truyện cổ dân-gian Na-uy là loại truyện ở hiền gặp lành, tránh gieo gió để khỏi gặt bão, và hạnh-phúc trên đời này chỉ dành cho những người có tâm-hồn thánh-thiện.

Cổ-tích cũng là loại truyện vừa giúp vui, vừa giúp xoa-dịu nỗi đau-thương trong cuộc sống.

Giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim), liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, anh chị **NHẤT GIANG** (Úc-dại-lợi) sẽ làm lễ thành-hôn cho thứ nam là

NGUYỄN-LÝ TAM GIANG

đẹp duyên cùng cô

LÊ THỊ BÍCH-TRANG

thứ nữ của quả-phụ **LÊ VĂN LANG** (Úc-dại-lợi); hôn-lễ cử-hành ngày 2.12.1995 tại Canley Vale (Sydney), Úc.

Hân-hạnh chúc mừng hai họ Nguyễn-Lê; thân chúc các cháu hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

THƯ-MỤC BỔ-TÚC

Làng Văn phát-hành

(sách mới về, bổ-túc Thư-mục 1995, đã phát-hành)

. *Độc-giả Làng Văn tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:*

- mua dưới 100 mỹ-kim (hoặc 150 gia-kim): được bớt 10%, miễn cước-phí.

- mua từ 101 mỹ-kim đến 500 mỹ-kim (151 gia-kim tới 750 gia-kim): được bớt 15%, miễn cước-phí.

- mua từ 501 mỹ-kim (751 gia-kim) trở lên: được bớt 25%, miễn cước-phí.

. *Độc-giả Làng Văn ở các nước khác, ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:*

- mua dưới 100 mỹ-kim (hoặc 150 gia-kim): không được bớt, và xin trả thêm 10% làm cước-phí.

- mua từ 101 mỹ-kim đến 500 mỹ-kim (151 gia-kim tới 750 gia-kim): không được bớt, miễn cước-phí.

- mua từ 501 mỹ-kim (751 gia-kim) trở lên: được bớt 15%, miễn cước-phí.

. Tất cả các gói sách đều gửi bằng đường bưu bộ (gửi đi trong Gia-nã-đại và Hoa-kỳ: từ 1 tuần đến 2 tuần) hoặc đường thủy (đi Âu-châu: 8 tuần; các châu khác: 12 tuần).

Muốn nhận sách gửi bằng máy, xin trả thêm phụ-phí hoàng-không. Tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, xin trả thêm 40%; tại các nước khác, trả thêm 100%.

. *Độc-giả dài hạn đặt*

mua báo và sách cùng lúc, vẫn được bớt như trên.

. *Độc-giả đã hết hạn báo và không tái hạn,* xin trả nguyên giá.

. *Độc-giả mua sách tặng thân-nhân, bằng hữu, vẫn được bớt như mua sách cho chính mình. Xin theo giá biểu, cước phí, tiền bớt nơi gói sách được gửi đến (Thí-dụ: độc-giả ở Hoa-kỳ, mua sách tặng cho thân nhân ở Pháp, xin theo thể-lệ dành cho độc-giả tại Pháp. Ngược lại, độc giả ở Pháp, mua sách tặng thân-nhân ở Hoa-kỳ, được hưởng thể-lệ dành cho độc-giả ở Hoa-kỳ).*

. *Biên-tập-viên và cộng-tác-viên của Làng Văn (có tên trong danh-sách ban biên-tập hoặc cộng-tác, khi mua sách, được hưởng quyền-lợi như độc-giả dài hạn.*

. *Xin trả tiền cùng lúc gửi thư đặt mua sách. Cách trả:*

- *Độc giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hòa-lan, Úc và Nhật-bản:*

có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân (*chequel check*) bằng tiền địa-phương, không cần phải mua ngân phiếu (*money-order*) hay bưu-phiếu (*postal money-order*);

có thể trả bằng tiền mặt, mỹ-kim hoặc tiền địa-phương;

nếu gửi tiền mặt, xin dùng thư thư bảo đảm

(tòa-soạn không chịu trách-nhiệm nếu thư không đến).

- *Độc giả các nước khác ngoài Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hòa-lan, Úc và Nhật-bản):*

xin trả bằng ngân phiếu (mua ở ngân hàng) hoặc bưu phiếu (mua ở bưu-điện);

có thể trả bằng tiền mặt, mỹ-kim hoặc tiền địa-phương;

nếu gửi tiền mặt, xin dùng thư thư bảo đảm (tòa-soạn không chịu trách-nhiệm nếu thư không đến).

. *Độc-giả tại các nước ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, muốn trả bằng tiền tiền địa-phương, xin theo hối-suất sau:*

- Tại Pháp: lấy giá mỹ-kim nhân cho 6.

- Tại Đức: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1,8

- Tại Hòa-lan: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1,9

- Tại Anh: lấy giá mỹ-kim nhân cho 0.65

- Tại Na-uy: lấy giá mỹ-kim nhân cho 7.5

- Tại Đan-mạch: lấy giá mỹ-kim nhân cho 7.

- Tại Bỉ: lấy giá mỹ-kim nhân cho 35.

- Tại Thụy-sĩ: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1.4

- Tại Ý-đại-lợi: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1800.

- Tại Úc: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1.5

- Tại Nhật-bản: lấy giá mỹ-kim nhân cho 100.

TRUYỆN CƯỜI:

Cười cho đời đỡ khổ
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

Cười cho đời lên hương
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

Cười toe
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

Cười tùm
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

Cười đỏ
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

TRUYỆN VĨ HIỆP:

Anh hùng xạ điêu
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn, trọn bộ 8 cuốn
US\$64.00 - CA\$96.00

Bích huyết kiếm
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn, trọn bộ 8 cuốn
US\$56.00 - CA\$84.00

Cô gái Đồ long
Kim Dung, bộ 6 cuốn
US\$46.00 - CA\$69.00

Đơn kiếm diệt quần ma
Kim Dung, T.P. Từ
Khánh Phụng, bộ 2 cuốn
US\$18.00 - CA\$27.00

Lệnh xé xác
Lã Phi Khanh, 7 cuốn
US\$62.00 - CA\$93.00

Lộc đỉnh ký
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn, trọn bộ 21 cuốn
US\$95.00 - CA\$142.50

Lục mạch thần kiếm
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn, trọn bộ 6 cuốn
US\$46.00 - CA\$69.00

Lục tiểu phụng
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn
US\$15.00 - CA\$22.50

Tiểu ngạo giang hồ
Kim Dung, Hàn Giang

Nhạn, trọn bộ 7 cuốn
US\$49.00 - CA\$73.50

Thái A Kiếm
Kim Dung, T.P. Từ
Khánh Phụng, bộ 2 cuốn
US\$18.00 - CA\$27.00

Tục Thái A Kiếm
Kim Dung, T.P. Từ
Khánh Phụng, bộ 3 cuốn
US\$21.00 - CA\$31.50

Thạch kiếm
Thiền học kiếm đạo
Tự Tĩnh, trọn bộ 4 cuốn
US\$60.00 - CA\$90.00

Thanh cung mười ba triều
Ngoại sử triều Mãn
Thanh, Hứa Tiểu Thiên
trọn bộ 7 cuốn
US\$42.00 - CA\$63.00

Thần điêu đại hiệp
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn, trọn bộ 7 cuốn
US\$42.00 - CA\$63.00

Thiên long bát bộ
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn, trọn bộ 2 cuốn
US\$18.00 - CA\$27.00

TIỂU THUYẾT TÌNH CẢM XÃ HỘI TRUNG HOA:

Ái quả tình hoa
Quỳnh Dao
US\$12.00 - CA\$18.00

Băng nhi
Quỳnh Dao, Ngô Quân
US\$10.00 - CA\$15.00

Bát chọt một chiều
mưa
Quỳnh Dao, Liêu Quốc
Nhĩ
US\$7.00 - CA\$10.50

Bên bờ quạnh hiu
Quỳnh Dao, Liêu Quốc
Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Bích vân thiên
Quỳnh Dao, Liêu Quốc
Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Biết tỏ cùng ai

Quỳnh Dao US\$7.50 - CA\$11.50	Hãy đợi anh về Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$8.00 - CA\$12.00	Quỳnh Dao, Lưu Khôn US\$12.00 - CA\$18.00	Xuân phong thu vũ Quỳnh Dao, Ngọc Linh US\$14.00 - CA\$21.00	Bí quyết làm cho đời sống vui tươi Sách học làm người Thán Việt US\$7.00 - CA\$10.50
Bóng hoàng hôn Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$14.00 - CA\$21.00	Hãy ngủ yên tình yêu Quỳnh Dao US\$7.50 - CA\$11.50	Thạch lựu hoa Quỳnh Dao US\$6.50 - CA\$10.00	CÁC LOẠI KHÁC:	Bói toán số mệnh, tử vi trọn đời Sách bói toán Đoàn Văn Thông US\$14.00 - CA\$21.00
Cánh chim trong giồng bão Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$6.50 - CA\$10.00	Hoàng hôn cuối cùng Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$14.00 - CA\$21.00	Thủy linh Quỳnh Dao US\$6.50 - CA\$10.00	50 điều cấm kỵ trong bệnh huyết áp cao Kiến thức y khoa phổ thông, Du Đức Hiến US\$7.00 - CA\$10.50	Bóng sắc giai nhân trên đường bác và nam tiến Sưu khảo, Lê Văn US\$10.00 - CA\$15.00
Cánh hoa chùm gởi Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$9.00 - CA\$13.50	Hương cỏ dại Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$10.00 - CA\$15.00	Thuyền tình đỗ bến Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$13.00 - CA\$19.50	1001 câu hỏi về tình dục Kiến thức phổ thông Nguyệt Minh soạn US\$12.00 - CA\$18.00	Bóng thiên đường Truyện dài Trần Long Hồ US\$15.00 - CA\$22.50
Cánh nhạn cô đơn Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$13.00 - CA\$19.50	Lá rụng chiều thu Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$10.00 - CA\$15.00	Tình ca mùa thu Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$13.00 - CA\$19.50	1001 truyện ngắn hay nhất thế giới (các tập 2, 6, 7) Truyện dịch, giá mỗi tập: US\$7.00- CA\$10.50	Bụi đường Truyện dài, Vĩnh Hảo US\$15.00 - CA\$22.50
Chớp bể mưa nguồn Quỳnh Dao US\$13.00 - CA\$19.50	Lưới tình La Lan US\$6.00 - CA\$9.00	Tình loạn Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$9.00 - CA\$13.50	2000 ngày đêm trăn thủ Củ Chi, tập 4 Truyện dài, Xuân Vũ US\$12.00 - CA\$18.00	Các món ăn đặc sắc Sách dạy nấu ăn Nguyễn Thị Thanh US\$7.00 - CA\$10.50
Chuyện đời tôi Quỳnh Dao US\$14.00 - CA\$21.00	Mây trắng vẫn bay Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$13.00 - CA\$19.50	Tình sử Vương Chiêu Quân La Lan US\$8.00 - CA\$12.00	Âm bản Truyện ngắn Ngô Nguyên Dũng US\$11.00 - CA\$16.50	Các món ăn Tàu, Việt, Tây Sách dạy nấu ăn Nguyễn Thị Hương US\$8.00 - CA\$12.00
Dòng sông ly biệt Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$8.00 - CA\$12.00	Mùa thu lá bay Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$8.00 - CA\$12.00	Trận cuồng phong Quỳnh Dao, Kiên Đạt US\$14.00 - CA\$21.00	Bách khoa mẹo vặt cần biết Kiến thức phổ thông Đoàn Văn Hai US\$15.00 - CA\$22.50	Cách xử thế của người nay Sách học làm người Nguyễn Hiến Lê US\$7.00 - CA\$10.50
Dưới ánh trăng cô đơn Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$13.00 - CA\$19.50	Nắng thôn Đoài Quỳnh Dao, Thịnh Quang US\$12.00 - CA\$18.00	Trên ngọn thủy triều Quỳnh Dao US\$12.00 - CA\$18.00	Bầy thú nhỏ Truyện dài, Sơn Tùng US\$14.00 - CA\$21.00	Cái cười của thánh nhân Sách học làm người Nguyễn Duy Căn US\$9.00 - CA\$13.50
Đường tình đôi ngã Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$14.00 - CA\$21.00	Này em thu đã đến Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$8.00 - CA\$12.00	Trôi theo dòng đời Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$10.00 - CA\$15.00	Bí ẩn về phong thủy Bói toán Đoàn Văn Thông US\$16.00 - CA\$24.00	Cao ly đầu hình Bói toán, so tuổi vợ chồng, Đoàn V. Đầu, Nguyễn Kim Lan US\$5.00 - CA\$7.50
Em là cánh hoa rơi Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$13.00 - CA\$19.50	Như một khúc nhạc buồn La Lan US\$8.00 - CA\$12.00	Trường tương tư Quỳnh Dao US\$12.00 - CA\$18.00	Bí mật cung đình Tài liệu Đoàn Văn Thông US\$15.00 - CA\$22.50	Chân trời mộng đẹp Truyện dài Hồ Trường An US\$14.00 - CA\$21.00
Giã biệt tuổi mộng mơ Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$10 - CA\$15.00	Những mảnh đời đang đổ Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$9.00 - CA\$13.50	Tuyết kha Quỳnh Dao, Lưu Khôn US\$12.00 - CA\$18.00	Bí mật cuộc đời Mao Trạch Đông Tài liệu, BS Lý Phục Huy, Trần Ngọc Dung US\$26.00 - CA\$39.00	Chỗ một đời em vẫn để, dành Tùy bút, Du Tử Lê US\$12.00 - CA\$18.00
Giai điệu tình yêu Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$11.00 - CA\$16.50	Song ngoại Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ US\$9.00 - CA\$13.50	Vườn thúy Quỳnh Dao, Hoàng Diễm Khang US\$5.00 - CA\$7.50	Bí mật đời người qua tướng mạo & sắc diệnJ. Ranald, Ng.V. Bằng US\$7.00 - CA\$10.50	
Gió ơi dừng lại bên hồ Quỳnh Dao, L.Q. Nhĩ US\$7.00 - CA\$10.50	Tam độ mai	Xóm vắng Quỳnh Dao US\$10.00 - CA\$15.00		

Chuyện khôi hài
Truyện cười, Nguyễn Mạnh
US\$9.00 - CA\$13.50

Chữ cái và văn tiếng Việt
Sách tập đọc, tập viết
US\$7.50 - CA\$11.50

Con đường chuyển hoá
Sách Phật giáo, Nhất Hạnh
US\$14.00 - CA\$21.00

Cô bé làng Hoà Hảo
Bút ký, Nguyễn Huỳnh Mai
US\$17.00 - CA\$25.50

Cờ tướng, những chiến lược xuất quân tốt đẹp
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US\$6.00 - CA\$9.00

Con bé tôi yêu
Truyện ngắn
Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh
US\$6.50 - CA\$10.00

Cuộc triết thoại cao nguyên
Hồi ký chiến tranh, Phạm Huân
US\$18.00 - CA\$27.00

Dấu binh lửa
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US\$10.00 - CA\$15.00

Dấu chân cát xoá
Truyện vừa, Doãn Quốc Sỹ
US\$9.00 - CA\$13.50

Dễ ghét
Truyện ngắn
Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh
US\$6.50 - CA\$10.00

Dễ thương
Truyện ngắn
Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh
US\$6.50 - CA\$10.00

Đọc đường số 1
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US\$7.00 - CA\$10.50

Dưỡng sinh, xoa bóp, khí công, phòng chữa bệnh
Sách dưỡng sinh
Dương Trọng Hiếu
US\$8.00 - CA\$12.00

Đảng cộng sản trước thực trạng Việt Nam
Nhận định, nhiều tác giả
US\$20.00 - CA\$30.00

Đạo Phật hiện đại hoá
Sách tôn giáo, Nhất Hạnh
US\$10 - CA\$15.00

Đạo Phật và đời sống hiện đại
Sách tâm linh, Sĩ Dhamma-nanda, Thích Tâm Quang dịch
US\$6.00 - CA\$9.00

Điện Biên Phủ, Ban Mê Thuột, tướng Phạm Văn Phú và những trận đánh
Hồi ký chiến tranh, Phạm Huân
US\$20.00 - CA\$30.00

Điện hay tích lạ
Kiến thức phổ thông
Nguyễn Tử Quang
US\$10.00 - CA\$15.00

Đối thoại với Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II
Nhận định tôn giáo
Nhiều tác giả
US\$15.00 - CA\$22.50

Đời uyên ương
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US\$8.50 - CA\$12.50

Đời vua chúa
Tài liệu, Đoàn Văn Thông
US\$18.00 - CA\$27.00

Đường trường xa xăm
Bút ký, Phan Nhật Nam
US\$10.00 - CA\$15.00

Em học tiếng Việt
Sách tập đọc, tập viết, 2 cuốn
US\$13.00 - CA\$19.50

Em và, mẹ và, tôi là một nhé
Tùy bút, Du Tử Lê
US\$10 - CA\$15.00

English 900
Bảng & sách học Anh văn
Mỗi tập: 1 sách & 2 băng:
US\$15.00 - CA\$22.50
Trọn bộ 6 sách & 12 băng tập
US\$90.00 - CA\$135.00

Giải huyết bí truyền
Sách thuốc
R. Lasserre, Vũ Đức dịch
US\$8.00 - CA\$12.00

Gợi nhớ quê hương
Truyện ngắn, Phạm Thăng
US\$14.00 - CA\$21.00

Gương hy sinh
Sách học làm người

Nguyễn Hiến Lê
US\$6.00 - CA\$9.00

Gương nghị lực
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US\$7.00 - CA\$10.50

Hà Nội những ngày tháng cũ
Hồi ký, Nguyễn Gia Bảo
US\$12.00 - CA\$18.00

Hành trình một H.O
Hồi ký, Đặng Trần Huân
US\$15.00 - CA\$22.50

Hoa Bluebonnet cho hai người
Truyện ngắn, Phạm Ngũ Yên
US\$12.00 - CA\$18.00

Học khôn
Sách học làm người
Phạm Đình Khiêm
US\$10 - CA\$15.00

Hồi ký R. S. McNamara
Duy Nguyên dịch
US\$22.00 - CA\$33.00

Hơn nửa đời hư
Hồi ký (không cắt xén)
Vương Hồng Sển
US\$20.00 - CA\$30.00

Hương thơm từ núi lạ
Truyện dịch, giải Pulitzer 93
Robert O. Butler, Thiên Nhất
Phương dịch
US\$12.00 - CA\$18.00

Kiều và văn nghệ đứt ruột
Nhận định văn học, Nhất Hạnh
US\$14.00 - CA\$21.00

Kinh Dịch ứng dụng
Biên khảo, Đoàn Văn Thông
US\$18.00 - CA\$27.00

Kinh nghiệm thiền quán
Sách tâm linh, Joseph Gold-stein, Nguyễn Duy Nhiên dịch
US\$15.00 - CA\$22.50

Kỷ niệm quê hương
Sách giáo dục Anh Việt
Trần Văn Điền
US\$5.00 - CA\$7.50

Kỹ thuật nấu món ăn ngon
Sách dạy nấu ăn, Triệu Thị
Chơi & Ngô Thị Hồng, 3 cuốn
US\$18.00 - CA\$27.00

Làm sao sống không sợ hãi
Sách tâm linh

HT Sri Dhammananda, Thích
Tâm Quang dịch
US\$6.00 - CA\$9.00

Lão tử tinh hoa
Triết học Đông phương
Thu Giang Nguyễn Duy Căn
US\$7.00 - CA\$10.50

Lối xưa xe ngựa...
Biên khảo
Nguyễn Thị Chân Quỳnh
US\$14.00 - CA\$21.00

Luyện dưỡng sinh
Nguyễn Minh Kính
Sách dưỡng sinh
US\$7.00 - CA\$10.50

Luyện lý trí
Kiến thức phổ thông
Nguyễn Hiến Lê
US\$6.00 - CA\$9.00

Luyện trí nhớ
Kiến thức phổ thông
Hoàng Xuân Việt
US\$6.00 - CA\$9.00

Mặt Trận kiện báo chí
(vụ án Mặt trận Hoàng Cơ
Minh kiện báo Văn-nghệ tiền-
phong)
Tài liệu, Trần Cung Sơn
US\$12.00 - CA\$18.00

Mình lại soi mình
Truyện dài, Doãn Quốc Sỹ
US\$16.00 - CA\$24.00

Một nửa đàn ông là đàn bà
Tiểu thuyết Tàu, Trương Hiền
Lương, Phan Thịnh dịch
US\$16.00 - CA\$24.00

Mùa hè đỏ lửa
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US\$7.00 - CA\$10.50

Mùa trăng
Truyện ngắn
Lê Thị Thắm Vân
US\$10 - CA\$15.00

Nam kỳ lục tỉnh IV
Tài liệu, Hứa Hoàn
US\$13.00 - CA\$19.50

New English 900
Sách học Anh văn,
Mỗi tập: 1 sách & 2 băng:
US\$20.00 - CA\$30.00
Trọn bộ 6 sách và 12 băng
US\$120.00 - CA\$180.00

Niềm vui còn đó Tập nhạc, Phạm Duy US\$12.00 - CA\$18.00	Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh VN 45-75 Tài liệu, Nguyễn Đình Luyện US\$20.00 - CA\$30.00	Phật giáo dưới mắt các nhà trí thức Phật học, HT Sri Dhammananda, Thích Tâm Quang dịch US\$6.00 - CA\$9.00	Thờ cúng và lễ bái Kiến thức phổ thông Thắng Hoan US\$7.00 - CA\$10.50
Ngày xưa ở quê hương tôi 1-2 Sách giáo dục Anh Việt Trần Văn Điền US\$10 - CA\$15.00	Những ca khúc một thời vang bóng (1930-1950) Tuyển tập 32 ca khúc 23 nhạc sĩ US\$7.50 - CA\$11.00	Phép lạ của sự tỉnh thức Sách Phật giáo, Nhất Hạnh US\$13.00 - CA\$19.50	Thơ Đụng Truyện dài, Phạm Kim Khôi US\$12.00 - CA\$18.00
Ngày xưa ở quê hương tôi 4 Sách giáo dục Anh Việt Trần Văn Điền US\$5.00 - CA\$7.50	Những chuyện cần được kể lại Hồi ký, Phan Nhật Nam US\$12.00 - CA\$18.00	Rèn nghị lực Sách học làm người Nguyễn Hiến Lê US\$5.00 - CA\$7.50	Thiền tâm, sơ tâm Sách tâm linh Suzuki, Nguyễn Duy Nhiên US\$12.00 - CA\$18.00
Nghệ thuật làm món ăn Trung Hoa Sách dạy nấu ăn, Cô Lệ Hoa US\$10.00 - CA\$15.00	Những con chuột thời thơ ấu Truyện ngắn Hoàng Khởi Phong US\$10 - CA\$15.00	Rèn nhân cách Sách học làm người Hoàng Xuân Việt US\$9.00 - CA\$13.50	Thơ Nguyên Sa tập III US\$10 - CA\$15.00
Nghệ thuật nấu ăn ngon Sách dạy nấu ăn, Trần Văn Quý US\$8.00 - CA\$12.00	Những đứa bé sống dưới nước Truyện thiếu nhi Anh Việt Hải Sư & Nguyễn T. Mỹ Anh US\$7.00 - CA\$10.50	Ta và vũ trụ nhạc Phật giáo, thơ Thanh Trí Cao, Trọng Nghĩa & Mộng Lan phổ nhạc; Hà Thanh, Thanh Tuyền, Trọng Nghĩa hát tape: US\$6.00 - CA\$9.00 CD: US\$10.00 - CA\$15.00	Thuật xử thế của người xưa Kiến thức phổ thông Thu Giang Nguyễn Duy Căn US\$6.00 - CA\$9.00
Ngon cỏ bông toàn tập Tập văn, Nguyễn Bá Trạc US\$16.00 - CA\$24.00	Những món ăn Âu Mỹ Sách dạy nấu ăn US\$12.00 - CA\$18.00	Tạ ơn đời Tập nhạc, Phạm Duy US\$12.00 - CA\$18.00	Thuật bói bài, khảo cứu và thực hành Bói toán, Linh Việt US\$8.00 - CA\$12.00
Người chí khí Sách học làm người Hoàng Xuân Việt US\$6.00 - CA\$9.00	Nét chân tâm Truyện ngắn Y La Lê Khắc Ngọc Quỳnh US\$10 - CA\$15.00	Tài liệu soi sáng sự thật Tài liệu Hương Bình Lê Hữu Dân US\$16.00 - CA\$24.00	Thuở sen hồng phượng thắm Truyện dài, Hồ Trường An US\$15.00 - CA\$22.50
Người Hoa tại Việt Nam Biên khảo, Nguyễn Văn Hùng US\$14.00 - CA\$21.00	Nụ tâm xuân Truyện ngắn, Mai Kim Ngọc US\$12.00 - CA\$18.00	Tại sao không theo đạo Chúa? Nhận định Ban nghiên cứu tôn giáo US\$10.00 - CA\$15.00	Thức ăn chữa bệnh của Trung quốc (bệnh cao áp huyết) Sách thuốc, Trần Tôn Nhân US\$8.00 - CA\$12.00
Người nông phu lửa hung thần Truyện thiếu nhi Anh Việt Màu, bìa cứng US\$15.00 - CA\$22.50	Nửa thế kỷ Phạm Duy Nhận định, Xuân Vũ US\$12.00 - CA\$18.00	Tâm thư Nhận định, Đỗ Mậu US\$15.00 - CA\$22.50	Tim hiểu tạp chí Nam Phong 1917-1934 Phạm Thị Ngoạn, Phạm Trọng Nhân US\$17.00 - CA\$25.50
Người vãi tứ phương Truyện vừa, Doãn Quốc Sỹ US\$10.00 - CA\$15.00	Nước mắt trước cơn mưa Sử liệu phỏng vấn về sự sụp đổ của miền Nam VN, Larry Engelmann, Nguyễn Bá Trạc dịch US\$20.00 - CA\$30.00	Tấm lụa đào Truyện dài, Xuân Vũ US\$14.00 - CA\$21.00	Tố Như Thi Thơ chữ Hán của Nguyễn Du, Quách Tấn dịch US\$12.00 - CA\$18.00
Nha khoa phổ thông Kiến thức phổ thông NS Trần Sĩ Lâm US\$9.00 - CA\$13.50	Nước non xứ Quảng Địa phương chí Phạm Trung Việt US\$6.50 - CA\$10.00	Thành công và hạnh phúc Sách học làm người Hoàng Xuân Việt US\$7.50 - CA\$11.00	Trang Tử Nam Hoa Kinh Cổ văn, bộ 2 cuốn US\$18.00 - CA\$27.00
Nhìn lại một thập niên Bút ký Nguyễn Ngọc Ngạn US\$15.00 - CA\$22.50	Qua các nẻo đường quê Truyện ngắn đồng quê Xuân Tước US\$14.00 - CA\$22.00	Thành công trên đường đời Sách học làm người Nguyễn Hiến Lê US\$7.00 - CA\$10.50	Trạng Quỳnh Xiển Bột Truyện tiểu lâm US\$8.00 - CA\$12.00
Nhớ Sài gòn Truyện ngắn, Minh Hương US\$11.00 - CA\$16.50	Phan Bội Châu niên biểu Tự truyện, Phan Bội Châu US\$12.00 - CA\$18.00	Thiên đường phạm tục Truyện dài Dương Thành Vũ US\$10 - CA\$15.00	Trận Hạ Lào 1971 Bút ký chiến trường Phạm Huân US\$24.00 - CA\$36.00
Những bài thuốc trong món ăn Kiến thức phổ thông ĐS Bùi Kim Tùng US\$8.00 - CA\$12.00	Phật học từ điển Bìa cứng, 2 quyển US\$60.00 - CA\$90.00		Trở về từ cõi sáng Sách tâm linh Nguyễn Phong US\$12.00 - CA\$18.00

Trung thiên dịch Trung thiên đạo (Biên khảo về Trần Cao Vân) Lương Vĩnh Thuật US\$20.00 - CA\$30.00	Tuyển tập nghệ sĩ Về các nghệ sĩ trình diễn tại hải ngoại Trường Kỳ US\$9.00 - CA\$13.50	Tự điển thuật ngữ khoa học Anh Pháp Việt US\$16.00 - CA\$24.00	Việt Nam theo đường nào vào thế kỷ 21? Nhận định Phạm Kim Vinh US\$12.00 - CA\$18.00	Vượt Trường Sơn Bút ký chiến tranh Phan Nghị US\$8.00 - CA\$12.00
Truyện cổ Anderson Truyện thiếu nhi Anh Việt, Hoàng Văn Lộc US\$7.00 - CA\$10.50	Tự học làm bánh Pháp Sách dạy nấu ăn (2 tập) Nguyễn Thị Hường US\$16.00 - CA\$24.00	Tự điển toán học Anh Việt Việt Anh US\$18.00 - CA\$27.00	Việt Nam Thương Tín, con tàu định mệnh Hồi ký Trần Đình Trụ US\$16.00 - CA\$24.00	Xóm Cái Bàn Truyện dài Xuân Vũ US\$12.00 - CA\$18.00
Tục lệ cưới gả tang ma Phan Thuận Thảo US\$8.00 - CA\$12.00	Tự điển Anh Việt (trung) 36.000 từ, Bùi Phụng US\$20.00 - CA\$30.00	Tự tìm hiểu đời mình Sách bồi toán Nguyễn Mạnh Long US\$8.00 - CA\$12.00	Việt Nam vong quốc sử Nhận định Phan Bội Châu US\$7.00 - CA\$10.50	
Tử vi hàm số Bồi toán, Ng. Phát Lộc US\$16.00 - CA\$24.00	Tự điển Anh Việt The Little Oxford bìa cứng, 45.000 từ US\$20.00 - CA\$30.00	Tử vi đẩu số phú giải Sách bồi toán Thái Văn Trình US\$10.00 - CA\$15.00	Vietnamese for you Sách & 2 băng học tiếng Việt Nguyễn Văn Khôn US\$15.00 - CA\$22.50	
Tử vi trọn đời, Nam mạng và Nữ mạng Bồi toán, bộ 2 cuốn US\$28.00 - CA\$42.00	Tự điển Danh từ Điện toán Anh Việt Bìa cứng, 604 trang Lê Duy Tâm US\$28.00 - CA\$42.00	Tượng kỳ phổ thông hoàn mỹ Sách dạy đánh cờ Lý Anh Mậu US\$6.00 - CA\$9.00	Vòng tái sinh Sách tâm linh Hoàng Lan phòng dịch US\$16.00 - CA\$24.00	
Tương lai thiên học VN Nhận định, Nhất Hạnh US\$7.00 - CA\$10.50	Tự điển những câu Anh văn thô tục Trần Ngọc Dung US\$18.00 - CA\$27.00	Văn tiếng Việt 2 Sách tập đọc, tập viết US\$7.50 - CA\$11.50	Về R Hồi ký chiến tranh Kim Nhật US\$15.00 - CA\$22.50	
Tương lai trong tay ta Sách học làm người Nguyễn Hiến Lê				

MỖI
GIA-ĐÌNH
TI-NAN
MỘT
TỦ SÁCH
VIỆT-NAM

CẢM-TẠ

Gia-đình chúng tôi xin chân-thành cảm-tạ:

Quý Thượng-Tọa, Đại-Đức, Tăng Ni và Phật-Tử Giảng-Đường Lộc Uyển,
Trung-Tâm Gò-Vấp, Tịnh-Xá Ngọc Phú, Ngọc Chơn, Ngọc Diệp, Chùa Xá-Lợi, Chùa Liên Hoa,
Công-Ty Bảo Vân, Phước-Lợi,.. INRS, IREQ, CCFM, Việt Sĩ, Việt Sinh của Việt Tài-Chí,
láng-giềng, thân bằng quyến-thuộc tại Việt-Nam và Gia-Nã-Đại

*đã tận-tình chăm sóc, giúp-dỡ, thăm viếng, hộ tang, chia buồn và tiễn-dưa
con, chồng, cha, anh của chúng tôi là*

Ông MAI HỮU NHỰT
Pháp-danh: MINH QUANG

*từ-trần ngày 12 tháng 10 năm 1995 (nhằm ngày 19 tháng 8 nhuận, năm Ất Hợi)
tại Sài-gòn, Việt-Nam, hưởng thọ 74 tuổi*

Trong lúc tang-gia bối-rối có điều chi sơ-suất, xin quý vị niệm tình thứ lỗi.

Đại-diện gia-đình
Trưởng Nam: MAI HỮU HÙNG

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-diễn Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-đông, Quan-thoại, Việt-ngữ,... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,... Tiểu-thuyết, truyện ngắn,... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mỹ, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-diễn, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI

Nhà in của người Việt-Nam

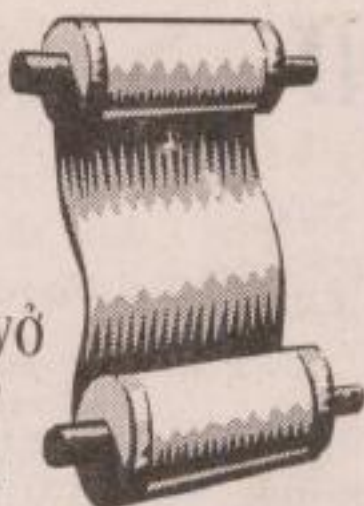
SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo

NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ BẢO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442
(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**



Home Life / Experience
Realty Inc.
Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VU TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
ĐT: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Báo Trào Phúng Tin Tức

Thông tin

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí: Văn bút (Pen Club) Pháp thừa nhận Đoàn Viết Hoạt (hiện bị 20 năm tù). CSVN cực lực phản đối Văn bút Pháp!

Ông thấy đó! *Vous voyez! Il n'est pas en mesure de tenir un stylo (pen)!*
Nó có cầm BÚT
Được đầu mã cho
Nó vào VĂN BÚT!



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn **Le Monde** và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích **Scoop** của **Tin Tức**: nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu.
Mua dài hạn 30 US dollars/một năm. Money Order:

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone: 33 1 69 81 75 81 Fax: 33 1 69 53 03 41

150 M. K
6,2
300
900
9300

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LƯƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

ÔNG LANG Bướm VÀNG

ĐÔNG Y-SĨ, TỬ-VI GIA

đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn

1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA

Điện-thoại: (408) 926-5770 - Hình chụp năm 81 tuổi



1995, 84 tuổi, 45 năm kinh-nghiệm, hơn 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cảm ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bệnh:

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.

- Mồ hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bệnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.

- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rã, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.

Dầu Cù Là **MAC-PHSU**



chánh gốc Miến-Điện
Đã từ lâu vắng bóng trên thị-
trường nay Dầu Cù Là
MAC-PHSU trở lại để
phục-vụ đồng-hương.

Hãy tìm cho bằng được Dầu Cù Là **MAC-PHSU** chính-
hiệu, một nhãn hiệu đã được lòng tin của mọi người.

Pharmacy G. LAMY

2100 Ontario Est, Montréal H2K 1V5, Canada

Tél: (514) 341-9533

Xin đặt mua ngay quyển sách đã làm hàng triệu người Mỹ

rung cảm: **20 POEMS**

AND 1000 THOUGHTS

20 bài thơ và 1000 Danh Ngôn Tu Tưởng

của Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Sách in tuyệt đẹp, bìa cứng màu xanh, chữ mạ vàng, do nhà
xuất bản Hoa Kỳ PROFESSIONAL PRESS ấn hành. Nhà xuất
bản đã giới thiệu Huy Lực Bùi Tiên Khôi là một nhà thơ lớn,
một triết gia, một học giả lỗi lạc, thơ ca và danh ngôn của
ông đã làm xúc động sâu xa đủ mọi hạng người.

Giá 25 đô la, luôn cả cước phí và thủ bút
của tác giả.

Dr. KHOI TIEN BUI

P.O. BOX 720236 Houston, TX 77272

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, HIẾU HỈ ...

Trang bìa (ấn-bản quốc-tê):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 kỳ: US\$500

dài hạn: US \$300/kỳ

dài hạn: US\$300/kỳ

dài hạn: US\$500/kỳ

Trang trong (ấn-bản quốc-tê):

1/8 trang: 1 kỳ: US\$40 3 kỳ: US\$30/kỳ

1/4 trang: 1 kỳ: US\$70 3 kỳ: US\$50/kỳ

1/2 trang: 1 kỳ: US\$120 3 kỳ: US\$85/kỳ

1 trang: 1 kỳ: US\$200 3 kỳ: US\$150/kỳ

2 trang: 1 kỳ: US\$300 3 kỳ: US\$210/kỳ

dài hạn: US\$25/kỳ

dài hạn: US\$40/kỳ

dài hạn: US\$75/kỳ

dài hạn: US\$120/kỳ

dài hạn: US\$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THẺ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư,
kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.

- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày
quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.

- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể
fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, ON M8Z 5P1 Canada

(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

120 làng văn

MONTREAL . MONTREAL . MONTREAL

Garage VINA Inc.

et

Les carrosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102

Mécanique générale - Électricité -
Remorquage
Débosselage - Peinture - Voitures de
courtoisie...

ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Garage L.B.T. Inc.



6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713

Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-trì
các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

Nhà hàng GIÒNG SÔNG SÀI GÒN

910 Boul. Dévarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400

Đặc-biệt: Bánh cuốn trắng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Nhà hàng Hạ Long

Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

Restaurant Thùy Dương

418 Bélanger (coin St-Denis), Mtl.
ĐT: (514) 495-4872

Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

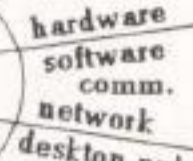
Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ

NGUYỄN BÁ DĨNH

4860 Circle Dr., Montréal, H3W 1Z4
Tel: 482-9153

TỪ ĐIỂN DANH TỪ ĐIỆN TOÁN

English - Vietnamese



Phát hành vào mùa xuân 1995

- Quyển Từ điển đầu tiên đầy đủ và cập nhật hoá nhất, bao gồm hơn 30,000 từ ngữ trong các lãnh vực: dụng cụ, nhu liệu, truyền thông, mạng, biên soạn văn bản, trình bày
- Được giải thích bằng Anh ngữ - Việt ngữ, hơn 500 hình ảnh, bảng phân loại và ví dụ cụ thể.
- Dầy trên 700 trang, khổ 6 1/2 x 8 1/2 bìa cứng, gáy đóng chỉ, bền.

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Lê duy Tâm, Nhà Sách **TỰ DO**
6767 Côte des Neiges, suite B5
Montréal, (Qc) H3S 2T6 Canada

Tel. (514) 342-9120 / Fax. (514) 342-4927

TORONTO

BS NGUYỄN DUY SẴN

(chuyên-khoa tâm bệnh)

2238 Dundas St.W. #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

Luật-sư TRỊNH QUỐC TOẢN

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St.E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, D.D.S.

888 Dundas St. E., #B6-3 Mississauga
(phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 275-5510

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nữ Bác-sĩ gia-đình (toàn-khoa)

TRẦN BÍCH CHÂU, M.D., C.C.F.P.
2100 Finch Ave., West, Suite 105
North York, ON M3N 2Z9 - Tel: 650-6003

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St.#2 North York/ĐT: (416) 638-6303
2100 Finch W. #109 North York /ĐT: (416) 665-7264
288 King St.W., Hamilton /ĐT: (905) 521-0540

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201 Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview Phố Tàu Đông
CHUYÊN RĂNG GIÁ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

NHÀ THUỐC TÂY SAIGON PHARMACY

301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-7510



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo-hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe
TONY VŨ: (416) 650-1702

GLOBAL

1 Hour Photo Lab
2325 Hurontario St., Mississauga
Tel: (905) 272-9088
Đảm-nhận mọi công việc về phim, ảnh

WINDSOR

Bác-sĩ nhãn-khoa

NGUYỄN BÁ THU TRANG, O.D., B. Sc.

- C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
- 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
- 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

OTTAWA

NHA-SĨ

NGUYỄN PHÚ HÒA

267 O'Connor Street, #421
Ottawa, Ontario K2P 1V3
(613) 232-6735

Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẫu,
chỉnh răng, rút tủy, răng giả...

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

trên các trang bìa Làng Văn:

- Bìa 2 (bìa trước mặt trong) hoặc bìa 3 (bìa sau mặt trong) - 1 màu:
 - 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ).
 - 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)
- Bìa 4 (bìa lưng) - nhiều màu:
 - 1 ô: \$60 một kỳ
 - 2 ô: \$110 một kỳ
 - 4 ô: \$200 một kỳ

Liên-lạc:

- Tòa-soạn: (905) 607-8010
- Nguyễn Nghĩa: (905) 848-6049
- Bá Đình: (514) 482-9153
- Bá Thiện: (514) 256-5233

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm

Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Hương (905)-607-8010 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

Quý vị đã đọc và cười thỏa-thích với

**CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỖ KHỔ
CƯỜI TOE**

Không thể không tiếp-tục cười với

**CƯỜI TUM
CƯỜI ĐỎ**
của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada



**NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA**

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

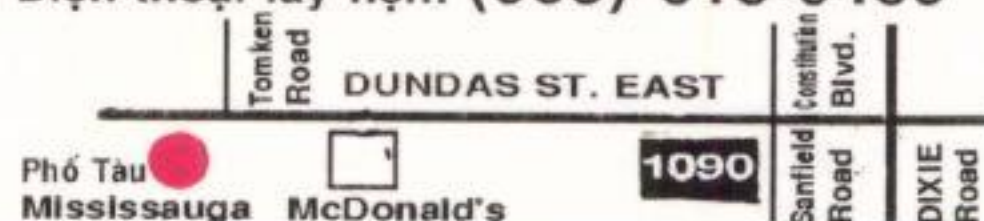
336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.



1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



**VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC**

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**NHA-SĨ
LÊ THU GIANG**

302 Spadina Ave., #303
(ngay góc Dundas)
Toronto, Ont. M5T 2E7
Tel: (416) 598-5513

**GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THẾ LẠC**

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn